CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
****
ĐỊA CHỈ: XÃ TỨ HIỆP – HUYỆN THANH TRÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI; TEL: 0422462576; FAX: 04 38612 404

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP. HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ MINH TÂN - HUYỆN PHÚ XUYÊN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

In theo thông báo thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án số 103/KTHTĐT-TĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị huyện Phú Xuyên

PHẦN: BẢN VẼ THIẾT KẾ

TẬP I.1: BẢN VẼ GIAO THÔNG

MSHS: /2025 - TMHN

****

HÀ NỘI, NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
****
ĐỊA CHỈ: XÃ TỨ HIỆP – HUYỆN THANH TRÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI; TEL: 0422462576; FAX: 04 38612404

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP. HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ MINH TÂN - HUYỆN PHÚ XUYÊN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

In theo thông báo thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án số 103/KTHTĐT-TĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị huyện Phú Xuyên

PHẦN: BẢN VẼ THIẾT KẾ

TẬP I.1: BẢN VẼ GIAO THÔNG

MSHS: /2025 - TMHN

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN PHÚ XUYÊN

GIÁM ĐỐC
Đỗ Thành Công

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Hòa

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

SƠ HỌA VỊ TRÍ DỰ ÁN

M.S.D.N: C1023192420 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
T.T. ANH TRỖI - TP. HẢI PHÒNG

SƠ HỌA VỊ TRÍ DỰ ÁN

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:.....
Ngày ... tháng ..... năm 202...
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: SƠ HỌA VỊ TRÍ DỰ ÁN	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: VT - 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÁC BẢN VẼ SAN NỀN

M.S.D.N: 0102378242-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
T.T. ANH TRỖI - TP. HÀ NỘI

HIỆN TRẠNG LÔ SAN LẤP LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

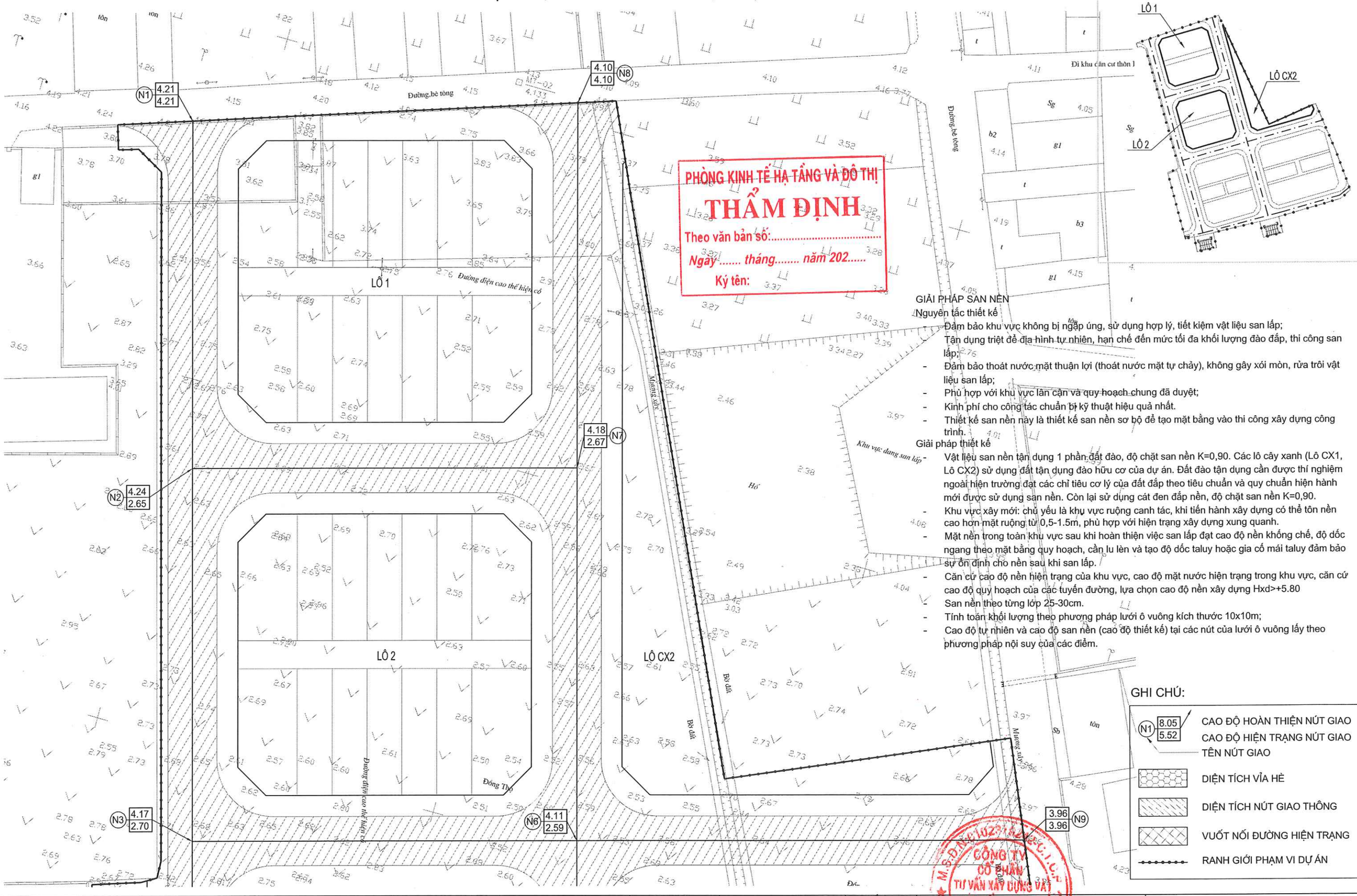

SƠ HỌA VỊ TRÍ LÔ SAN LẤP

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GIẢI PHÁP SAN NỀN

Nguyên tắc thiết kế

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật liệu san lấp;
- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế đến mức tối đa khối lượng đào đắp, thi công san lấp;
- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi (thoát nước mặt tự chảy), không gây xói mòn, rửa trôi vật liệu san lấp;
- Phù hợp với khu vực lân cận và quy hoạch chung đã duyệt;
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật hiệu quả nhất.
- Thiết kế san nền này là thiết kế san nền sơ bộ để tạo mặt bằng vào thi công xây dựng công trình.

Giải pháp thiết kế

- Vật liệu san nền tận dụng 1 phần đất đào, độ chặt san nền K=0,90. Các lô cây xanh (Lô CX1, Lô CX2) sử dụng đất tận dụng đào hữu cơ của dự án. Đất đào tận dụng cần được thí nghiệm ngoài hiện trường đạt các chỉ tiêu cơ lý của đất đắp theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành mới được sử dụng san nền. Còn lại sử dụng cát đen đắp nền, độ chặt san nền K=0,90.
- Khu vực xây mới: chủ yếu là khu vực ruộng canh tác, khi tiến hành xây dựng có thể tôn nền cao hơn mặt ruộng từ 0,5-1.5m, phù hợp với hiện trạng xây dựng xung quanh.
- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu lèn và tạo độ dốc taluy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.
- Căn cứ cao độ nền hiện trạng của khu vực, cao độ mặt nước hiện trạng trong khu vực, căn cứ cao độ quy hoạch của các tuyến đường, lựa chọn cao độ nền xây dựng Hxd>+5.80
- San nền theo từng lớp 25-30cm.
- Tính toán khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m;
- Cao độ tự nhiên và cao độ san nền (cao độ thiết kế) tại các nút của lưới ô vuông lấy theo phương pháp nội suy của các điểm.

GHI CHÚ:

- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

XDTM

CHỦ ĐẦU TƯ:	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN
ĐƠN VỊ TVTK:	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ: HIỆN TRẠNG LÔ SAN LẤP LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BD-SN-1
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ LÔ SAN LẤP LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

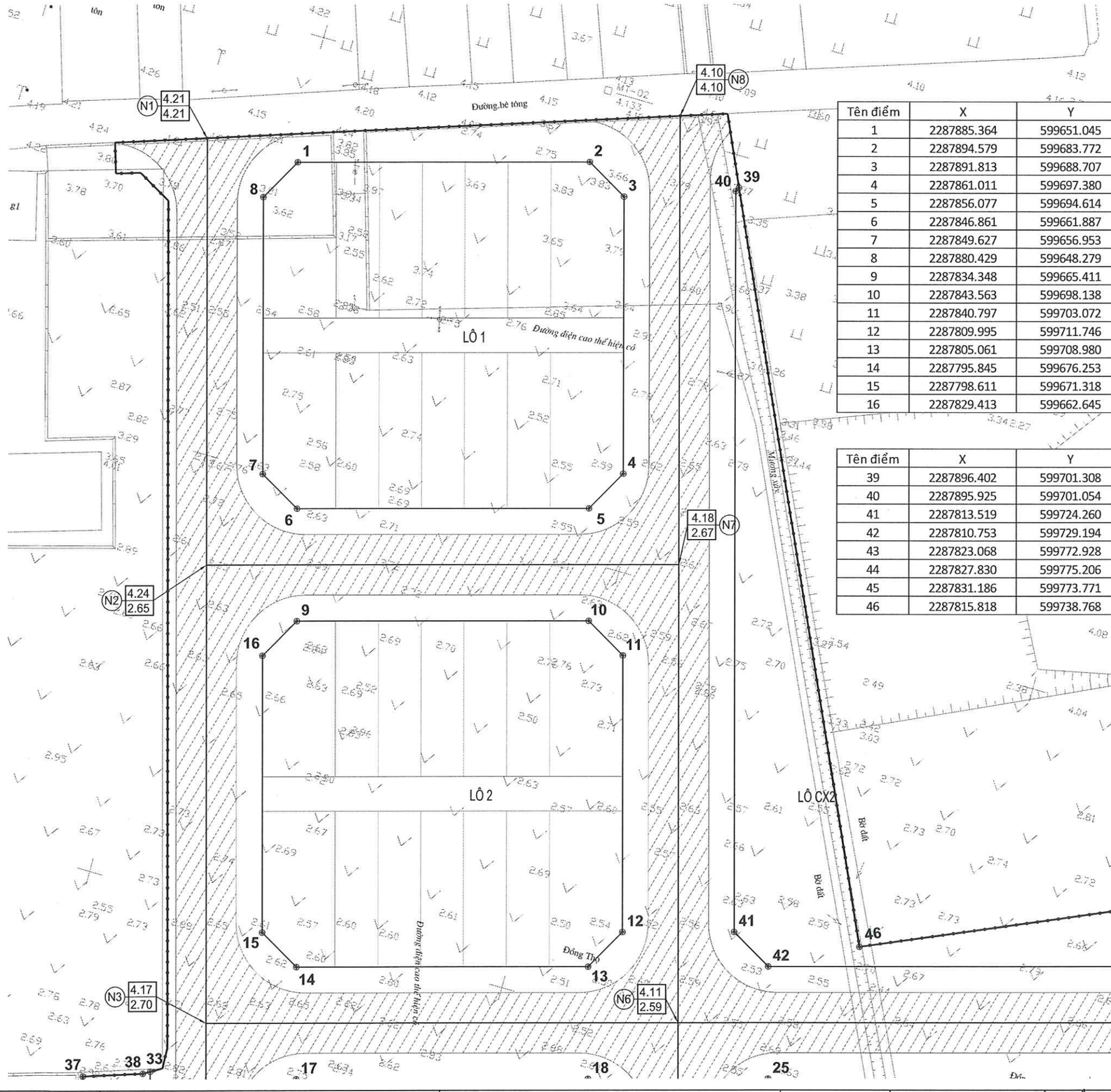

Tên điểm	X	Y
1	2287885.364	599651.045
2	2287894.579	599683.772
3	2287891.813	599688.707
4	2287861.011	599697.380
5	2287856.077	599694.614
6	2287846.861	599661.887
7	2287849.627	599656.953
8	2287880.429	599648.279
9	2287834.348	599665.411
10	2287843.563	599698.138
11	2287840.797	599703.072
12	2287809.995	599711.746
13	2287805.061	599708.980
14	2287795.845	599676.253
15	2287798.611	599671.318
16	2287829.413	599662.645

Tên điểm	X	Y
39	2287896.402	599701.308
40	2287895.925	599701.054
41	2287813.519	599724.260
42	2287810.753	599729.194
43	2287823.068	599772.928
44	2287827.830	599775.206
45	2287831.186	599773.771
46	2287815.818	599738.768

SƠ HỌA VỊ TRÍ LÔ SAN LẤP

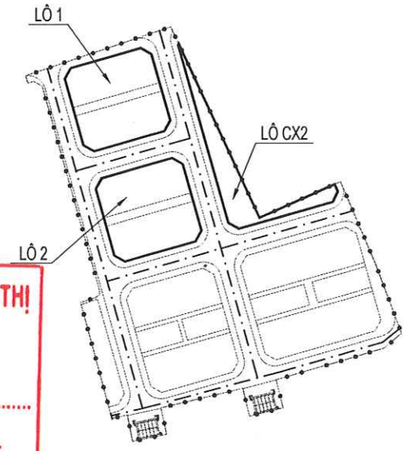

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GIẢI PHÁP SAN NỀN

Nguyên tắc thiết kế

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật liệu san lấp;
- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế đến mức tối đa khối lượng đào đắp, thi công san lấp;
- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi (thoát nước mặt tự chảy), không gây xói mòn, rửa trôi vật liệu san lấp;
- Phù hợp với khu vực lân cận và quy hoạch chung đã duyệt;
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật hiệu quả nhất.
- Thiết kế san nền này là thiết kế san nền sơ bộ để tạo mặt bằng vào thi công xây dựng công trình.

Giải pháp thiết kế

- Vật liệu san nền tận dụng 1 phần đất đào, độ chặt san nền K=0,90. Các lô cây xanh (Lô CX1, Lô CX2) sử dụng đất tận dụng đào hữu cơ của dự án. Đất đào tận dụng cần được thí nghiệm ngoài hiện trường đạt các chỉ tiêu cơ lý của đất đắp theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành mới được sử dụng san nền. Còn lại sử dụng cát đen đắp nền, độ chặt san nền K=0,90.
- Khu vực xây mới: chủ yếu là khu vực ruộng canh tác, khi tiến hành xây dựng có thể tôn nền cao hơn mặt ruộng từ 0,5-1.5m, phù hợp với hiện trạng xây dựng xung quanh.
- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu lèn và tạo độ dốc taluy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.
- Căn cứ cao độ nền hiện trạng của khu vực, cao độ mặt nước hiện trạng trong khu vực, căn cứ cao độ quy hoạch của các tuyến đường, lựa chọn cao độ nền xây dựng Hxd>+5.80
- San nền theo từng lớp 25-30cm.
- Tính toán khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m;
- Cao độ tự nhiên và cao độ san nền (cao độ thiết kế) tại các nút của lưới ô vuông lấy theo phương pháp nội suy của các điểm.

GHI CHÚ:

- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

XDTM

CHỦ ĐẦU TƯ:	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN
ĐƠN VỊ TVTK:	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỌA ĐỘ LÔ SAN LẤP LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BD-SN-2
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CAO ĐỘ THIẾT KẾ LÔ SAN LẤP LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

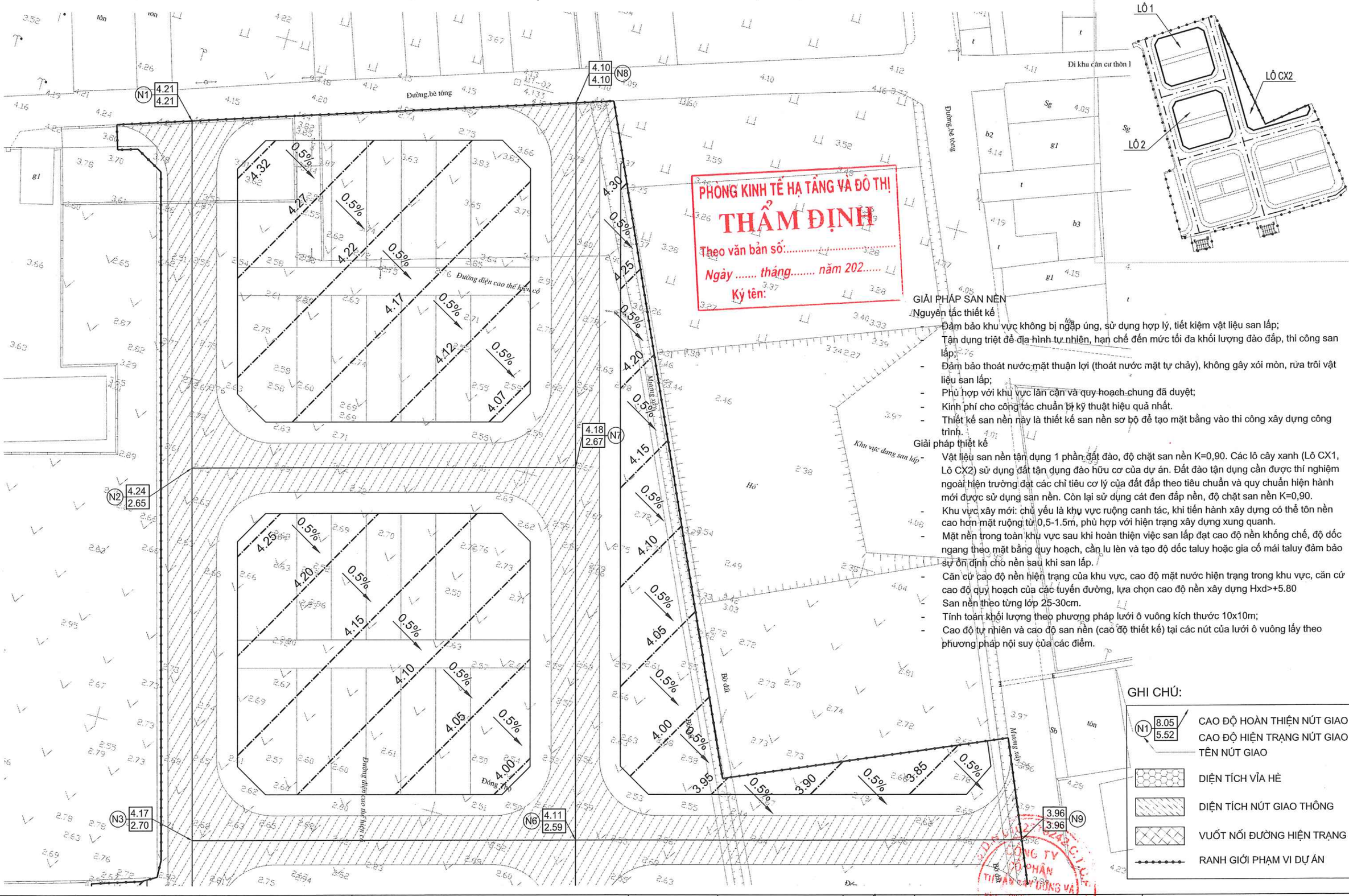

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GIẢI PHÁP SAN NỀN

Nguyên tắc thiết kế

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật liệu san lấp;
  Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế đến mức tối đa khối lượng đào đắp, thi công san lấp;
- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi (thoát nước mặt tự chảy), không gây xói mòn, rửa trôi vật liệu san lấp;
- Phù hợp với khu vực lân cận và quy hoạch chung đã duyệt;
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật hiệu quả nhất.
- Thiết kế san nền này là thiết kế san nền sơ bộ để tạo mặt bằng vào thi công xây dựng công trình.

Giải pháp thiết kế

- Vật liệu san nền tận dụng 1 phần đất đào, độ chặt san nền K=0,90. Các lô cây xanh (Lô CX1, Lô CX2) sử dụng đất tận dụng đào hữu cơ của dự án. Đất đào tận dụng cần được thí nghiệm ngoài hiện trường đạt các chỉ tiêu cơ lý của đất đắp theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành mới được sử dụng san nền. Còn lại sử dụng cát đen đắp nền, độ chặt san nền K=0,90.
- Khu vực xây mới: chủ yếu là khu vực ruộng canh tác, khi tiến hành xây dựng có thể tôn nền cao hơn mặt ruộng từ 0,5-1.5m, phù hợp với hiện trạng xây dựng xung quanh.
- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu lèn và tạo độ dốc taluy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.
- Căn cứ cao độ nền hiện trạng của khu vực, cao độ mặt nước hiện trạng trong khu vực, căn cứ cao độ quy hoạch của các tuyến đường, lựa chọn cao độ nền xây dựng Hxd>+5.80
- San nền theo từng lớp 25-30cm.
- Tính toán khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m;
- Cao độ tự nhiên và cao độ san nền (cao độ thiết kế) tại các nút của lưới ô vuông lấy theo phương pháp nội suy của các điểm.

GHI CHÚ:

- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

XDTM

CHỦ ĐẦU TƯ:	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN
ĐƠN VỊ TVTK:	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CAO ĐỘ THIẾT KẾ LÔ SAN LẤP LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BD-SN-3
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT LƯỚI LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

SƠ HỌA VỊ TRÍ LÔ SAN LẤP

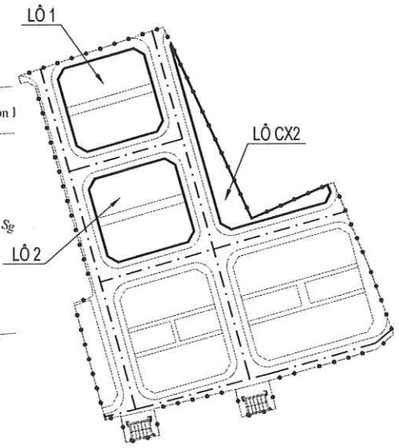

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ:

- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

GHI CHÚ

- RANH GIỚI LÔ SAN NỀN
- CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (M)
- 4.84 | 1.00 — CHÊNH CAO (M)
- 5.83 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN
ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN
		NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM
		NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT LƯỚI LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BD-SN-4
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG KHỐI LƯỢNG Ô LƯỚI LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

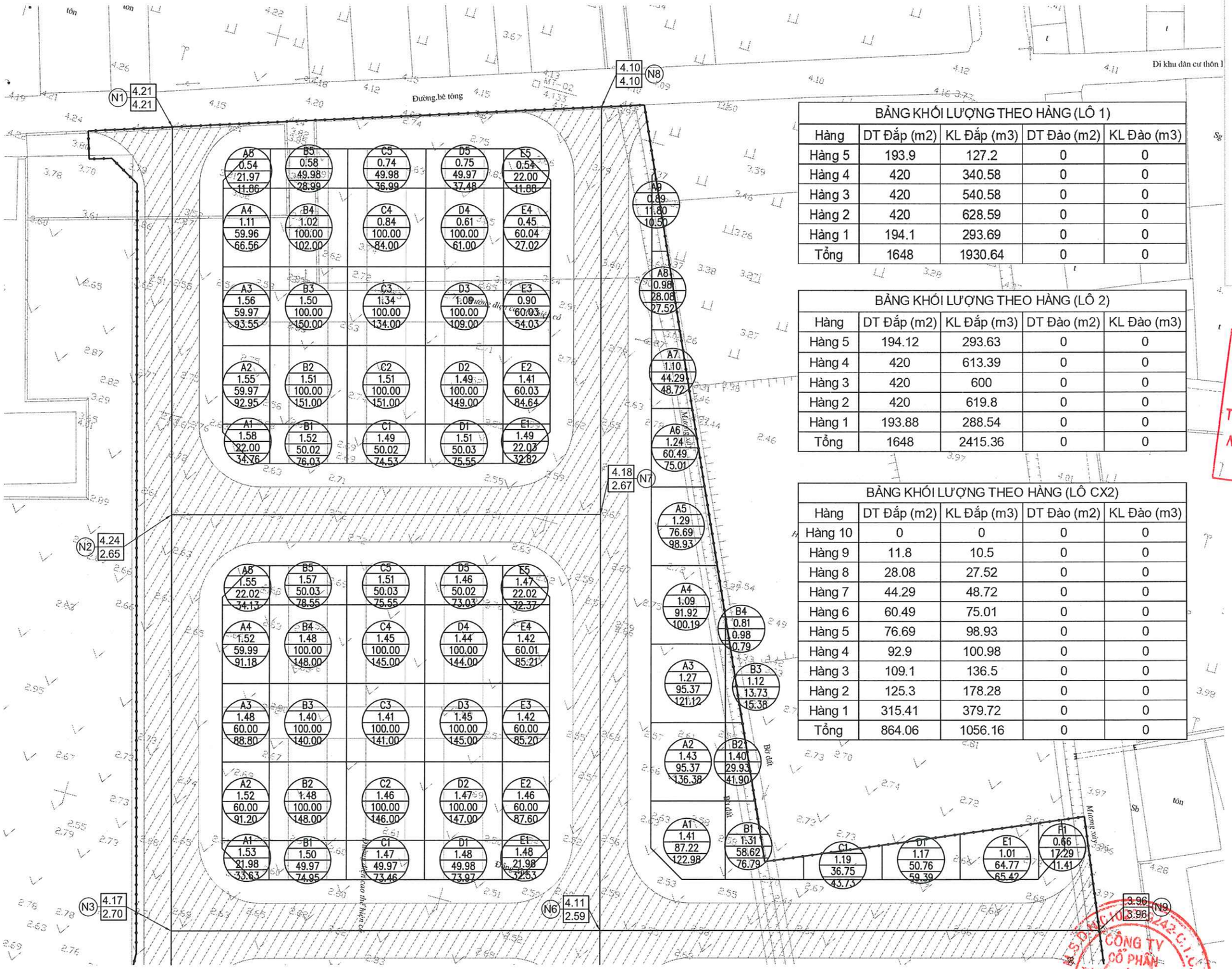

SƠ HỌA VỊ TRÍ LÔ SAN LẤP

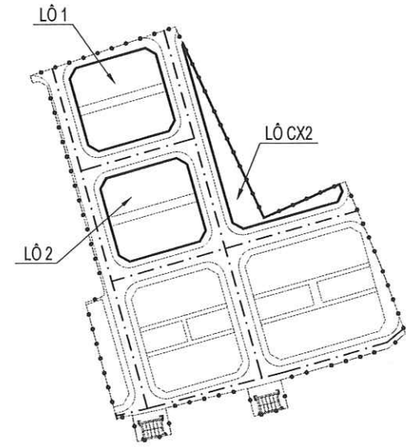

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (LÔ 1)				
Hàng	DT Đắp (m2)	KL Đắp (m3)	DT Đào (m2)	KL Đào (m3)
Hàng 5	193.9	127.2	0	0
Hàng 4	420	340.58	0	0
Hàng 3	420	540.58	0	0
Hàng 2	420	628.59	0	0
Hàng 1	194.1	293.69	0	0
Tổng	1648	1930.64	0	0

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (LÔ 2)				
Hàng	DT Đắp (m2)	KL Đắp (m3)	DT Đào (m2)	KL Đào (m3)
Hàng 5	194.12	293.63	0	0
Hàng 4	420	613.39	0	0
Hàng 3	420	600	0	0
Hàng 2	420	619.8	0	0
Hàng 1	193.88	288.54	0	0
Tổng	1648	2415.36	0	0

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (LÔ CX2)				
Hàng	DT Đắp (m2)	KL Đắp (m3)	DT Đào (m2)	KL Đào (m3)
Hàng 10	0	0	0	0
Hàng 9	11.8	10.5	0	0
Hàng 8	28.08	27.52	0	0
Hàng 7	44.29	48.72	0	0
Hàng 6	60.49	75.01	0	0
Hàng 5	76.69	98.93	0	0
Hàng 4	92.9	100.98	0	0
Hàng 3	109.1	136.5	0	0
Hàng 2	125.3	178.28	0	0
Hàng 1	315.41	379.72	0	0
Tổng	864.06	1056.16	0	0

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ:

- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

GHI CHÚ

- RANH GIỚI LÔ SAN NỀN
- C8 / 1.49 / 100.00 / 149.00 — CHÊNH CAO TRUNG BÌNH (M) / DIỆN TÍCH (M2) / KHỐI LƯỢNG (M3)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

XDTM

CHỦ ĐẦU TƯ:	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN
ĐƠN VỊ TVTK:	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG KHỐI LƯỢNG Ô LƯỚI LÔ 1, LÔ 2, LÔ CX2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BD-SN-5
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

HIỆN TRẠNG LÔ SAN LẤP LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1

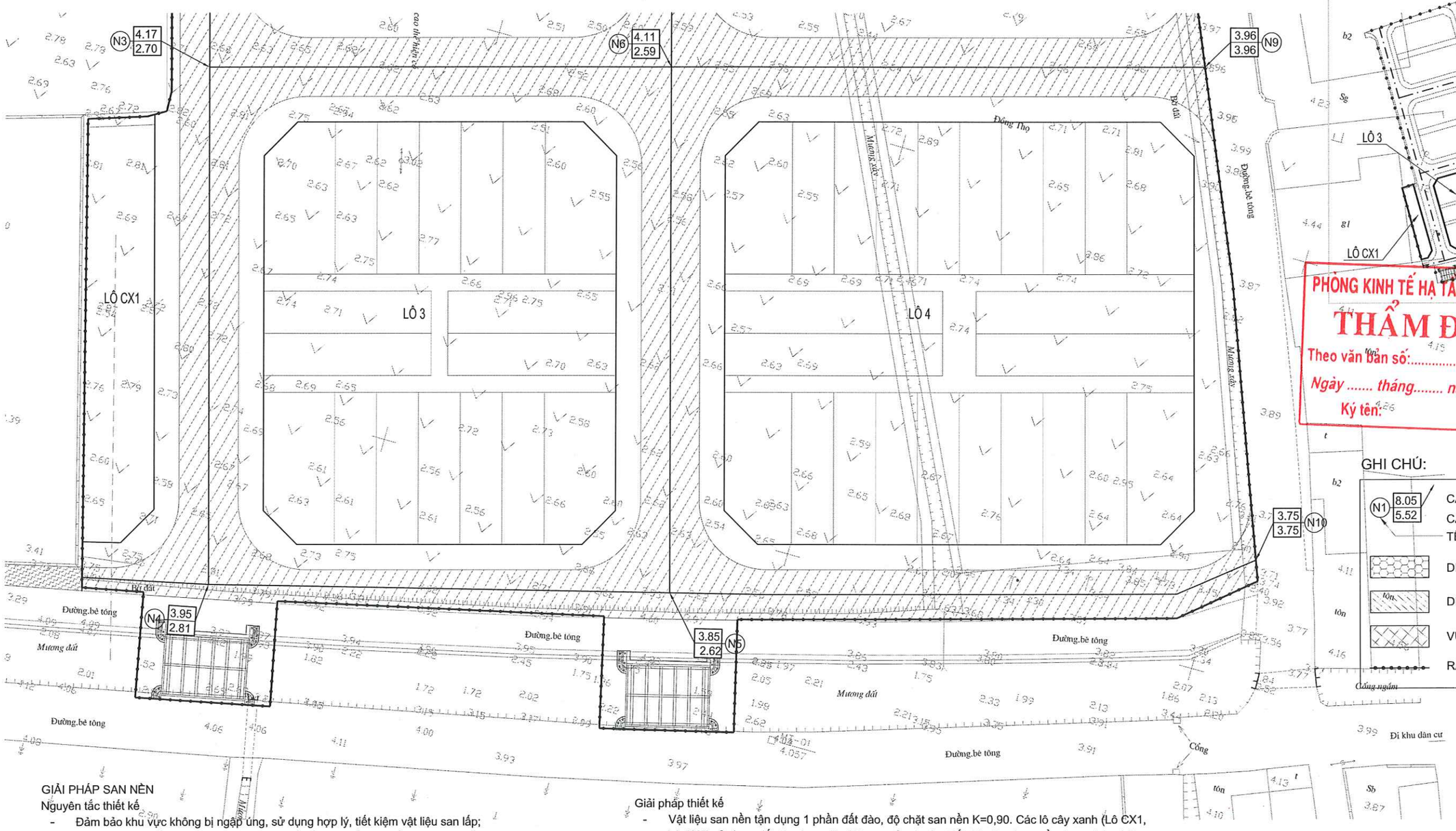

SƠ HỌA VỊ TRÍ LÔ SAN LẤP

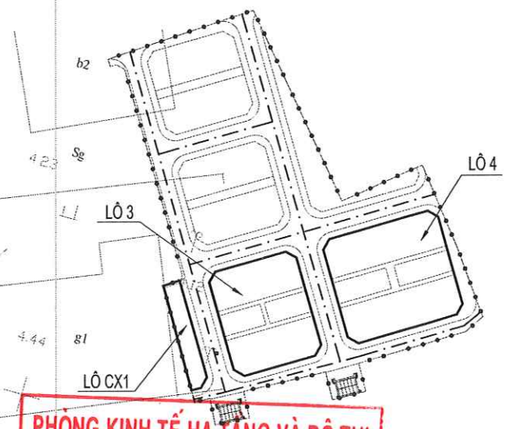

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ:

- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

GIẢI PHÁP SAN NỀN

Nguyên tắc thiết kế

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật liệu san lấp;
- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế đến mức tối đa khối lượng đào đắp, thi công san lấp;
- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi (thoát nước mặt tự chảy), không gây xói mòn, rửa trôi vật liệu san lấp;
- Phù hợp với khu vực lân cận và quy hoạch chung đã duyệt;
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật hiệu quả nhất.
- Thiết kế san nền này là thiết kế san nền sơ bộ để tạo mặt bằng vào thi công xây dựng công trình.

Giải pháp thiết kế

- Vật liệu san nền tận dụng 1 phần đất đào, độ chặt san nền K=0,90. Các lô cây xanh (Lô CX1, Lô CX2) sử dụng đất tận dụng đào hữu cơ của dự án. Đất đào tận dụng cần được thí nghiệm ngoài hiện trường đạt các chỉ tiêu cơ lý của đất đắp theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành mới được sử dụng san nền. Còn lại sử dụng cát đen đắp nền, độ chặt san nền K=0,90.
- Khu vực xây mới: chủ yếu là khu vực ruộng canh tác, khi tiến hành xây dựng có thể tôn nền cao hơn mặt ruộng từ 0,5-1.5m, phù hợp với hiện trạng xây dựng xung quanh.
- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu lèn và tạo độ dốc taluy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.
- Căn cứ cao độ nền hiện trạng của khu vực, cao độ mặt nước hiện trạng trong khu vực, căn cứ cao độ quy hoạch của các tuyến đường, lựa chọn cao độ nền xây dựng Hxd>+5.80
- San nền theo từng lớp 25-30cm.
- Tính toán khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m;
- Cao độ tự nhiên và cao độ san nền (cao độ thiết kế) tại các nút của lưới ô vuông lấy theo phương pháp nội suy của các điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: HIỆN TRẠNG LÔ SAN LẤP LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 — BẢN VẼ SỐ: BD-SN-6
					LẦN XUẤT BẢN: 01 — MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ LÔ SAN LẤP LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1

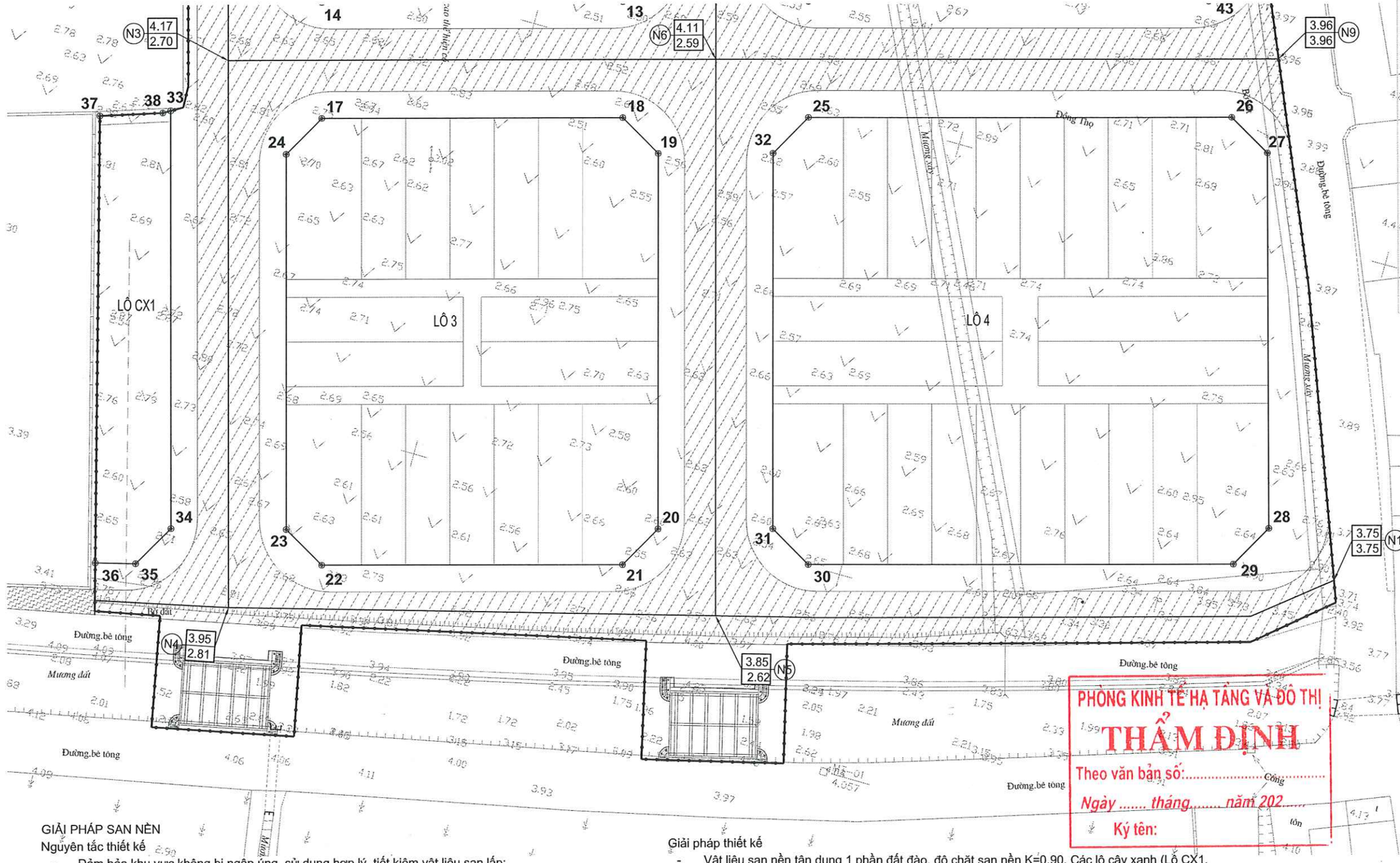

SƠ HỌA VỊ TRÍ LÔ SAN LẤP

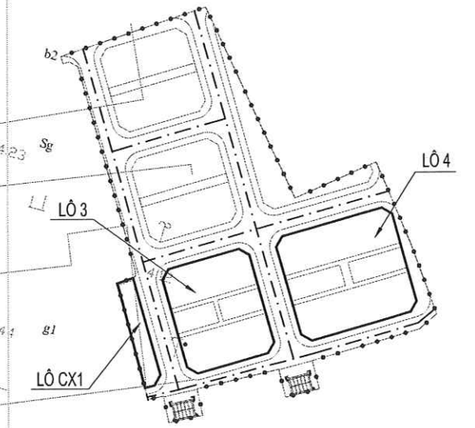

GHI CHÚ:

- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

Tên điểm	X	Y
17	2287783.332	599679.777
18	2287792.547	599712.504
19	2287789.781	599717.438
20	2287749.354	599728.822
21	2287744.419	599726.056
22	2287735.203	599693.329
23	2287737.970	599688.395
24	2287778.397	599677.010
25	2287798.239	599732.718
26	2287811.250	599778.921
27	2287808.484	599783.855
28	2287768.056	599795.239
29	2287763.122	599792.473
30	2287750.111	599746.270
31	2287752.877	599741.336
32	2287793.305	599729.952
33	2287779.605	599663.165
34	2287734.600	599675.838
35	2287729.744	599673.051
36	2287728.601	599668.655
37	2287776.933	599655.635
38	2287779.142	599662.386

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:..... Công
Ngày ..... tháng..... năm 202...
Ký tên:

GIẢI PHÁP SAN NỀN

Nguyên tắc thiết kế

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật liệu san lấp;
- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế đến mức tối đa khối lượng đào đắp, thi công san lấp;
- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi (thoát nước mặt tự chảy), không gây xói mòn, rửa trôi vật liệu san lấp;
- Phù hợp với khu vực lân cận và quy hoạch chung đã duyệt;
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật hiệu quả nhất.
- Thiết kế san nền này là thiết kế san nền sơ bộ để tạo mặt bằng vào thi công xây dựng công trình.

Giải pháp thiết kế

- Vật liệu san nền tận dụng 1 phần đất đào, độ chặt san nền K=0,90. Các lô cây xanh (Lô CX1, Lô CX2) sử dụng đất tận dụng đào hữu cơ của dự án. Đất đào tận dụng cần được thí nghiệm ngoài hiện trường đạt các chỉ tiêu cơ lý của đất đắp theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành mới được sử dụng san nền. Còn lại sử dụng cát đen đắp nền, độ chặt san nền K=0,90.
- Khu vực xây mới: chủ yếu là khu vực ruộng canh tác, khi tiến hành xây dựng có thể tôn nền cao hơn mặt ruộng từ 0,5-1.5m, phù hợp với hiện trạng xây dựng xung quanh.
- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu lèn và tạo độ dốc taluy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.
- Căn cứ cao độ nền hiện trạng của khu vực, cao độ mặt nước hiện trạng trong khu vực, căn cứ cao độ quy hoạch của các tuyến đường, lựa chọn cao độ nền xây dựng Hxd>+5.80
- San nền theo từng lớp 25-30cm.
- Tính toán khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m;
- Cao độ tự nhiên và cao độ san nền (cao độ thiết kế) tại các nút của lưới ô vuông lấy theo phương pháp nội suy của các điểm.

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỌA ĐỘ LÔ SAN LẤP LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 — BẢN VẼ SỐ: BD-SN-7
					LẦN XUẤT BẢN: 01 — MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CAO ĐỘ THIẾT KẾ LÔ SAN LẤP LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1

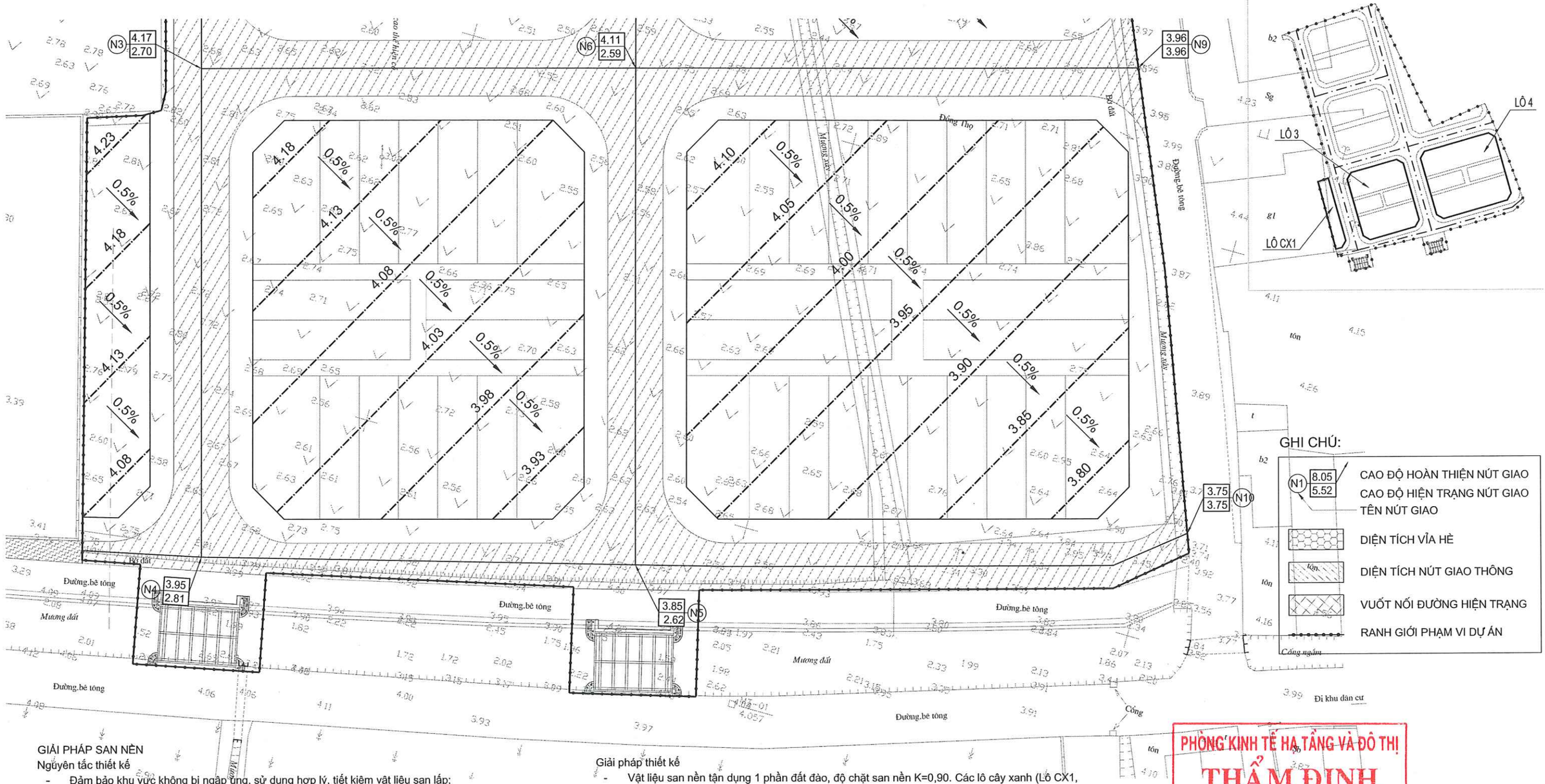

SƠ HỌA VỊ TRÍ LÔ SAN LẤP

GHI CHÚ:

- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

GIẢI PHÁP SAN NỀN

Nguyên tắc thiết kế

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật liệu san lấp;
- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế đến mức tối đa khối lượng đào đắp, thi công san lấp;
- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi (thoát nước mặt tự chảy), không gây xói mòn, rửa trôi vật liệu san lấp;
- Phù hợp với khu vực lân cận và quy hoạch chung đã duyệt;
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật hiệu quả nhất.
- Thiết kế san nền này là thiết kế san nền sơ bộ để tạo mặt bằng vào thi công xây dựng công trình.

Giải pháp thiết kế

- Vật liệu san nền tận dụng 1 phần đất đào, độ chặt san nền K=0,90. Các lô cây xanh (Lô CX1, Lô CX2) sử dụng đất tận dụng đào hữu cơ của dự án. Đất đào tận dụng cần được thí nghiệm ngoài hiện trường đạt các chỉ tiêu cơ lý của đất đắp theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành mới được sử dụng san nền. Còn lại sử dụng cát đen đắp nền, độ chặt san nền K=0,90.
- Khu vực xây mới: chủ yếu là khu vực ruộng canh tác, khi tiến hành xây dựng có thể tôn nền cao hơn mặt ruộng từ 0,5-1.5m, phù hợp với hiện trạng xây dựng xung quanh.
- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu lèn và tạo độ dốc taluy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.
- Căn cứ cao độ nền hiện trạng của khu vực, cao độ mặt nước hiện trạng trong khu vực, căn cứ cao độ quy hoạch của các tuyến đường, lựa chọn cao độ nền xây dựng Hxd>+5.80
- San nền theo từng lớp 25-30cm.
- Tính toán khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m;
- Cao độ tự nhiên và cao độ san nền (cao độ thiết kế) tại các nút của lưới ô vuông lấy theo phương pháp nội suy của các điểm.

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CAO ĐỘ THIẾT KẾ LÔ SAN LẤP LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BD-SN-8
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT LƯỚI LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1

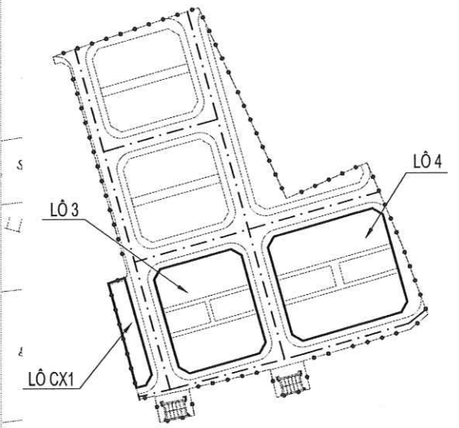

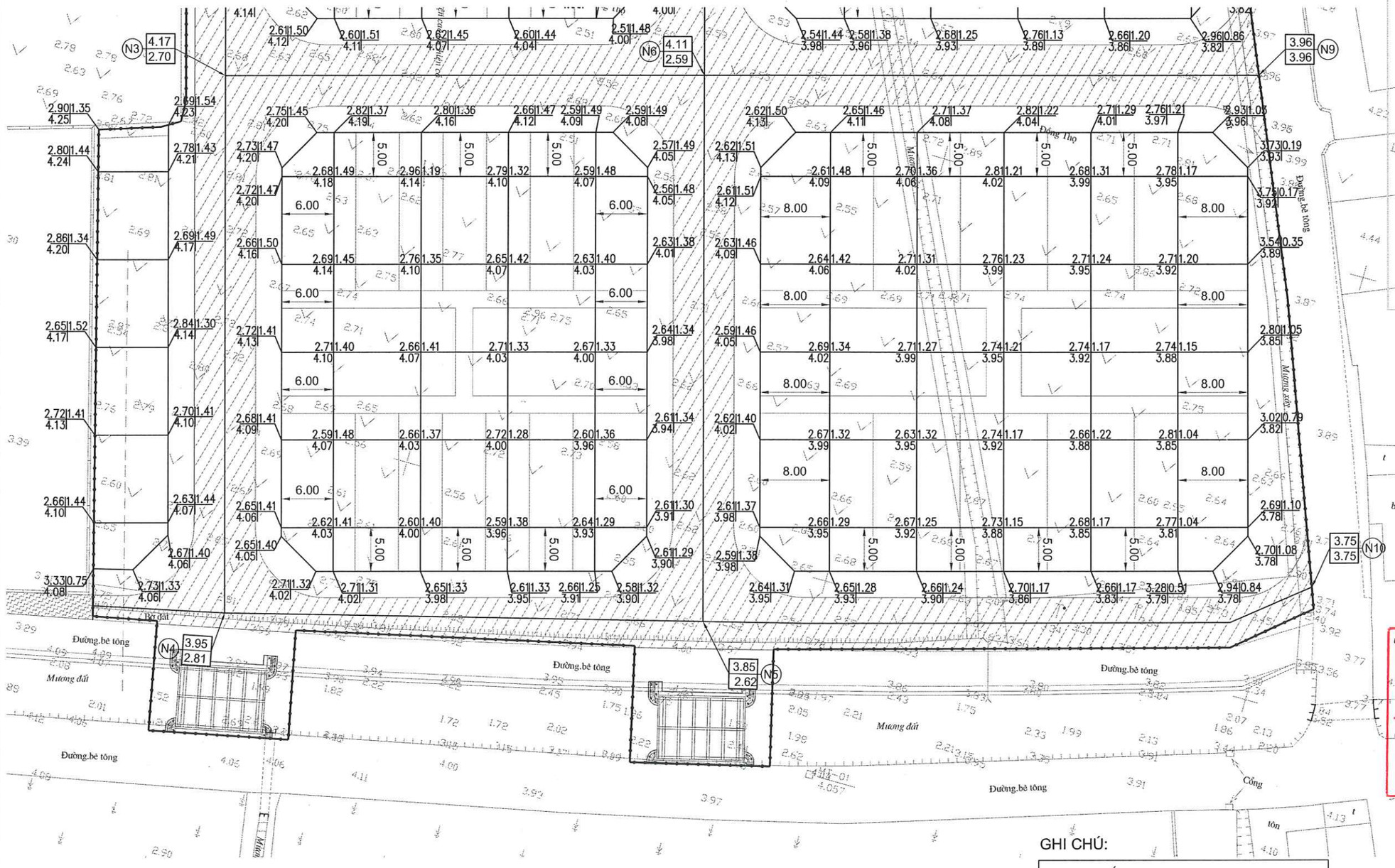

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI LÔ SAN NỀN
- CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (M)
- 4.84 | 1.00 — CHÊNH CAO (M)
- 5.83 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)

GHI CHÚ:

- N1 — 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO / TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. CHU VĂN VẬN NGƯỜI VẼ: KS. TRẦN THỊ CHÂM NGƯỜI KIỂM TRA: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT LƯỚI LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 | BẢN VẼ SỐ: BD-SN-9

LẦN XUẤT BẢN: 01 | MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG KHỐI LƯỢNG Ô LƯỚI LÔ 3, LÔ 4, LÔ CX1

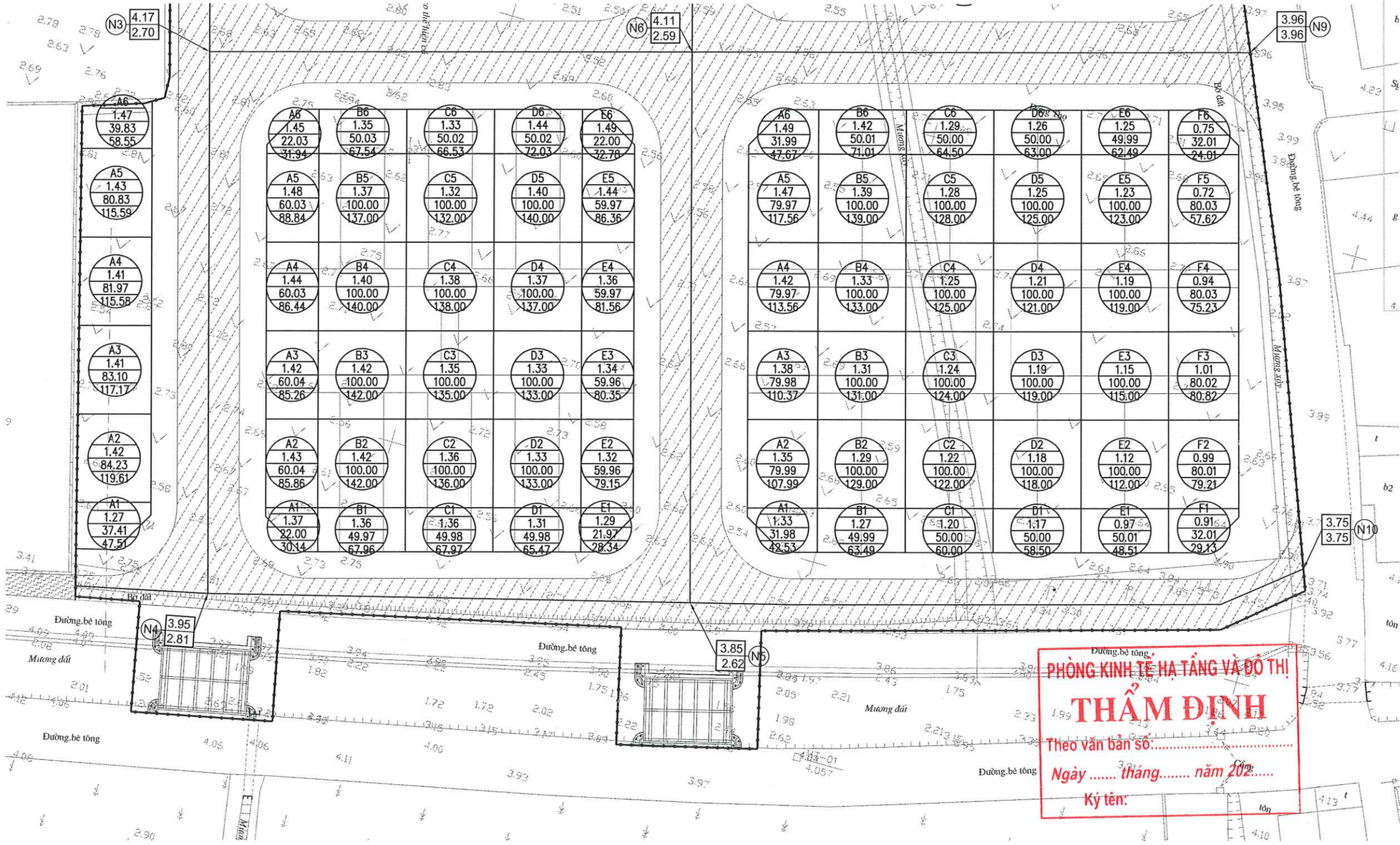
N3 4.17 2.70
N6 4.11 2.59
3.96 3.96 N9
3.75 3.75 N10
3.95 2.81 N4
3.85 2.62 N5
Đường.bê tông
Mương đất
Bờ đất
Đường bê tông
Mương xây
Đường.bê tông
Mương đất
Đường.bê tông
Đường.bê tông
Đường.bê tông
Mương đất
Đường.bê tông
Đường.bê tông
Đường.bê tông

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH GIAO THÔNG

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: 0102278242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1
KM0+0.00 -:- KM0+9.00

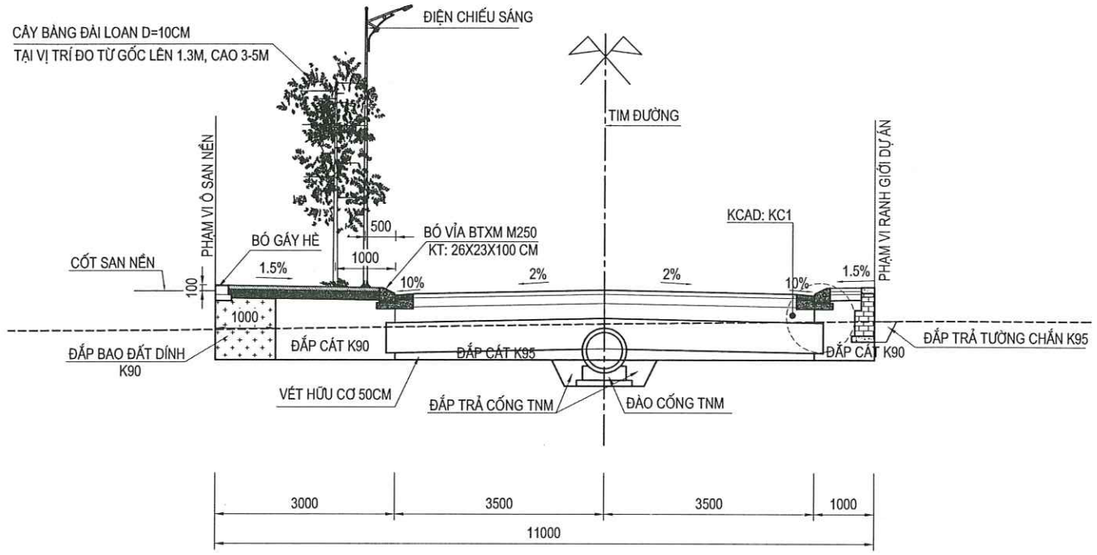

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1
KM0+9.00 -:- KM0+107.50

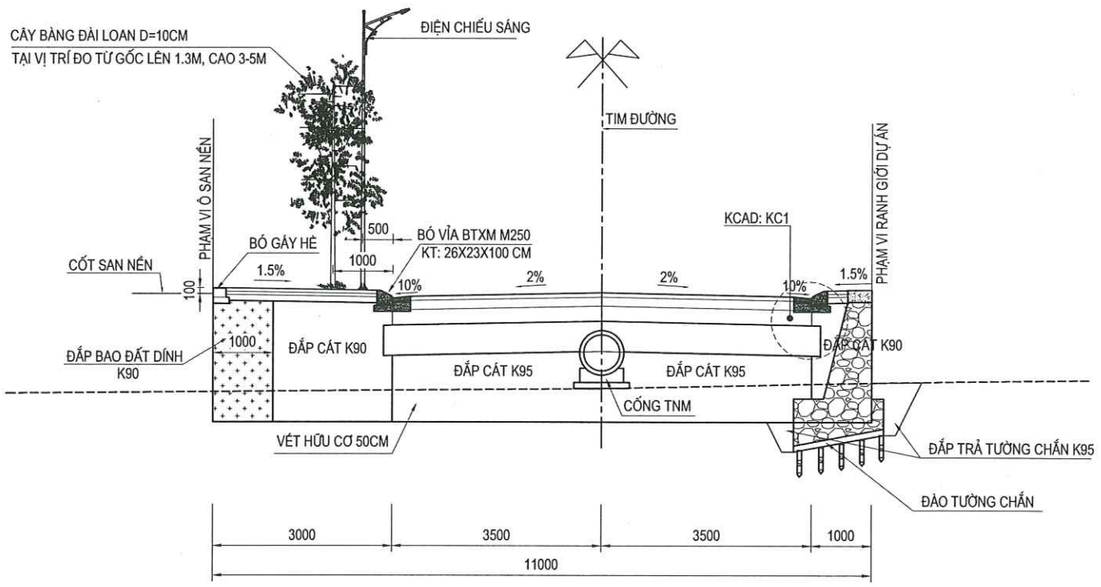

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI (KC1)
TỶ KỆ: 1/10

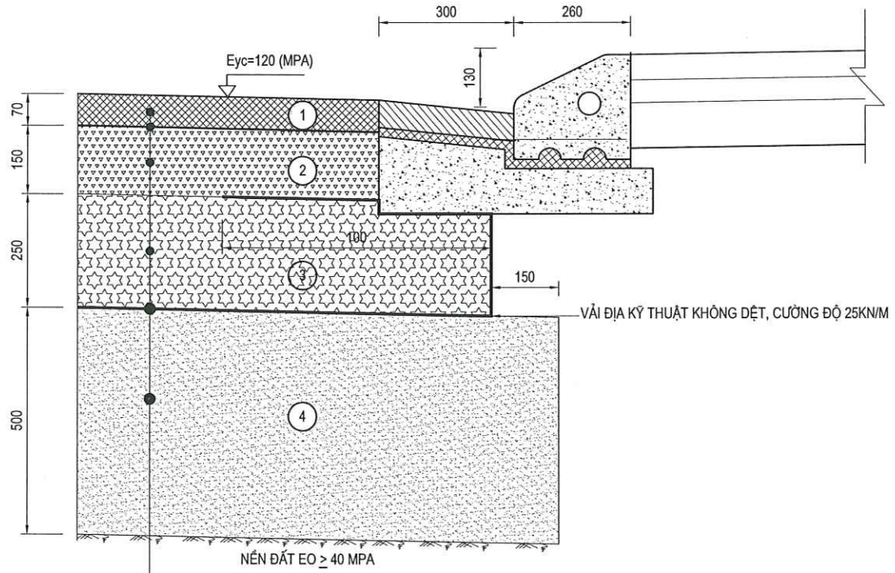

LỚP BÊ TÔNG NHỰA CHẶT C12.5
TƯỚI NHỰA THẤM BÁM 1.0KG/M2
CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI I LỚP TRÊN (DMAX=25MM)
CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI II LỚP DƯỚI (DMAX=37.5MM)
VẢI ĐỊA KỸ THUẬT KHÔNG DỆT, CƯỜNG ĐỘ 25KN/M
CÁT ĐẮM CHẶT K98

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ:
- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LÀM MỚI (KC1) ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ CÁC TUYẾN 1, TUYẾN 2, TUYẾN 3, TUYẾN 4
- PHẠM VI NỀN ĐƯỜNG ĐẮP CÁT K95, VỈA HÈ ĐẮP CÁT K90
- ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ MM TRỪ KHI CÓ CHỈ RA TRÊN BẢN VẼ.

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: ĐIỂN HÌNH GIAO THÔNG TUYẾN 1
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/100 / BẢN VẼ SỐ: ĐHGT-01
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1
KM0+107.50 -:- KM0+163.50

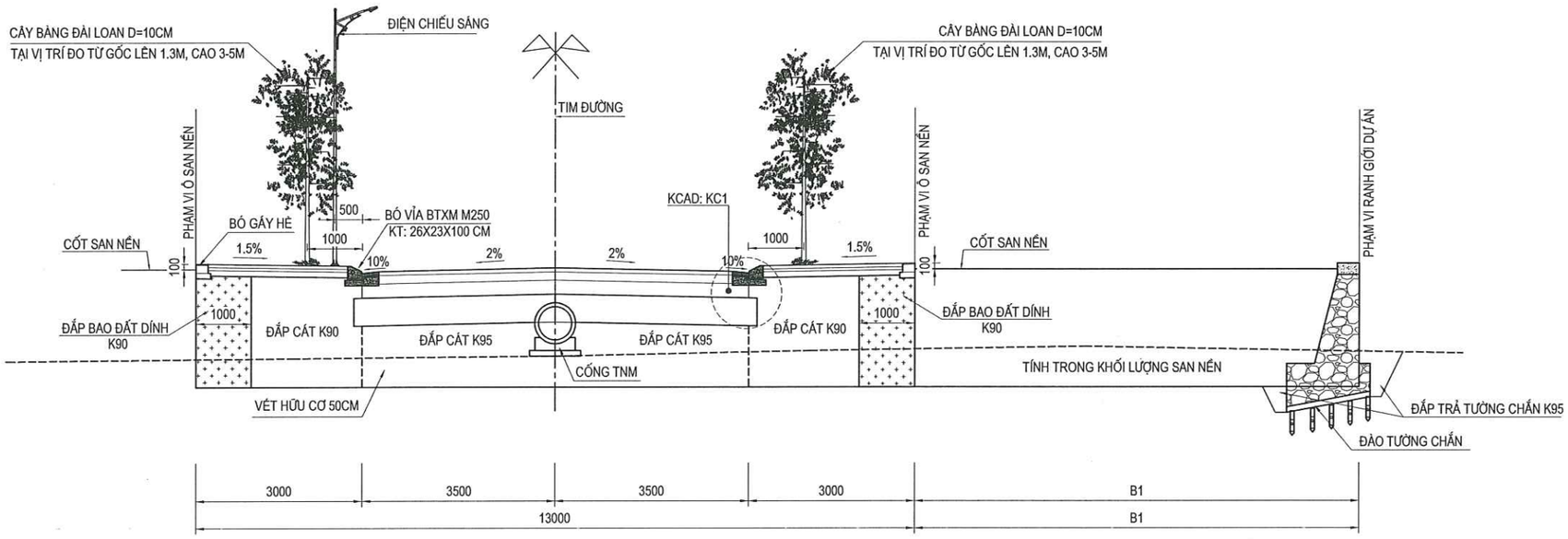

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI (KC1)

TỶ KỆ: 1/10

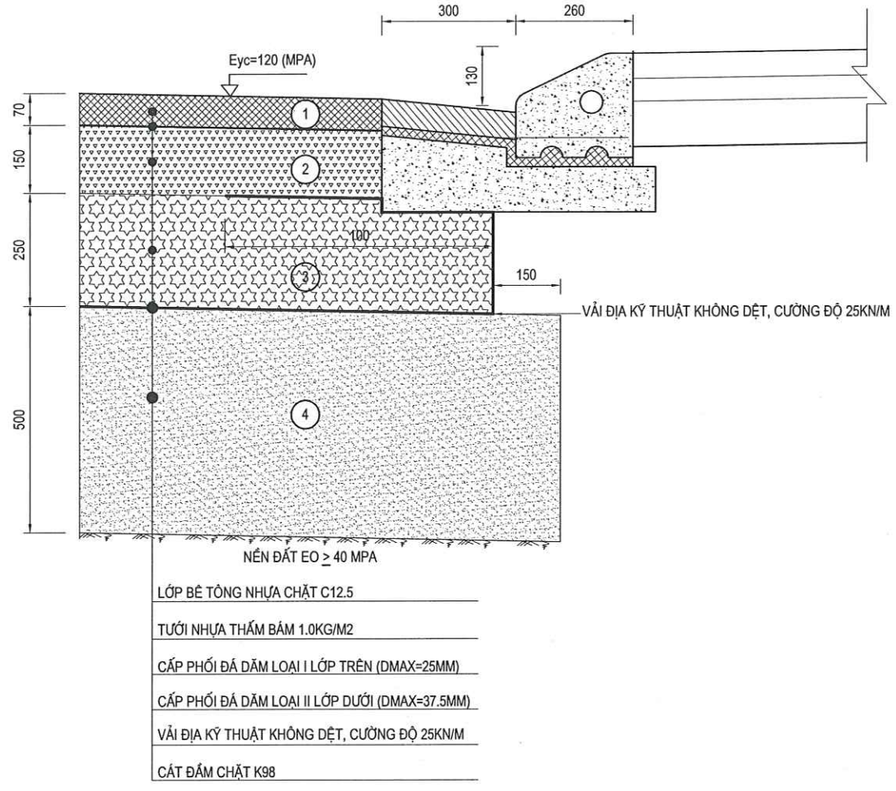

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ:
- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LÀM MỚI (KC1) ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ CÁC TUYẾN 1, TUYẾN 2, TUYẾN 3, TUYẾN 4
- PHẠM VI NỀN ĐƯỜNG ĐẮP CÁT K95, VỈA HÈ ĐẮP CÁT K90
- ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ MM TRỪ KHI CÓ CHỈ RA TRÊN BẢN VẼ.

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: ĐIỂN HÌNH GIAO THÔNG TUYẾN 1
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/100 / BẢN VẼ SỐ: ĐHGT-02
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 2

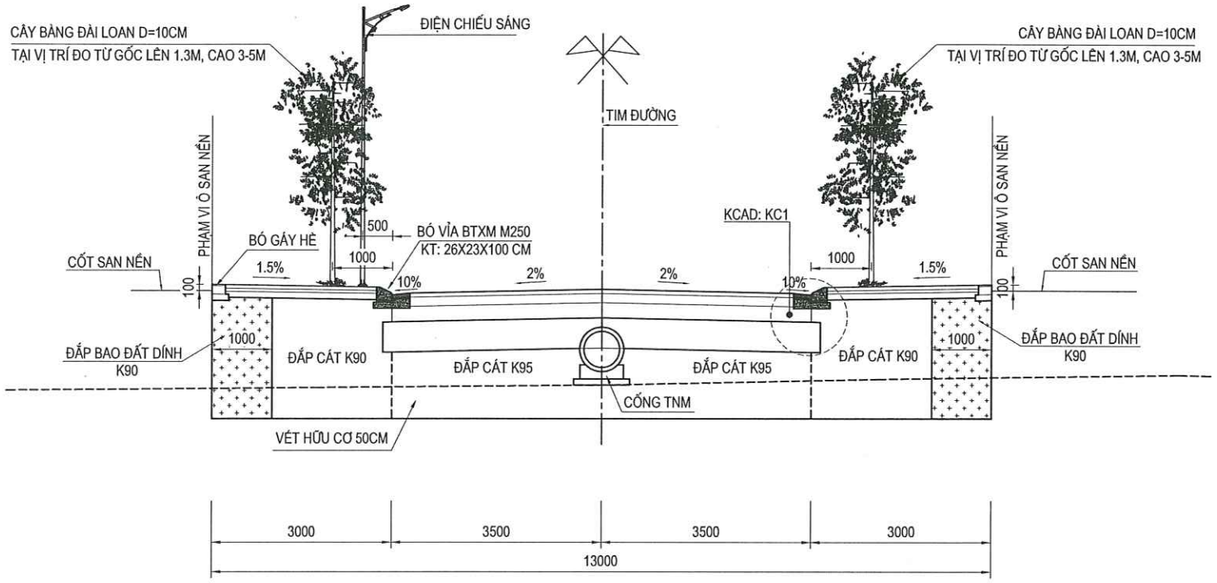

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI (KC1)

TỶ KỆ: 1/10

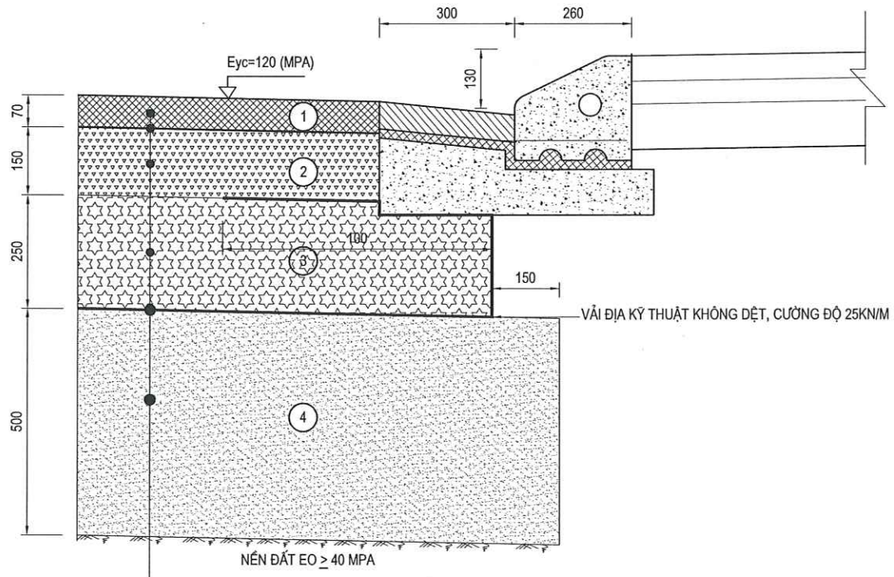

LỚP BÊ TÔNG NHỰA CHẶT C12.5
TƯỚI NHỰA THẤM BÁM 1.0KG/M2
CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI I LỚP TRÊN (DMAX=25MM)
CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI II LỚP DƯỚI (DMAX=37.5MM)
VẢI ĐỊA KỸ THUẬT KHÔNG DỆT, CƯỜNG ĐỘ 25KN/M
CÁT ĐẮM CHẶT K98

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ:

- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LÀM MỚI (KC1) ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ CÁC TUYẾN 1, TUYẾN 2, TUYẾN 3, TUYẾN 4
- PHẠM VI NỀN ĐƯỜNG ĐẮP CÁT K95, VỈA HÈ ĐẮP CÁT K90
- ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ MM TRỪ KHI CÓ CHỈ RA TRÊN BẢN VẼ.

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: ĐIỂN HÌNH GIAO THÔNG TUYẾN 2	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN				
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/100	BẢN VẼ SỐ: ĐHGT-03
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3

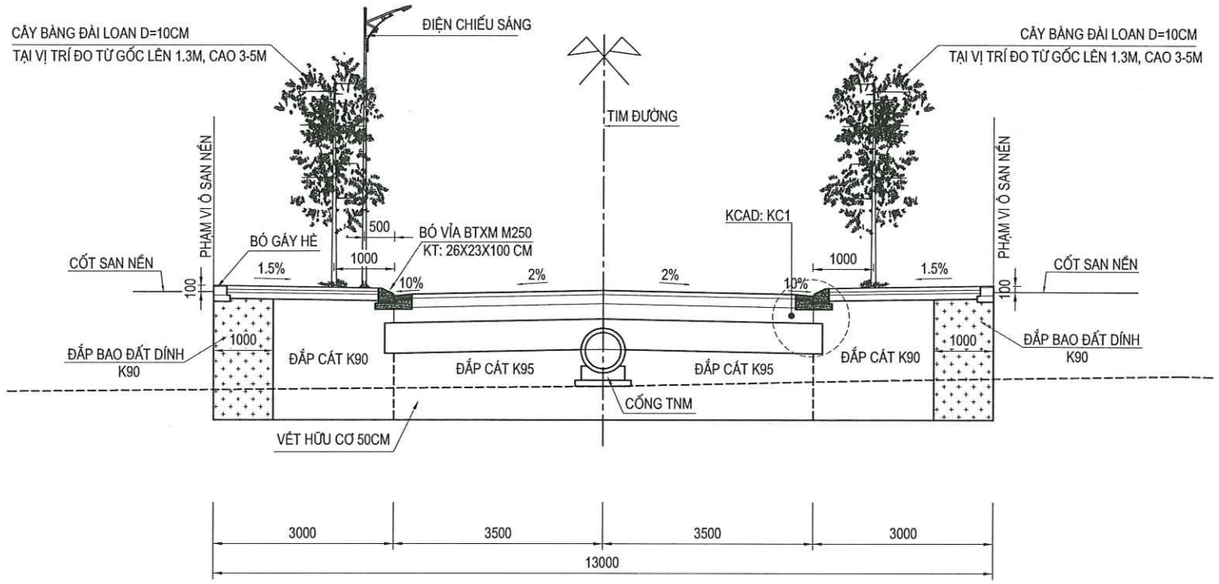

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI (KC1)

TỶ KỆ: 1/10

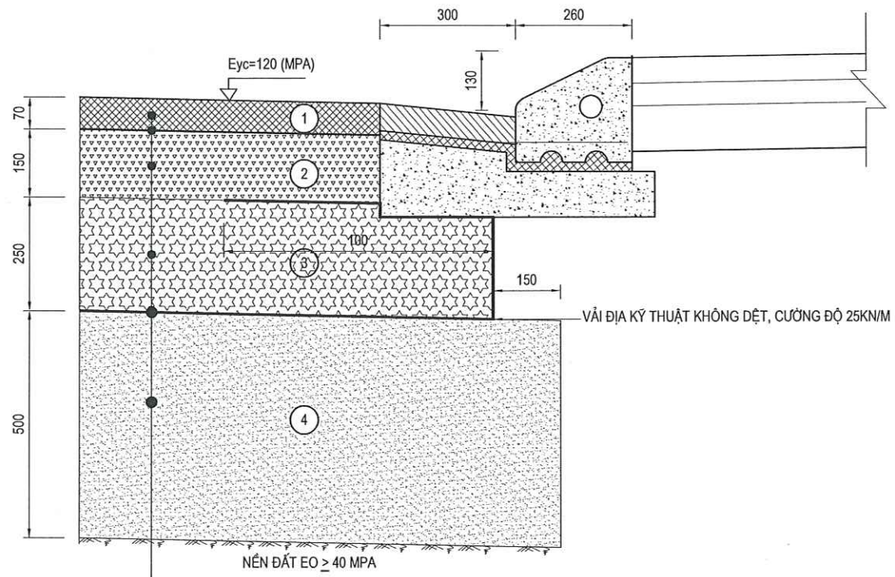

LỚP BÊ TÔNG NHỰA CHẶT C12.5
TƯỚI NHỰA THẤM BÁM 1.0KG/M2
CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI I LỚP TRÊN (DMAX=25MM)
CẤP PHỐI ĐÁ DĂM LOẠI II LỚP DƯỚI (DMAX=37.5MM)
VẢI ĐỊA KỸ THUẬT KHÔNG DỆT, CƯỜNG ĐỘ 25KN/M
CÁT ĐẦM CHẶT K98

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ:

- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LÀM MỚI (KC1) ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ CÁC TUYẾN 1, TUYẾN 2, TUYẾN 3, TUYẾN 4
- PHẠM VI NỀN ĐƯỜNG ĐẮP CÁT K95, VỈA HÈ ĐẮP CÁT K90
- ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ MM TRỪ KHI CÓ CHỈ RA TRÊN BẢN VẼ.

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: ĐIỂN HÌNH GIAO THÔNG TUYẾN 3	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/100	BẢN VẼ SỐ: ĐHGT-04
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 5

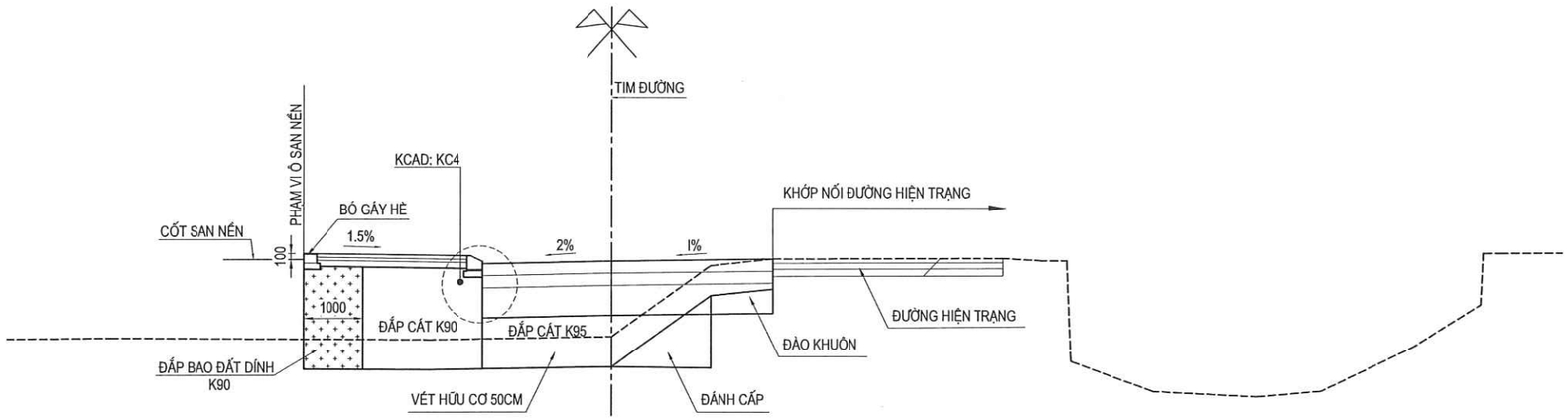

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG KC4

TỶ KỆ: 1/10

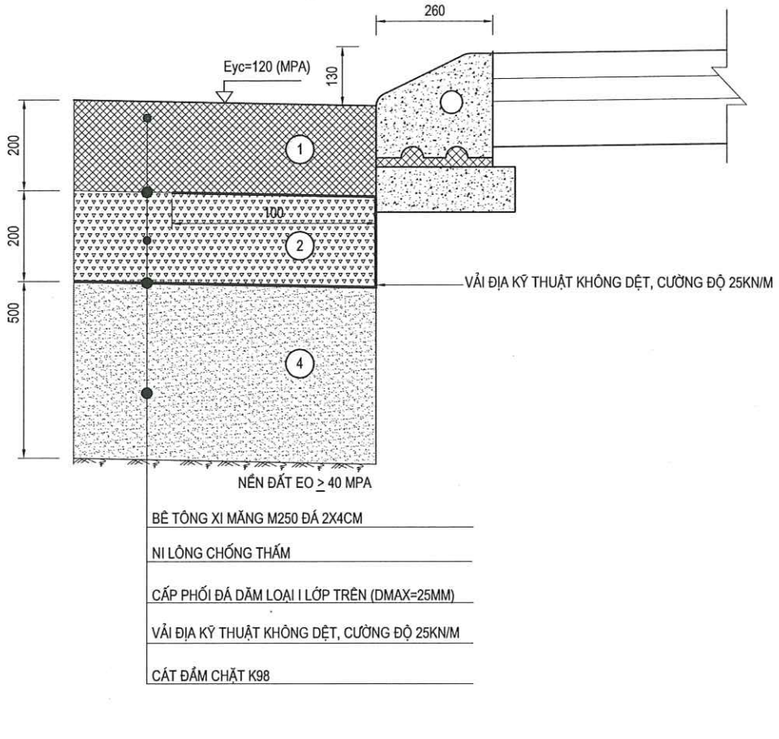

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ:

- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG KC4 ÁP DỤNG CHO TUYẾN 5
- PHẠM VI NỀN ĐƯỜNG ĐẮP CÁT K95, VỈA HÈ ĐẮP CÁT K90
- ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ MM TRỪ KHI CÓ CHỈ RA TRÊN BẢN VẼ.

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: ĐIỂN HÌNH GIAO THÔNG TUYẾN 5	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/100	BẢN VẼ SỐ: ĐHGT-06
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC - TRẮC NGANG THIẾT KẾ

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: 0102378242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ, TP HÀ NỘI

MẶT BẰNG TỔNG THỂ GIAO THÔNG

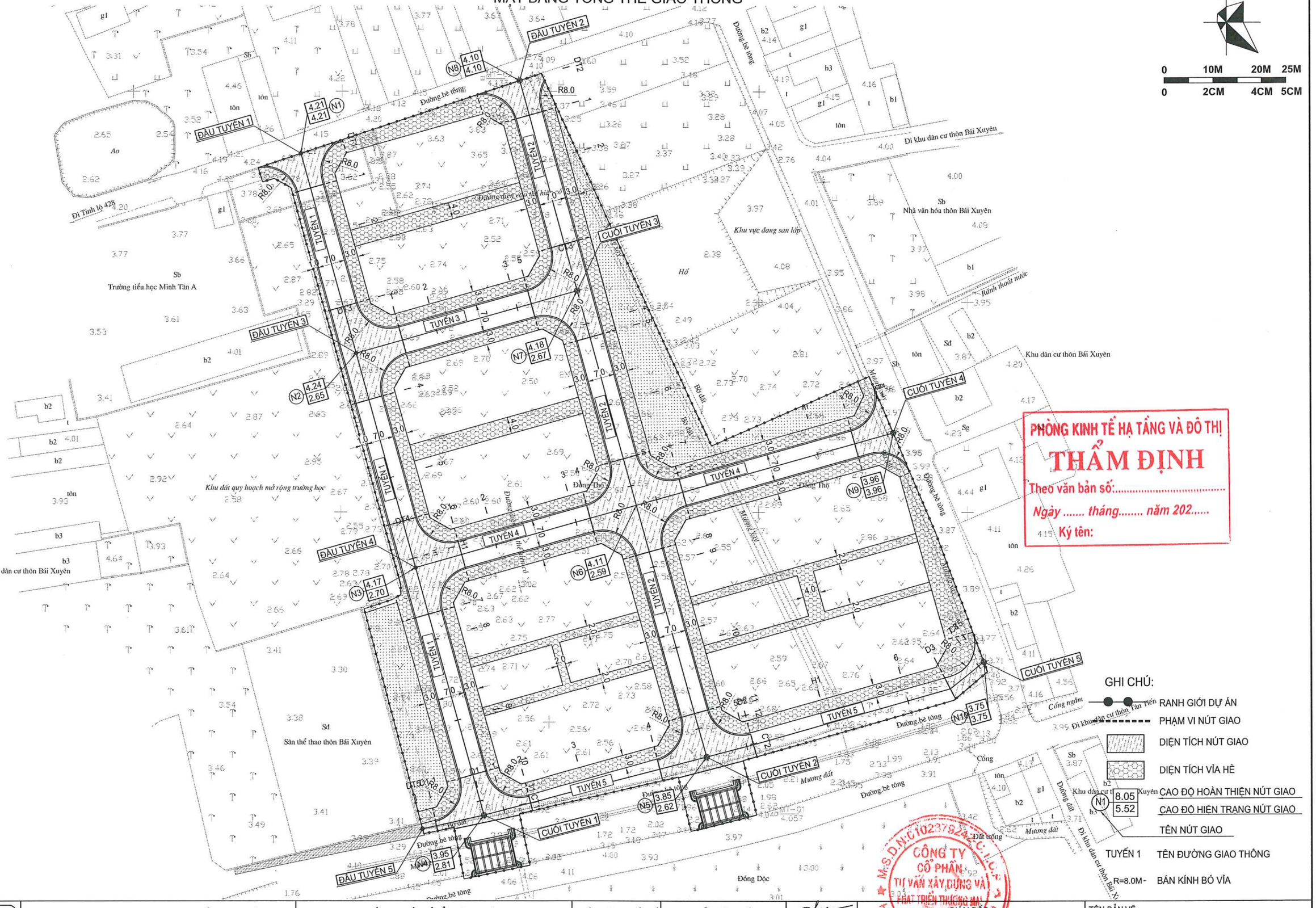

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ:

- RANH GIỚI DỰ ÁN
- PHẠM VI NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO
- TÊN NÚT GIAO
- TUYẾN 1 — TÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- R=8.0M - BÁN KÍNH BÓ VỈA

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ GIAO THÔNG	
TỶ LỆ BẢN VẼ: FIT	BẢN VẼ SỐ: TTGT-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1

TỈ LỆ: 1/200;1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 1

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 1

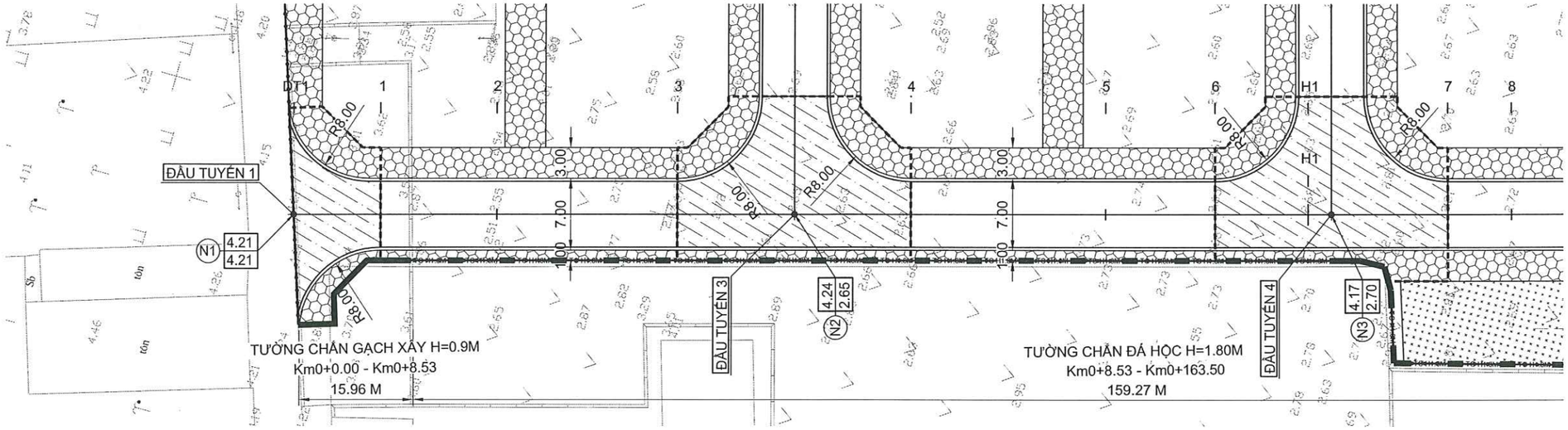

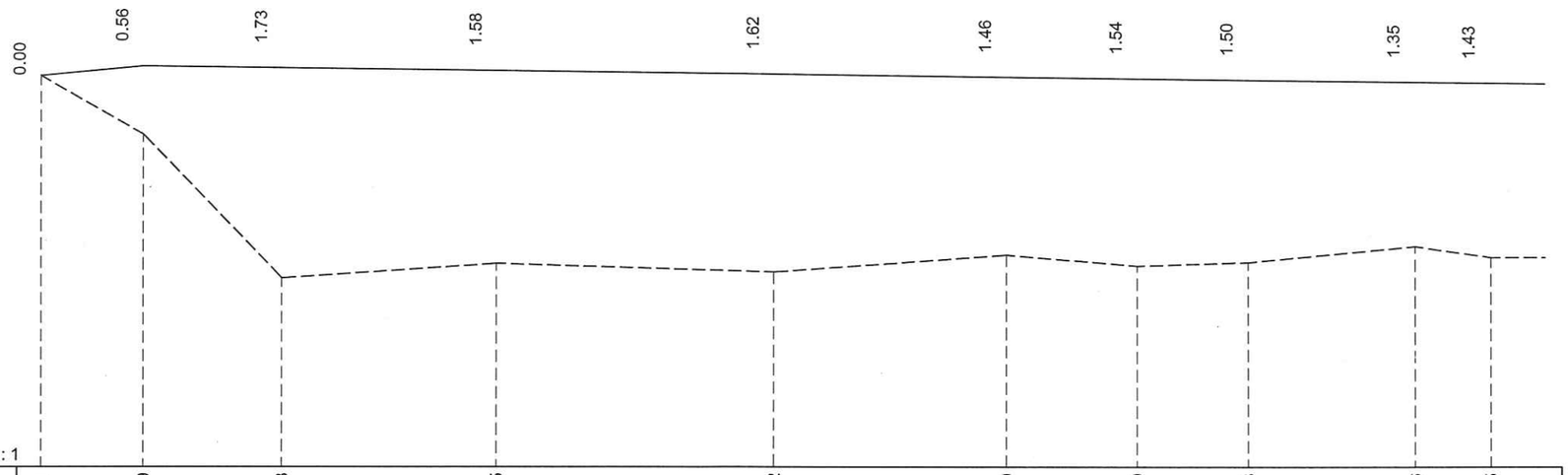

MSS : 1

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.21	4.29	4.28	4.25	4.22	4.20	4.19	4.18	4.16	4.15				
DỐC DỌC THIẾT KẾ	0.93% (8.52)		0.12% (145.00)											
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	4.21	3.73	2.55	2.67	2.60	2.74	2.65	2.68	2.81	2.72				
KHOẢNG CÁCH LẺ		8.52	11.48	17.78	23.00	19.22	10.78	9.22	13.78	6.22				
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	8.52	20.00	37.78	60.78	80.00	90.78	100.00	113.78	120.00				
TÊN CỌC	DT1	1	2	3	4	5	6	H1	7	8	1			
LÝ TRÌNH	Km 0+0.00							H1			63.50			
ĐOẠN THẲNG - ĐOẠN CONG											=			

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ:

- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO — TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

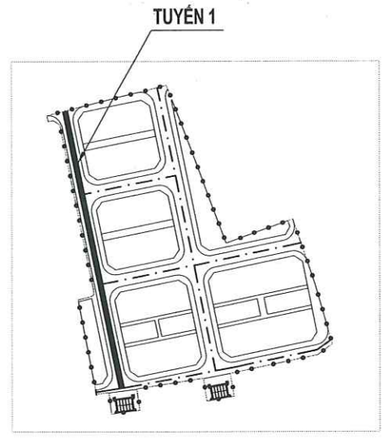

CHỦ ĐẦU TƯ:	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	
ĐƠN VỊ TVTK:	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200; 1/500	BẢN VẼ SỐ: BDTD-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 1

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1

TỈ LỆ: 1/200;1/500

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 1

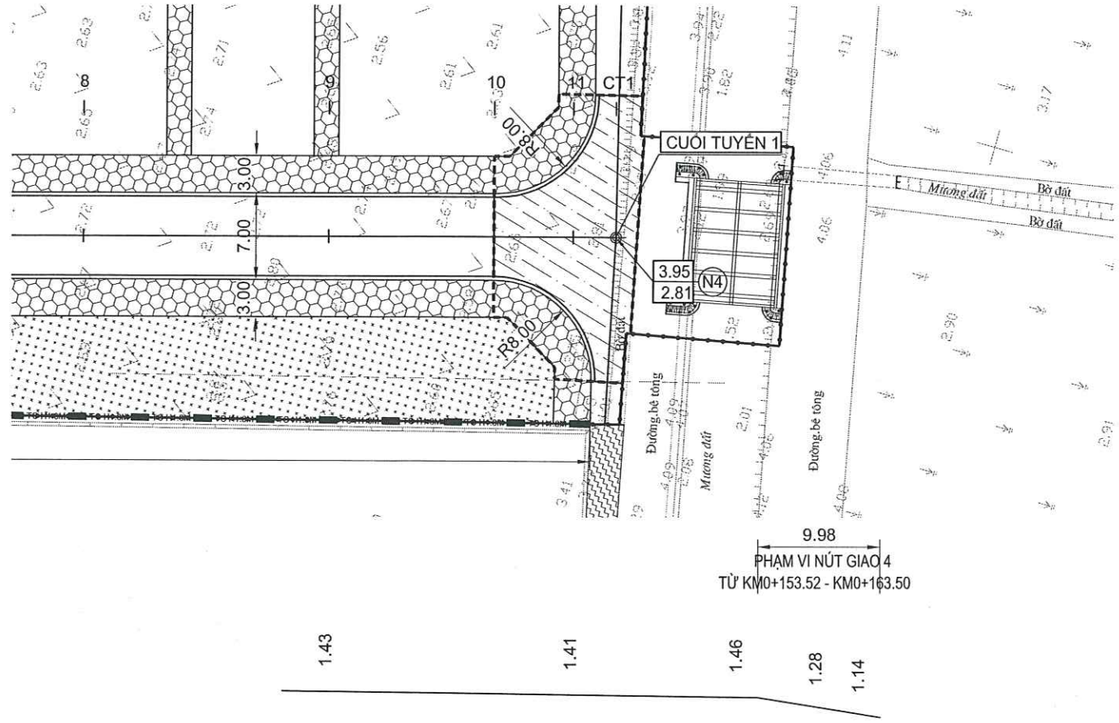

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.15		4.13	4.11	4.01	3.95
DỐC DỌC THIẾT KẾ					1.60%	
					9.98	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	2.72		2.72	2.65	2.73	2.81
KHOẢNG CÁCH LẺ	6.22	20.00	13.52	6.48	3.50	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	120.00		140.00	153.52	160.00	163.50
TÊN CỌC	8		9	10	11	CT1
LÝ TRÌNH						Km 0+163.50
ĐOẠN THẲNG - ĐOẠN CONG						A =

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ:

- N1 — 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO — TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

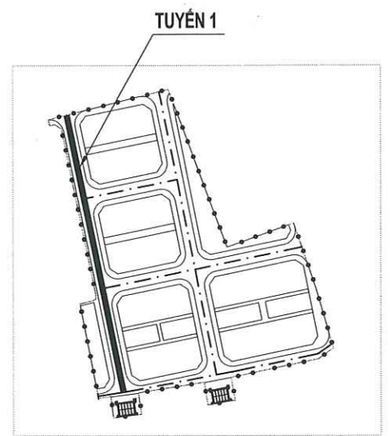

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200; 1/500 — BẢN VẼ SỐ: BDTD-02
					LẦN XUẤT BẢN: 01 — MÃ SỐ:...../GT/20...

Cọc DT1
Km 0 + 0.00

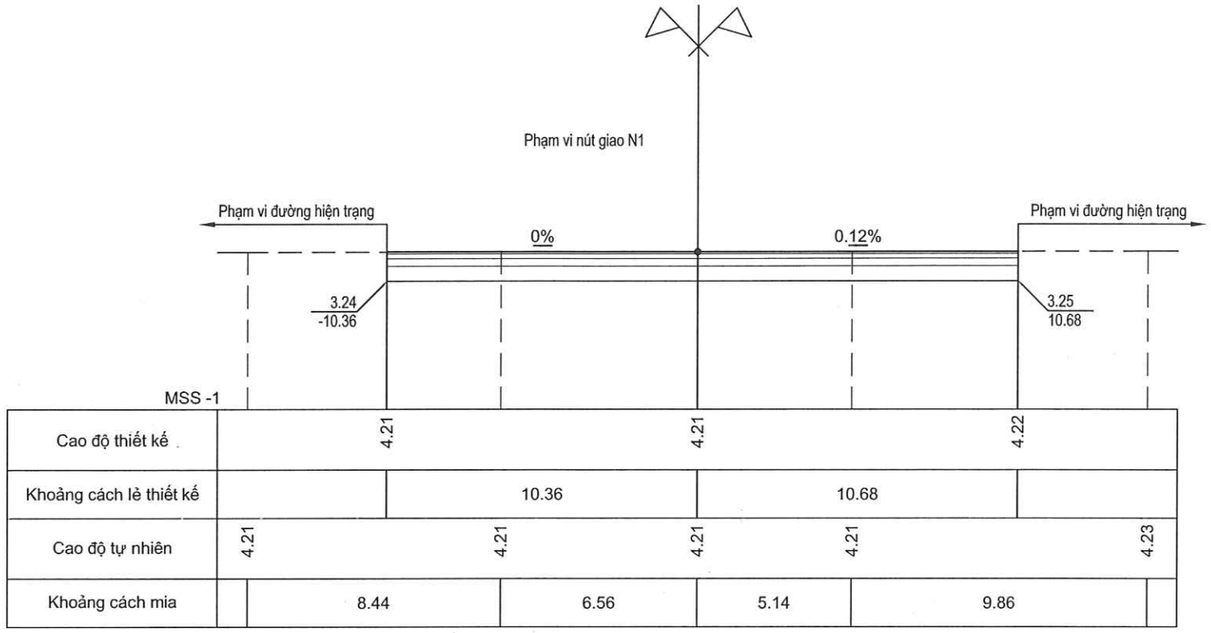

| | | |

Cọc 4
Km 0 + 60.78

S. Vét hữu cơ : 5.82 m2
S.Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đắp nền đường : 7.28 m2
S.Đắp vỉa hè : 4.33 m2
S. Đắp bao : 1.98 m2
S. Đào móng tường chắn : 1.12 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.50 m2

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.96 m2
S. CPĐD loại 2 : 1.73 m2
S. Đắp K98 : 3.45 m2
B. Mặt đường : 6.40 m
B. Vỉa hè : 4.00 m
VĐKT 25KN/m : 9.51 m

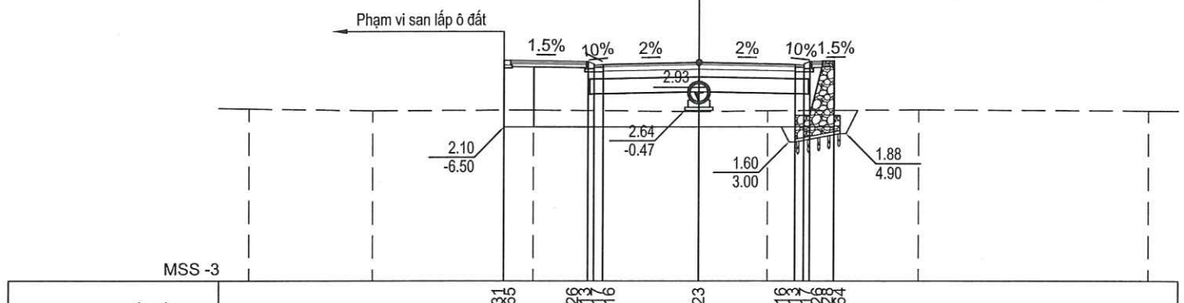

| | | |

Cọc 7
Km 0 + 113.78

S. Vét hữu cơ : 7.40 m2
S.Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đắp nền đường : 6.13 m2
S.Đắp vỉa hè : 6.89 m2
S. Đắp bao : 3.58 m2
S. Đào móng tường chắn : 1.57 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.75 m2

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.96 m2
S. CPĐD loại 2 : 1.73 m2
S. Đắp K98 : 3.42 m2
B. Mặt đường : 6.40 m
B. Vỉa hè : 6.00 m
VĐKT 25KN/m : 9.51 m

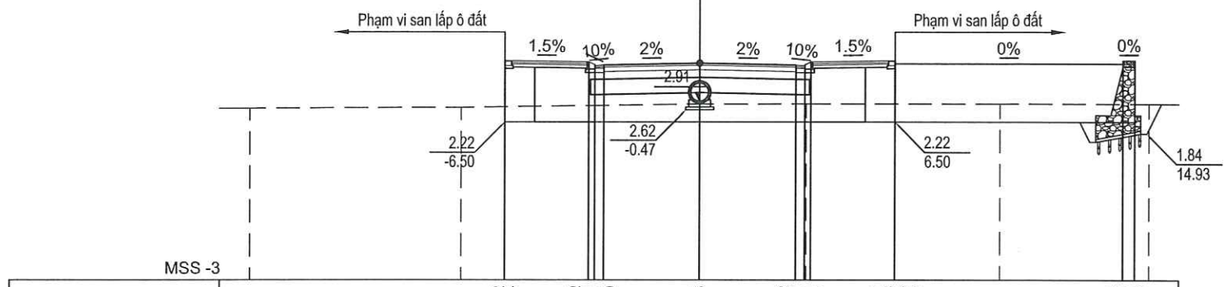

| | | |

Cọc 11
Km 0 + 160.00

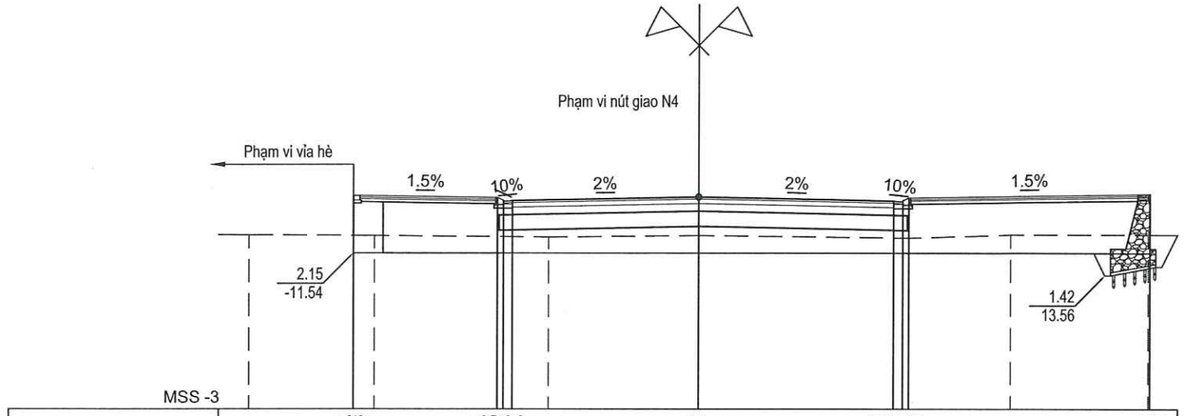

| | | |

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 2

TỈ LỆ: 1/200; 1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 2

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 2

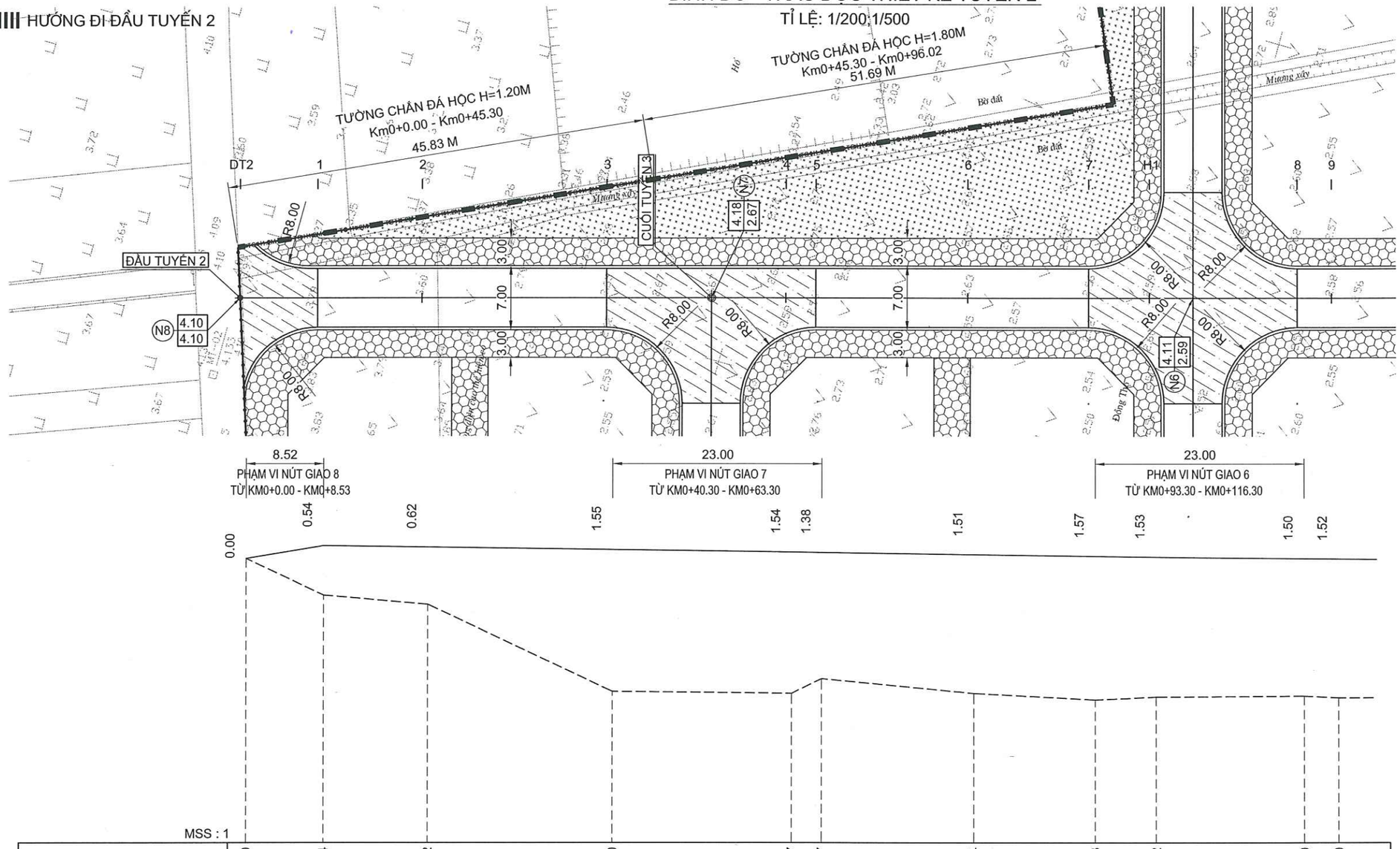

MSS : 1

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.10	4.24	4.22	4.20	4.17	4.17	4.14	4.13	4.12	4.10	4.10								
DỐC DỌC THIẾT KẾ	1.63%	8.52	0.13%	96.28															
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	4.10	3.70	3.60	2.65	2.63	2.79	2.63	2.56	2.59	2.60	2.58								
KHOẢNG CÁCH LẺ		8.53		11.47		20.30		19.70		3.30		16.70		13.30		6.70		16.30		3.70	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	8.53		20.00		40.30		60.00	63.30			80.00		93.30		100.00		116.30	120.00
TÊN CỌC		1				3			5					7				8	
	DT2			2				4				6				H1			9
LÝ TRÌNH	Km 0+0.00															H1			
ĐOẠN THẲNG - ĐOẠN CONG																			

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ:

- N1 / 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO; CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO; TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

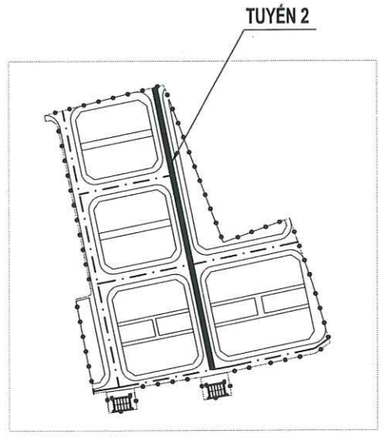

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 2
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200; 1/500 / BẢN VẼ SỐ: BDTD-03
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 2

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 2

TỈ LỆ: 1/200;1/500

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 2

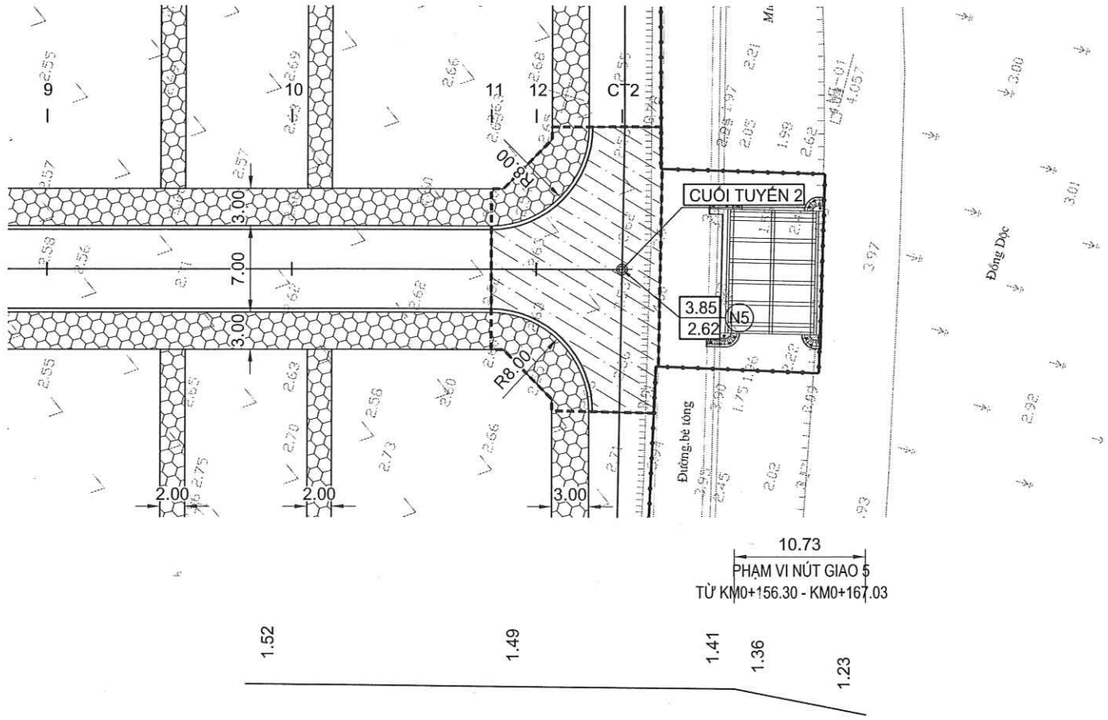

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ:

- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO — TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

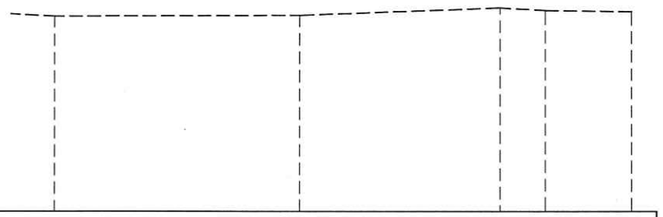

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.10		4.08		4.06	3.99	3.85
DỐC DỌC THIẾT KẾ	0.10% / 51.50					1.96% / 10.73	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	2.58		2.59		2.65	2.63	2.62
KHOẢNG CÁCH LỀ	3.70	20.00	16.30		3.70	7.03	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	120.00		140.00		156.30	160.00	167.03
TÊN CỌC	9		10		11	12	CT2
LÝ TRÌNH							Km 0+167.03
ĐOẠN THẲNG - ĐOẠN CONG							

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

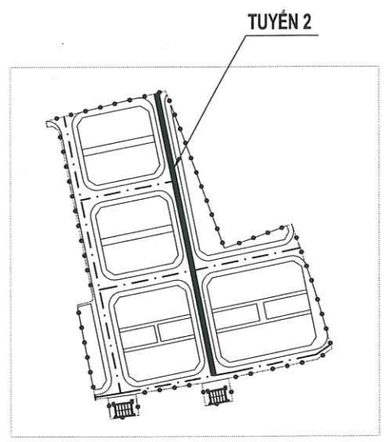

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	NGUYỄN QUANG HÙNG

M.S.D.N: C1023792423 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 2		
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200; 1/500	BẢN VẼ SỐ: BDTD-04	
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...	

Cọc DT2
Km 0 + 0.00

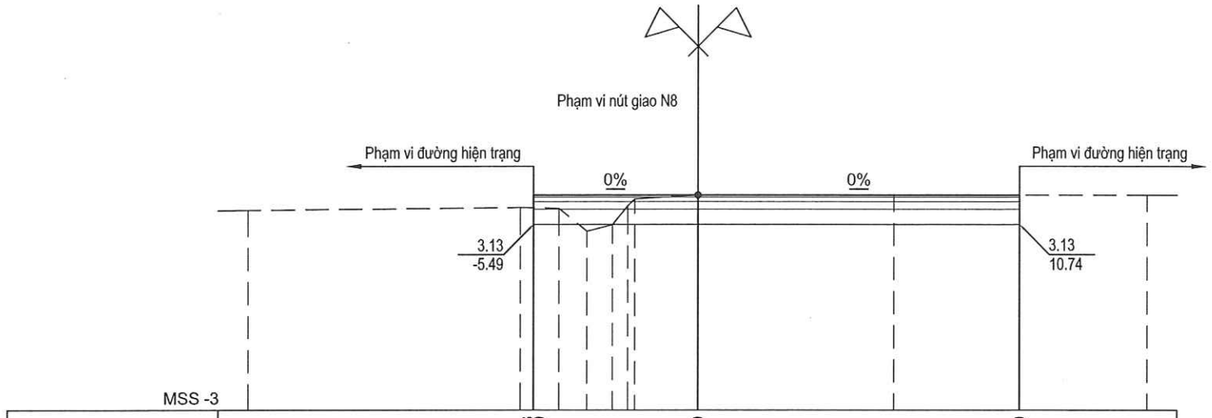

| | | |

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

Cọc 4
Km 0 + 60.00

S. Vét hữu cơ : 7.00 m2
S.Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đắp nền đường : 7.14 m2
S.Đắp vỉa hè : 7.50 m2
S. Đắp bao : 3.89 m2
S. Đào móng tường chắn : 0.00 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.00 m2

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.96 m2
S. CPĐD loại 2 : 1.73 m2
S. Đắp K98 : 3.48 m2
B. Mặt đường : 6.40 m
B. Vỉa hè : 6.00 m
VĐKT 25KN/m : 9.52 m

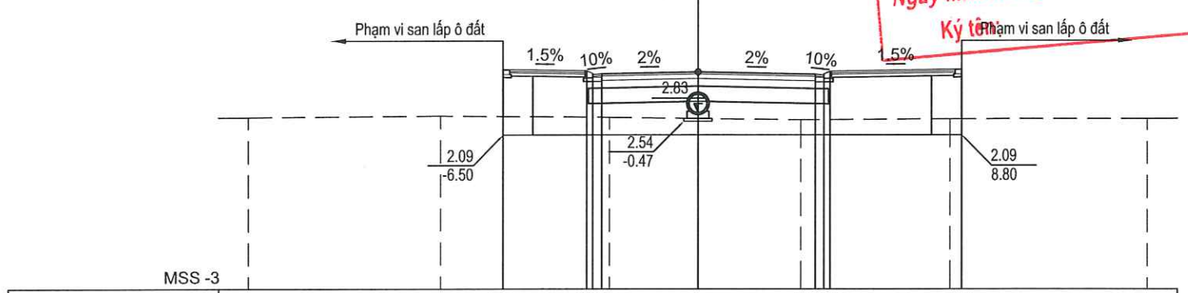

| | | |

Cọc H1
Km 0 + 100.00

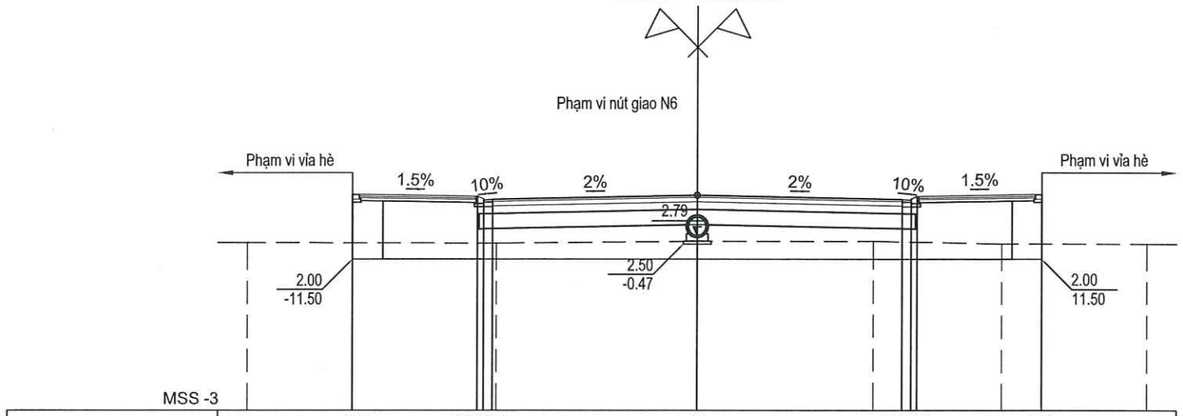

| | | |

S. Vét hữu cơ : 6.76 m2
S.Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đắp nền đường : 6.26 m2
S.Đắp vỉa hè : 6.96 m2
S. Đắp bao : 3.61 m2
S. Đào móng tường chắn : 0.00 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.00 m2

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.96 m2
S. CPĐD loại 2 : 1.73 m2
S. Đắp K98 : 3.40 m2
B. Mặt đường : 6.40 m
B. Vỉa hè : 6.00 m
VĐKT 25KN/m : 9.52 m

Cọc 11
Km 0 + 156.30

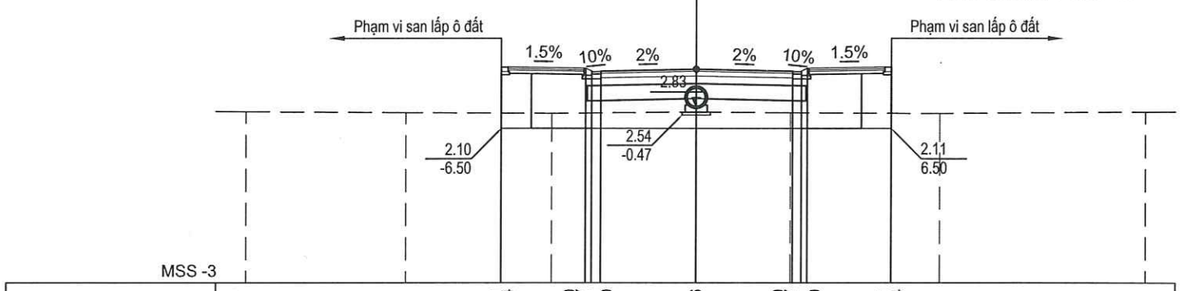

| | | |

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 3

TỈ LỆ: 1/200;1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 3

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 3

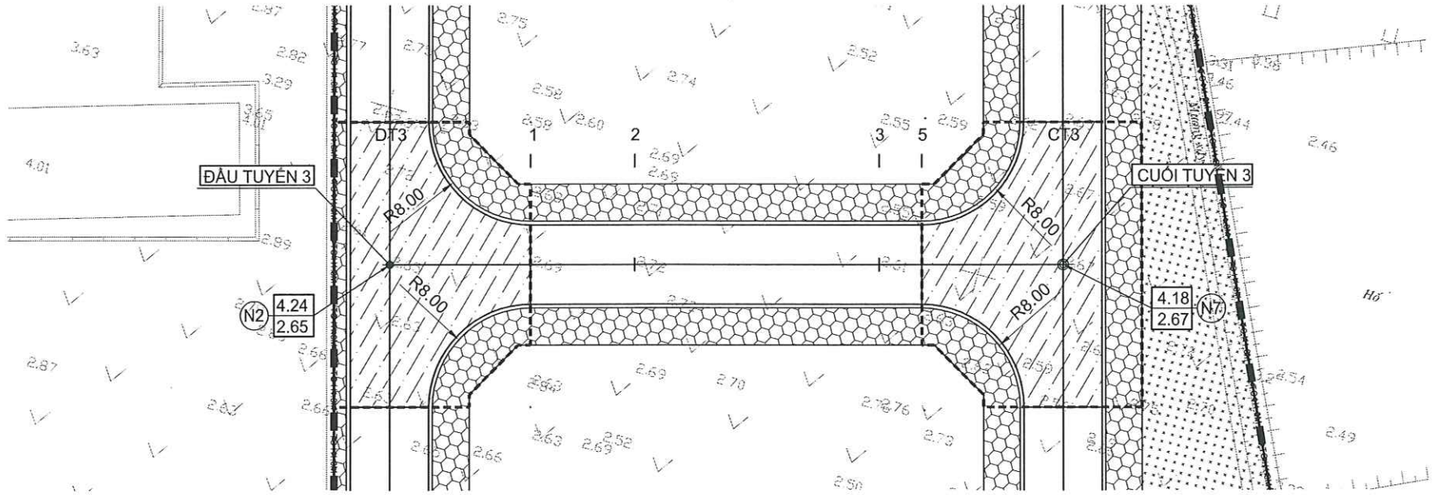

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ:

- N1 / 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO; CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO; TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

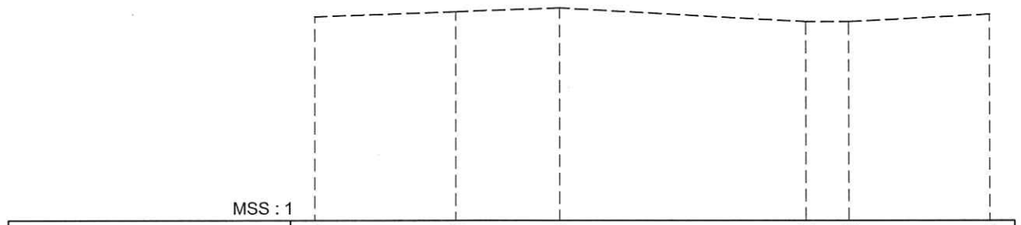

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.24	4.23	4.22		4.20	4.19	4.18
DỐC DỌC THIẾT KẾ	0.11%						
	55.00						
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	2.65	2.69	2.72		2.61	2.61	2.67
KHOẢNG CÁCH LẺ		11.50	8.50	20.00		3.50	11.50
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	11.50	20.00		40.00	43.50	55.00
TÊN CỌC	DT3	1	2		3	5	CT3
LÝ TRÌNH	Km 0+0.00						Km 0+55.00
ĐOẠN THẲNG - ĐOẠN CONG							A =

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

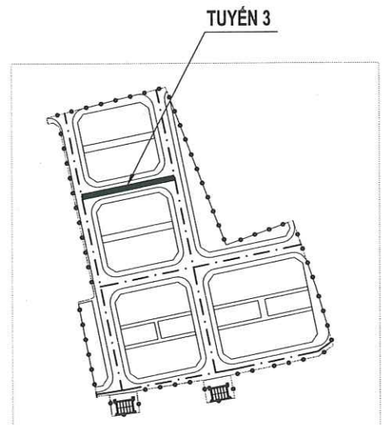

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 3	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200; 1/500	BẢN VẼ SỐ: BDTD-05
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

Cọc DT3
Km 0 + 0.00

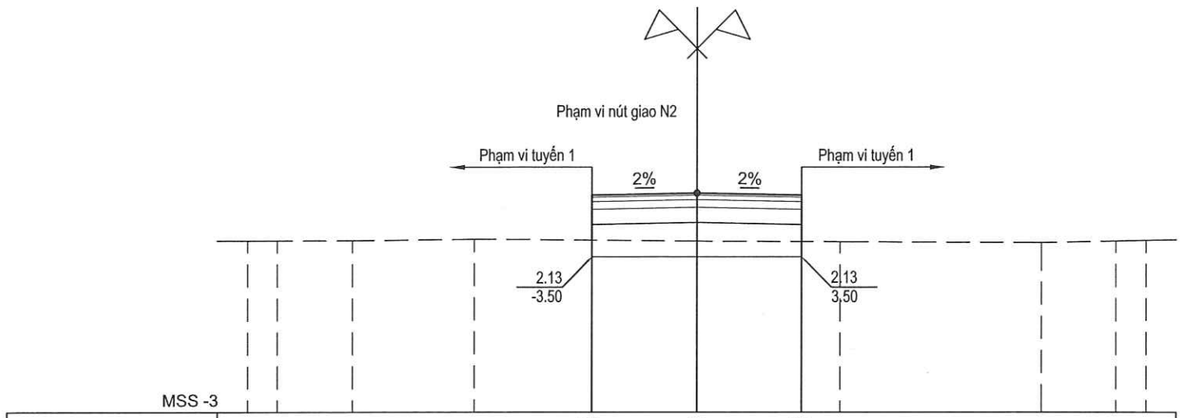

| | | |

S. Vét hữu cơ : 6.84 m2
S.Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đắp nền đường : 7.25 m2
S.Đắp vỉa hè : 7.58 m2
S. Đắp bao : 3.93 m2
S. Đào móng tường chắn : 0.00 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.00 m2

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.96 m2
S. CPĐD loại 2 : 1.73 m2
S. Đắp K98 : 3.50 m2
B. Mặt đường : 6.40 m
B. Vỉa hè : 6.00 m
VĐKT 25KN/m : 9.51 m

Cọc 5
Km 0 + 43.50

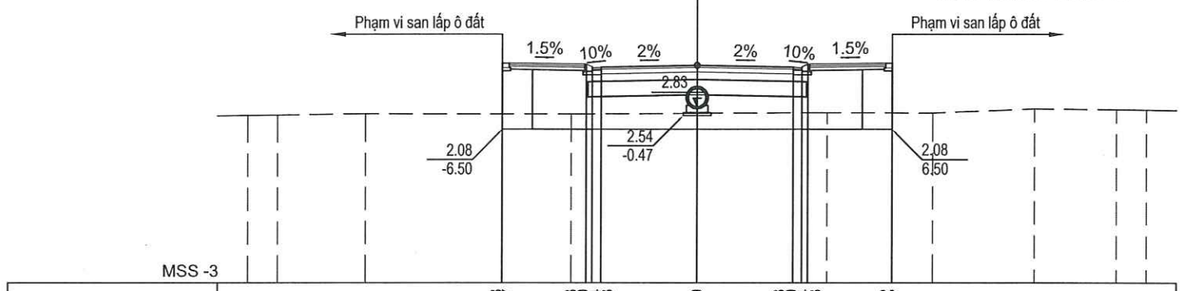

| | | |

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 4

TỈ LỆ: 1/200;1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 4

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 4

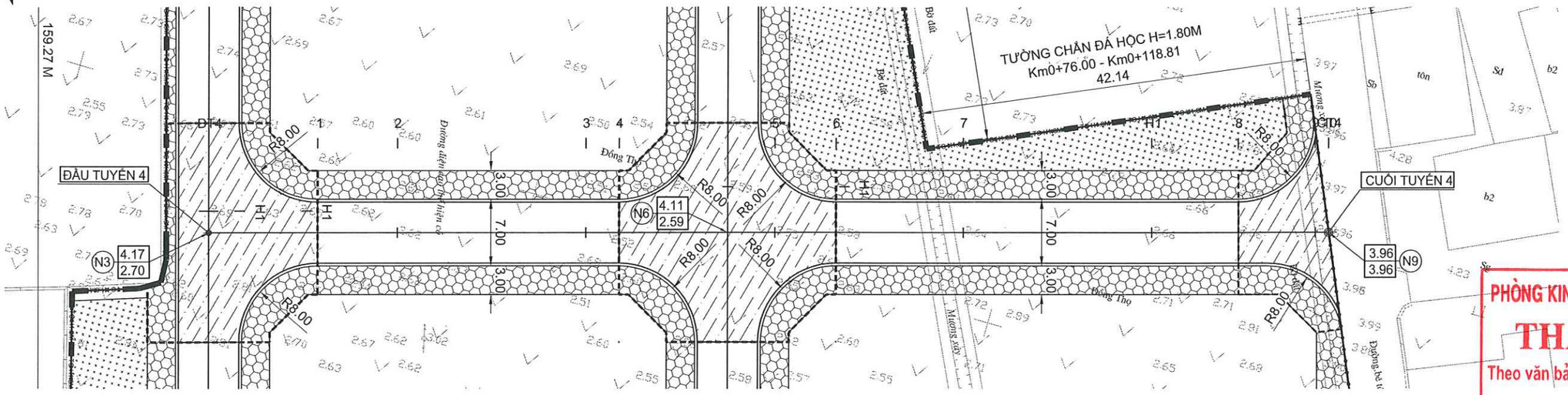

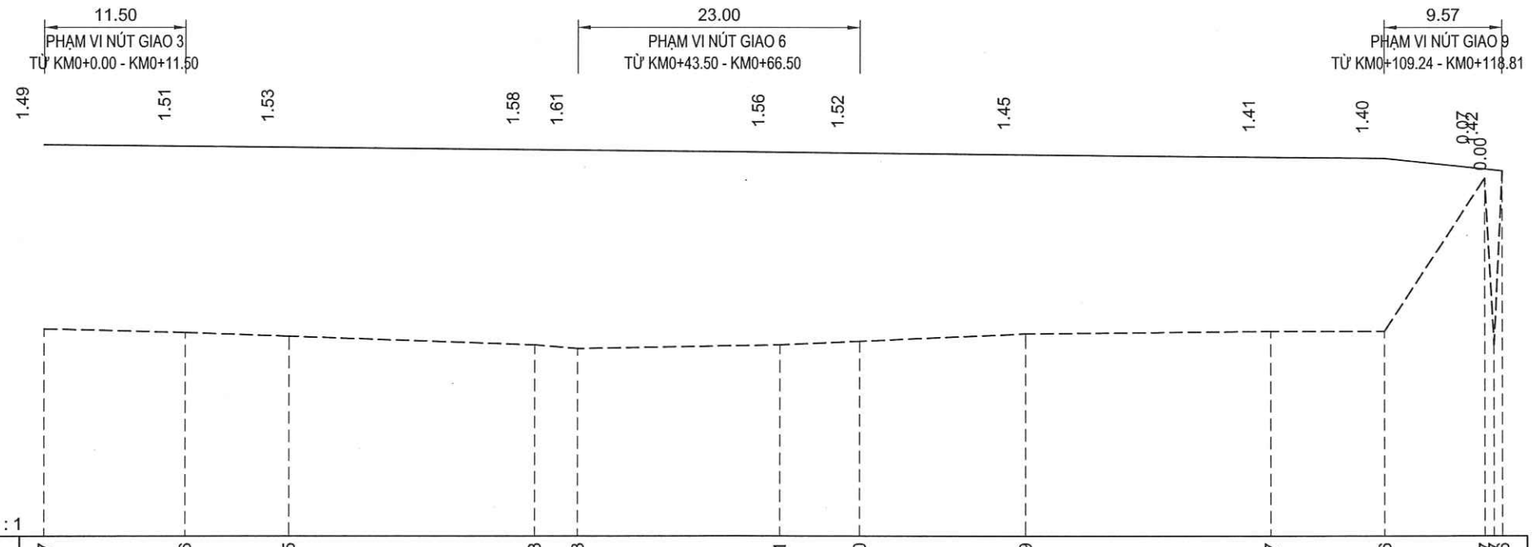

MSS : 1

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.17	4.16	4.15	4.13	4.13	4.11	4.10	4.09	4.07	4.06	3.97	3.96
DỐC DỌC THIẾT KẾ		0.10%								1.04%		
		109.24								9.57		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	2.68	2.65	2.62	2.55	2.52	2.55	2.58	2.64	2.66	2.66	3.90	3.98
KHOẢNG CÁCH LẺ		11.50	8.50	20.00	3.50	16.50	6.50	13.50	20.00	9.24	8.14	0.63 0.73
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	11.50	20.00	40.00	43.50	60.00	66.50	80.00	100.00	109.24	117.38	118.11 118.81
TÊN CỌC	DT4	1	2	3	4	5	6	7	H1	8	9	10 CT4
LÝ TRÌNH	Km 0+0.00								H1			Km 0+118.81
ĐOẠN THẲNG - ĐOẠN CONG	A =											

GHI CHÚ:

- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ HOÀN THIỆN NÚT GIAO / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG NÚT GIAO — TÊN NÚT GIAO
- DIỆN TÍCH VỈA HÈ
- DIỆN TÍCH NÚT GIAO THÔNG
- VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

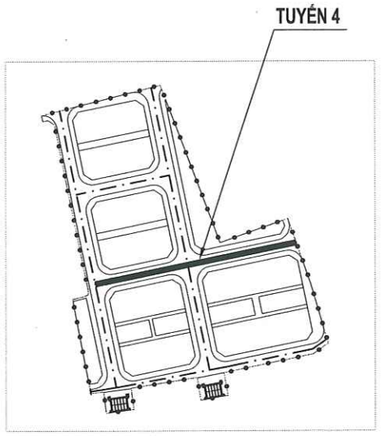

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 4

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200; 1/500 | BẢN VẼ SỐ: BDTD-06

LẦN XUẤT BẢN: 01 | MÃ SỐ:...../GT/20...

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

Cọc DT4
Km 0 + 0.00

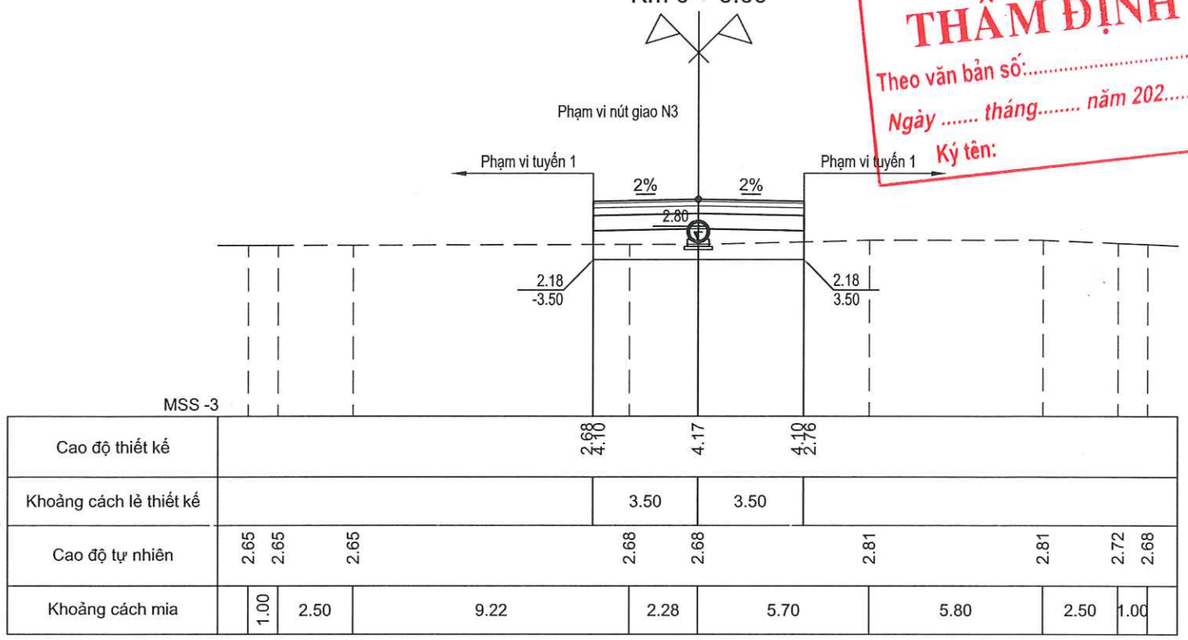

| | | |

Cọc 4
Km 0 + 43.50

S. Vét hữu cơ : 6.98 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đắp nền đường : 7.32 m2
S. Đắp vỉa hè : 7.62 m2
S. Đắp bao : 3.95 m2
S. Đào móng tường chắn : 0.00 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.00 m2

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.96 m2
S. CPĐD loại 2 : 1.73 m2
S. Đắp K98 : 3.51 m2
B. Mặt đường : 6.40 m
B. Vỉa hè : 6.00 m
Đào khuôn : 0.00 m2
VĐKT 25KN/m : 9.51 m

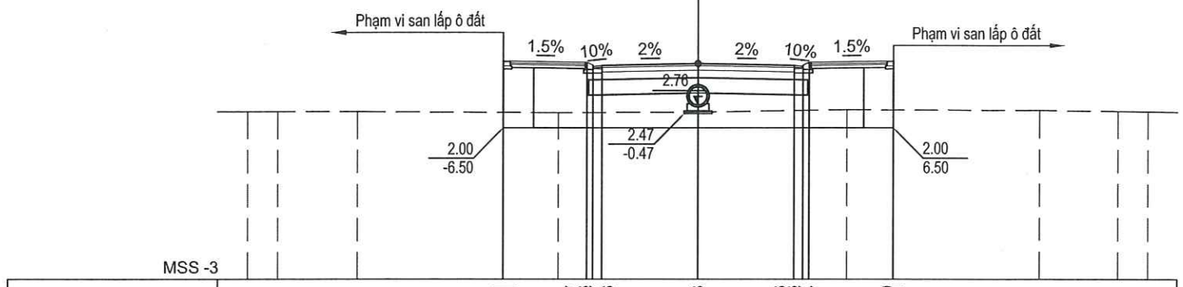

| | | |

S. Vét hữu cơ : 6.93 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đắp nền đường : 6.03 m2
S. Đắp vỉa hè : 6.89 m2
S. Đắp bao : 3.58 m2
S. Đào móng tường chắn : 0.00 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.00 m2

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.96 m2
S. CPĐD loại 2 : 1.73 m2
S. Đắp K98 : 3.51 m2
B. Mặt đường : 6.40 m
B. Vỉa hè : 6.00 m
Đào khuôn : 0.00 m2
VĐKT 25KN/m : 9.51 m

Cọc H1
Km 0 + 100.00

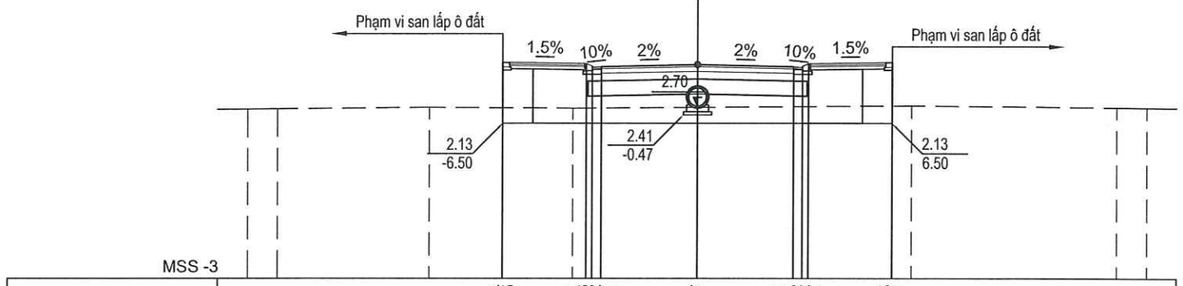

| | | |

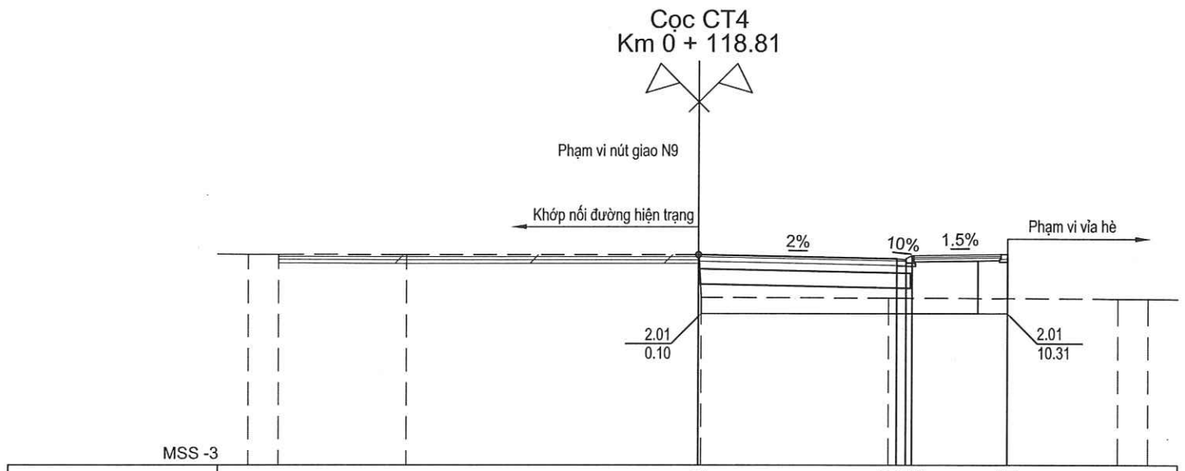

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG	TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG THIẾT KẾ TUYẾN 4	
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200	BẢN VẼ SỐ: TN-T4-04
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN 5

TỈ LỆ: 1/200;1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 5

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 5

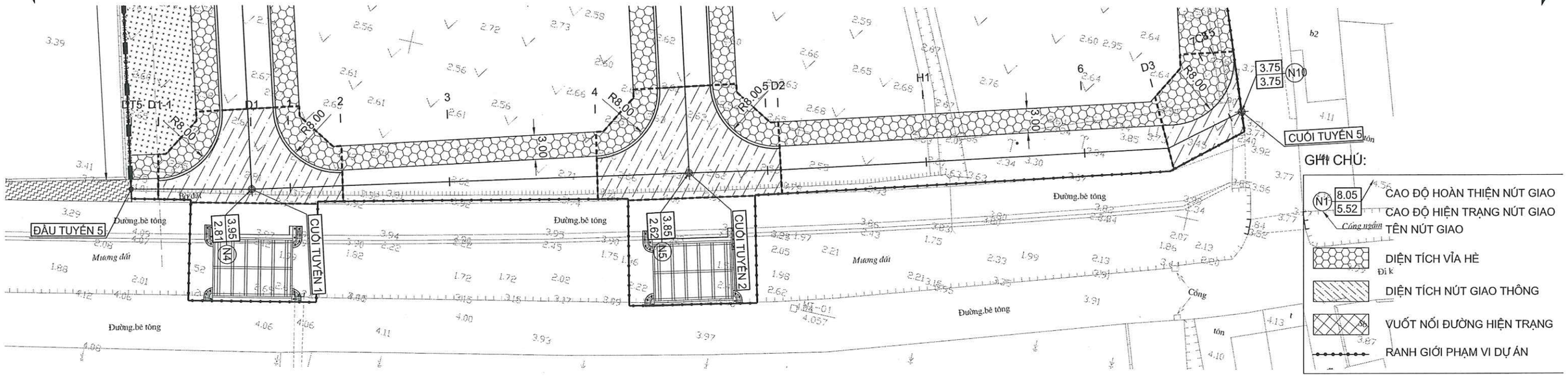

23.17
PHẠM VI NÚT GIAO 4
TỪ KM0+3.42 - KM0+26.59

23.06
PHẠM VI NÚT GIAO 5
TỪ KM0+58.58 - KM0+81.64

10.24
PHẠM VI NÚT GIAO 10
TỪ KM0+130.55 - KM0+140.79

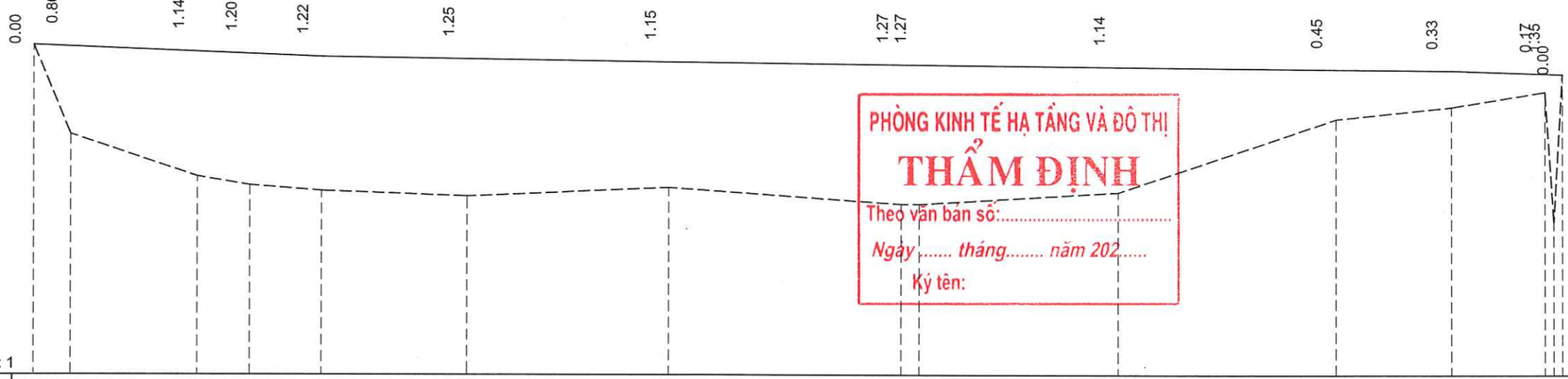

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

MSS : 1

| | | |

S. Vét hữu cơ : 2.89 m2
S. Đánh cấp : 1.10 m2
S. Đắp nền đường : 0.63 m2
S. Đắp vỉa hè : 3.46 m2
S. Đắp bao : 1.47 m2
S. Đào móng tường chắn : 0.00 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.00 m2

Cọc DT5
Km 0 + 0.00

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.56 m2
S. CPĐD loại 2 : 0.00 m2
S. Đắp K98 : 1.39 m2
B. Mặt đường : 2.78 m
B. Vỉa hè : 3.00 m
Đào khuôn : 0.69 m2
VĐKT 25KN/m : 5.19 m

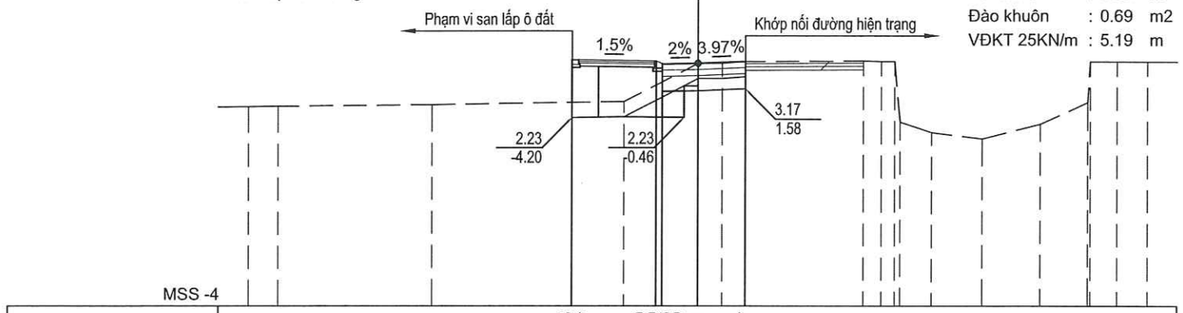

| | | |

Cọc 2
Km 0 + 26.59

S. Vét hữu cơ : 3.61 m2
S. Đánh cấp : 0.68 m2
S. Đắp nền đường : 2.52 m2
S. Đắp vỉa hè : 3.12 m2
S. Đắp bao : 1.59 m2
S. Đào móng tường chắn : 0.00 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.00 m2

S. Đào cống : 0.00 m2
S. Đắp trả cống : 0.00 m2
S. CPĐD loại 1 : 0.84 m2
S. CPĐD loại 2 : 0.00 m2
S. Đắp K98 : 2.11 m2
B. Mặt đường : 4.21 m
B. Vỉa hè : 3.00 m
Đào khuôn : 0.38 m2
VĐKT 25KN/m : 6.61 m

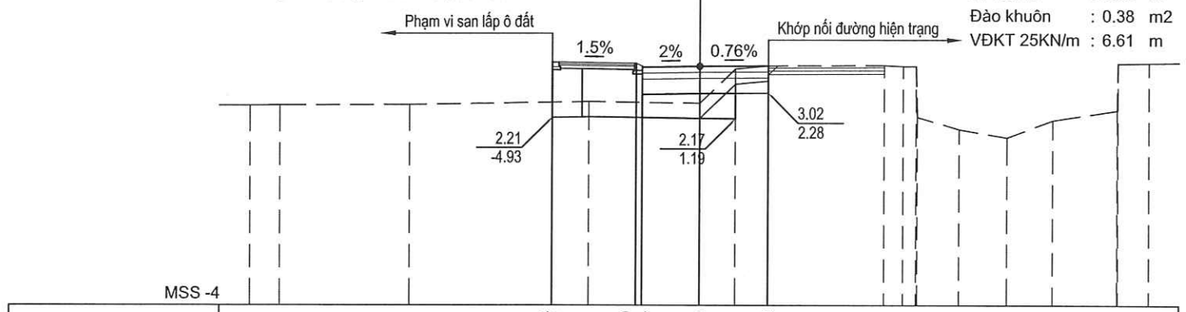

| | | |

Cọc D2
Km 0 + 81.64

S. Vét hữu cơ	: 4.51	m2
S. Đánh cấp	: 1.33	m2
S. Đắp nền đường	: 4.26	m2
S. Đắp vỉa hè	: 3.11	m2
S. Đắp bao	: 1.56	m2
S. Đào móng tường chắn	: 0.00	m2
S. Đắp trả tường chắn	: 0.00	m2
S. Đào cống	: 0.00	m2
S. Đắp trả cống	: 0.00	m2
S. CPĐD loại 1	: 1.21	m2
S. CPĐD loại 2	: 0.00	m2
S. Đắp K98	: 3.01	m2
B. Mặt đường	: 6.03	m
B. Vỉa hè	: 3.00	m
Đào khuôn	: 0.13	m2
VĐKT 25KN/m	: 8.43	m

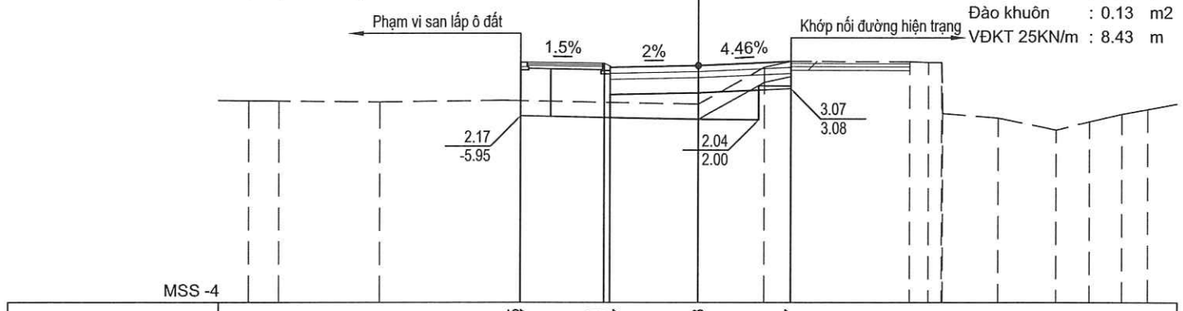

| | | |

Cọc 7
Km 0 + 139.18

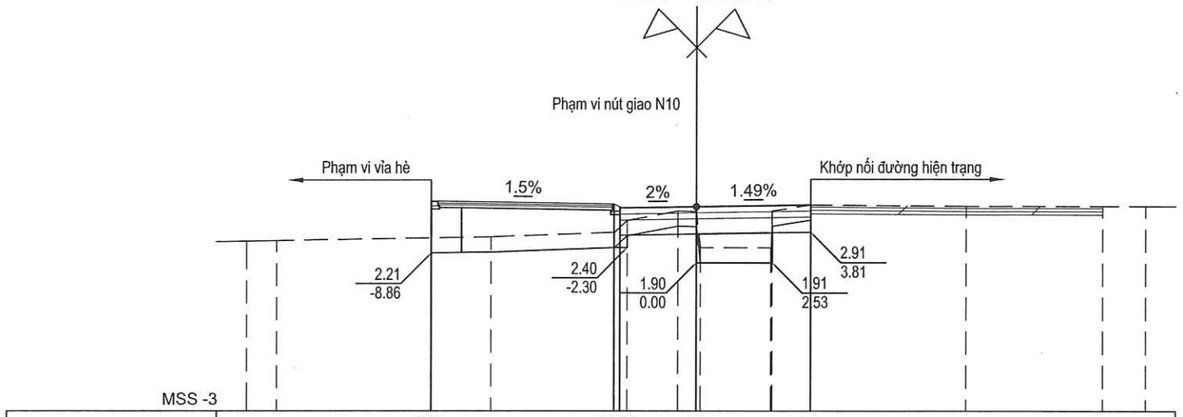

| | | |

BẢNG TỌA ĐỘ CỌC CÁC TUYẾN

Bảng tọa độ cọc tuyến 1				
STT	Tên cọc	Lý trình	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	DT1	Km 0+0	2287885.190	599640.180
2	1	Km 0+8.52	2287876.990	599642.490
3	2	Km 0+20	2287865.940	599645.610
4	3	Km 0+37.78	2287848.830	599650.420
5	4	Km 0+60.78	2287826.690	599656.660
6	5	Km 0+80	2287808.190	599661.870
7	6	Km 0+90.78	2287797.810	599664.790
8	H1	Km 0+100	2287788.940	599667.290
9	7	Km 0+113.78	2287775.670	599671.020
10	8	Km 0+120	2287769.690	599672.710
11	9	Km 0+140	2287750.430	599678.130
12	10	Km 0+153.52	2287737.420	599681.800
13	11	Km 0+160	2287731.180	599683.550
14	CT1	Km 0+163.50	2287727.810	599684.500

Bảng tọa độ cọc tuyến 2				
STT	Tên cọc	Lý trình	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	DT2	Km 0+0	2287902.530	599692.440
2	1	Km 0+8.53	2287894.310	599694.760
3	2	Km 0+20	2287883.270	599697.860
4	3	Km 0+40.30	2287863.730	599703.370
5	4	Km 0+60	2287844.770	599708.710
6	5	Km 0+63.30	2287841.590	599709.600
7	6	Km 0+80	2287825.520	599714.130
8	7	Km 0+93.30	2287812.720	599717.730
9	H1	Km 0+100	2287806.270	599719.550
10	8	Km 0+116.30	2287790.580	599723.970
11	9	Km 0+120	2287787.020	599724.970
12	10	Km 0+140	2287767.770	599730.390
13	11	Km 0+156.30	2287752.080	599734.810
14	12	Km 0+160	2287748.510	599735.810
15	CT2	Km 0+167.03	2287741.750	599737.720

Bảng tọa độ cọc tuyến 3				
STT	Tên cọc	Lý trình	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	DT3	Km 0+0	2287837.760	599653.540
2	1	Km 0+11.50	2287840.880	599664.610
3	2	Km 0+20	2287843.180	599672.790
4	3	Km 0+40	2287848.600	599692.040
5	5	Km 0+43.50	2287849.550	599695.410
6	CT3	Km 0+55	2287852.670	599706.480

Bảng tọa độ cọc tuyến 4				
STT	Tên cọc	Lý trình	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	DT4	Km 0+0	2287786.740	599667.910
2	1	Km 0+11.50	2287789.860	599678.980
3	2	Km 0+20	2287792.160	599687.160
4	3	Km 0+40	2287797.580	599706.410
5	4	Km 0+43.50	2287798.530	599709.780
6	5	Km 0+60	2287803.010	599725.660
7	6	Km 0+66.50	2287804.770	599731.920
8	7	Km 0+80	2287808.430	599744.910
9	H1	Km 0+100	2287813.850	599764.160
10	8	Km 0+109.24	2287816.350	599773.060
11	9	Km 0+117.38	2287818.560	599780.890
12	10	Km 0+118.13	2287818.950	599782.270
13	CT4	Km 0+118.81	2287818.950	599782.270

Bảng tọa độ cọc tuyến 5				
STT	Tên cọc	Lý trình	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	DT5	Km 0+0	2287724.540	599669.740
2	D1-1	Km 0+3.42	2287725.280	599673.070
3	D1	Km 0+15.12	2287727.810	599684.500
4	1	Km 0+20	2287729.050	599689.220
5	2	Km 0+26.59	2287730.720	599695.600
6	3	Km 0+40	2287734.110	599708.570
7	4	Km 0+58.58	2287738.820	599726.540
8	5	Km 0+80	2287744.240	599747.260
9	D2	Km 0+81.64	2287744.660	599748.850
10	H1	Km 0+100	2287749.660	599766.520
11	6	Km 0+120	2287755.120	599785.760
12	D3	Km 0+130.55	2287757.990	599795.910
13	7	Km 0+139.18	2287763.400	599802.630
14	8	Km 0+140	2287764.410	599803.890
15	CT5	Km 0+140.79	2287764.410	599803.890

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: BẢNG TỌA ĐỘ CỌC CÁC TUYẾN
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: BDTD-08
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		

BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: 0102378242-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BÌNH ĐỒTƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI TUYẾN 1

TỈ LỆ: 1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 1

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 1

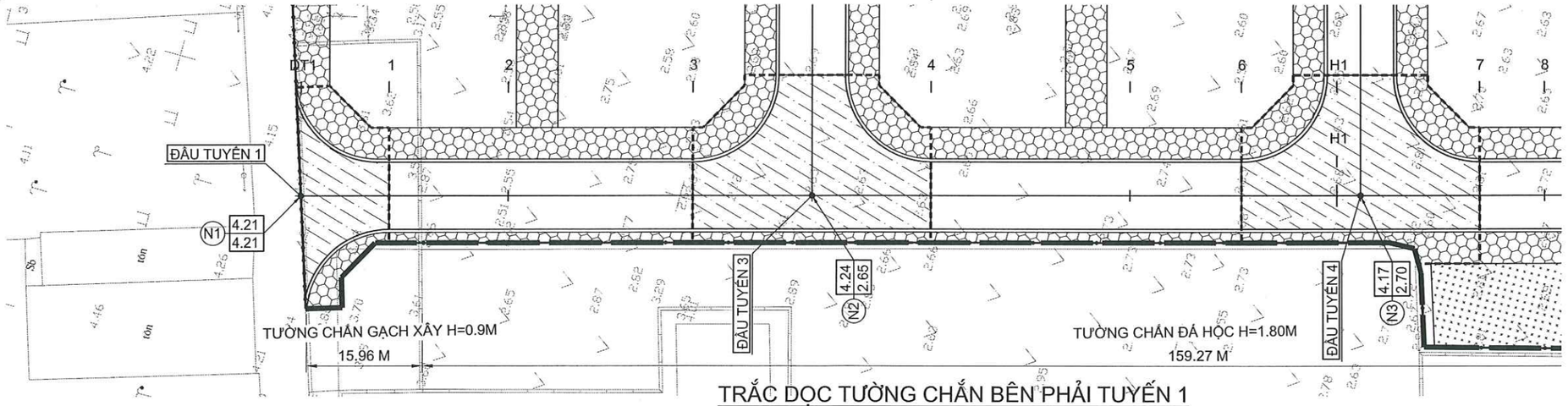

TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI TUYẾN 1

TỈ LỆ: 1/200;1/500

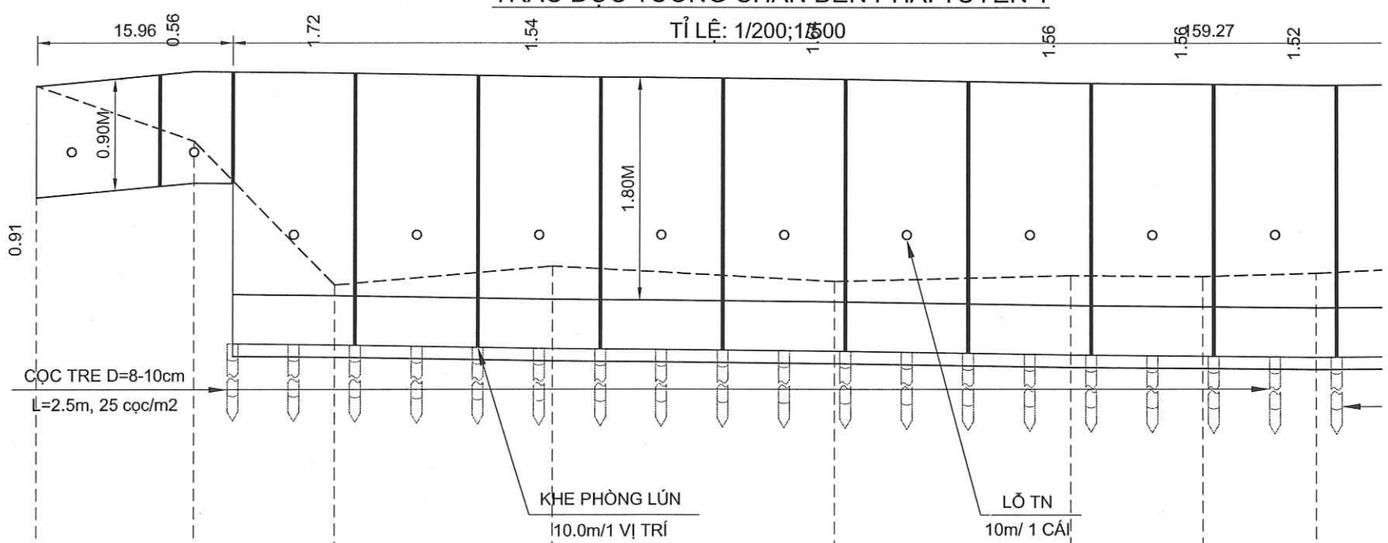

MSS : 0

LOẠI TƯỜNG CHẮN	TƯỜNG CHẮN GẠCH XÂY H=0.9M	TƯỜNG CHẮN ĐÁ HỘC H=1.8M						
CAO ĐỘ ĐỈNH TƯỜNG CHẮN	4.22	4.34	4.33	4.30	4.28	4.25	4.24	4.23
CAO ĐỘ ĐỈNH MÓNG			2.53	2.50	2.48	2.45	2.44	2.43
CAO ĐỘ ĐÁY MÓNG	3.32	3.44	2.03	2.00	1.98	1.95	2.04	1.93
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	4.22	3.78	2.61	2.76	2.64	2.69	2.68	2.71
KHOẢNG CÁCH LẺ	0.00	12.87	11.48	17.78	23.00	19.22	10.78	9.22
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	12.87	24.35	42.13	65.13	84.35	95.13	104.35
TÊN CỌC	DT1	1	2	3	4	5	6	H1
LÝ TRÌNH	Km 0+0.00							

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

SƠ HỌA VỊ TRÍ TƯỜNG CHẮN

TƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI TUYẾN 1

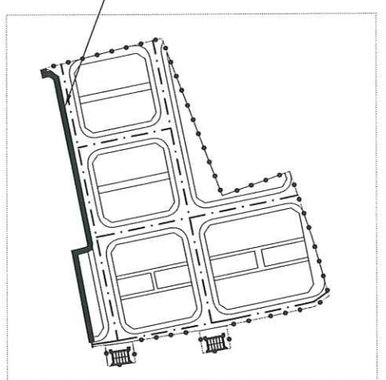

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ:	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN
	ĐƠN VỊ TVTK:	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN
				NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM
				NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI TUYẾN 1	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TDTC-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 1

BÌNH ĐỒTƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI TUYẾN 1

TỈ LỆ: 1/500

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 1

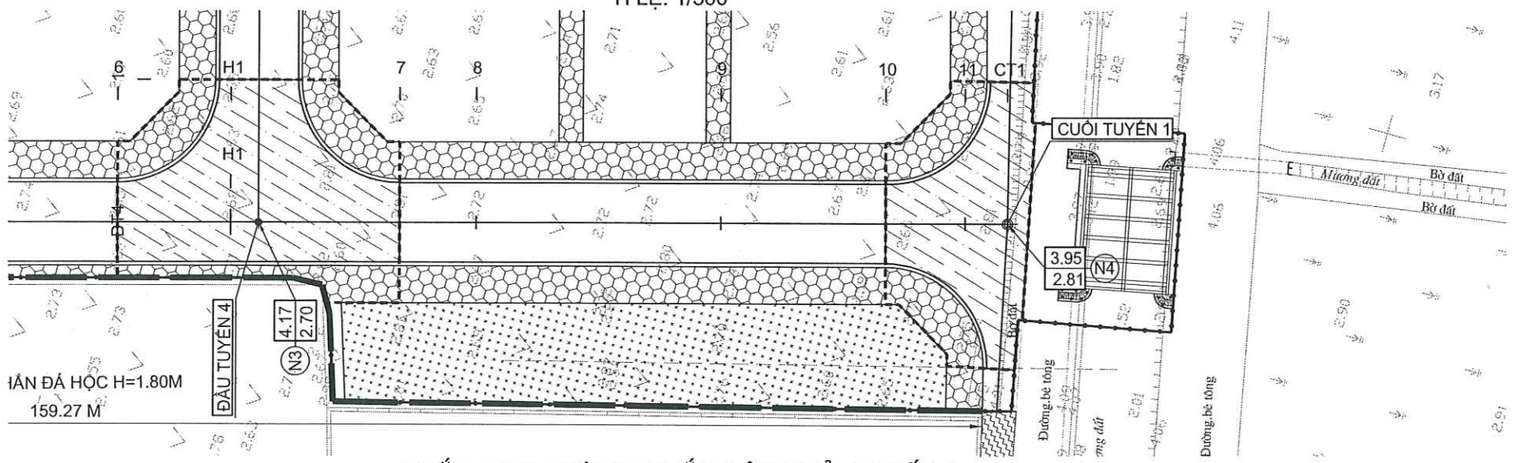

TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI TUYẾN 1

TỈ LỆ: 1/200;1/500

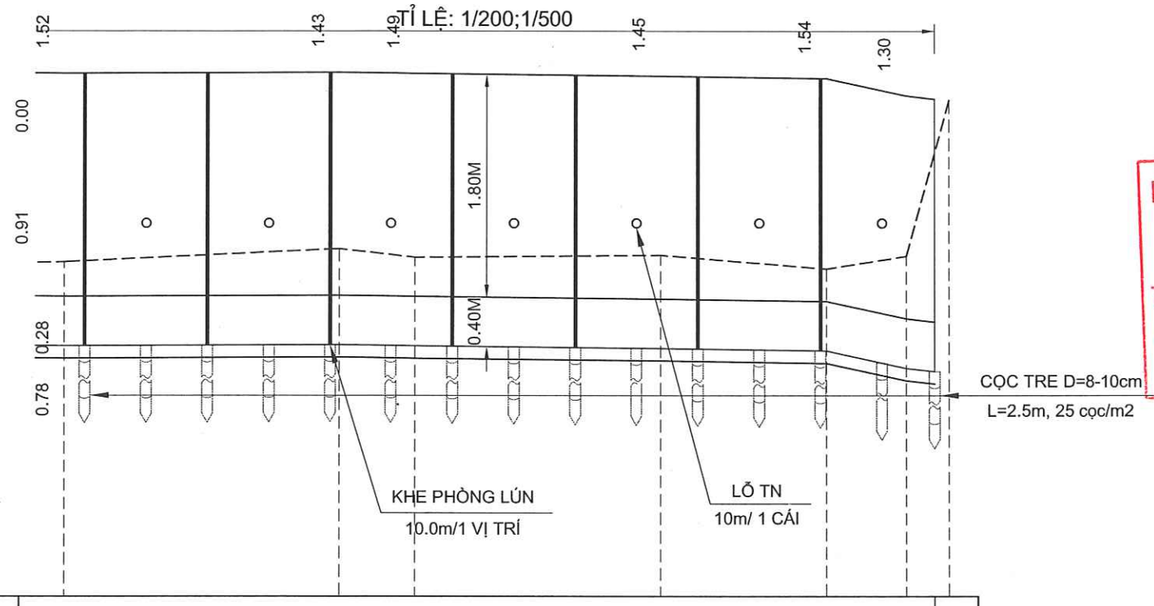

LOẠI TƯỜNG CHẮN	TƯỜNG CHẮN ĐÁ HỘC H=1.8M											
CAO ĐỘ ĐỈNH TƯỜNG CHẮN	4.23			4.24	4.23		4.21		4.19	4.05		
CAO ĐỘ ĐỈNH MÓNG	2.43			2.44	2.43		2.41		2.39	2.25		
CAO ĐỘ ĐÁY MÓNG	1.93			1.94	1.93		1.91		1.89	1.75		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	2.71			2.81	2.74		2.76		2.65	2.75	4.01	
KHOẢNG CÁCH LẺ		22.42		6.22		20.00		13.52		6.48	3.50	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	104.35			126.77	132.99		153.00		166.52	173.00	176.50	
TÊN CỌC	H1			7	8		9		10	11	CT1	
LÝ TRÌNH	Km 0+176.84											

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

SƠ HỌA VỊ TRÍ TƯỜNG CHẮN

TƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI TUYẾN 1

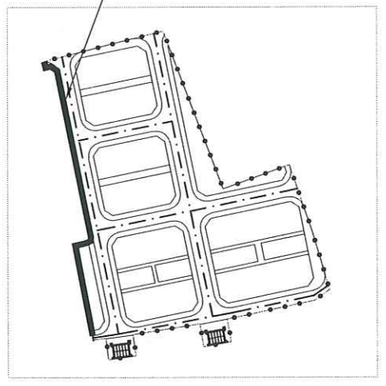

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. CHU VĂN VẬN NGƯỜI VẼ: KS. TRẦN THỊ CHÂM NGƯỜI KIỂM TRA: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI TUYẾN 1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TDTC-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

BÌNH ĐỒTƯỜNG CHẮN BÊN TRÁI TUYẾN 2

TỈ LỆ: 1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 2

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 2

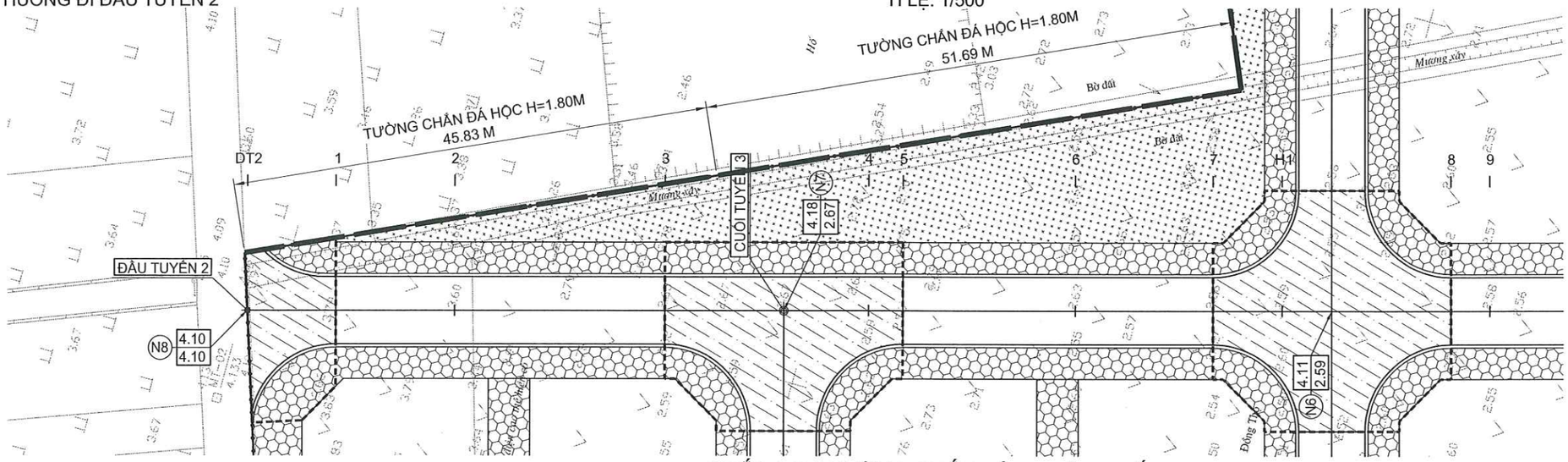

TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN BÊN TRÁI TUYẾN 2

TỈ LỆ: 1/200;1/500

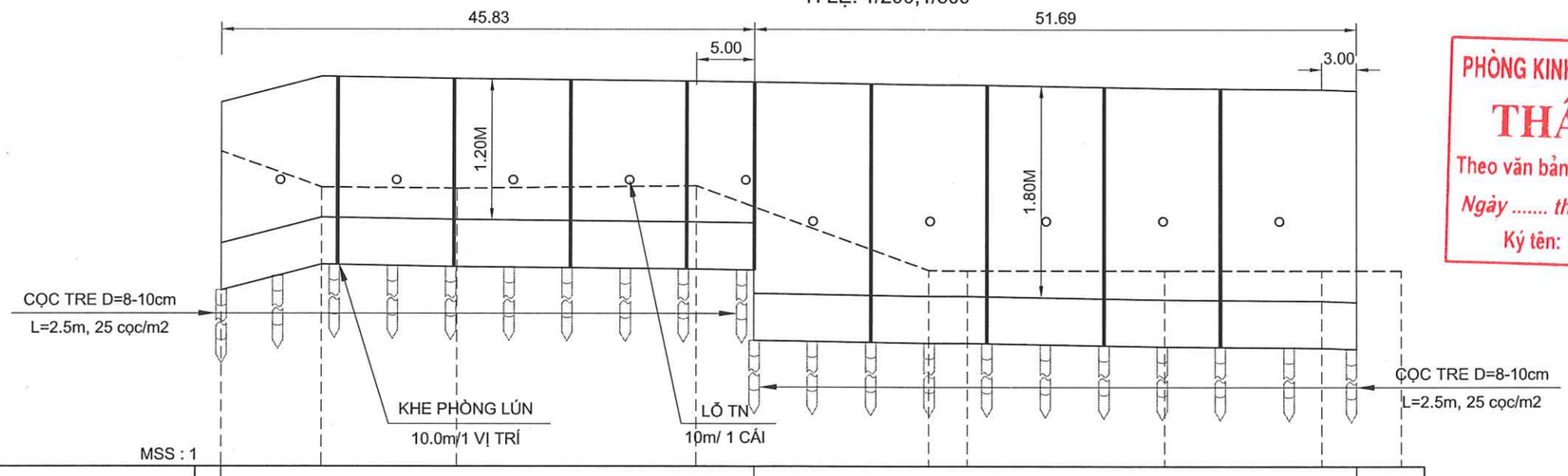

MSS : 1

LOẠI TƯỜNG CHẮN	TƯỜNG CHẮN ĐÁ HỘC H=1.2M				TƯỜNG CHẮN ĐÁ HỘC H=1.8M					
CAO ĐỘ ĐỈNH TƯỜNG CHẮN	4.10	4.32	4.30	4.28	4.25	4.25	4.22	4.21		
CAO ĐỘ ĐỈNH MÓNG	2.90	3.12	3.10	3.08	2.45	2.45	2.42	2.41		
CAO ĐỘ ĐÁY MÓNG	2.50	2.72	2.70	2.68	2.05	2.05	2.02	2.01		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	3.68	3.38	3.37	3.39	2.67	2.67	2.67	2.67	2.67	
KHOẢNG CÁCH LẺ	~~0.25~~	8.64	11.62	20.56	19.96	3.34	16.92	13.47	6.79	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.25	8.89	20.51	41.08	61.04	64.38	81.30	94.77	101.56	
TÊN CỌC	DT2	1	2	3	4	5	6	7	H1	
LÝ TRÌNH	Km 0+0.00								Km0+101.56	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

SƠ HỌA VỊ TRÍ TƯỜNG CHẮN

TƯỜNG CHẮN BÊN TRÁI TUYẾN 2

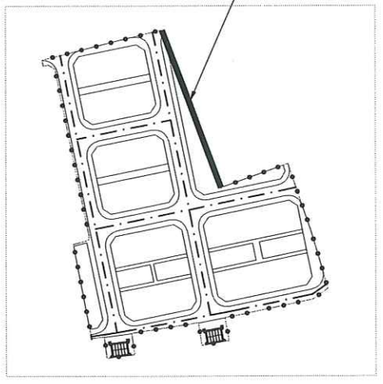

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. CHU VĂN VẬN NGƯỜI VẼ: KS. TRẦN THỊ CHÂM NGƯỜI KIỂM TRA: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN BÊN TRÁI TUYẾN 2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TDTC-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

Cọc Km 0+0
Km 0 + 0.00

S. Đào tường chắn : 2.44 m2
S. Đắp trả tường chắn : 1.56 m2

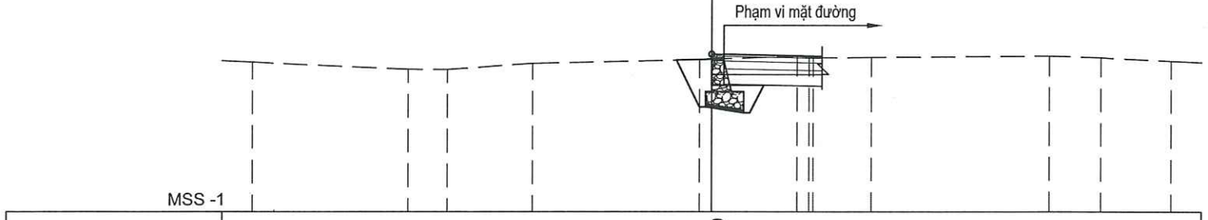

Cao độ thiết kế						4.10							
Khoảng cách lẻ thiết kế													
Cao độ tự nhiên	3.85	3.61	3.61	3.81	3.93	3.94	4.03	4.02	3.99	4.00	4.04	3.99	3.88
Khoảng cách mia	5.10	1.28	2.77	5.45	0.40	2.79	0.38	0.44	1.89	5.81	1.68	2.29	

Cọc 2
Km 0 + 40.00

S. Đào tường chắn : 0.44 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.34 m2

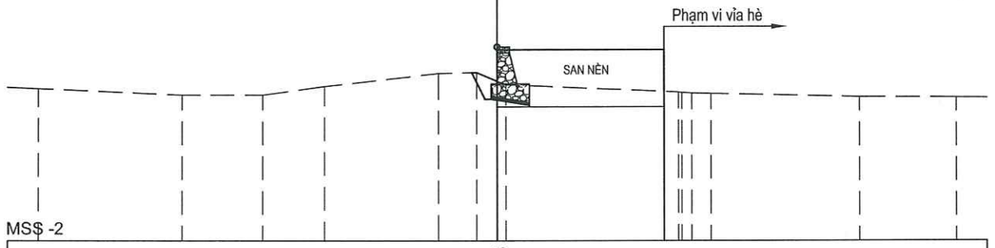

Cao độ thiết kế								4.28									
Khoảng cách lẻ thiết kế									5.46								
Cao độ tự nhiên	2.92	2.72	2.71	3.00	3.42	3.45	3.17	3.05	2.81	2.80	2.77	2.76	2.65	2.63			
Khoảng cách mia	4.70	2.65	2.01	3.72	1.25	0.67	0.28	5.65	0.11	0.32	0.81	4.87	3.16				

Cọc 1
Km 0 + 20.00

S. Đào tường chắn : 1.01 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.50 m2

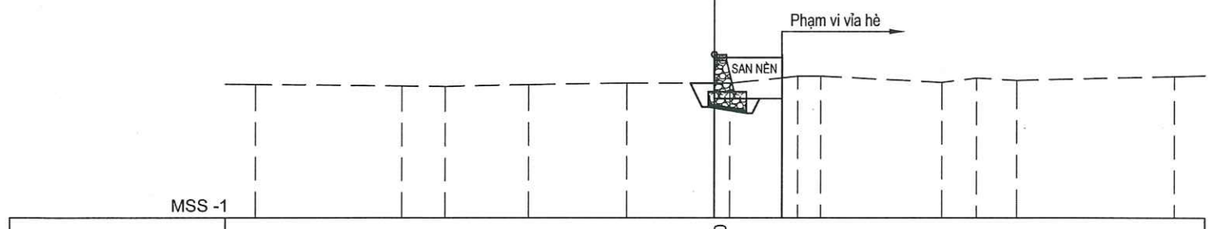

Cao độ thiết kế						4.30							
Khoảng cách lẻ thiết kế						2.21							
Cao độ tự nhiên	3.33	3.28	3.26	3.32	3.37	3.37	3.37	3.60	3.60	3.40	3.54	3.46	3.59
Khoảng cách mia	4.80	1.41	2.72	3.20	2.86	0.51	2.21	0.75	3.94	1.13	1.30	5.15	

Cọc 3
Km 0 + 60.00

S. Đào tường chắn : 1.85 m2
S. Đắp trả tường chắn : 1.05 m2

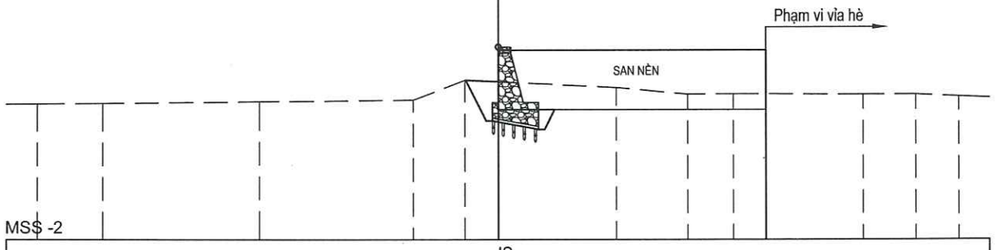

Cao độ thiết kế								4.25									
Khoảng cách lẻ thiết kế									8.70								
Cao độ tự nhiên	2.40	2.42	2.48	2.53	3.17	3.12	2.93	2.71	2.73	2.71	2.71	2.64					
Khoảng cách mia	2.13	5.10	5.00	1.68	1.09	3.85	2.32	1.46	4.25	1.72	1.39						

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG TƯỜNG CHẮN TUYẾN 2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200	BẢN VẼ SỐ: TN-TC-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

Cọc 4
Km 0 + 80.00

S. Đào tường chắn : 1.18 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.53 m2

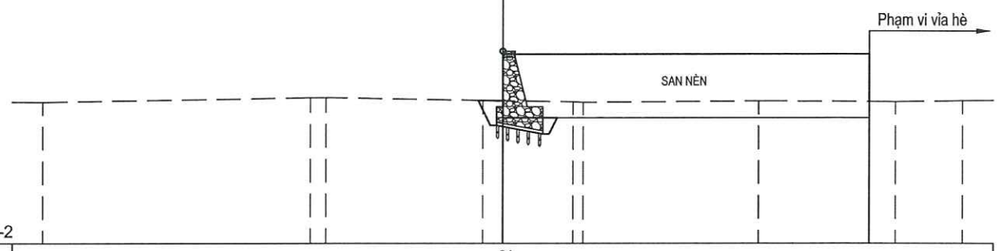

Cao độ thiết kế	4.22																			
Khoảng cách lẻ thiết kế										11.94										
Cao độ tự nhiên	2.58	2.58	2.72	2.72	2.63	2.62	2.58	2.56	2.61	2.61	2.58	2.62								
Khoảng cách mia	0.01	8.70	0.52	5.13	0.64	2.28	0.32	5.72	0.01	0.00	4.46	2.20								

Cọc 5
Km 0 + 97.52

S. Đào tường chắn : 1.26 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.62 m2

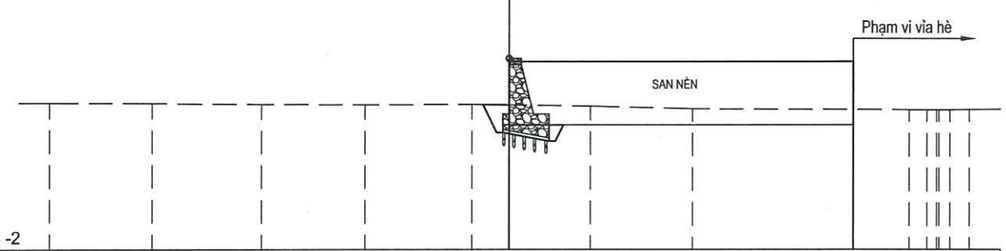

Cao độ thiết kế	4.20																			
Khoảng cách lẻ thiết kế										11.22										
Cao độ tự nhiên	2.76	2.74	2.71	2.70	2.71	2.69	2.65	2.56	2.54	2.53	2.54	2.53	2.54							
Khoảng cách mia		3.35	3.56	3.39	3.49	1.21	2.63	3.34	7.06	0.58	0.00	0.37	0.63							

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. CHU VĂN VẬN NGƯỜI VẼ: KS. TRẦN THỊ CHÂM NGƯỜI KIỂM TRA: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG	TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG TƯỜNG CHẮN TUYẾN 2 TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200 — BẢN VẼ SỐ: TN-TC-02 LẦN XUẤT BẢN: 01 — MÃ SỐ:...../GT/20...

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 4

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 4

BÌNH ĐỒTƯỜNG CHẮN BÊN TRÁI TUYẾN 4

TỈ LỆ: 1/500

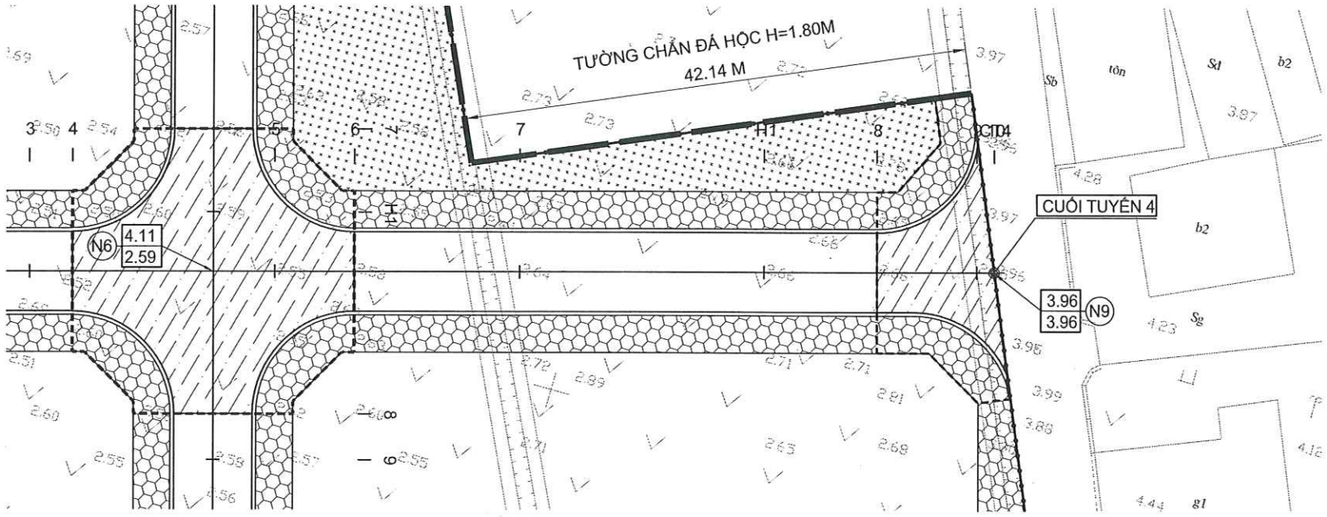

TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN BÊN TRÁI TUYẾN 4

TỈ LỆ: 1/200;1/500

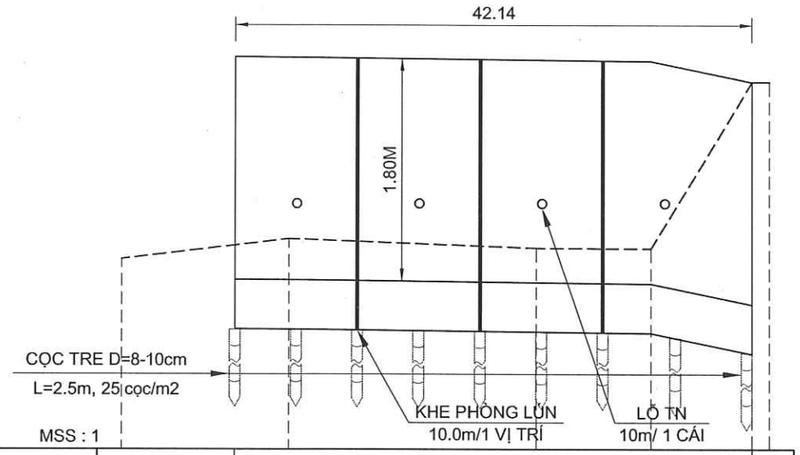

LOẠI TƯỜNG CHẮN	TƯỜNG CHẮN ĐÁ HỘC H=1.8M					
CAO ĐỘ ĐỈNH TƯỜNG CHẮN		4.17	4.15	4.14	3.97	
CAO ĐỘ ĐỈNH MÓNG						
CAO ĐỘ ĐÁY MÓNG		1.97	1.95	1.94	1.77	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	2.54	2.70	2.63	2.62	3.97	3.97
KHOẢNG CÁCH LẺ	13.63	20.20	9.33	8.22	1.44	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	66.50	80.13	100.33	109.66	117.88	119.32
TÊN CỌC	6	7	H1	8	10	9CT4
LÝ TRÌNH	Km 0+66.50				Km 0+119.32	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

SƠ HỌA VỊ TRÍ TƯỜNG CHẮN

TƯỜNG CHẮN BÊN TRÁI TUYẾN 4

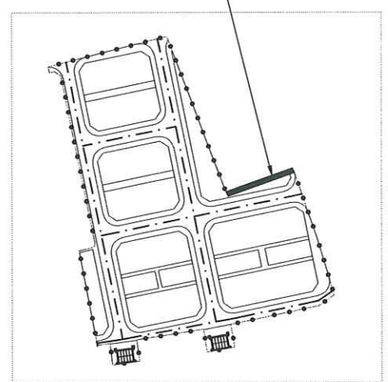

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC TƯỜNG CHẮN BÊN TRÁI TUYẾN 4
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 / BẢN VẼ SỐ: TDTC-04
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		

Cọc Km 0+0
Km 0 + 0.00

S. Đào tường chắn : 1.33 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.64 m2

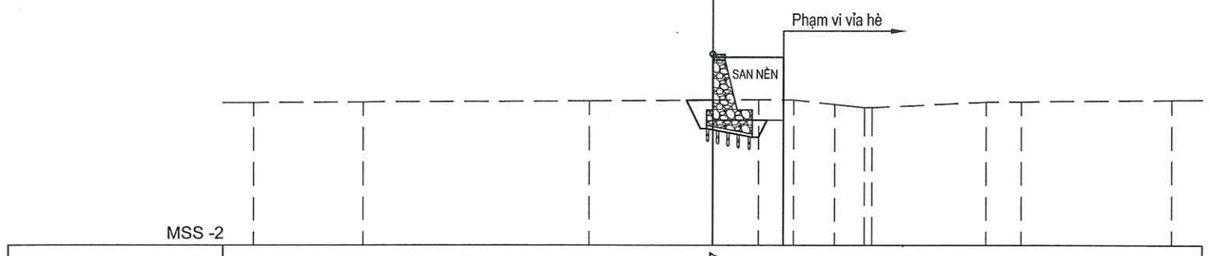

Cao độ thiết kế	4.17														
Khoảng cách lề thiết kế					2.31										
Cao độ tự nhiên	2.61	2.63	2.66	2.69	2.70	2.70	2.55	2.45	2.45	2.63	2.64	2.69			
Khoảng cách mia		3.58	7.38	4.04	1.51	1.14	1.34	0.96	0.25	3.73	1.16	4.92			

Cọc 2
Km 0 + 40.00

S. Đào tường chắn : 5.28 m2
S. Đắp trả tường chắn : 3.53 m2

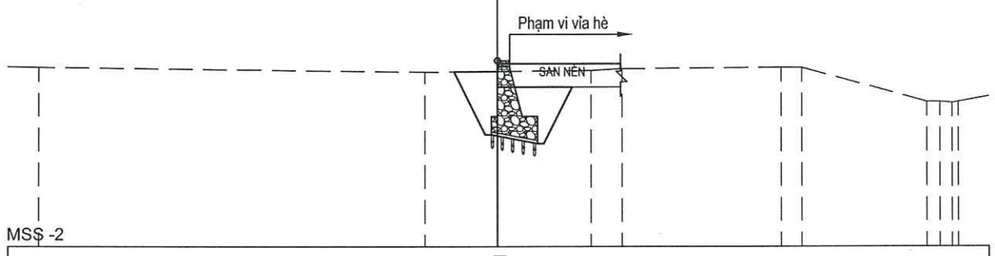

Cao độ thiết kế	4.01														
Khoảng cách lề thiết kế															
Cao độ tự nhiên	3.80	3.64	3.66	3.69	3.75	3.80	3.79	2.68	2.67	2.64	2.68				
Khoảng cách mia		12.64	2.36	3.03	1.02	5.21	0.68	4.06	0.12	0.38	0.20				

Cọc 1
Km 0 + 20.00

S. Đào tường chắn : 1.71 m2
S. Đắp trả tường chắn : 0.78 m2

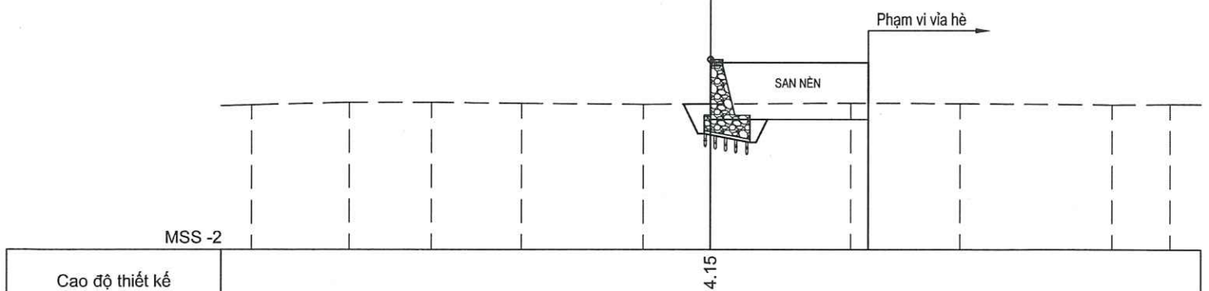

Cao độ thiết kế	4.15									
Khoảng cách lề thiết kế					5.14					
Cao độ tự nhiên	2.68	2.77	2.77	2.73	2.70	2.72	2.75	2.74	2.70	2.71
Khoảng cách mia		3.19	2.68	2.94	3.99	2.19	4.57	3.57	4.98	1.88

Cọc 3
Km 0 + 41.20

S. Đào tường chắn : 6.16 m2
S. Đắp trả tường chắn : 4.29 m2

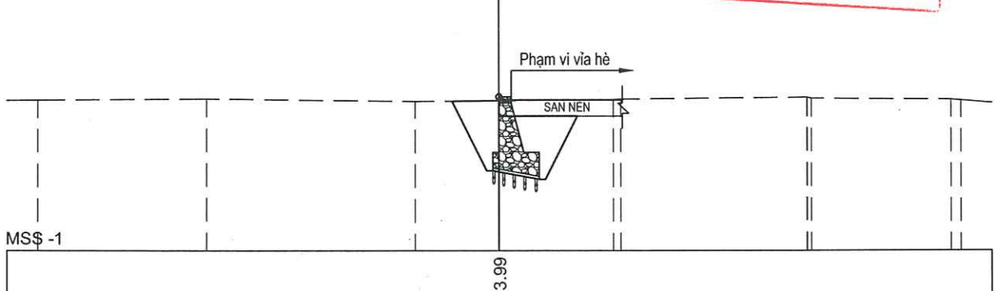

Cao độ thiết kế	3.99									
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	3.88	3.92	3.84	3.86	3.89	3.91	3.96	3.93	3.89	3.86
Khoảng cách mia		5.49	6.79	2.72	3.71	0.25	6.07	0.02	0.13	4.52	0.31

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. CHU VĂN VẬN NGƯỜI VẼ: KS. TRẦN THỊ CHÂM NGƯỜI KIỂM TRA: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
M.S.D.N: 0102...
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TƯỜNG CHẮN TUYẾN 4

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200	BẢN VẼ SỐ: TN-TC-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

ĐIỂN HÌNH TƯỜNG CHẮN

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C102379242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH KÈ H1.2

(TL 1 : 20)

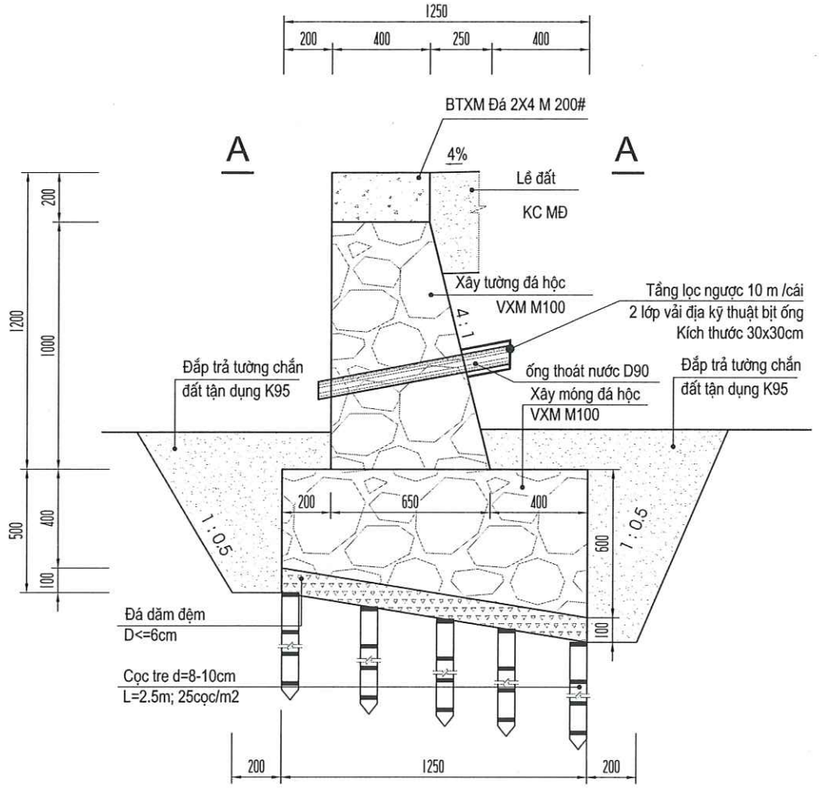

CHI TIẾT VẢI ĐỊA BỊT ĐẦU ỐNG

(TL 1 : 25)

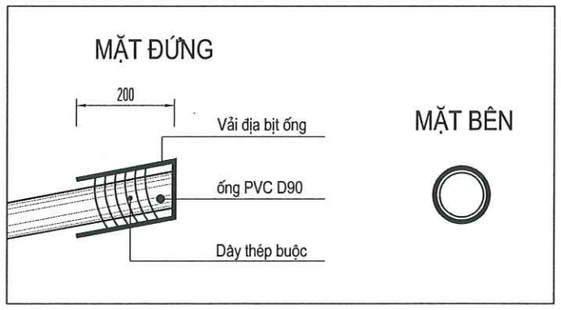

GHI CHÚ
- Trong quá trình thi công lát mái, kè đá hộc, sau khi đào móng, nếu gặp nền địa chất phức tạp, đơn vị thi công cần báo cho tư vấn giám sát, chủ đầu tư để phối hợp với tư vấn thiết kế có biện pháp xử lý
- Kích thước trên bản vẽ là mm, khi tính khối lượng đơn vị của H là m.
- Khe lún đặt cách nhau 10m, chèn bằng bao tải tẩm nhựa đường

CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH KÈ H1.8

(TL 1 : 20)

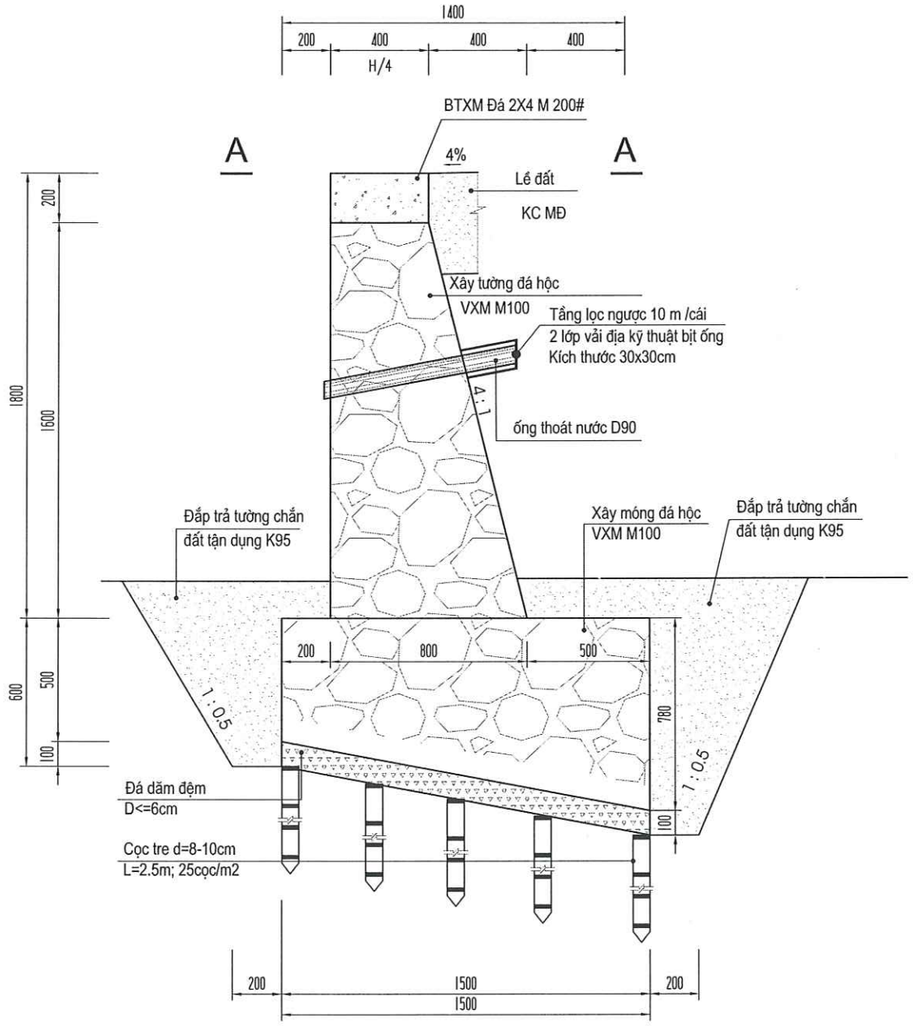

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT TƯỜNG CHẮN ĐÁ HỘC	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/25	BẢN VẼ SỐ: DHTC-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

CHI TIẾT KHE CO GIÃN

(TL 1 : 25)

MẶT ĐỨNG CHÍNH DIỆN

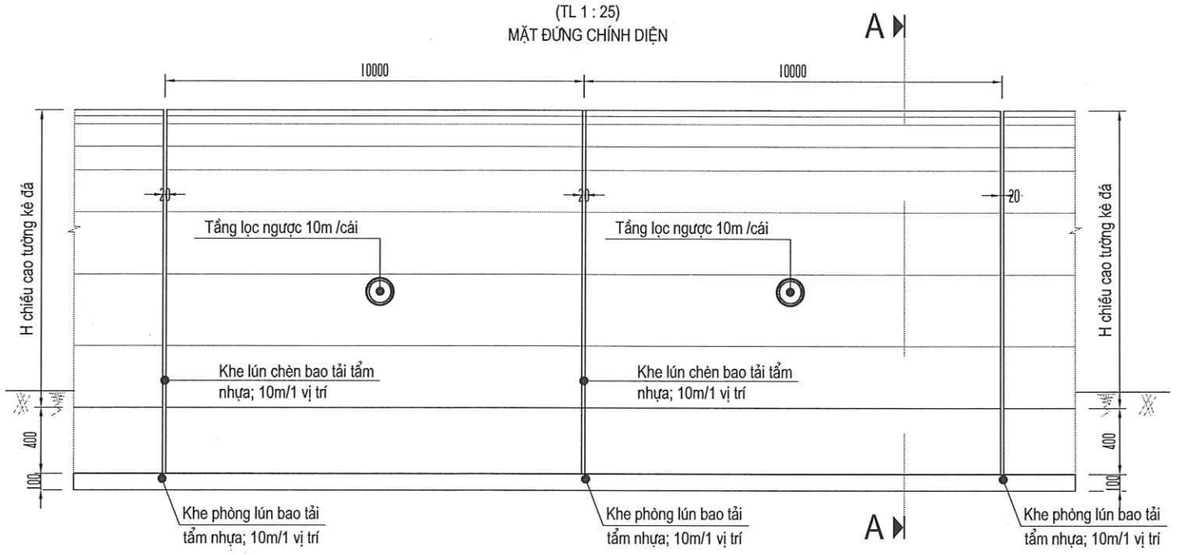

MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH

(TL 1 : 25)

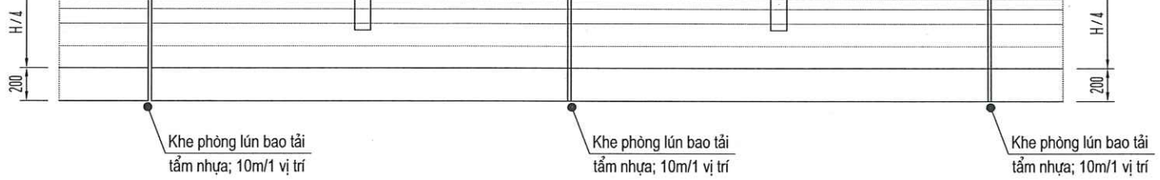

CHI TIẾT VẢI ĐỊA BỊT ĐẦU ỐNG

(TL 1 : 25)

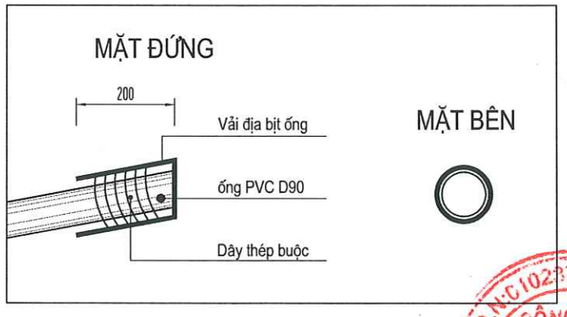

GHI CHÚ
- Trong quá trình thi công kè đá hộc, sau khi đào móng, nếu gặp nền địa chất phức tạp, đơn vị thi công cần báo cho tư vấn giám sát, chủ đầu tư để phối hợp với tư vấn thiết kế có biện pháp xử lý
- Kích thước trên bản vẽ là mm, khi tính khối lượng đơn vị của H là m.
- Khe lún đặt cách nhau 10m, chèn bằng bao tải tẩm nhựa đường

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT KHE CO GIÃN	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/25	BẢN VẼ SỐ: DHTC-02
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		NGUYỄN QUANG HÙNG		

CHI TIẾT KHE CO GIÃN

(TL 1 : 25)

MẶT ĐỨNG CHÍNH DIỆN

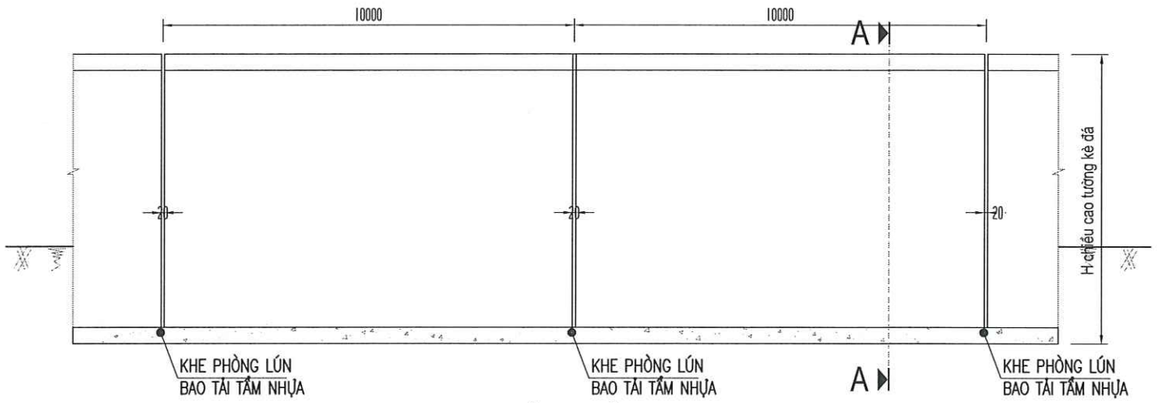

MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH

(TL 1 : 25)

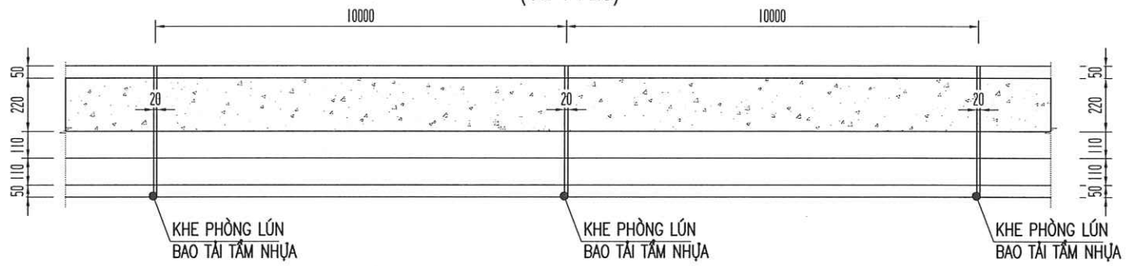

MẶT CẮT BÓ HÈ LOẠI H0.9

(TL 1 : 20)

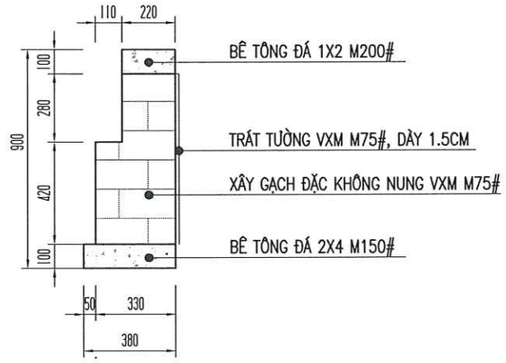

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ

1 - Trong quá trình thi công kè, nếu gặp nền địa chất phức tạp, đơn vị thi công cần báo cho tư vấn giám sát, chủ đầu tư để phối hợp với tư vấn thiết kế có biện pháp xử lý

2 - Khe lún đặt cách nhau 10m, chèn bằng bao tải tẩm nhựa đường

3 - Kích thước trên bản vẽ là mm, khi tính khối lượng đơn vị của H là m.

KHỐI LƯỢNG 1M DÀI KÈ GẠCH XÂY H0.9

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải KL 1m	KL
1	Ván khuôn móng	m2	0.1*2	***0.20***
2	Bê tông móng đá 1x2 M150#	m3	0.38*0.1	***0.04***
3	Xây tường gạch đặc không nung VXM M75	m3	0.42*0.33+0.28*0.22	***0.20***
4	Trát tường VXM M75# dày 1,5cm	m2	0.9-0.2	***0.70***
4	Ván khuôn giằng tường	m2	0.1*2	***0.20***
5	Bê tông giằng đá 1x2 M200#	m2	0.22*0.1	***0.02***
6	Diện tích khe phòng lún (tính cho 1 vị trí)	Vị trí	DT tường+DT móng	***0.22***

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HÙNG

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TÊN BẢN VẼ: CẤU TẠO TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/20 — BẢN VẼ SỐ:
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	LẦN XUẤT BẢN: 01 — MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

CÁC BẢN VẼ NÚT GIAO

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N1

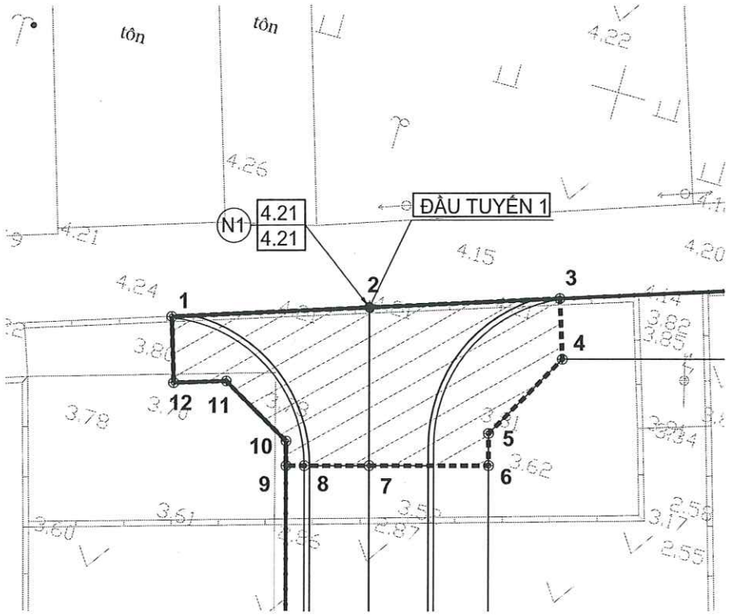

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N2

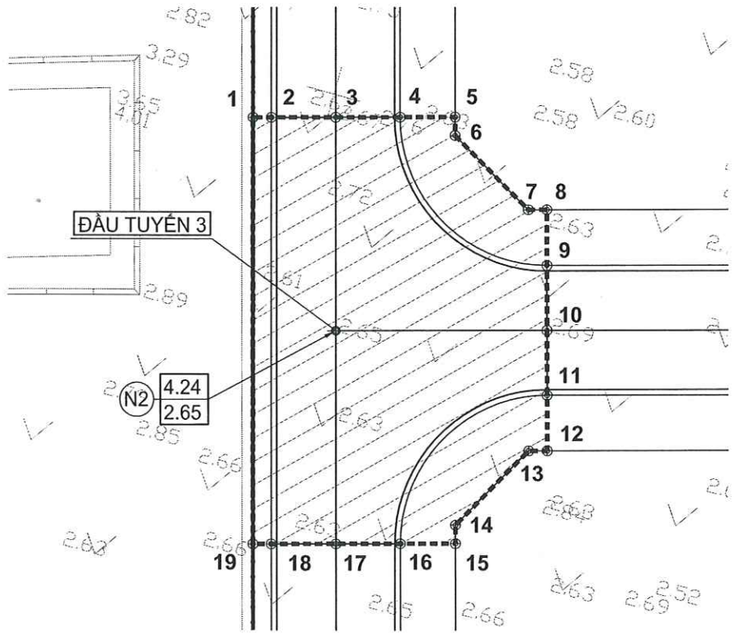

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

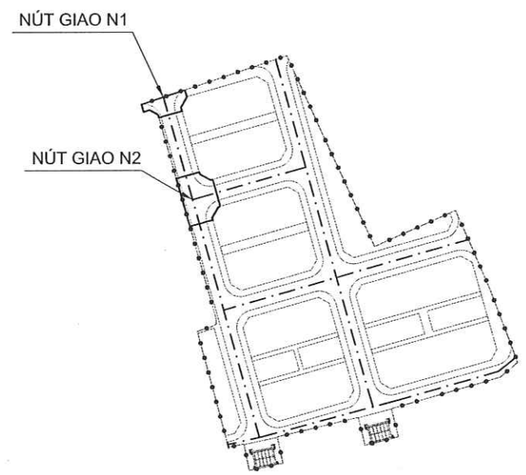

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N1			
STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	142.81	71.41
2	**Tổng**	**142.81**	**71.41**

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N2			
STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	334.01	167.01
2	**Tổng**	**334.01**	**167.01**

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CHÚ THÍCH BẢN VẼ:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VÉT HỮU CƠ 50CM**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: HIỆN TRẠNG NÚT GIAO N1, N2	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-01
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N3

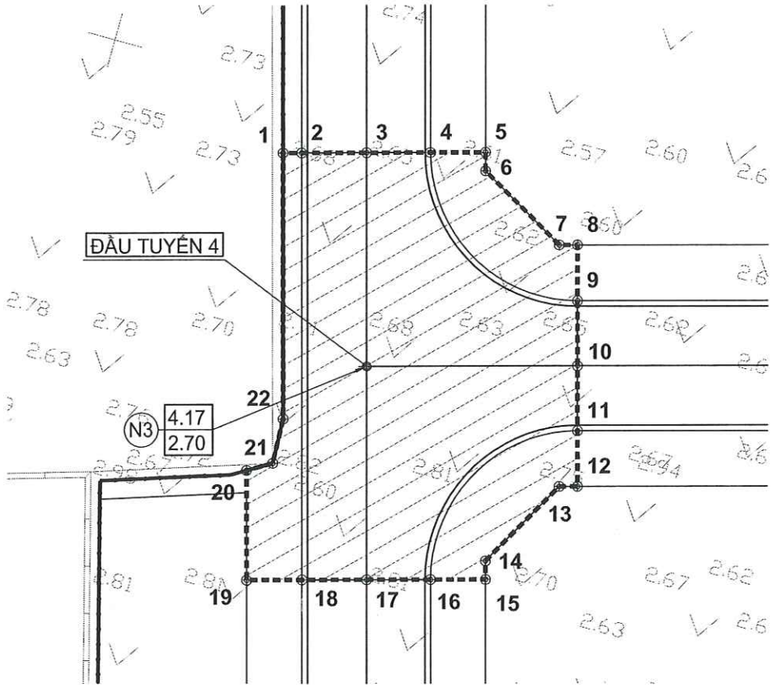

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N4

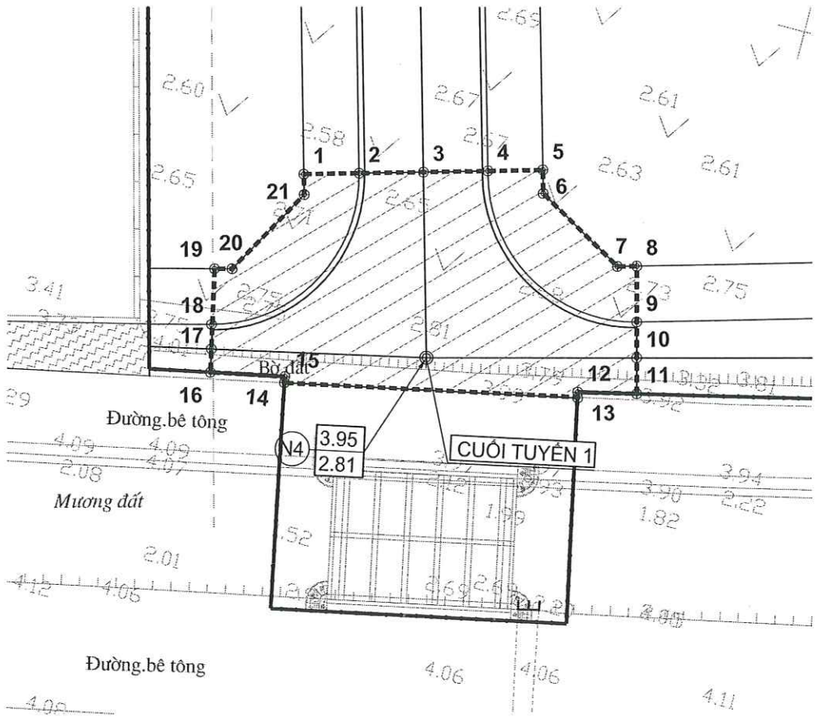

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

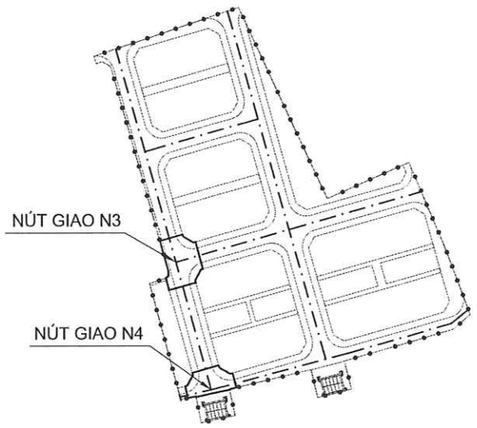

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N3

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	347.01	173.51
2	**Tổng**	**347.01**	**173.51**

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N4

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	232.07	116.04
2	**Tổng**	**232.07**	**116.04**

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CHÚ THÍCH BẢN VẼ:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VÉT HỮU CƠ 50CM**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: HIỆN TRẠNG NÚT GIAO N3, N4	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-02
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N5

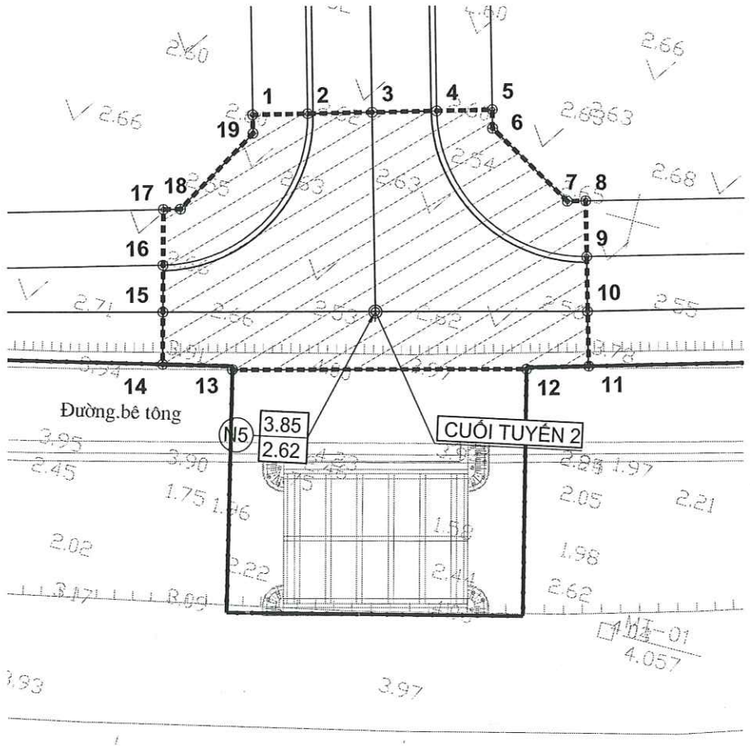

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N6

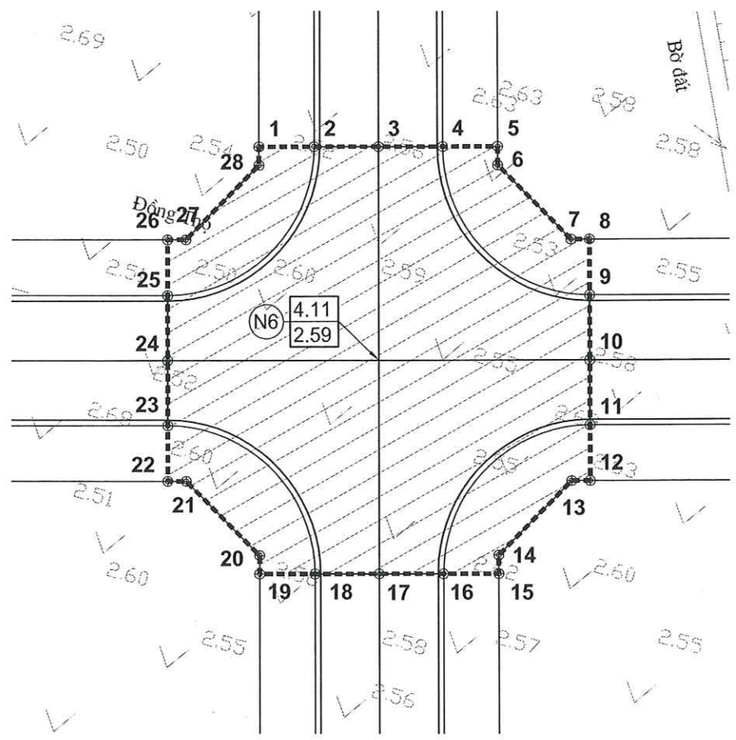

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

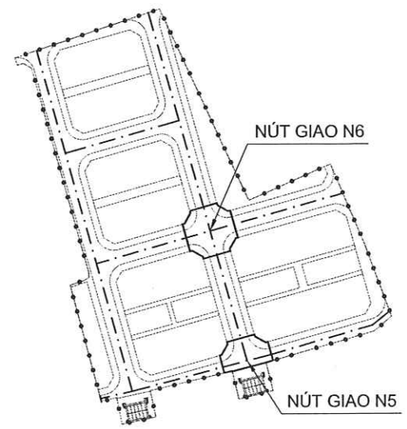

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N5

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	283.43	141.72
2	**Tổng**	**283.43**	**141.72**

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N6

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	461.02	230.51
2	**Tổng**	**461.02**	**230.51**

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CHÚ THÍCH BẢN VẼ:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VÉT HỮU CƠ 50CM**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: HIỆN TRẠNG NÚT GIAO N5, N6
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-03
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N7

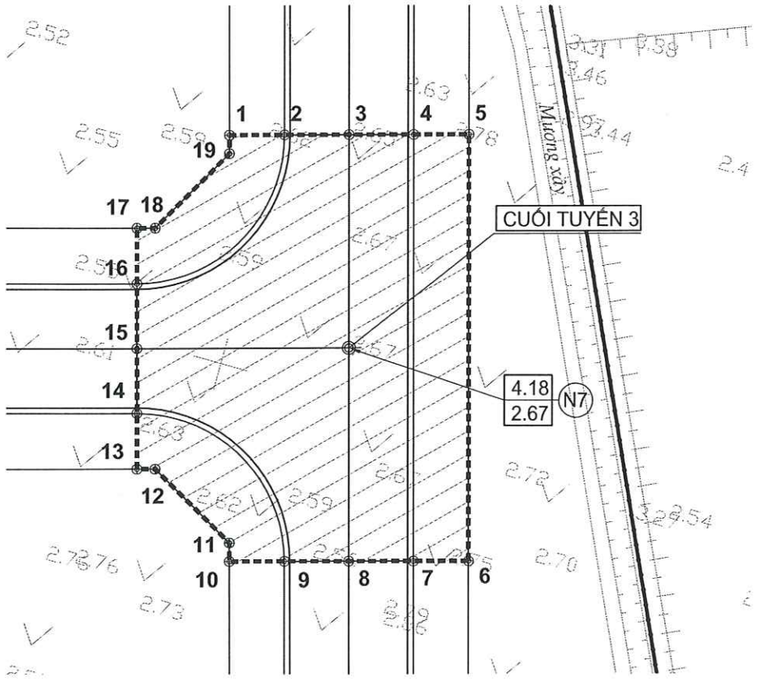

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N8

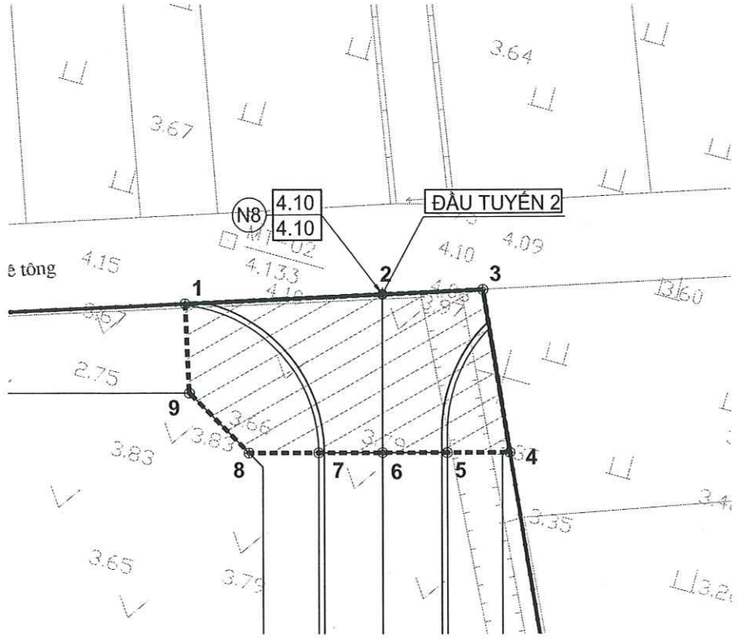

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

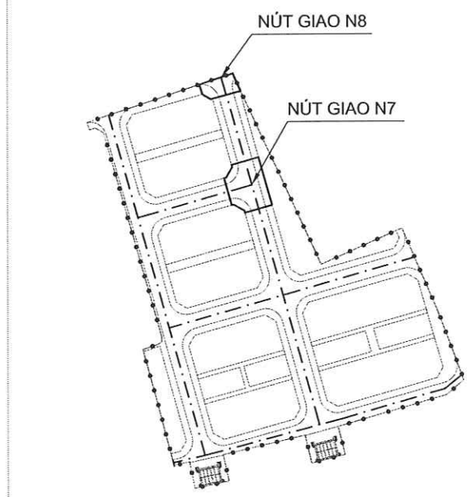

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N7

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	380.00	190.00
2	**Tổng**	**380.00**	**190.00**

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N8

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	136.15	68.08
2	**Tổng**	**136.15**	**68.08**

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CHÚ THÍCH BẢN VẼ:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VÉT HỮU CƠ 50CM**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG	TÊN BẢN VẼ: HIỆN TRẠNG NÚT GIAO N7, N8	
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-04
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N9

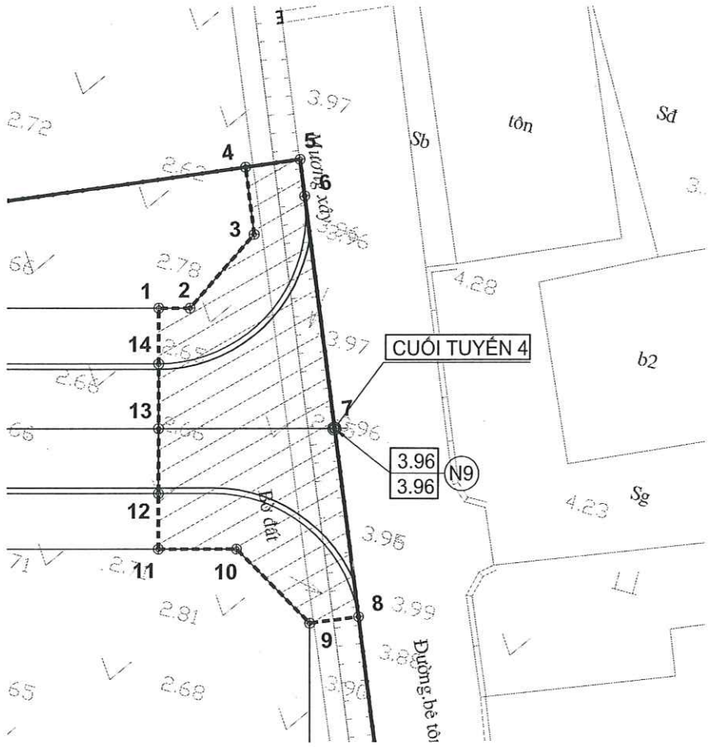

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NÚT N10

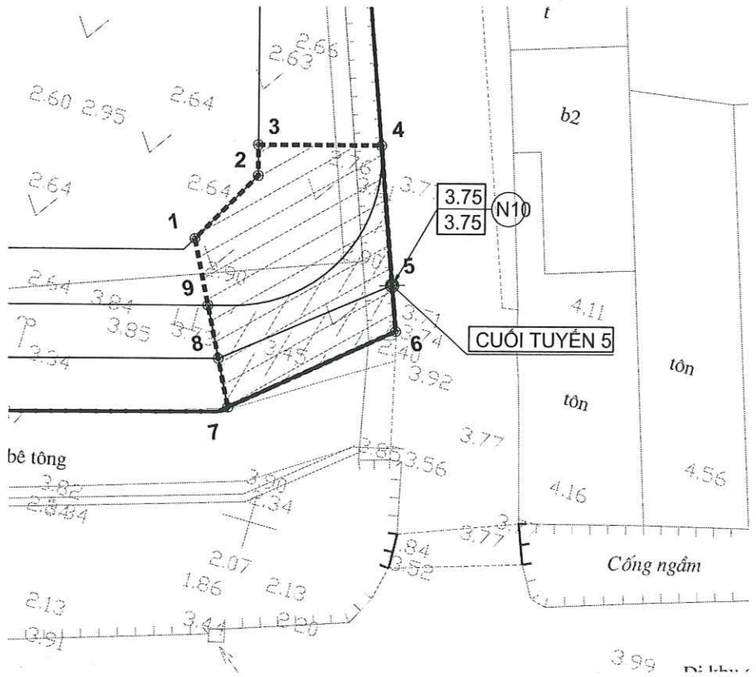

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

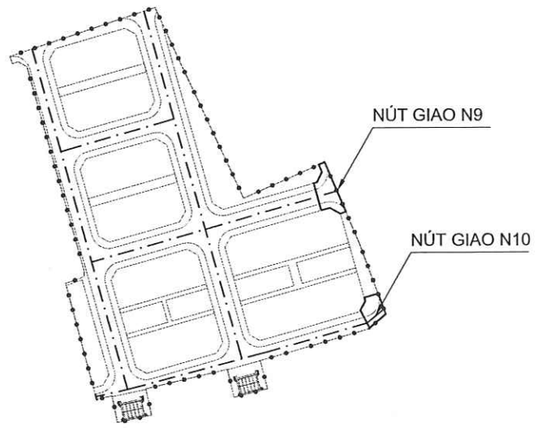

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N9			
STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	173.08	86.54
2	**Tổng**	**173.08**	**86.54**

Khối lượng dọn dẹp mặt bằng nút giao N10			
STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Khối lượng (m3)
1	Phạm vi vét hữu cơ nút giao 0.5m	111.99	56.00
2	**Tổng**	**111.99**	**56.00**

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CHÚ THÍCH BẢN VẼ:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VÉT HỮU CƠ 50CM**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: HIỆN TRẠNG NÚT GIAO N9, N10	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-05
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		NGUYỄN QUANG HÙNG		

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N1

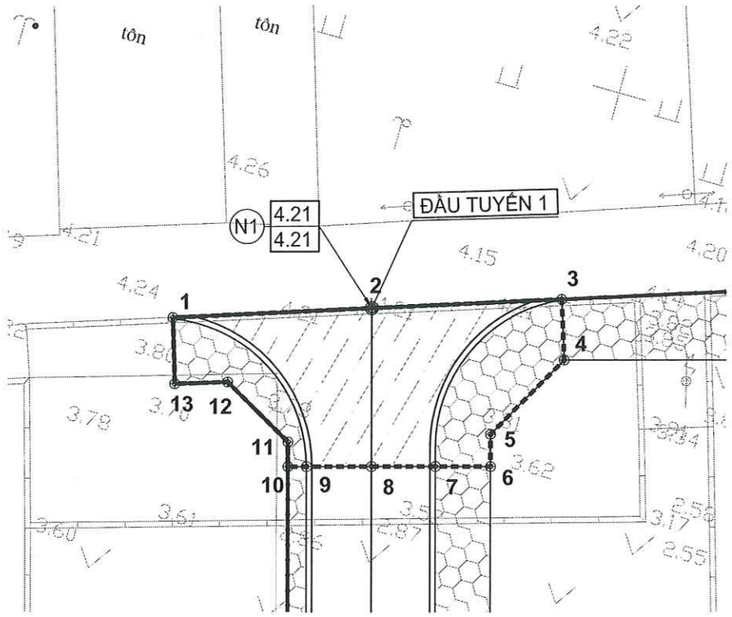

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N2

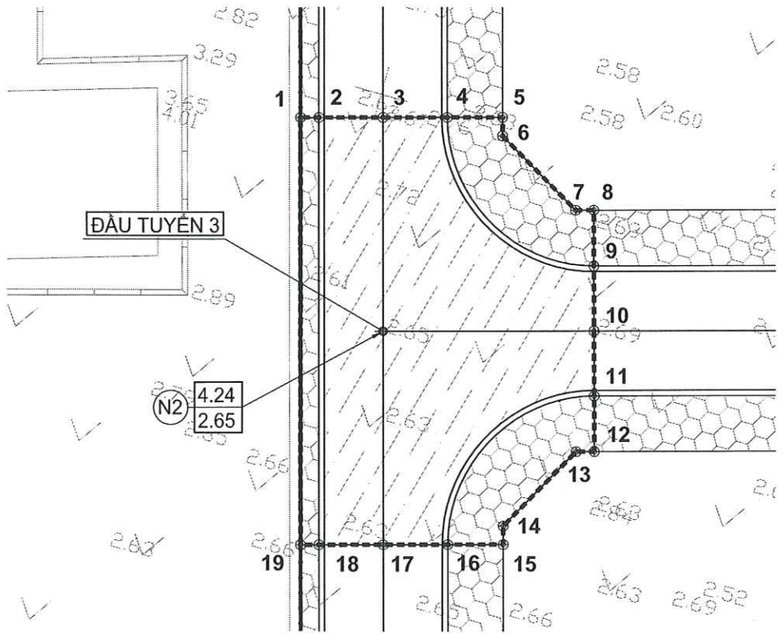

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

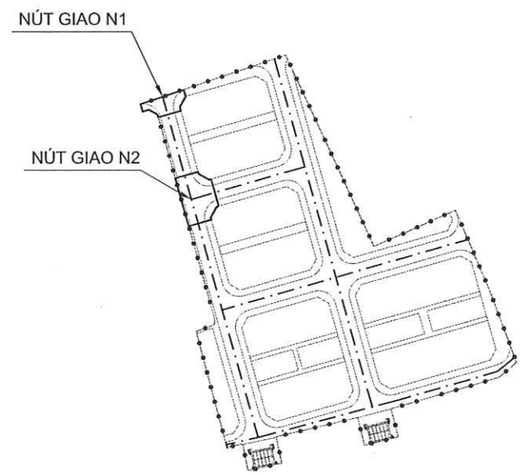

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N1		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287881.813	599629.944
2	2287885.206	599640.182
3	2287888.470	599650.025
4	2287885.364	599651.045
5	2287880.429	599648.279
6	2287878.754	599648.751
7	2287877.941	599645.8629
8	2287876.992	599642.494
9	2287876.044	599639.125
10	2287875.773	599638.162
11	2287877.052	599637.802
12	2287879.281	599633.774
13	2287878.413	599631.013

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N2		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287847.608	599646.093
2	2287847.879	599647.056
3	2287848.828	599650.425
4	2287849.776	599653.794
5	2287850.590	599656.682
6	2287849.627	599656.953
7	2287846.861	599661.887
8	2287847.132	599662.850
9	2287844.244	599663.663
10	2287840.875	599664.612
11	2287837.506	599665.560
12	2287834.619	599666.373
13	2287834.348	599665.411
14	2287829.413	599662.645
15	2287828.451	599662.916
16	2287827.637	599660.028
17	2287826.689	599656.659
18	2287825.740	599653.290
19	2287825.469	599652.328

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN
- TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: TỌA ĐỘ NÚT GIAO N1, N2
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-06
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N3

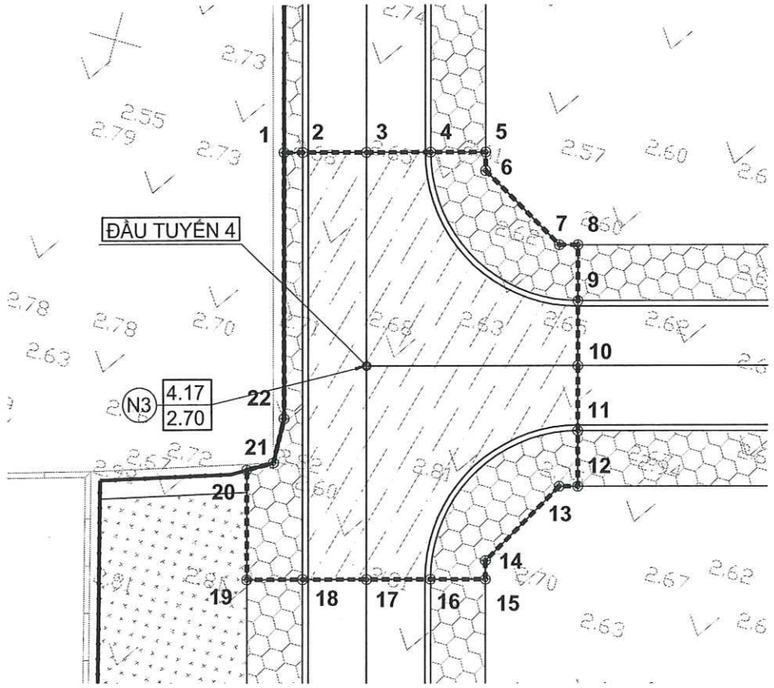

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N4

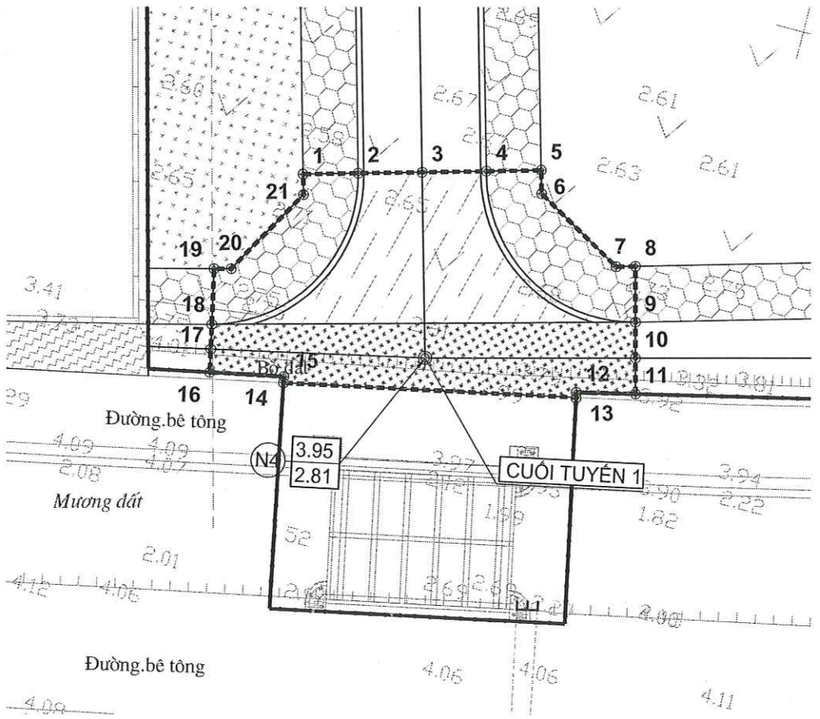

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

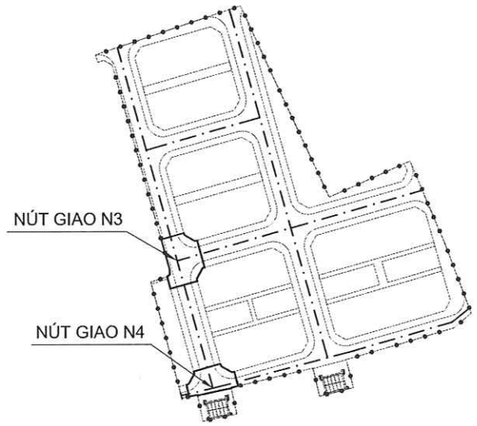

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N3		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287796.592	599660.459
2	2287796.863	599661.422
3	2287797.812	599664.791
4	2287798.761	599668.160
5	2287799.574	599671.047
6	2287798.611	599671.318
7	2287795.845	599676.253
8	2287796.116	599677.215
9	2287793.228	599678.029
10	2287789.859	599678.977
11	2287786.490	599679.926
12	2287783.603	599680.739
13	2287783.332	599679.777
14	2287778.397	599677.011
15	2287777.435	599677.282
16	2287776.622	599674.394
17	2287775.673	599671.025
18	2287774.724	599667.656
19	2287773.911	599664.768
20	2287779.605	599663.165
21	2287780.363	599664.438
22	2287782.806	599664.341

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N4		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287735.663	599675.539
2	2287736.476	599678.426
3	2287737.421	599681.796
4	2287738.373	599685.164
5	2287739.186	599688.052
6	2287737.970	599688.395
7	2287735.204	599693.329
8	2287735.491	599694.350
9	2287732.589	599695.110
10	2287730.718	599695.595
11	2287728.847	599696.090
12	2287728.116	599692.946
13	2287727.809	599693.010
14	2287724.538	599677.376
15	2287724.871	599677.306
16	2287724.058	599673.343
17	2287725.282	599673.071
18	2287726.581	599672.783
19	2287729.500	599672.137
20	2287729.744	599673.051
21	2287734.600	599675.838

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: TỌA ĐỘ NÚT GIAO N3, N4
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-07
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N5

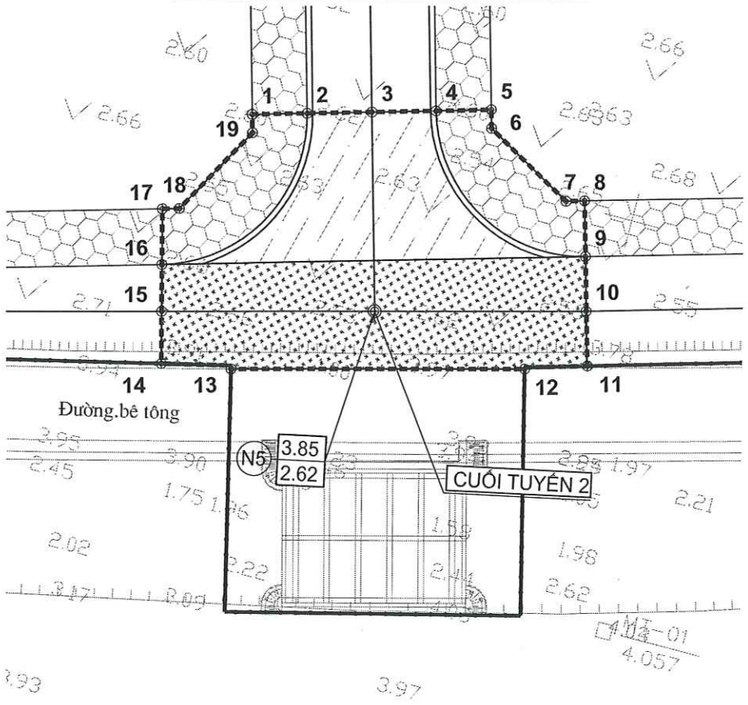

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N5		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287750.312	599728.553
2	2287751.122	599731.441
3	2287752.073	599734.809
4	2287753.022	599738.178
5	2287753.841	599741.064
6	2287752.877	599741.336
7	2287750.111	599746.270
8	2287750.384	599747.239
9	2287747.499	599748.061
10	2287744.661	599748.856
11	2287741.831	599749.678
12	2287740.814	599746.424
13	2287736.765	599730.981
14	2287736.095	599727.244
15	2287738.820	599726.542
16	2287741.261	599725.907
17	2287744.168	599725.165
18	2287744.419	599726.056
19	2287749.354	599728.822

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N6

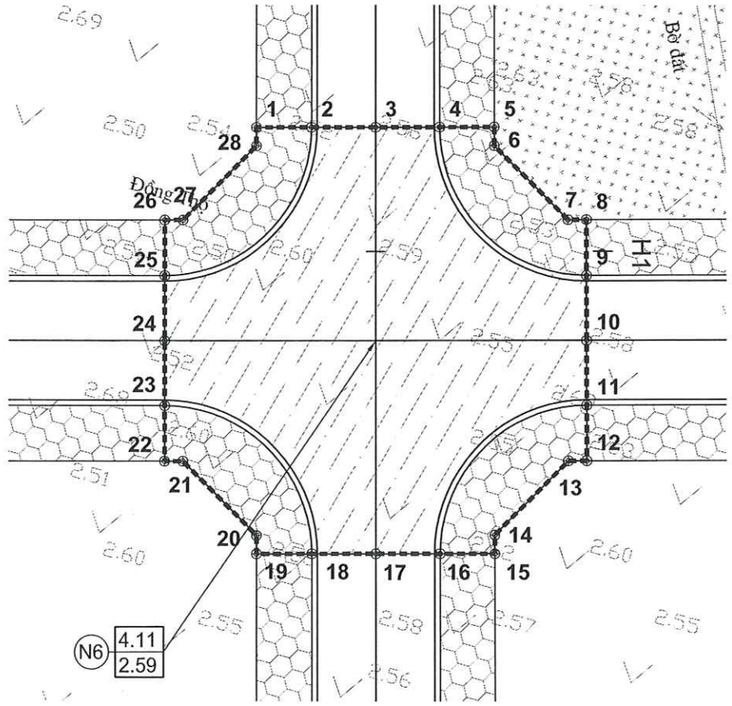

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N6		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287810.953	599711.477
2	2287811.771	599714.363
3	2287812.718	599717.732
4	2287813.668	599721.101
5	2287814.483	599723.988
6	2287813.519	599724.260
7	2287810.753	599729.194
8	2287811.024	599730.157
9	2287808.136	599730.970
10	2287804.767	599731.918
11	2287801.398	599732.867
12	2287798.510	599733.680
13	2287798.239	599732.718
14	2287793.305	599729.952
15	2287792.337	599730.224
16	2287791.526	599727.336
17	2287790.579	599723.966
18	2287789.632	599720.597
19	2287788.820	599717.709
20	2287789.781	599717.438
21	2287792.547	599712.504
22	2287792.276	599711.541
23	2287795.164	599710.728
24	2287798.533	599709.779
25	2287801.902	599708.831
26	2287804.790	599708.018
27	2287805.061	599708.980
28	2287809.995	599711.746

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

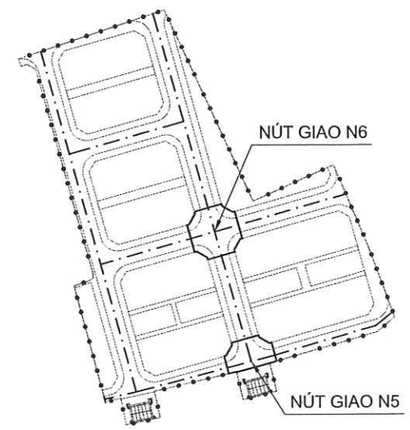

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: TỌA ĐỘ NÚT GIAO N5, N6
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-08
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N7

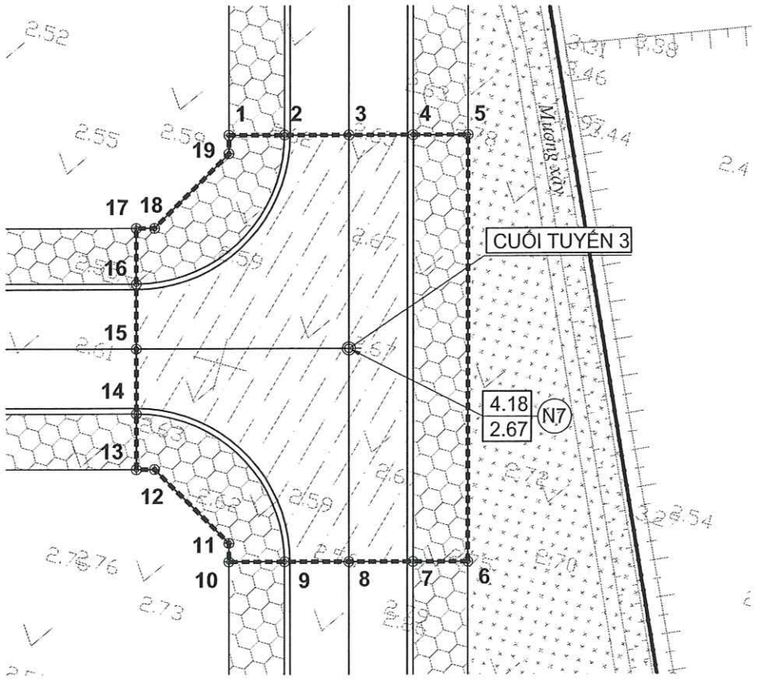

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N8

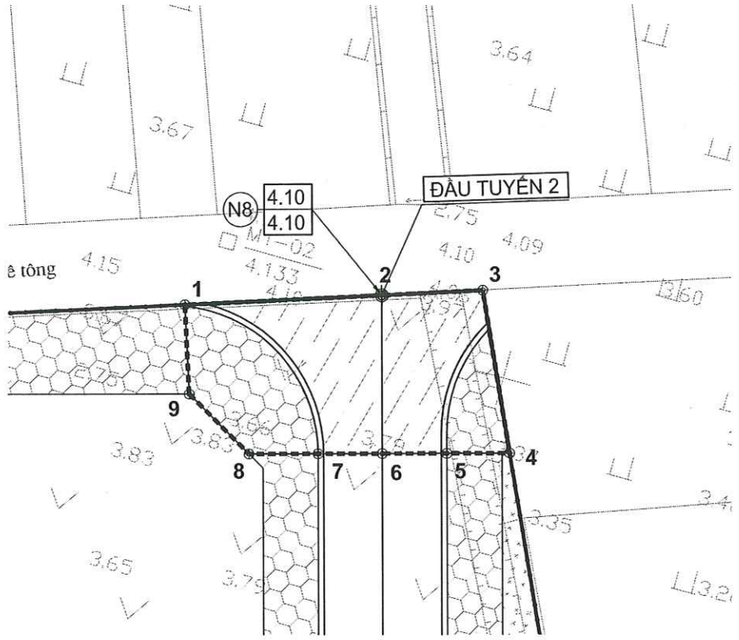

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

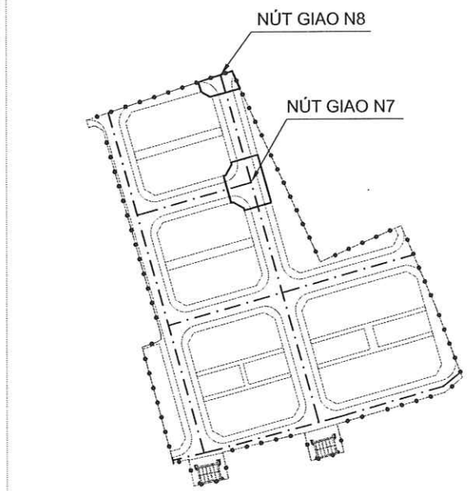

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N7		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287861.972	599697.110
2	2287862.787	599699.997
3	2287863.734	599703.367
4	2287864.682	599706.736
5	2287865.496	599709.623
6	2287843.357	599715.857
7	2287842.543	599712.970
8	2287841.595	599709.601
9	2287840.648	599706.231
10	2287839.833	599703.344
11	2287840.797	599703.073
12	2287843.563	599698.138
13	2287843.292	599697.175
14	2287846.180	599696.362
15	2287849.549	599695.414
16	2287852.918	599694.465
17	2287855.806	599693.652
18	2287856.077	599694.614
19	2287861.011	599697.380

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N8		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287899.145	599682.245
2	2287902.525	599692.443
3	2287904.253	599697.658
4	2287896.186	599701.409
5	2287895.261	599698.125
6	2287894.314	599694.755
7	2287893.364	599691.387
8	2287892.343	599687.762
9	2287894.579	599683.772

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

M.S.D.N: 0102378242 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HƯNG

TÊN BẢN VẼ: TỌA ĐỘ NÚT GIAO N7, N8

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-09
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N9

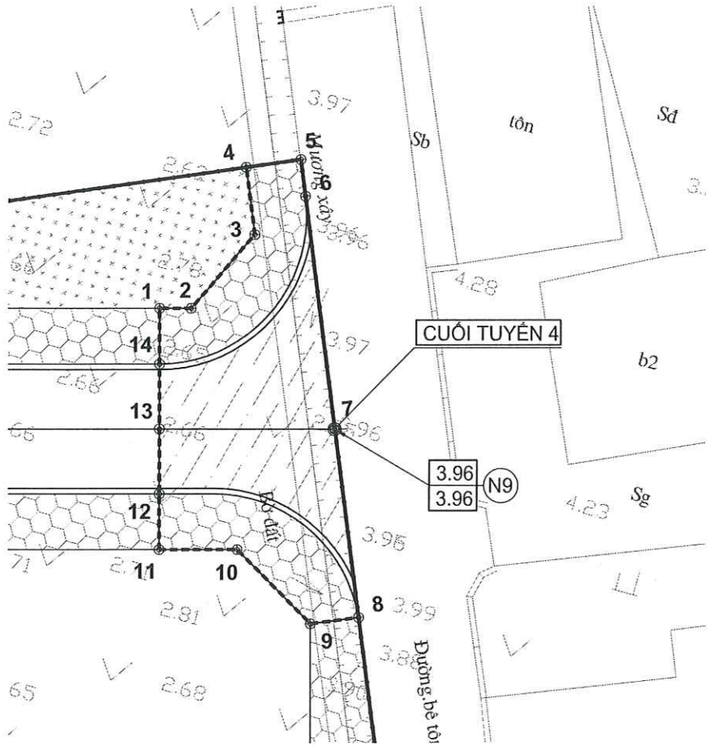

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ NÚT GIAO N10

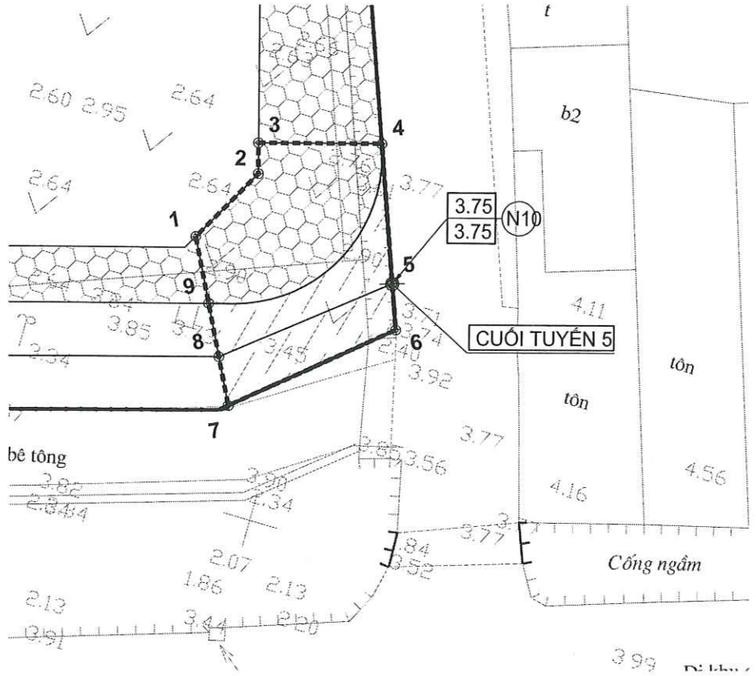

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

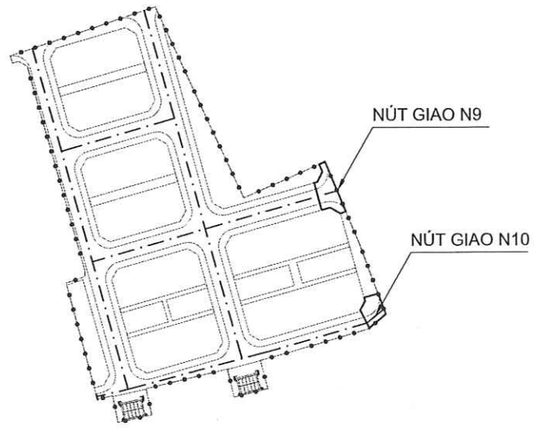

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N9		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287822.608	599771.297
2	2287823.068	599772.928
3	2287827.830	599775.206
4	2287831.186	599773.771
5	2287832.392	599776.518
6	2287830.567	599777.299
7	2287818.940	599782.250
8	2287809.526	599786.294
9	2287808.484	599783.855
10	2287811.250	599778.921
11	2287810.095	599774.820
12	2287812.983	599774.007
13	2287816.352	599773.059
14	2287819.721	599772.110

TỌA ĐỘ NÚT GIAO N10		
STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2287763.856	599792.885
2	2287768.056	599795.239
3	2287769.660	599794.788
4	2287771.468	599801.247
5	2287764.405	599803.877
6	2287762.061	599804.750
7	2287755.611	599797.131
8	2287757.994	599795.908
9	2287760.594	599794.565

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: TỌA ĐỘ NÚT GIAO N9, N10	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-10
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N1

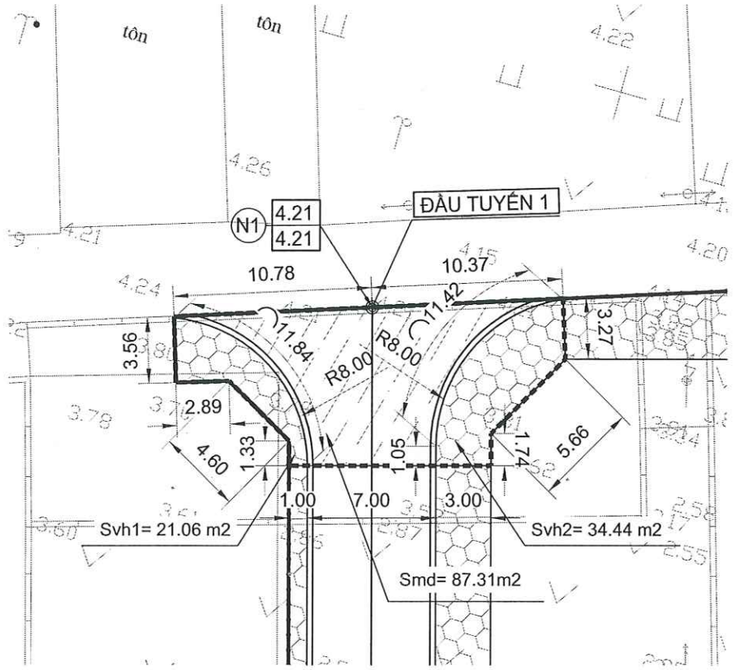

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N2

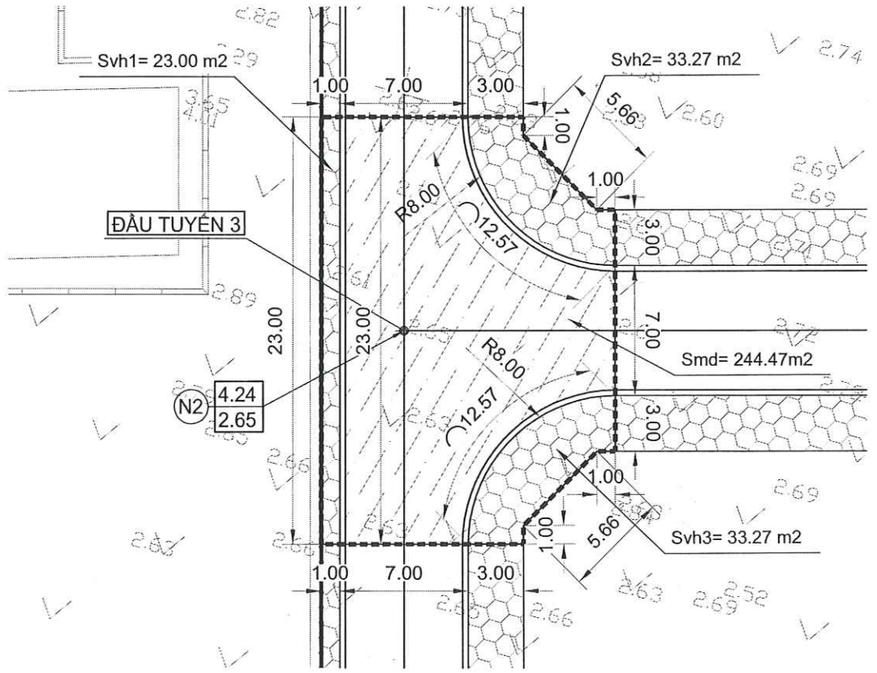

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

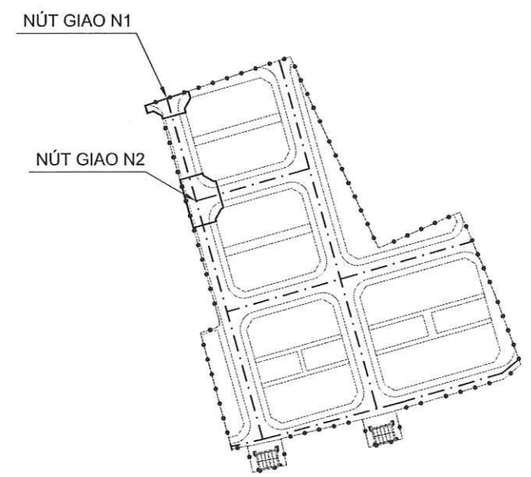

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN; TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N1, N2
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-11
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N3

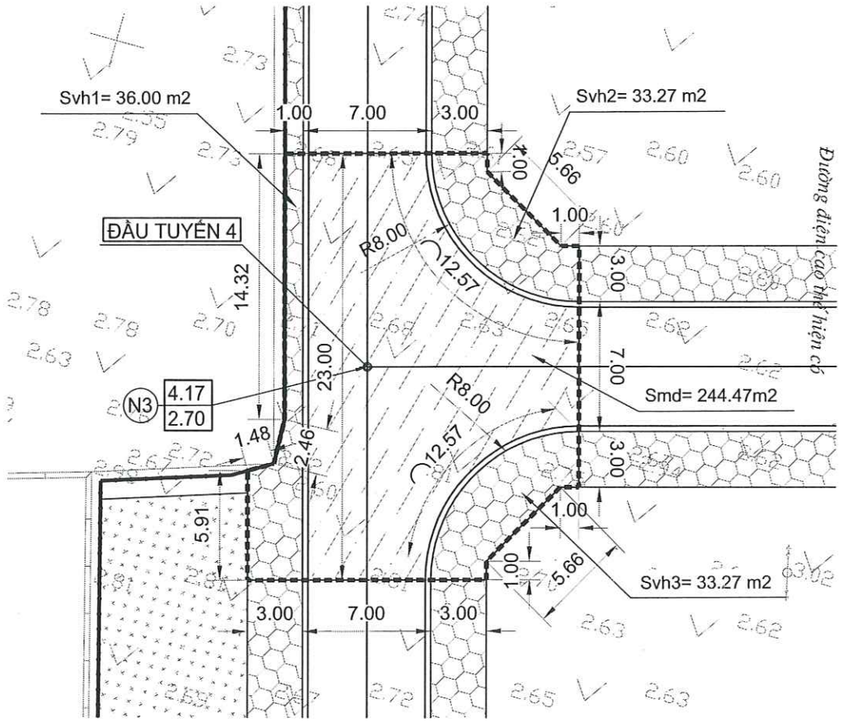

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N4

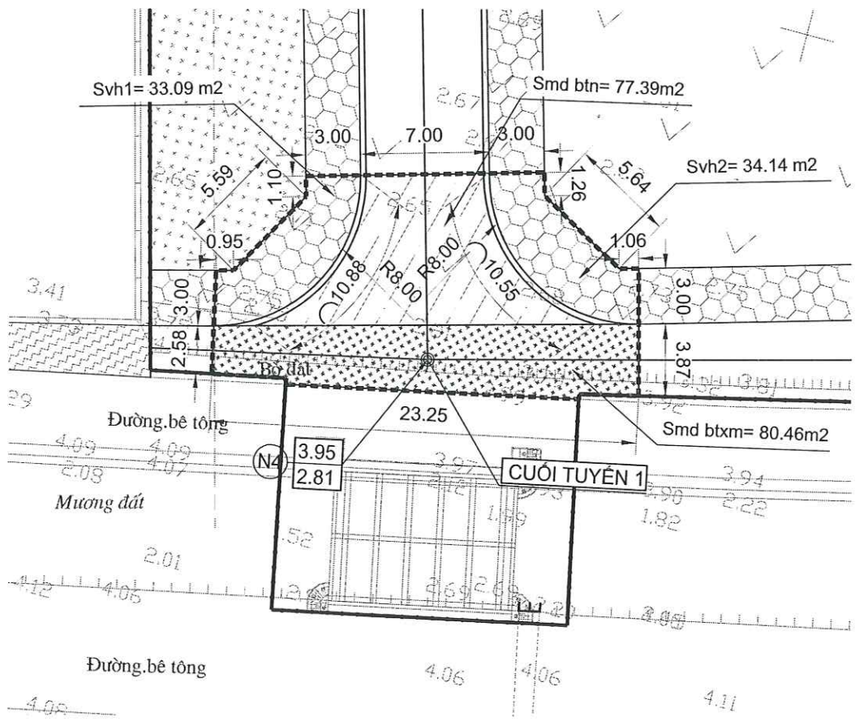

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

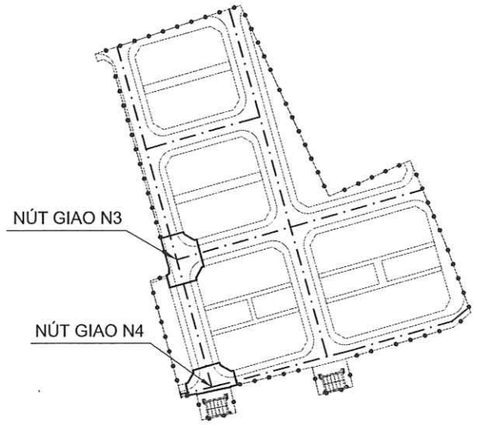

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

M.S.D.N: 0102378242 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI H. THANH TRÌ TP. HÀ NỘI

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N3, N4	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		NGUYỄN QUANG HÙNG	TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-12
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N5

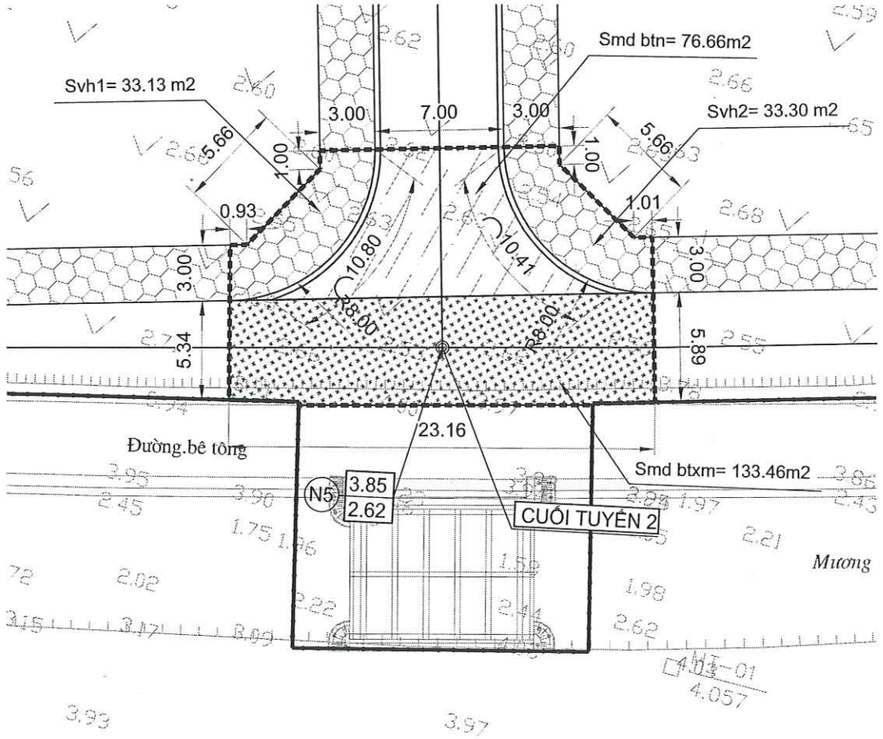

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N6

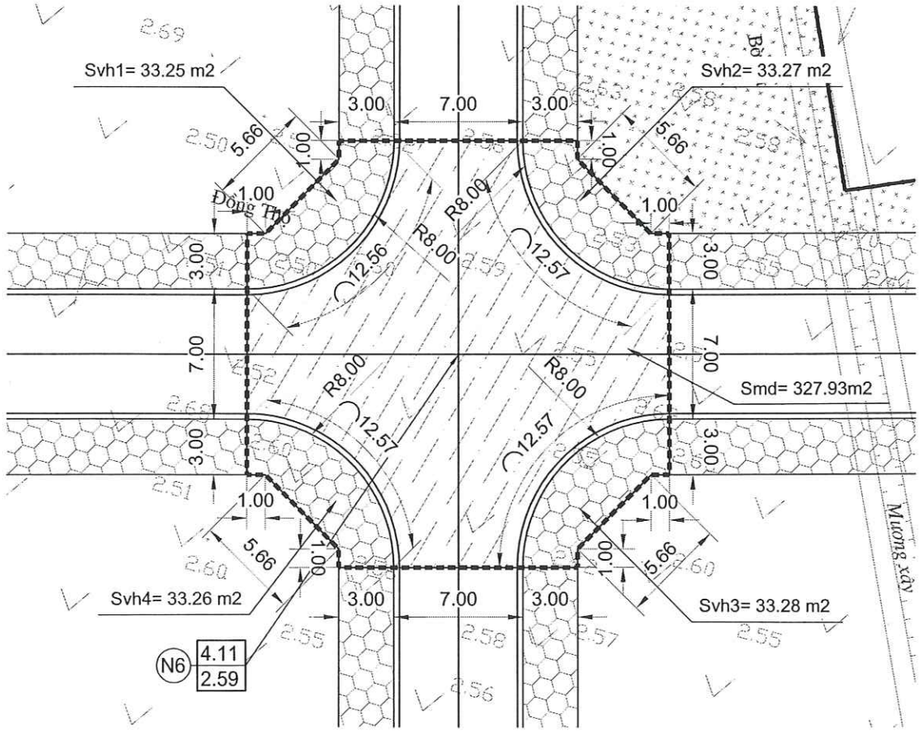

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

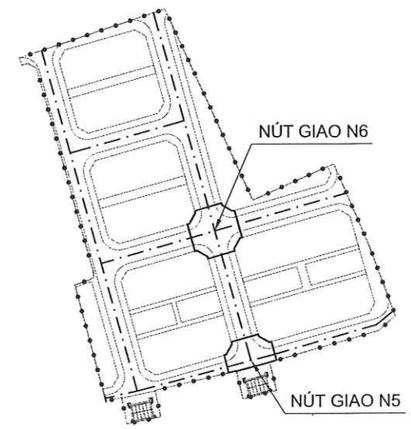

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- PHẠM VI VỈA HÈ
- PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N5, N6	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-13
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N7

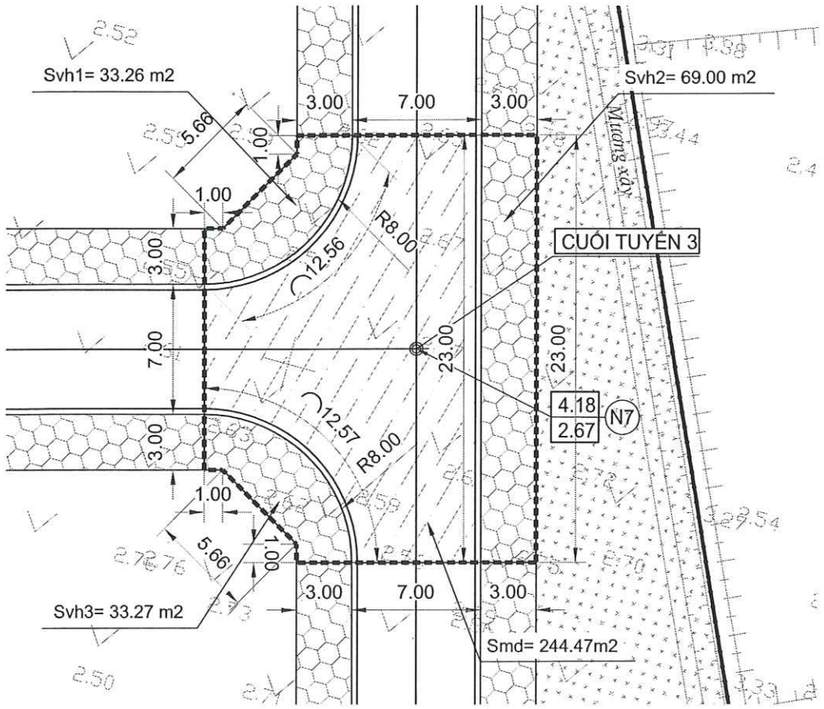

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N8

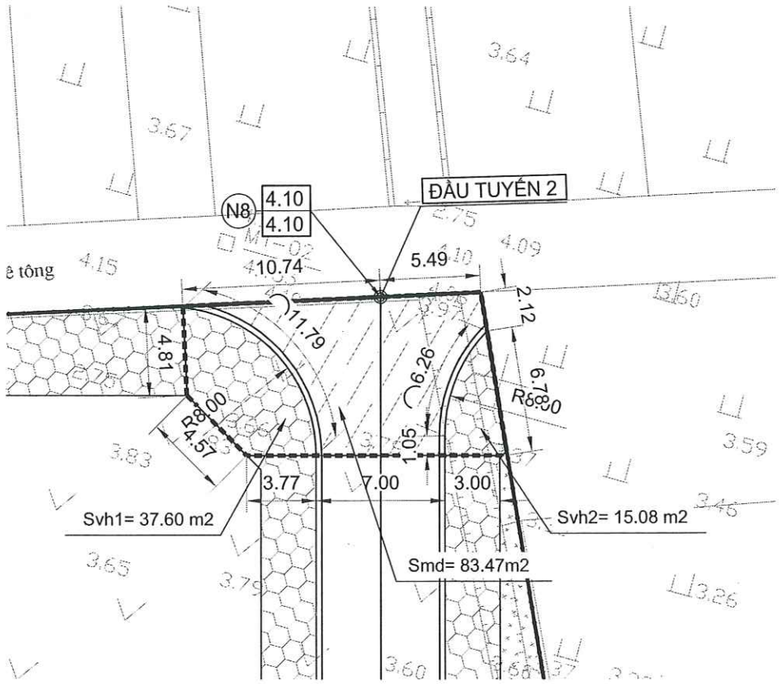

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

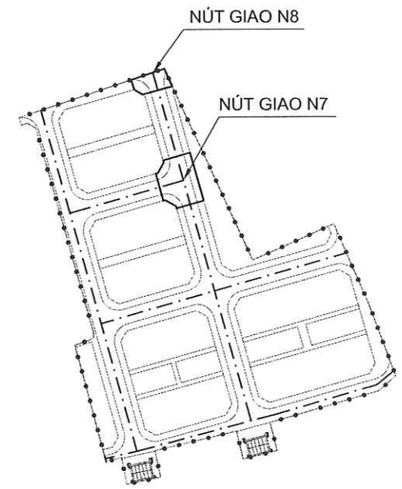

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N7, N8	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-14
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N9

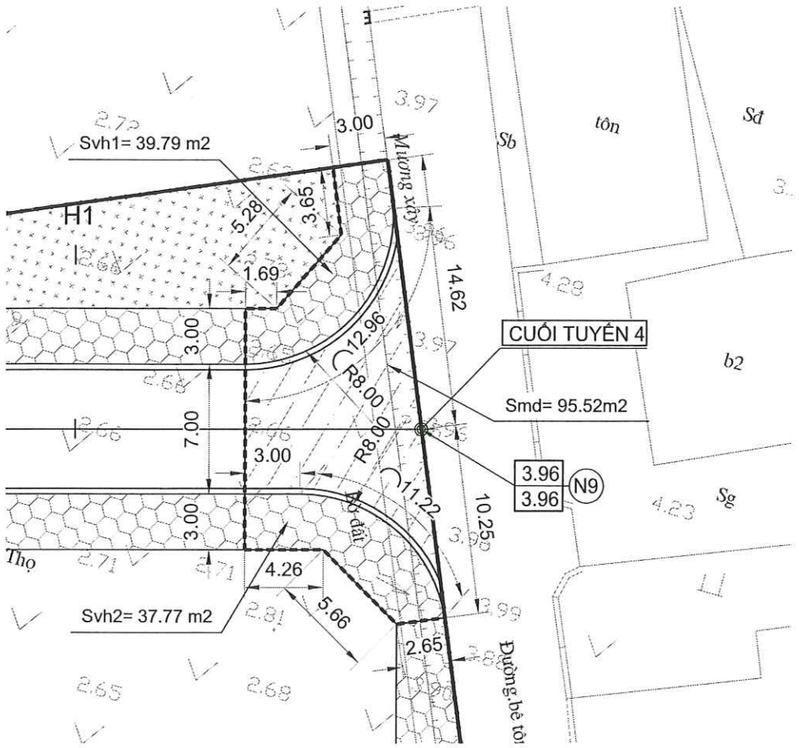

MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N10

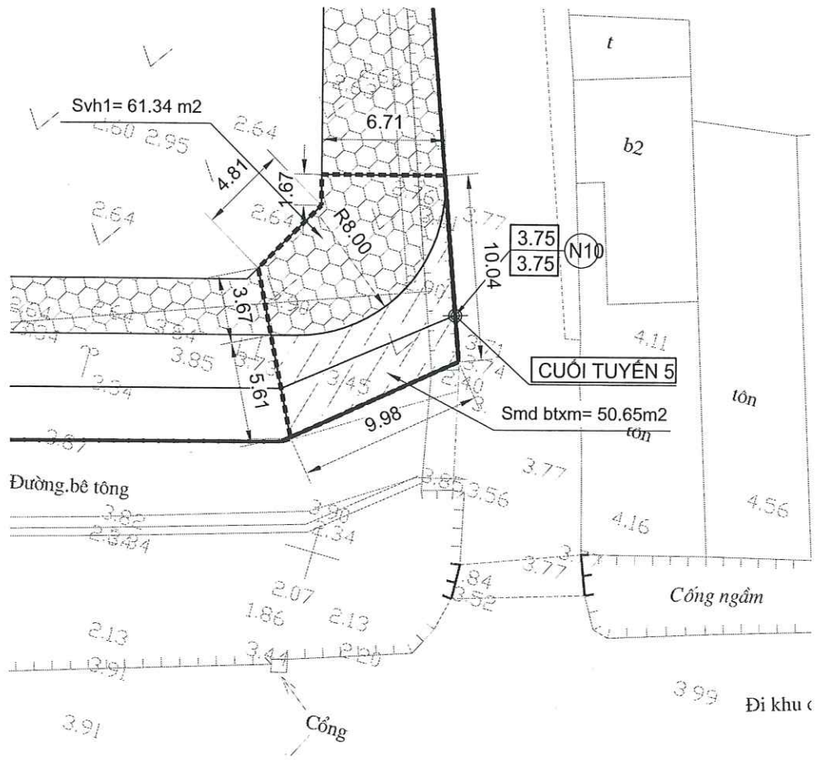

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

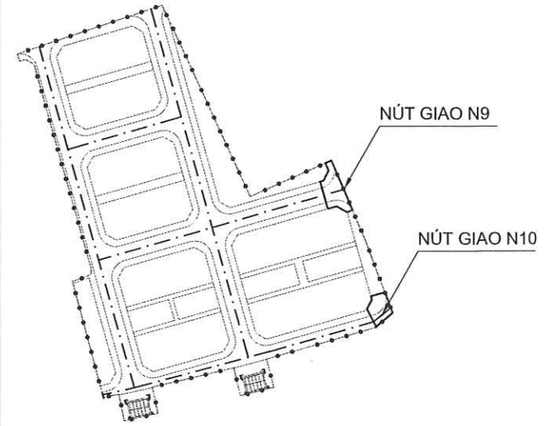

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN
- TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THIẾT KẾ NÚT GIAO N9, N10
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-15
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỎNG MỨC NÚT GIAO N1

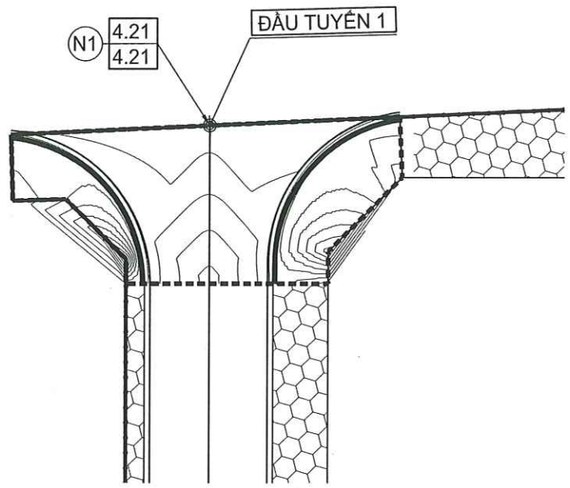

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỎNG MỨC NÚT GIAO N2

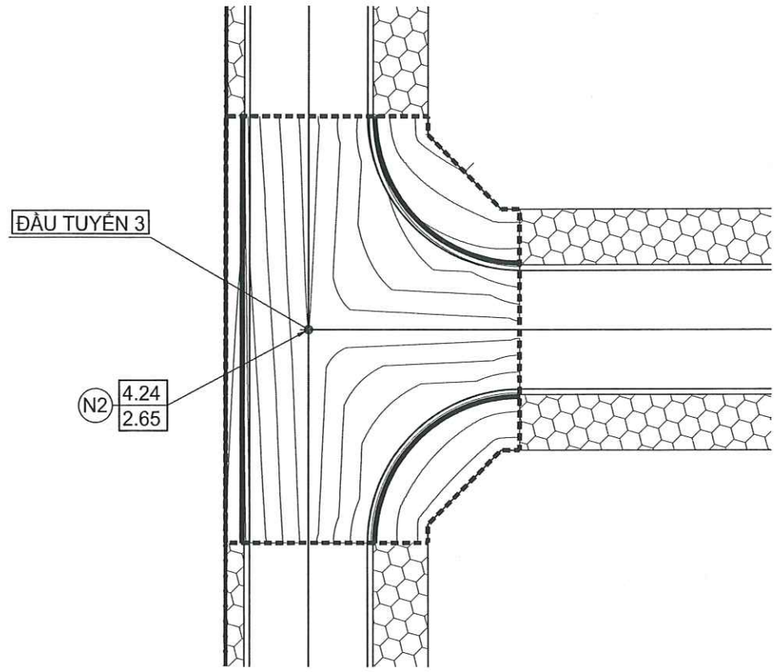

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

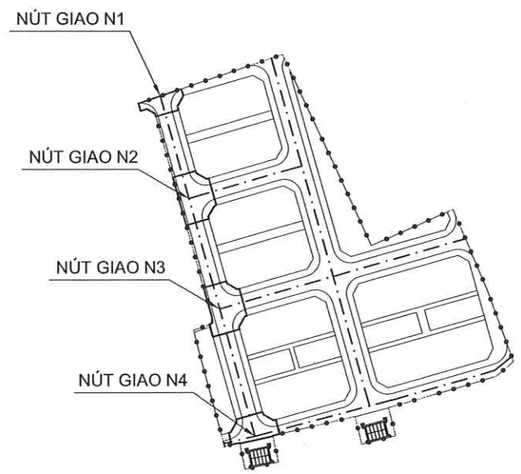

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỎNG MỨC NÚT GIAO N3

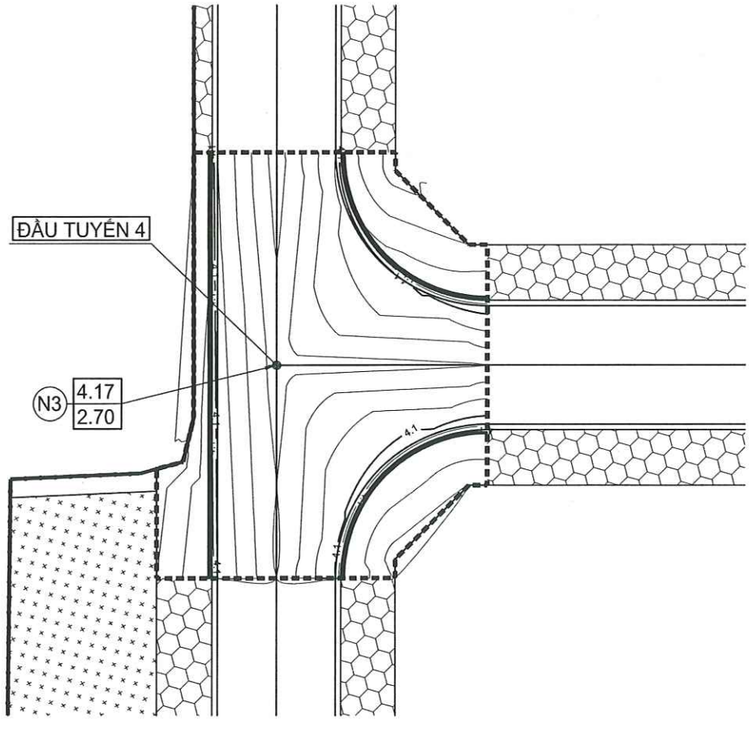

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỎNG MỨC NÚT GIAO N4

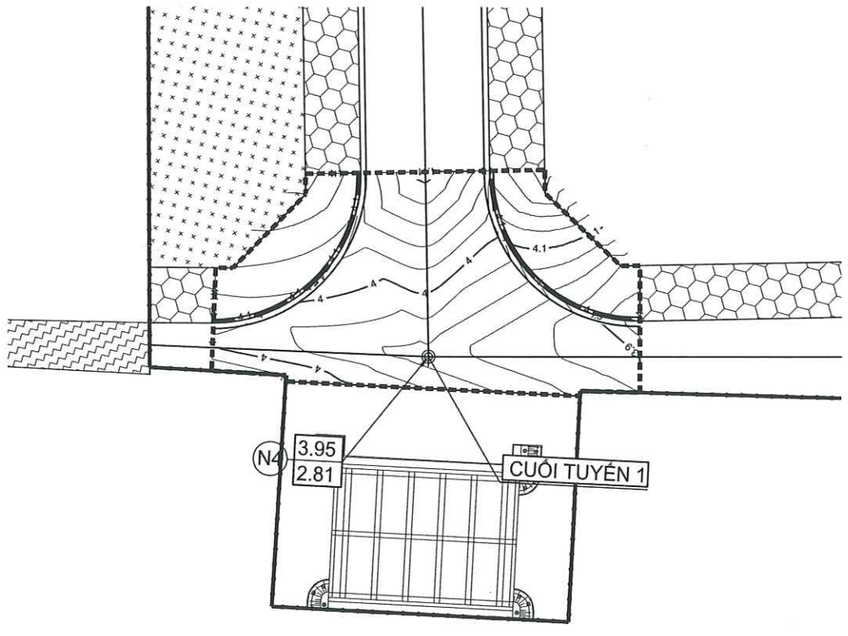

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỎNG MỨC NÚT GIAO N1, N2, N3, N4

TỶ LỆ BẢN VẼ: | BẢN VẼ SỐ: NG-16

LẦN XUẤT BẢN: 01 | MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC NÚT GIAO N5

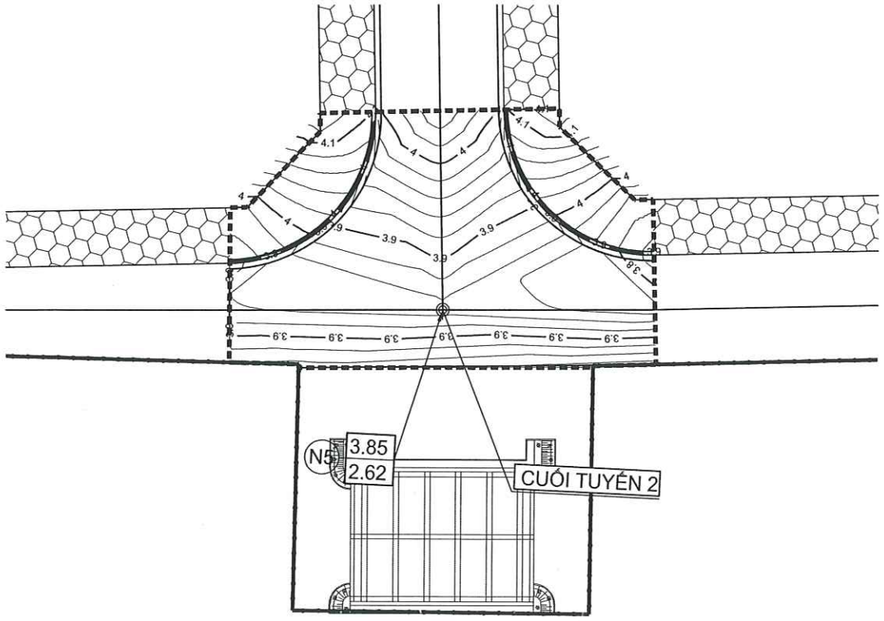

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC NÚT GIAO N6

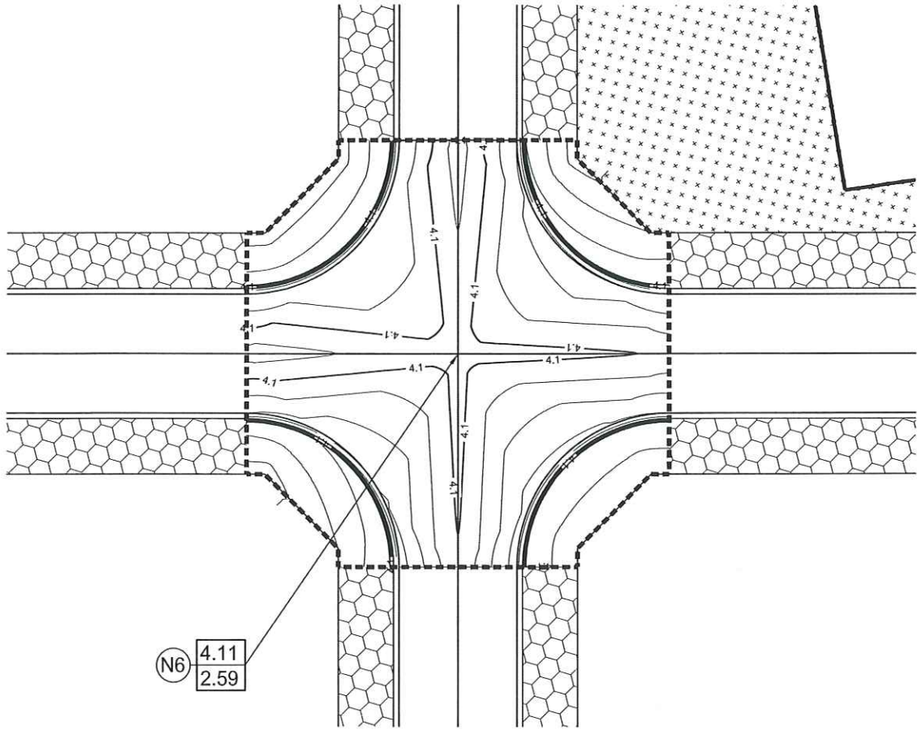

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

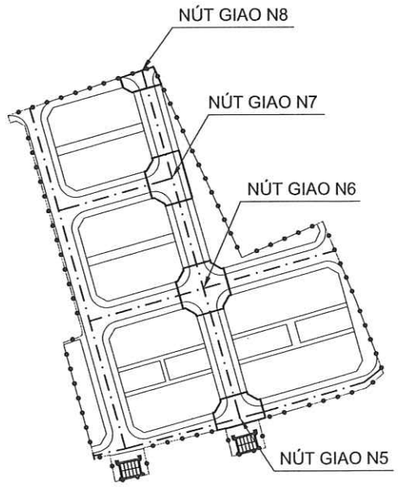

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC NÚT GIAO N7

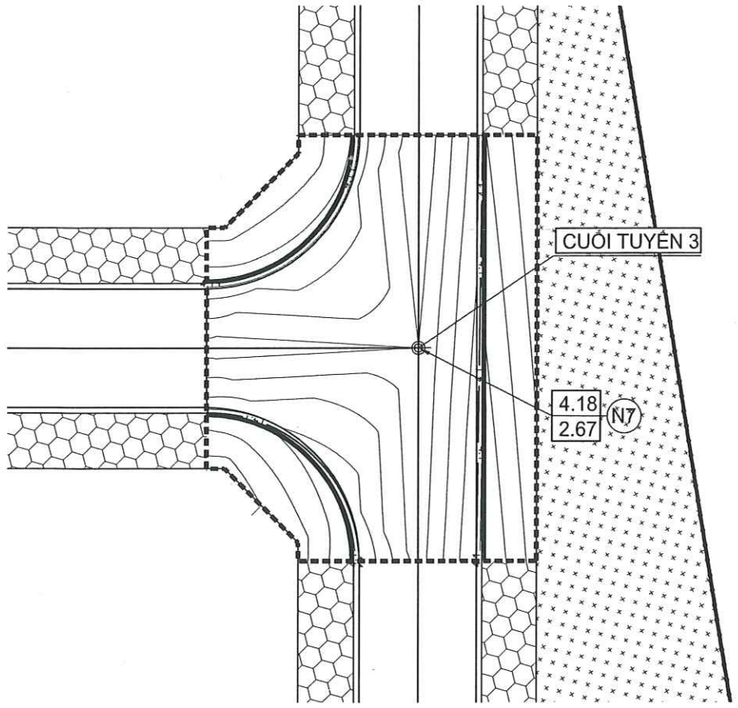

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC NÚT GIAO N8

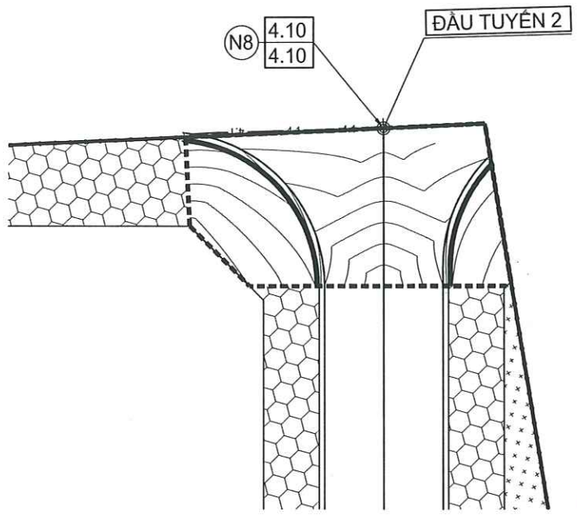

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN / TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. CHU VĂN VẬN NGƯỜI VẼ: KS. TRẦN THỊ CHÂM NGƯỜI KIỂM TRA: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN

M.S.D.N: C102379242 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC NÚT GIAO N5, N6, N7, N8

TỶ LỆ BẢN VẼ: | BẢN VẼ SỐ: NG-17

LẦN XUẤT BẢN: 01 | MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC NÚT GIAO N9

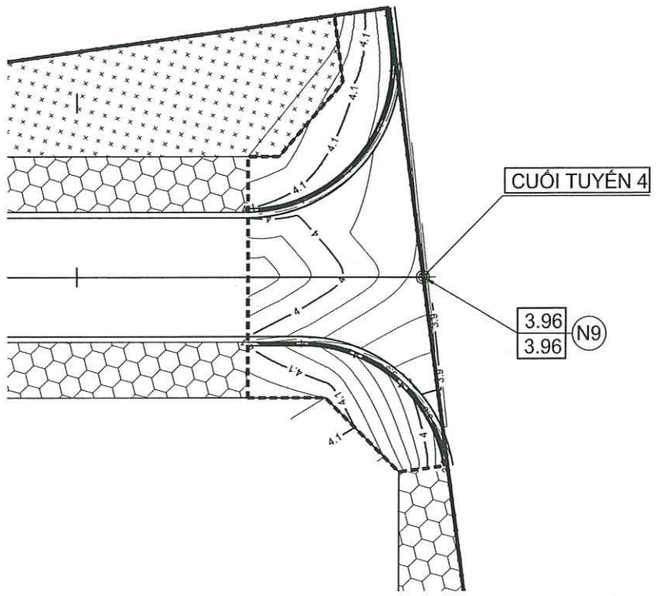

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC NÚT GIAO N10

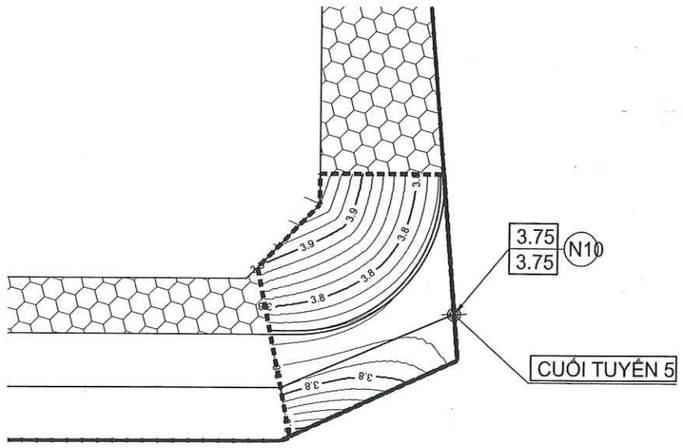

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

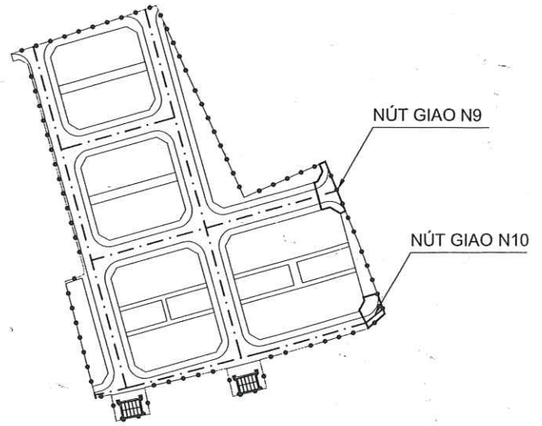

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC NÚT GIAO N9, N10
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-18
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N1

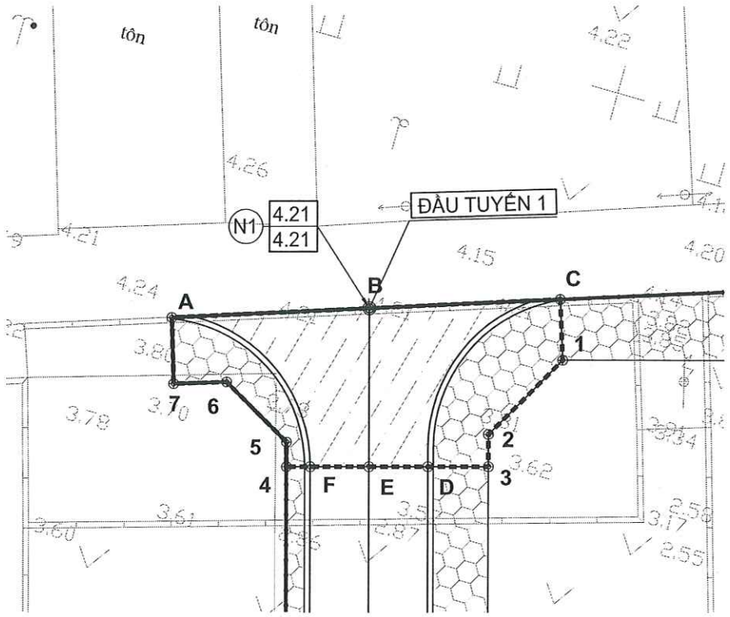

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N2

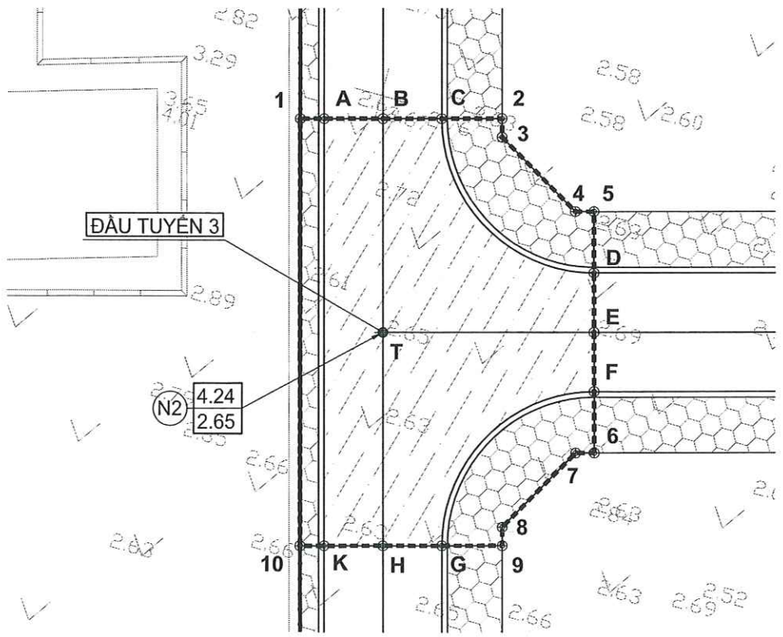

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

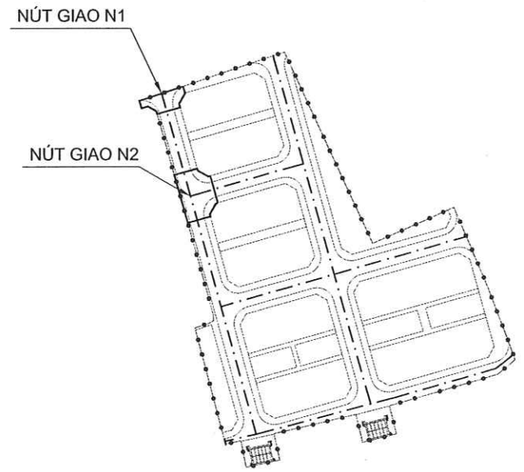

CAO ĐỘ NÚT GIAO N1

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N1	Vỉa hè	1	4.35	3.8	0.55
		2	4.21	3.8	0.41
		3	4.37	3.63	0.74
		4	4.34	3.78	0.56
		5	4.18	3.75	0.43
		6	4.32	3.75	0.57
		7	4.36	3.7	0.66
	Mặt đường	A	4.22	4.22	0.00
		B	4.21	4.21	0.00
		C	4.21	4.21	0.00
		D	4.23	3.63	0.60
		E	4.29	3.73	0.56
		F	4.23	3.77	0.46

CAO ĐỘ NÚT GIAO N2

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N2	Vỉa hè	1	4.34	3.78	0.56
		2	4.37	2.63	1.74
		3	4.37	2.62	1.75
		4	4.31	3.6	0.71
		5	4.31	2.62	1.69
		6	4.31	2.65	1.66
		7	4.31	2.64	1.67
		8	4.31	2.65	1.66
		9	4.31	2.65	1.66
		10	4.28	2.64	1.64
	Mặt đường	A	4.19	2.68	1.51
		B	4.25	2.67	1.58
		C	4.19	2.66	1.53
		D	4.16	2.7	1.46
		E	4.23	2.69	1.54
		F	4.16	2.68	1.48
		G	4.16	2.61	1.55
		H	4.23	2.6	1.63
		K	4.16	2.6	1.56
		T	4.24	2.65	1.59

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN
- TÊN NÚT GIAO
- PHẠM VI VỈA HÈ
- PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		TÊN BẢN VẼ: CAO ĐỘ NÚT GIAO N1, N2
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-19
						LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N3

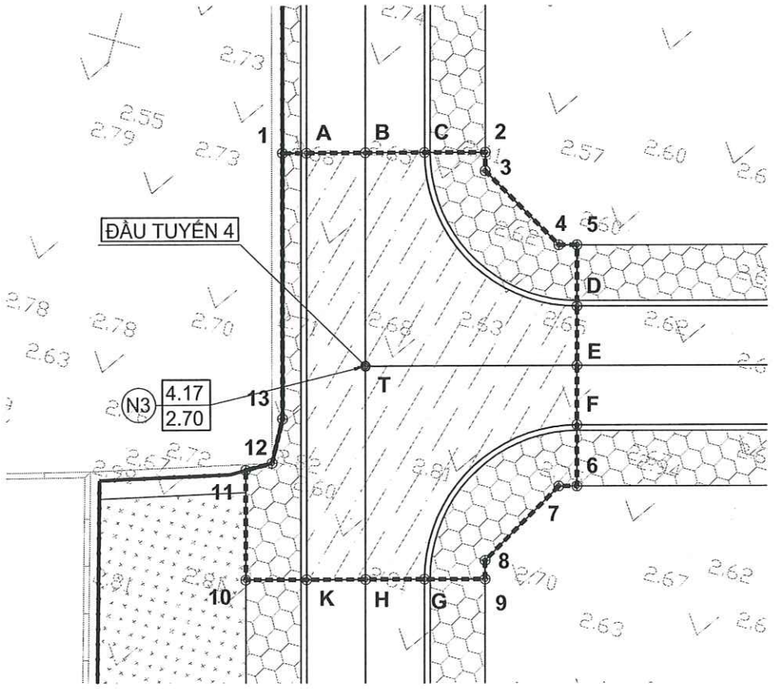

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N4

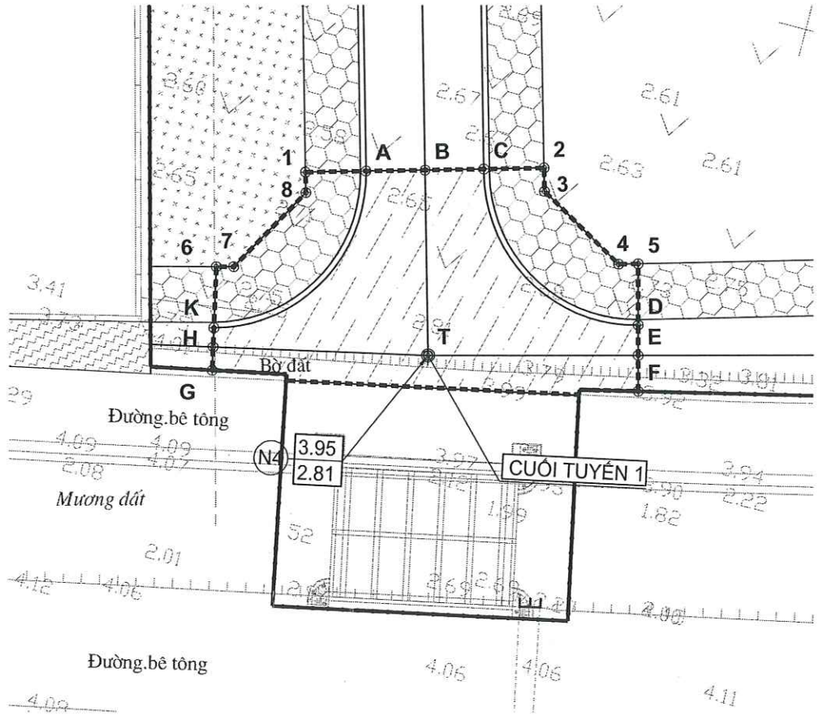

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

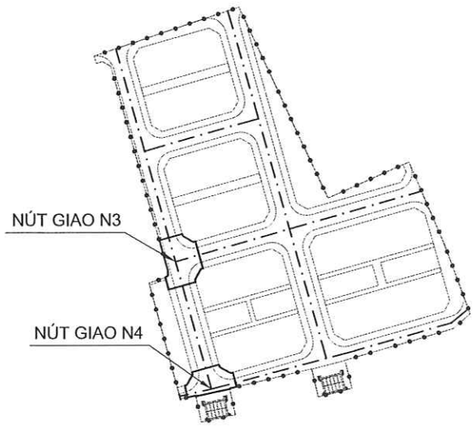

CAO ĐỘ NÚT GIAO N3

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N3	Vỉa hè	1	4.24	2.68	1.56
		2	4.27	2.6	1.67
		3	4.27	2.6	1.67
		4	4.24	2.58	1.66
		5	4.24	2.6	1.64
		6	4.24	2.67	1.57
		7	4.24	2.66	1.58
		8	4.25	2.7	1.55
		9	4.24	2.72	1.52
		10	4.24	2.81	1.43
		11	4.25	2.8	1.45
		12	4.25	2.82	1.43
		13	4.23	2.7	1.53
	Mặt đường	A	4.12	2.64	1.48
		B	4.19	2.65	1.54
		C	4.12	2.65	1.47
		D	4.09	2.62	1.47
		E	4.16	2.65	1.51
		F	4.09	2.67	1.42
		G	4.1	2.8	1.30
		H	4.16	2.81	1.35
		K	4.1	2.81	1.29
		T	4.17	2.7	1.47

CAO ĐỘ NÚT GIAO N4

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N4	Vỉa hè	1	4.19	2.7	1.49
		2	4.19	2.65	1.54
		3	4.18	2.64	1.54
		4	4.04	2.69	1.35
		5	4.04	2.71	1.33
		6	4.14	2.7	1.44
		7	4.14	2.68	1.46
		8	4.18	2.69	1.49
	Mặt đường	A	4.05	2.65	1.40
		B	4.11	2.65	1.46
		C	4.05	2.65	1.40
		D	3.87	2.71	1.16
		E	3.9	2.68	1.22
		F	3.92	3.92	0.00
		G	4.04	4.04	0.00
		H	4	3.79	0.21
		K	3.97	3.05	0.92
		T	3.95	2.81	1.14

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- PHẠM VI VỈA HÈ
- PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG	TÊN BẢN VẼ: CAO ĐỘ NÚT GIAO N3, N4
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		TỶ LỆ BẢN VẼ: — BẢN VẼ SỐ: NG-20
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		LẦN XUẤT BẢN: 01 — MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N5

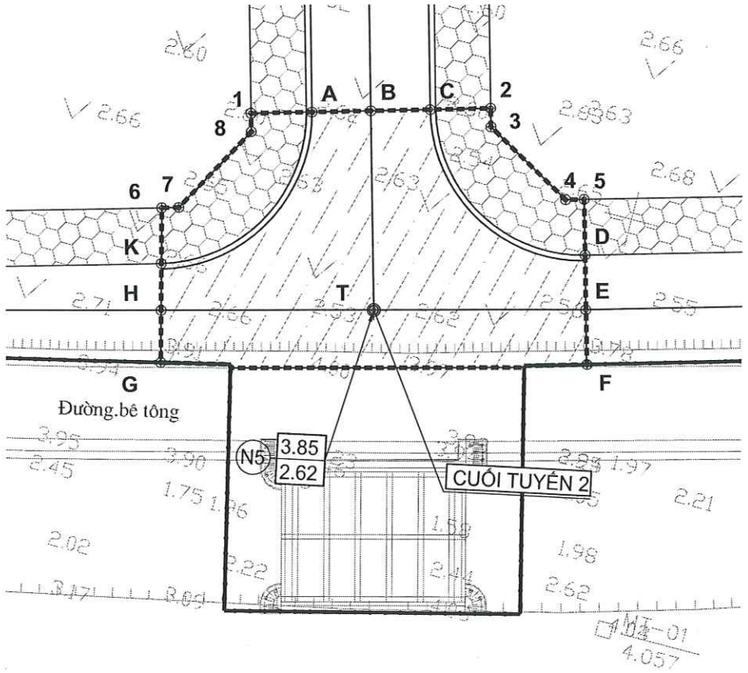

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N6

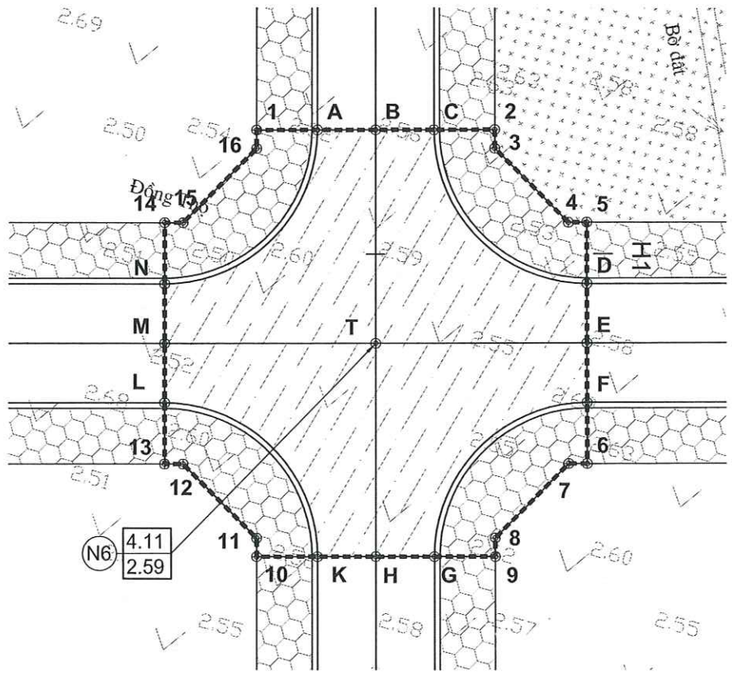

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

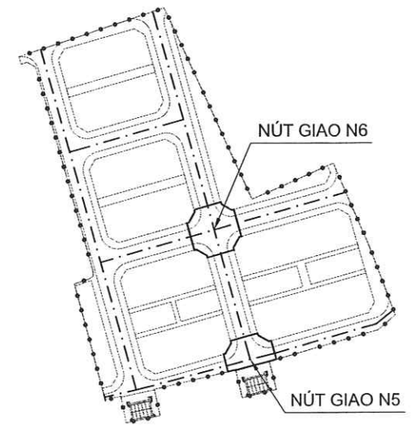

CAO ĐỘ NÚT GIAO N5

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N4	Vỉa hè	1	4.14	2.61	1.53
		2	4.14	2.61	1.53
		3	4.12	2.6	1.52
		4	3.95	2.65	1.30
		5	3.95	2.67	1.28
		6	3.98	2.59	1.39
		7	3.98	2.59	1.39
		8	4.12	2.6	1.52
	Mặt đường	A	4	2.65	1.35
		B	4.06	2.65	1.41
		C	4	2.65	1.35
		D	3.77	2.61	1.16
		E	3.83	2.56	1.27
		F	3.97	3.97	0.00
		G	3.94	3.94	0.00
		H	3.86	2.71	1.15
		K	3.81	2.66	1.15
		T	3.85	2.62	1.23

CAO ĐỘ NÚT GIAO N6

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N3	Vỉa hè	1	4.21	2.53	1.68
		2	4.21	2.6	1.61
		3	4.21	2.59	1.62
		4	4.18	2.52	1.66
		5	4.18	2.54	1.64
		6	4.18	2.63	1.55
		7	4.18	2.6	1.58
		8	4.18	2.6	1.58
		9	4.18	2.62	1.56
		10	4.18	2.56	1.62
		11	4.18	2.57	1.61
		12	4.21	2.58	1.63
		13	4.21	2.6	1.61
		14	4.21	2.51	1.70
		15	4.21	2.5	1.71
		16	4.21	2.5	1.71
	Mặt đường	A	4.06	2.52	1.54
		B	4.13	2.56	1.57
		C	4.06	2.58	1.48
		D	4.04	2.56	1.48
		E	4.1	2.58	1.52
		F	4.04	2.6	1.44
		G	4.03	2.61	1.42
		H	4.1	2.6	1.50
		K	4.03	2.59	1.44
		L	4.06	2.57	1.49
		M	4.13	2.52	1.61
		N	4.06	2.51	1.55
		T	4.11	2.59	1.52

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: CAO ĐỘ NÚT GIAO N5, N6

TỶ LỆ BẢN VẼ: | BẢN VẼ SỐ: NG-21

LẦN XUẤT BẢN: 01 | MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N7

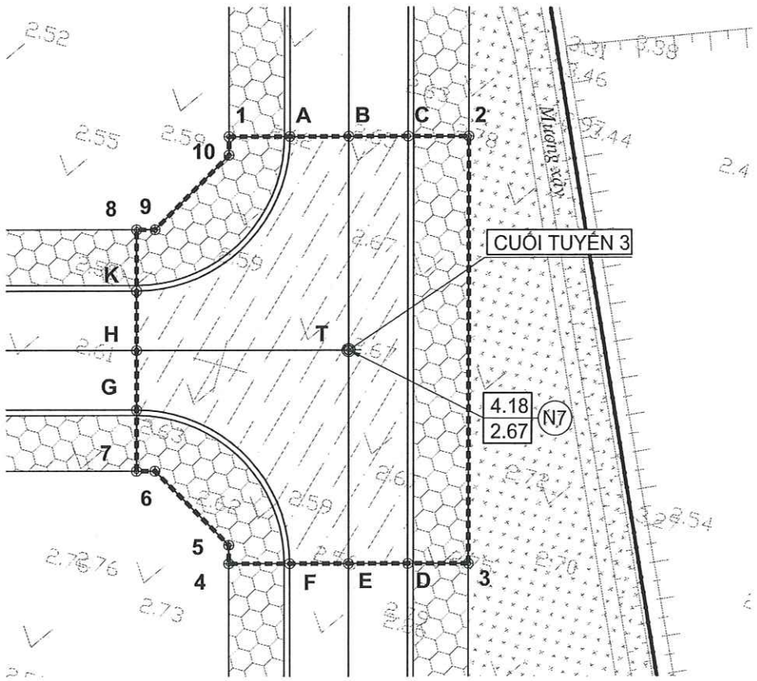

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N8

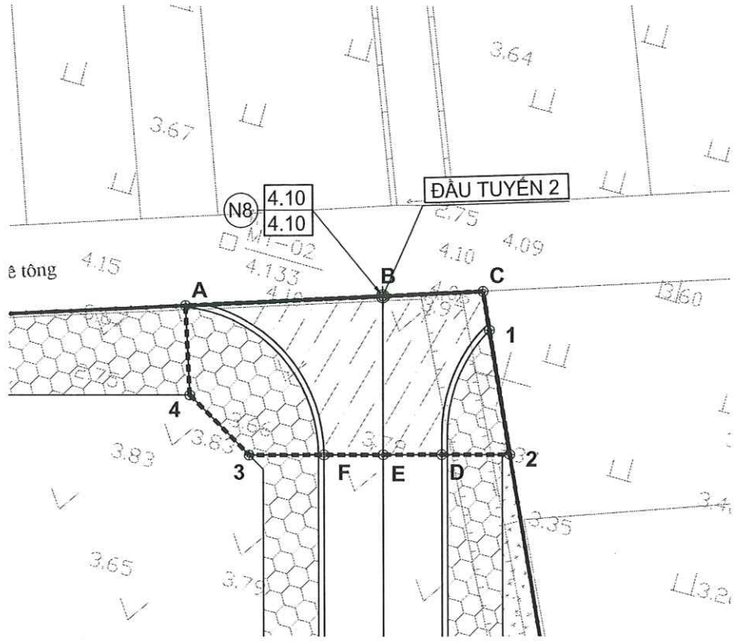

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

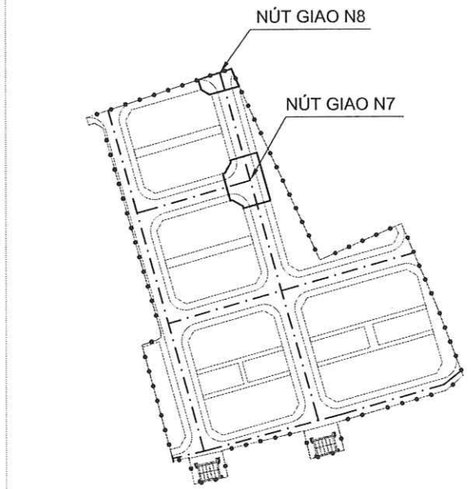

CAO ĐỘ NÚT GIAO N7

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N2	Vỉa hè	1	4.28	2.61	1.67
		2	4.3	2.83	1.47
		3	4.25	2.73	1.52
		4	4.25	2.76	1.49
		5	4.25	2.75	1.50
		6	4.27	2.6	1.67
		7	4.27	2.62	1.65
		8	4.27	2.58	1.69
		9	4.27	2.56	1.71
		10	4.28	2.6	1.68
	Mặt đường	A	4.13	2.67	1.46
		B	4.2	2.65	1.55
		C	4.13	2.65	1.48
		D	4.1	2.78	1.32
		E	4.17	2.79	1.38
		F	4.1	2.78	1.32
		G	4.13	2.61	1.52
		H	4.19	2.61	1.58
		K	4.13	2.61	1.52
		T	4.18	2.67	1.51

CAO ĐỘ NÚT GIAO N8

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N5	Vỉa hè	1	4.14	3.9	0.24
		2	4.32	3.37	0.95
		3	4.33	3.8	0.53
		4	4.33	3.78	0.55
	Mặt đường	A	4.1	4.1	0.00
		B	4.1	4.1	0.00
		C	4.1	3.68	0.42
		D	4.18	3.56	0.62
		E	4.24	3.7	0.54
		F	4.18	3.76	0.42

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN
- TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: CAO ĐỘ NÚT GIAO N7, N8	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		NGUYỄN QUANG HÙNG	TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-22
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N9

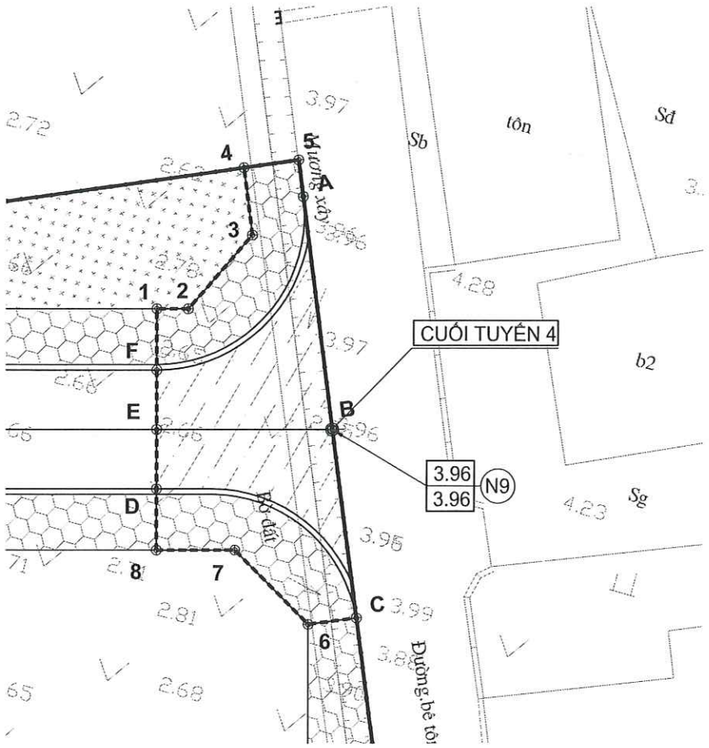

MẶT BẰNG CAO ĐỘ NÚT GIAO N10

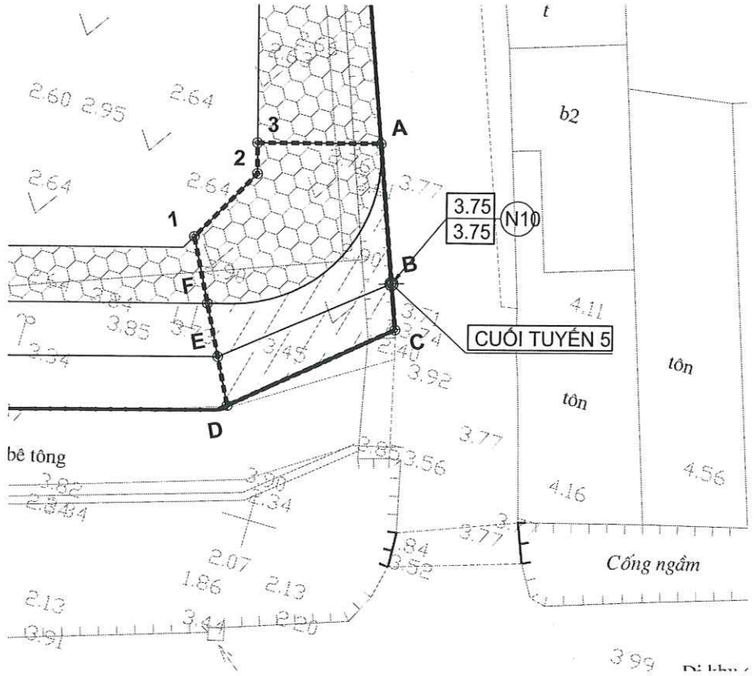

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

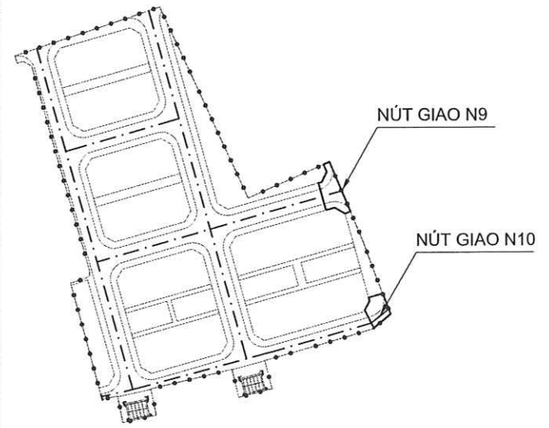

CAO ĐỘ NÚT GIAO N9

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N5	Vỉa hè	1	4.14	2.66	1.48
		2	4.12	2.65	1.47
		3	4.11	2.6	1.51
		4	4.16	2.6	1.56
		5	4.06	3.96	0.10
		6	4.07	2.58	1.49
		7	4.12	2.6	1.52
		8	4.14	2.7	1.44
	Mặt đường	A	3.96	3.96	0.00
		B	3.96	3.96	0.00
		C	3.83	2.53	1.30
		D	4	2.67	1.33
		E	4.06	2.66	1.40
		F	4	2.65	1.35

CAO ĐỘ NÚT GIAO N10

Nút	Vị trí	Tên điểm	Cao độ thiết kế	Cao độ hiện trạng	Chênh cao
N5	Vỉa hè	1	3.9	2.84	1.06
		2	3.96	2.65	1.31
		3	3.98	2.68	1.30
	Mặt đường	A	3.75	3.75	0.00
		B	3.75	3.75	0.00
		C	3.75	3.75	0.00
		D	3.92	3.92	0.00
		E	3.78	3.45	0.33
		F	3.73	3.35	0.38

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- **PHẠM VI VỈA HÈ**
- **PHẠM VI MẶT ĐƯỜNG**

M.S.D.N: C1023792422 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: CAO ĐỘ NÚT GIAO N9, N10	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: NG-23
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N1

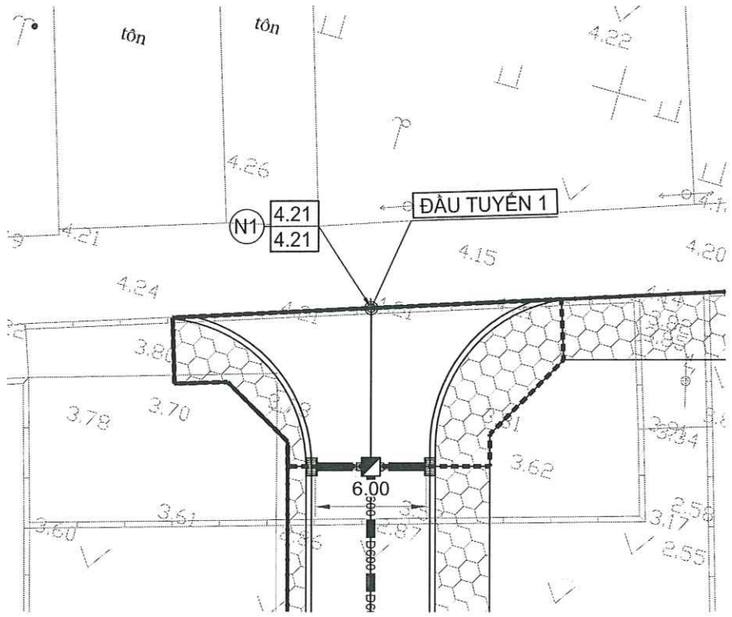

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N2

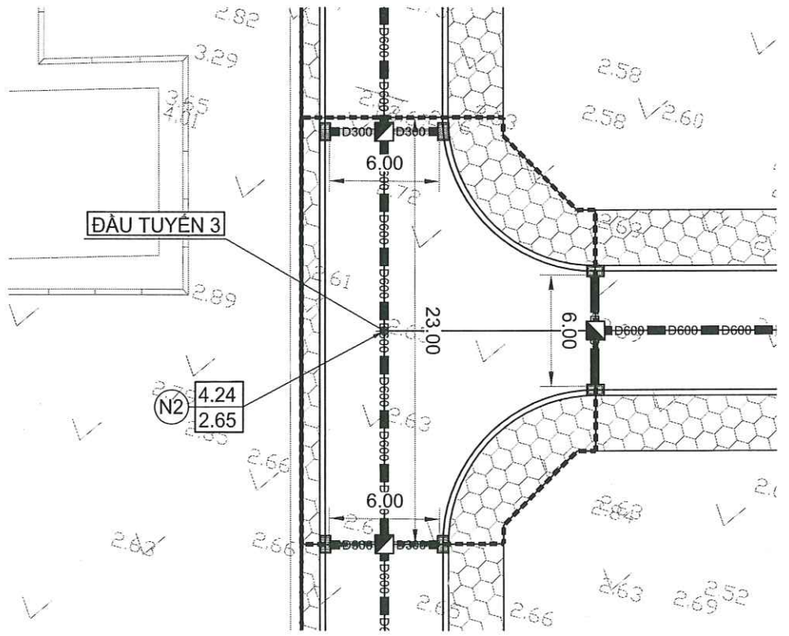
ĐẦU TUYẾN 3
N2
4.24
2.65
6.00
23.00
6.00
6.00
D300
D300
D600
D600
D600

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N3

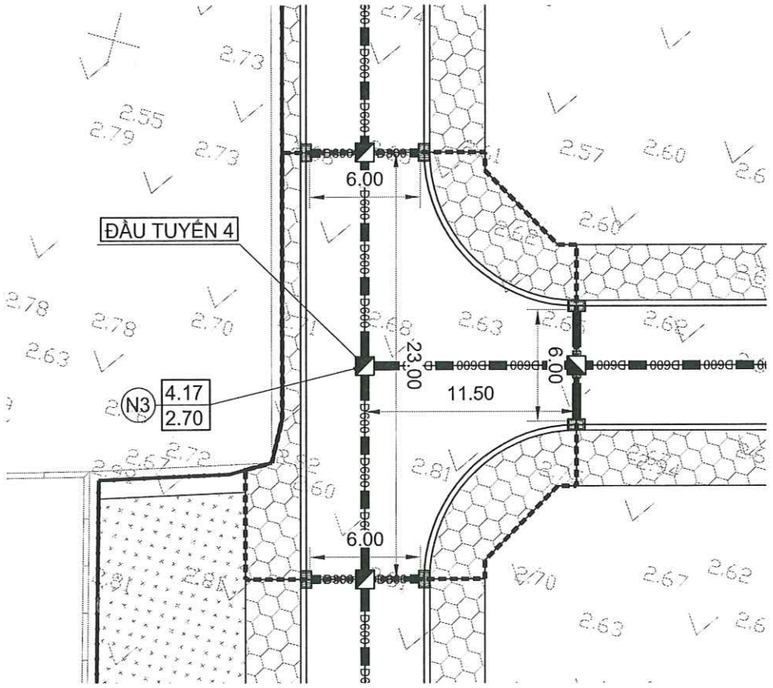

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N4

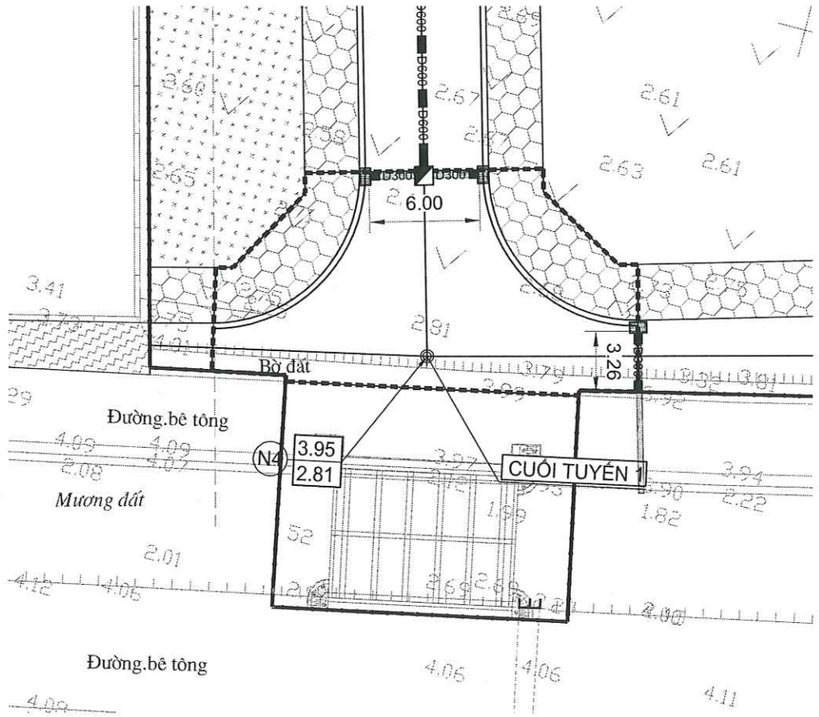

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

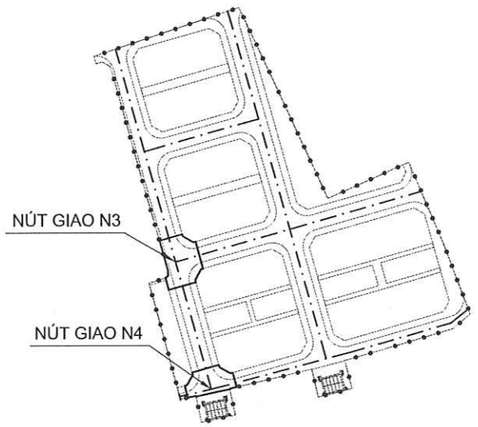

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N3

STT	Loại cống kè	Chiều dài áp dụng	Diện tích			Khối lượng			Diện tích		Khối lượng	
			Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Đào móng cống	Đắp móng cống	Đào móng cống	Đắp móng cống
		m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
Nút N3												
1	D600 dưới lòng đường	34.50	0.44	0.21	0.00	15.18	7.25	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	D300 dưới mặt đường	18.00	Đã tính trong phần ống dẫn D300									
Tổng						**15.18**	**7.25**	**0.00**			**0.00**	**0.00**

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N4

STT	Loại cống kè	Chiều dài áp dụng	Diện tích			Khối lượng			Diện tích		Khối lượng	
			Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Đào móng cống	Đắp móng cống	Đào móng cống	Đắp móng cống
		m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
Nút N4												
1	D600 dưới lòng đường	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	D300 dưới mặt đường	9.26	Đã tính trong phần ống dẫn D300									
Tổng						**0.00**	**0.00**	**0.00**			**0.00**	**0.00**

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- PHẠM VI VỈA HÈ
- D300 D300 D300 — CỐNG D=0.30M
- B400 B400 B400 — RÃNH B=0.40M
- D600 D600 D600 — CỐNG D=0.60M
- B1200 B1200 — RÃNH B=1.20M

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	TÊN BẢN VẼ: CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N3, N4
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-25
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N5

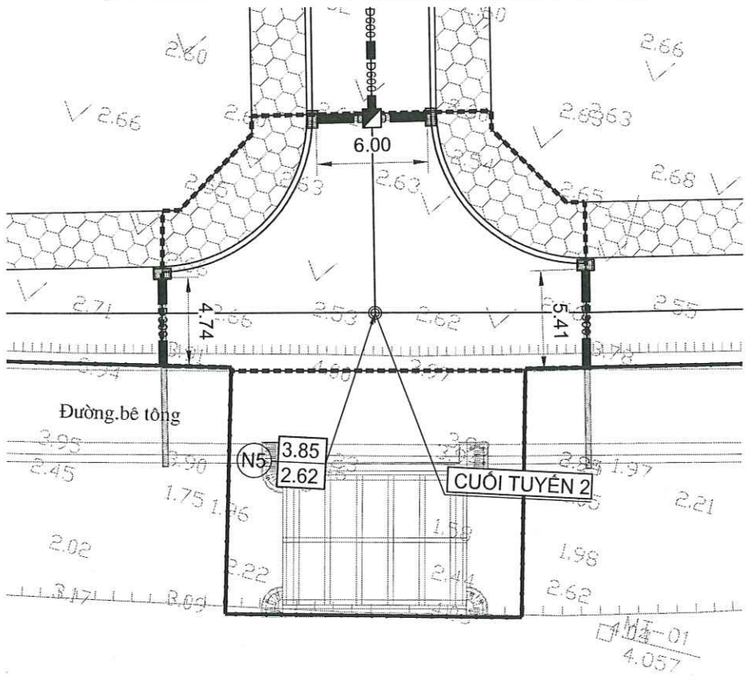

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N6

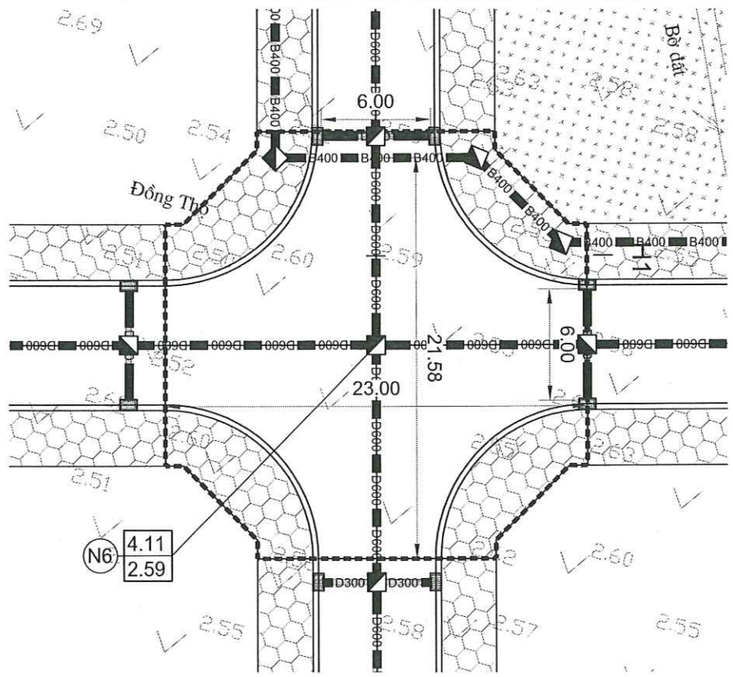

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

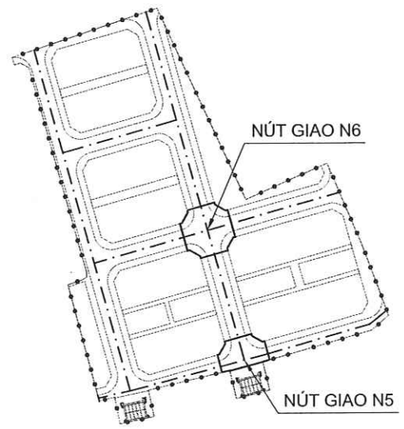

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N5

STT	Loại cống kè	Chiều dài áp dụng	Diện tích			Khối lượng			Diện tích		Khối lượng	
			Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Đào móng cống	Đắp móng cống	Đào móng cống	Đắp móng cống
		m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
Nút N5												
1	D600 dưới lòng đường	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	D300 dưới mặt đường	16.15	Đã tính trong phần ống dẫn D300									
Tổng						**0.00**	**0.00**	**0.00**			**0.00**	**0.00**

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N6

STT	Loại cống kè	Chiều dài áp dụng	Diện tích			Khối lượng			Diện tích		Khối lượng	
			Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Đào móng cống	Đắp móng cống	Đào móng cống	Đắp móng cống
		m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
Nút N6												
1	D600 dưới lòng đường	44.58	0.48	0.17	0.00	21.40	7.58	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	D300 dưới mặt đường	18.00	Đã tính trong phần ống dẫn D300									
Tổng						**21.40**	**7.58**	**0.00**			**0.00**	**0.00**

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 — 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- PHẠM VI VỈA HÈ
- D300 D300 D300 — CỐNG D=0.30M
- B400 B400 B400 — RÃNH B=0.40M
- D600 D600 D600 — CỐNG D=0.60M
- B1200 B1200 — RÃNH B=1.20M

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TÊN BẢN VẼ: CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N5, N6
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-26
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N7

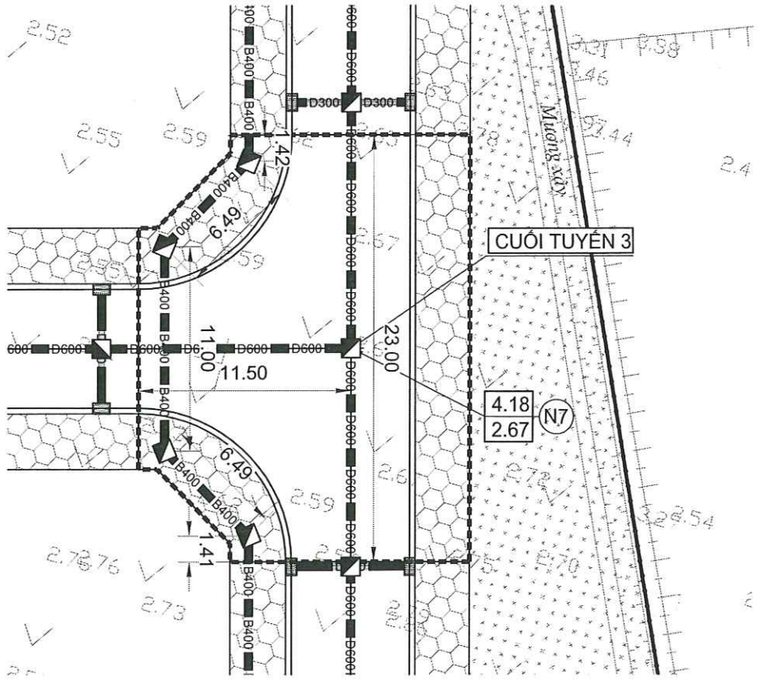

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N8

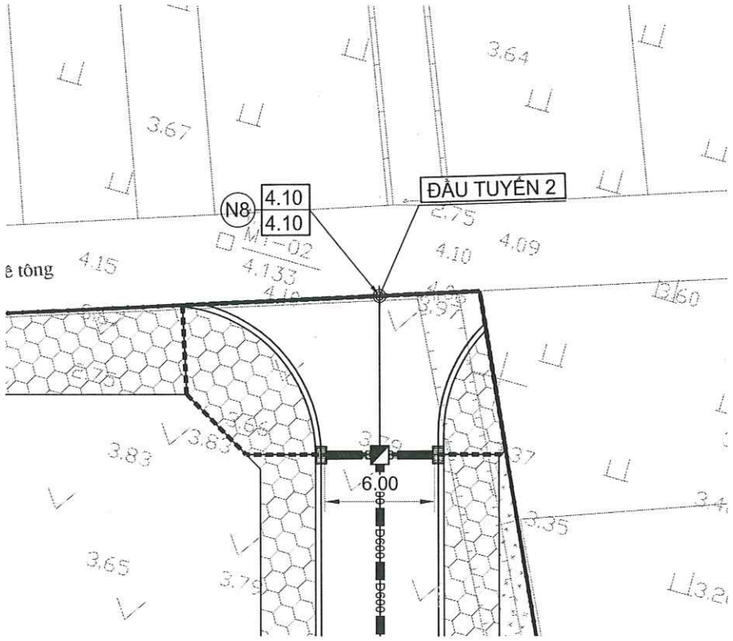

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

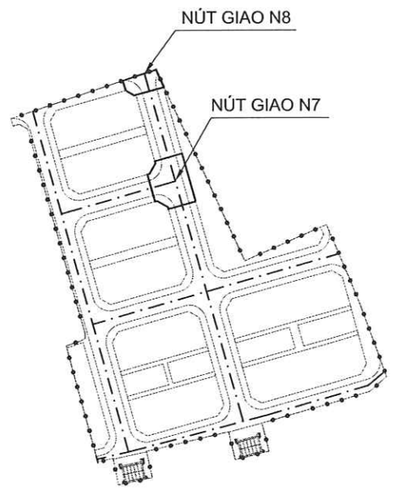

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N7

STT	Loại cống kè	Chiều dài áp dụng	Diện tích			Khối lượng			Diện tích		Khối lượng	
			Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Đào móng cống	Đắp móng cống	Đào móng cống	Đắp móng cống
		m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
Nút N7												
1	D600 dưới lòng đường	34.50	0.49	0.16	0.00	16.91	5.52	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	B400 dưới mặt đường	26.81	Đã tính trong phần cống thoát nước thải									
Tổng						**16.91**	**5.52**	**0.00**			**0.00**	**0.00**

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N8

STT	Loại cống kè	Chiều dài áp dụng	Diện tích			Khối lượng			Diện tích		Khối lượng	
			Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Đào móng cống	Đắp móng cống	Đào móng cống	Đắp móng cống
		m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
Nút N8												
1	D300 dưới mặt đường	6.00	Đã tính trong phần ống dẫn D300									
Tổng						**0.00**	**0.00**	**0.00**			**0.00**	**0.00**

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- PHẠM VI VỈA HÈ
- D300 D300 D300 — CỐNG D=0.30M
- B400 B400 B400 — RÃNH B=0.40M
- D600 D600 D600 — CỐNG D=0.60M
- B1200 B1200 — RÃNH B=1.20M

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: C102378242-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TÊN BẢN VẼ: CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N7, N8
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: NG-27
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N9

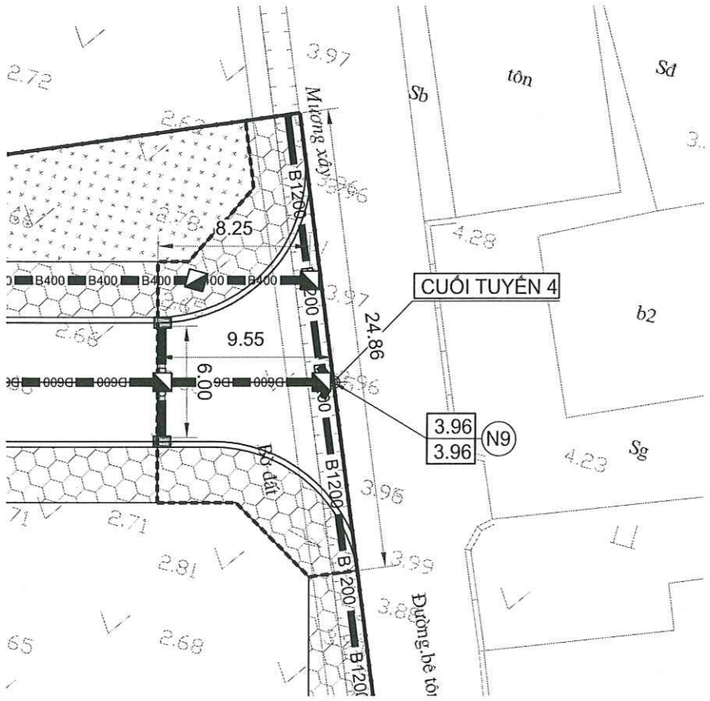

MẶT BẰNG CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N10

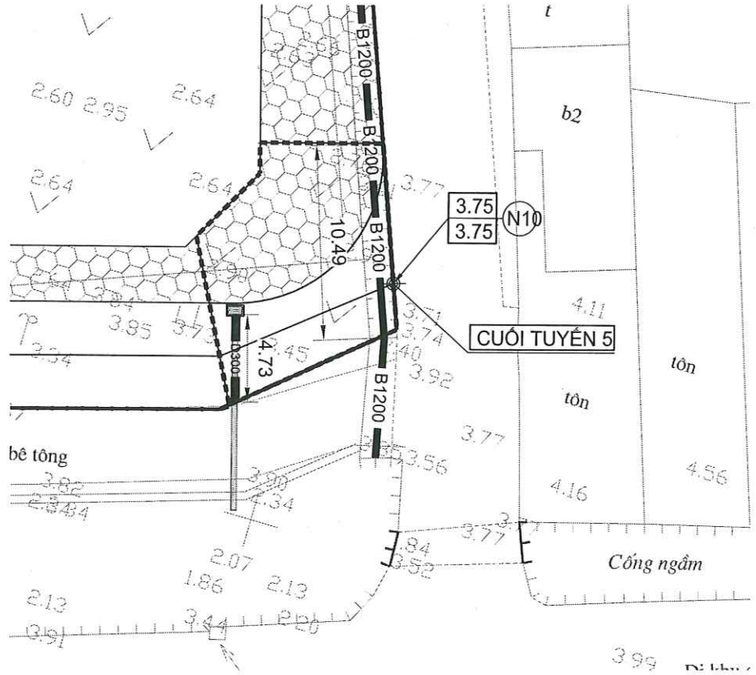

SƠ HỌA VỊ TRÍ NÚT GIAO

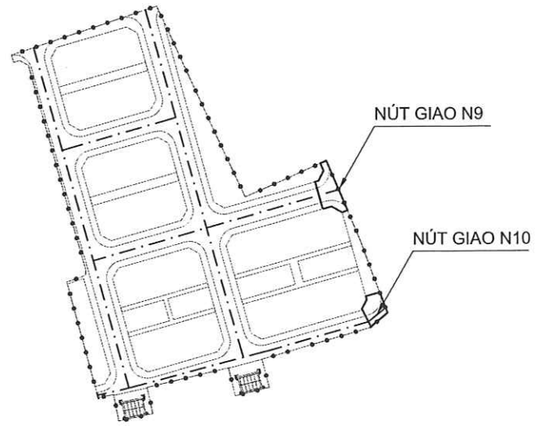

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N9

STT	Loại cống kè	Chiều dài áp dụng	Diện tích			Khối lượng			Diện tích		Khối lượng	
			Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Đào móng cống	Đắp móng cống	Đào móng cống	Đắp móng cống
		m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
Nút N9												
1	D600 dưới lòng đường	9.55	0.51	0.14	0.00	4.87	1.34	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	D300 dưới mặt đường	6.00	Đã tính trong phần ống dẫn D300									
3	B400 dưới mặt đường	8.25	Đã tính trong phần cống thoát nước thải									
4	Rãnh B=1200mm	24.86	Đã tính trong phần cống thoát nước thải									
Tổng						**4.87**	**1.34**	**0.00**			**0.00**	**0.00**

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP, CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N10

STT	Loại cống kè	Chiều dài áp dụng	Diện tích			Khối lượng			Diện tích		Khối lượng	
			Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Chiếm chỗ đắp K95	Chiếm chỗ đắp K98	Chiếm chỗ CPDD 2	Đào móng cống	Đắp móng cống	Đào móng cống	Đắp móng cống
		m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
Nút N10												
1	D300 dưới mặt đường	4.73	Đã tính trong phần cống thoát nước thải									
2	Rãnh B=1200mm	10.49	Đã tính trong phần cống thoát nước thải									
Tổng						**0.00**	**0.00**	**0.00**			**0.00**	**0.00**

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- PHẠM VI NÚT GIAO
- N1 | 8.05 / 5.52 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — TÊN NÚT GIAO
- PHẠM VI VỈA HÈ
- D300 D300 D300 — CỐNG D=0.30M
- B400 B400 B400 — RÃNH B=0.40M
- D600 D600 D600 — CỐNG D=0.60M
- B1200 B1200 — RÃNH B=1.20M

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NGƯỜI VẼ NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN KS. CHU VĂN VẬN KS. TRẦN THỊ CHÂM KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG	TÊN BẢN VẼ: CỐNG CHIẾM CHỖ NÚT GIAO N9, N10 TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: NG-28 LẦN XUẤT BẢN: 01 MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG AN TOÀN GIAO THÔNG

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: 0102379242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
THANH TRÌ - TP HÀ NỘI

BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG TUYẾN 1

TỈ LỆ: 1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 1

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 1

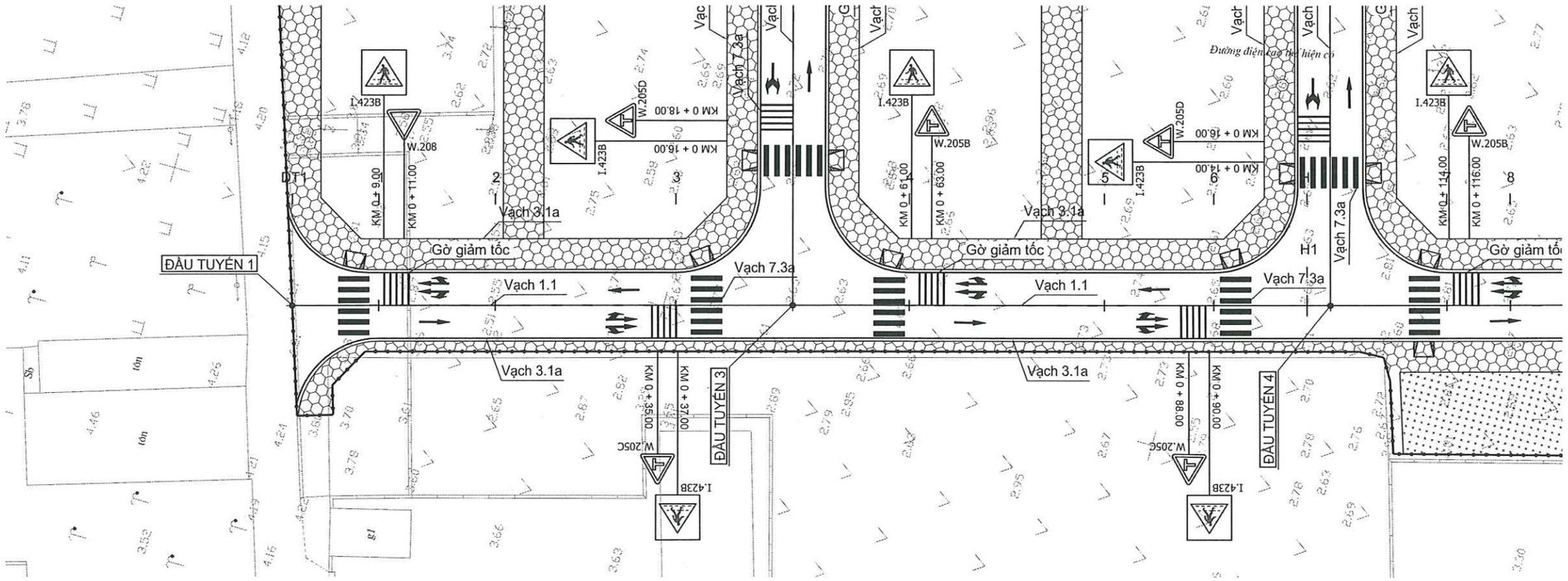

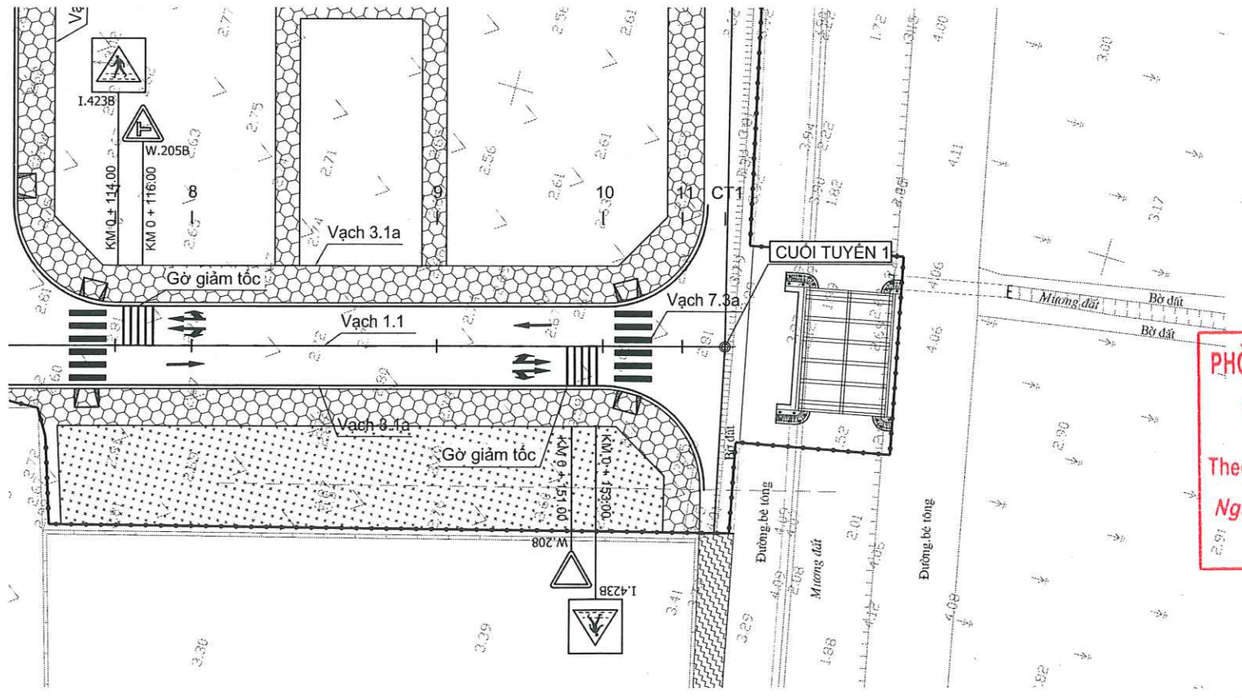

GHI CHÚ:

- HẠ HÈ
- VỈA HÈ
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

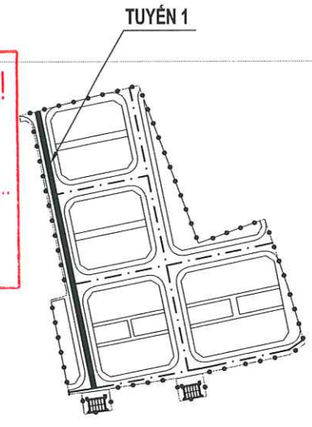

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HƯNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG TUYẾN 1	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BDATGT-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG TUYẾN 2

TỈ LỆ: 1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 2

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 2

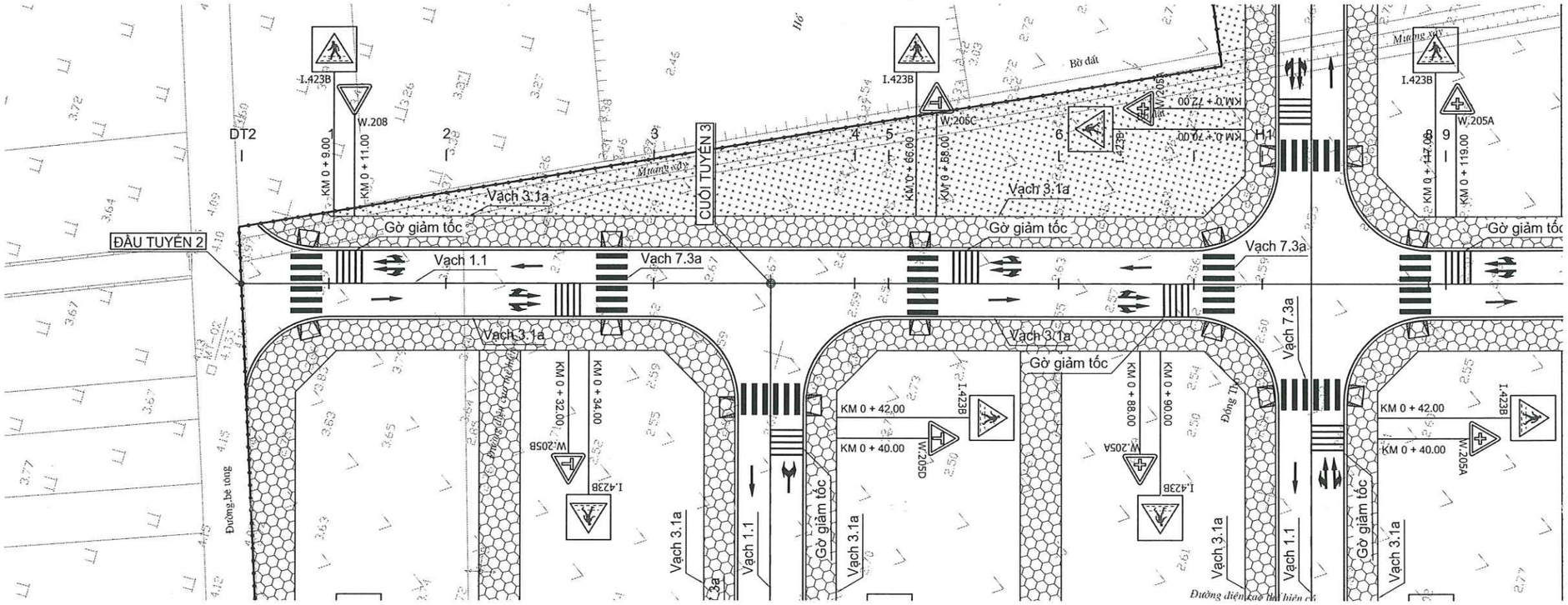

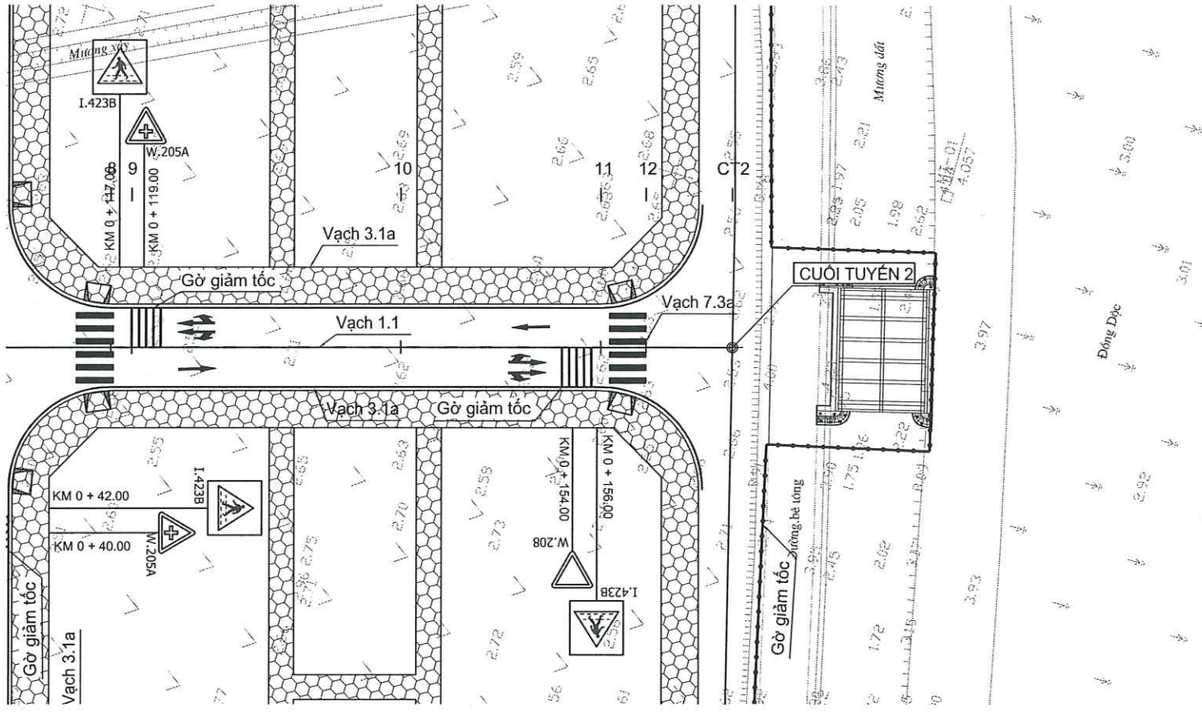

GHI CHÚ:

- HẠ HÈ
- VỈA HÈ
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

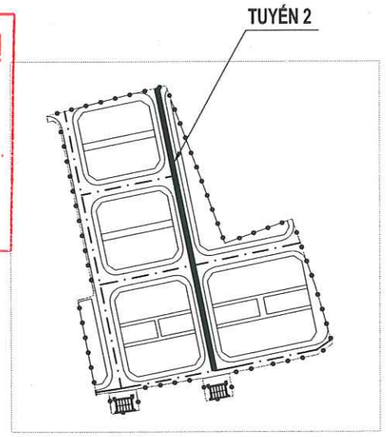

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C1023792420 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. CHU VĂN VẬN NGƯỜI VẼ: KS. TRẦN THỊ CHÂM NGƯỜI KIỂM TRA: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG TUYẾN 2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BDATGT-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG TUYẾN 3

TỈ LỆ: 1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 3

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 3

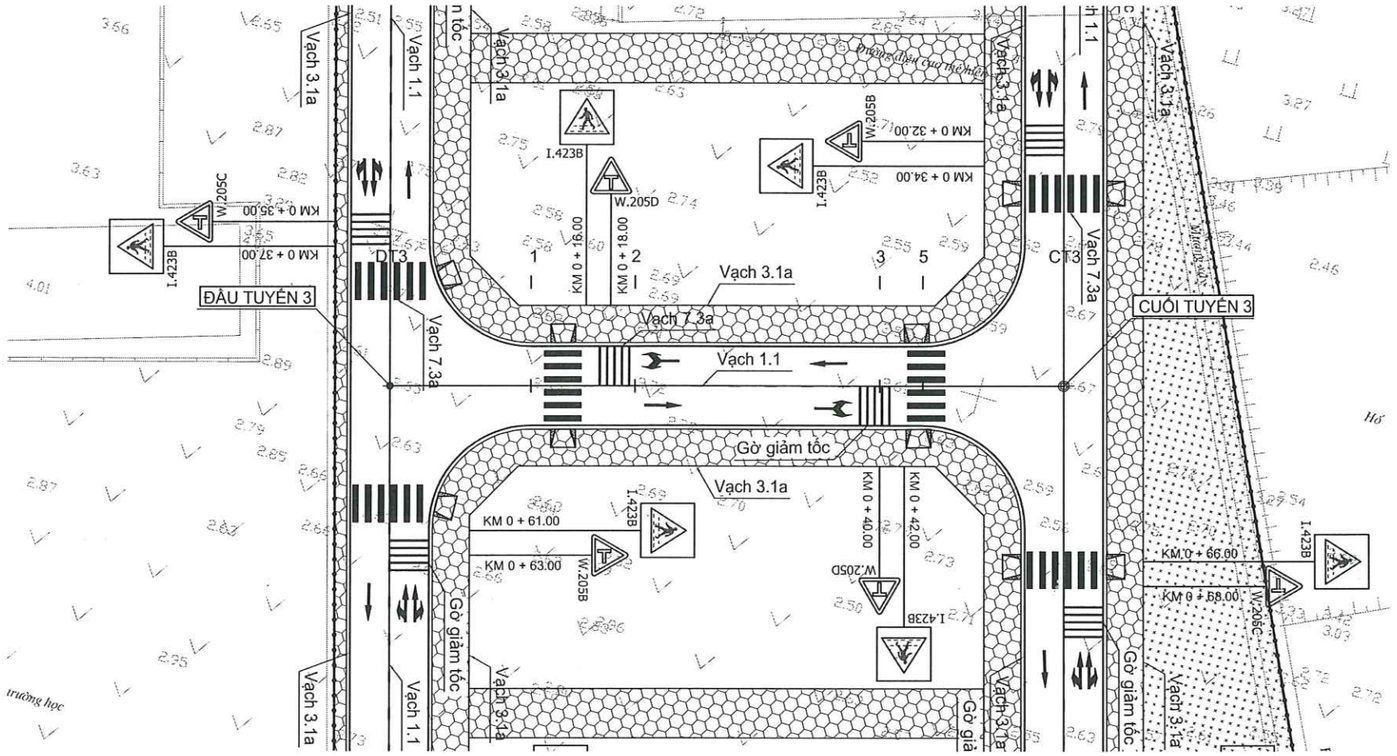

GHI CHÚ:

- HẠ HÈ
- VỈA HÈ
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

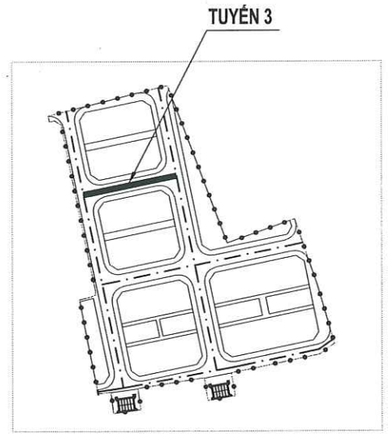

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: 0102378242 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HƯNG

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG TUYẾN 3
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 / BẢN VẼ SỐ: BDATGT-05
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG TUYẾN 4

TỈ LỆ: 1/500

HƯỚNG ĐI ĐẦU TUYẾN 4

HƯỚNG ĐI CUỐI TUYẾN 4

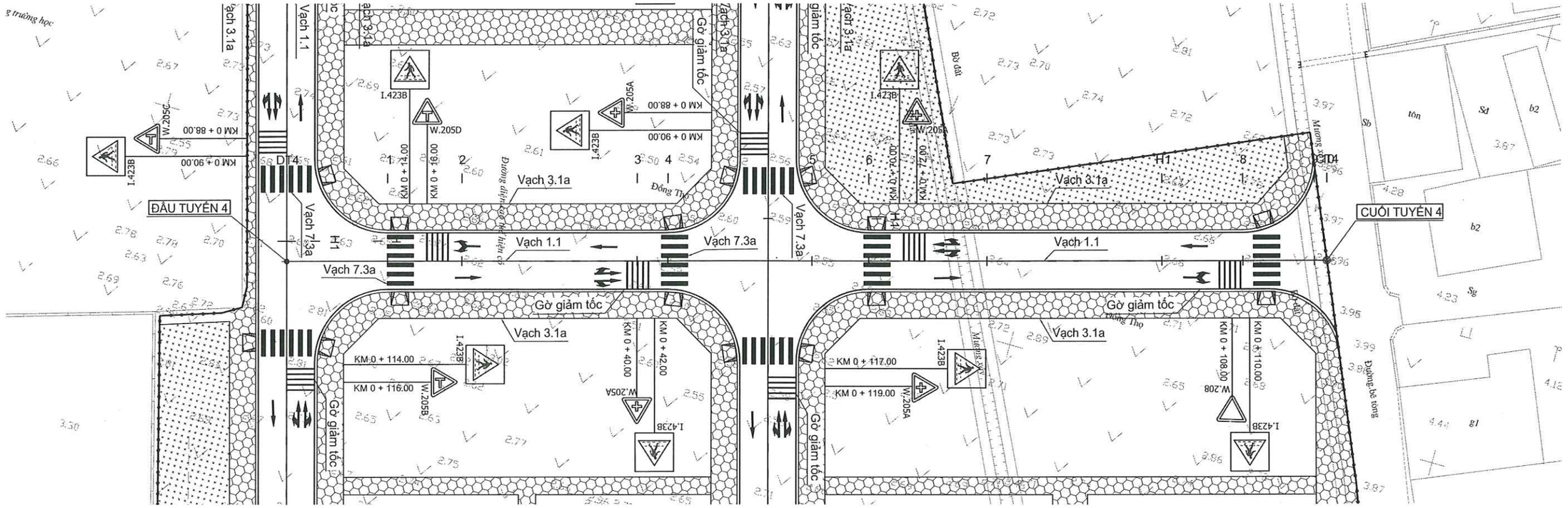

GHI CHÚ:

- HẠ HÈ
- VỈA HÈ
- RANH GIỚI PHẠM VI DỰ ÁN

SƠ HỌA VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG

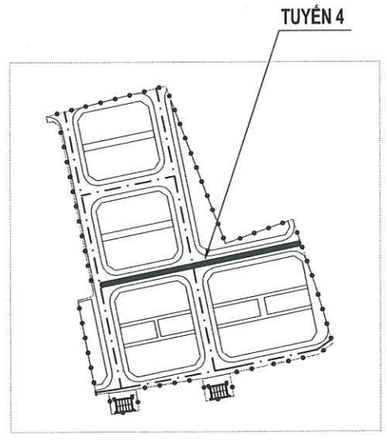

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		NGUYỄN QUANG HƯNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ AN TOÀN GIAO THÔNG TUYẾN 4
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 / BẢN VẼ SỐ: BDATGT-06
						LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

CHI TIẾT AN TOÀN GIAO THÔNG

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N:C1023782422 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ TP HÀ NỘI

Mặt cắt ngang điển hình bố trí vạch sơn

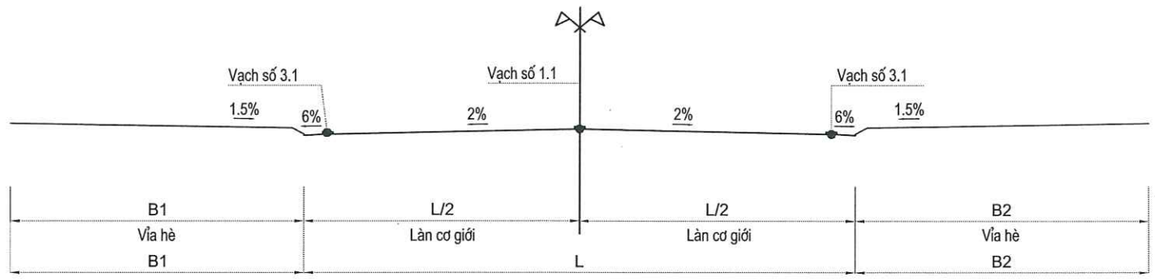

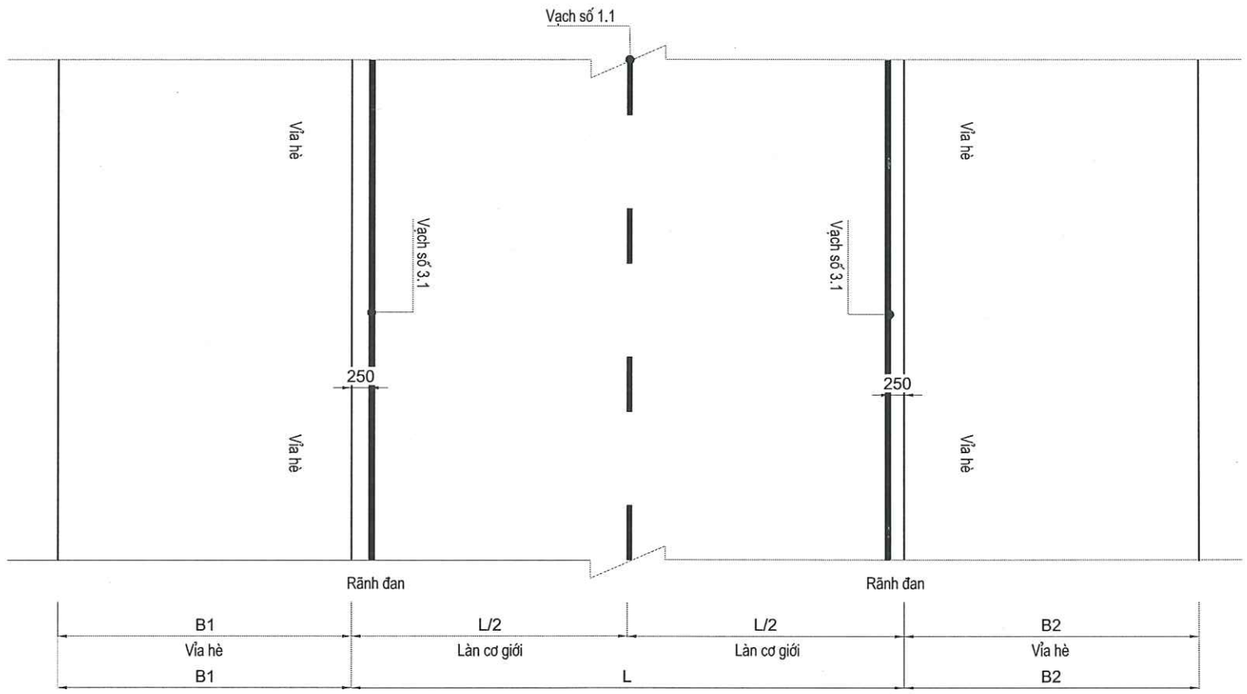

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

Ghi chú:

1. Kích thước dùng trong bản vẽ Là mm.
2. Vật liệu, màu sắc vạch sơn theo QCVN 41:2019 về báo hiệu đường bộ.

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT VẠCH SƠN
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: AT- 01
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG

CHI TIẾT VẠCH SƠN

1. Vạch số 1.1: Vạch phân chia hai chiều xe chạy ngược chiều (vạch tim đường), dạng vạch đơn, đứt nét, màu vàng dầy 2mm.

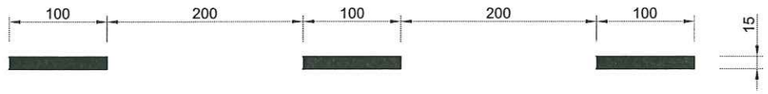

2. Vạch số 3.1a : Vạch giới hạn ngoài các làn xe hoặc phân chia ranh giới với làn xe thô sơ (tỉ lệ 1/25). Dạng vạch đơn, liền nét, bề rộng vạch b=15cm, màu trắng.

3. Vạch sơn giảm tốc (tỉ lệ 1/50).

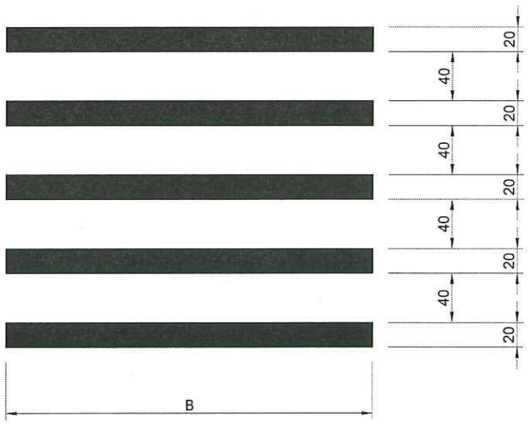

4. Vạch số 7.3 : Quy định người đi bộ qua đường (tỉ lệ 1/50). Vạch đậm, liền song song màu trắng.

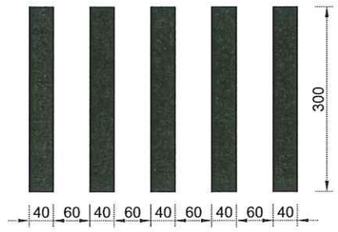

5. Vạch số 9.3 : Mũi tên chỉ hướng trên mặt đường (tỉ lệ 1/25).

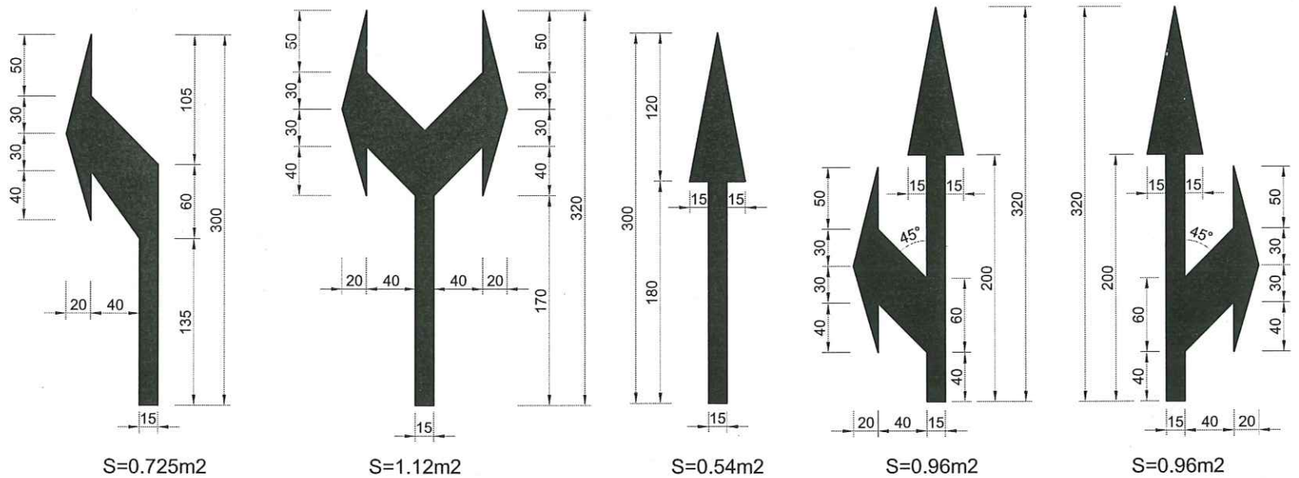

S=0.725m2 S=1.12m2 S=0.54m2 S=0.96m2 S=0.96m2

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

Ghi chú:

- Kích thước dùng trong bản vẽ là cm.
- Vạch sơn theo quy định " QCVN 41-2024/BGTVT ".
- Chủng loại sơn dẻo nhiệt, chiều dày vạch giảm tốc 6mm, kích thước vạch theo quy định " QCVN 41-2019/BGTVT ".
- Các vạch khác dày 2mm, kích thước vạch theo quy định " QCVN 41-2019/BGTVT ".

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT VẠCH SƠN	
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: AT- 02
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		LẦN XUẤT BẢN: 01 MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		

ĐIỂN HÌNH BIỂN BÁO

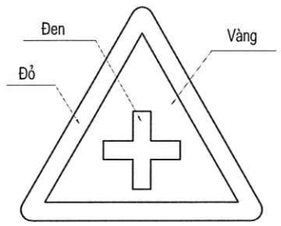

W.205a
Đường giao nhau
ngã tư

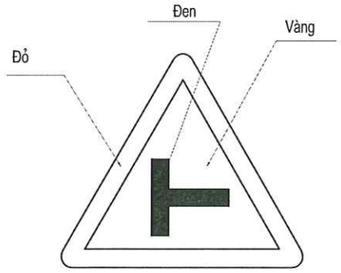

W.205b
Đường giao nhau
ngã ba

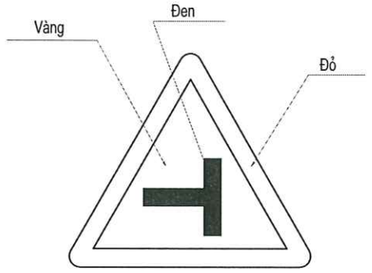

W.205c
Đường giao nhau
ngã ba

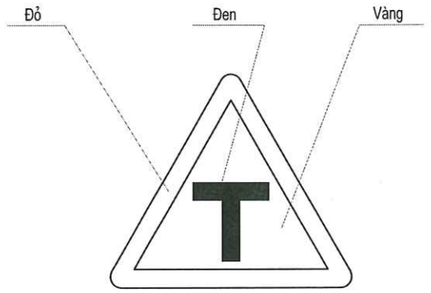

W.205d
Đường giao nhau
ngã ba

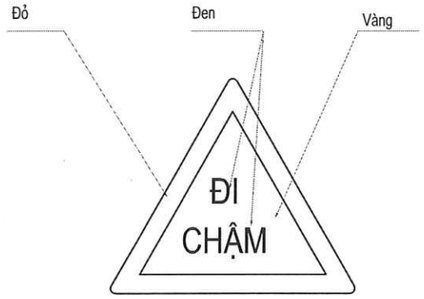

W.245a

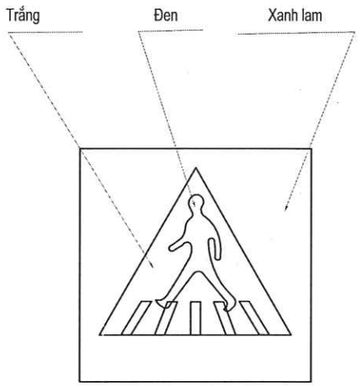

I.423b
Đường người đi bộ sang ngang

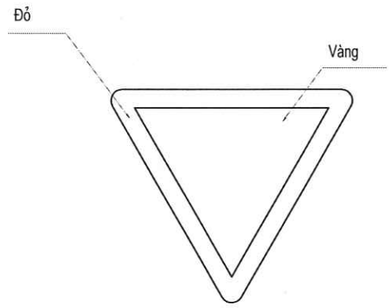

W.208
Giao nhau với
đường ưu tiên

Ghi chú:

- Các biển chỉ dẫn và các biển báo nguy hiểm có ý nghĩa, màu sắc, vị trí đặt biển, phạm vi áp dụng phải tuân theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019-BGTVT.

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: ĐIỂN HÌNH BIỂN BÁO	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: AT-03
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		NGUYỄN QUANG HÙNG	LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

VỊ TRÍ BIỂN BÁO LẮP TRÊN VỈA HÈ

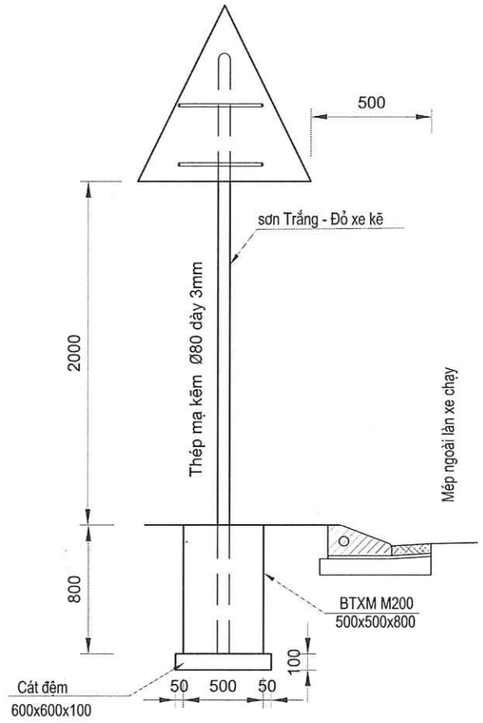

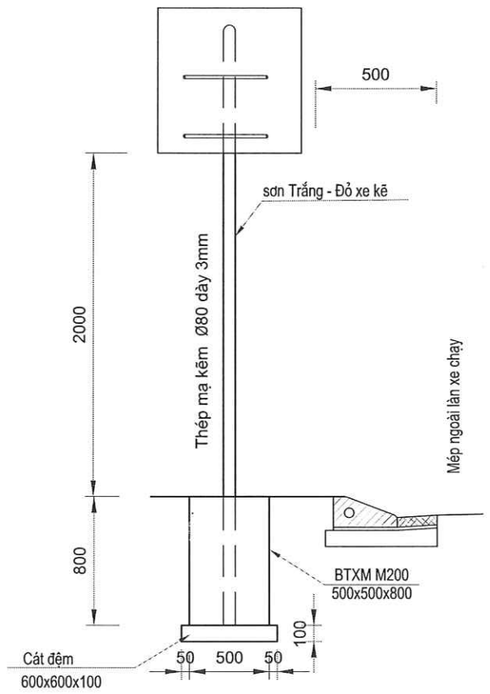

KÍCH THƯỚC BIỂN BÁO HIỆU

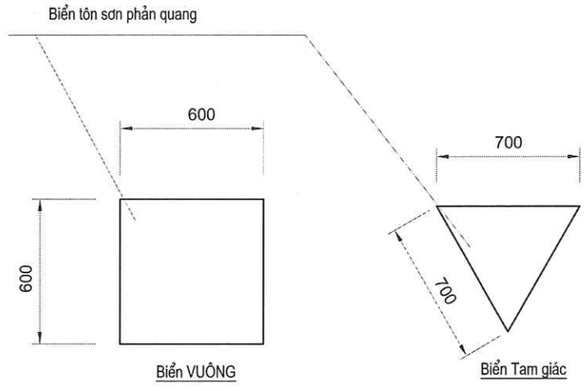

CHI TIẾT LIÊN KẾT

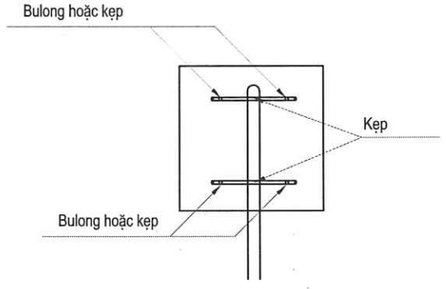

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

Ghi chú:

1. Tất cả kích thước là mm, trừ những kích thước được chỉ ra.
2. Mọi kết cấu thép đều được hàn bằng kẽm.
3. Quy cách các loại biển báo phải tuân theo "Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QVCN 41:2019/BGTVT".

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT CỘT BIỂN BÁO	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		NGUYỄN QUANG HÙNG	TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: AT-04
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

BÌNH ĐỒ VỈA HÈ

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: 0102379242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

MẶT BẰNG TỔNG THỂ VỈA HÈ

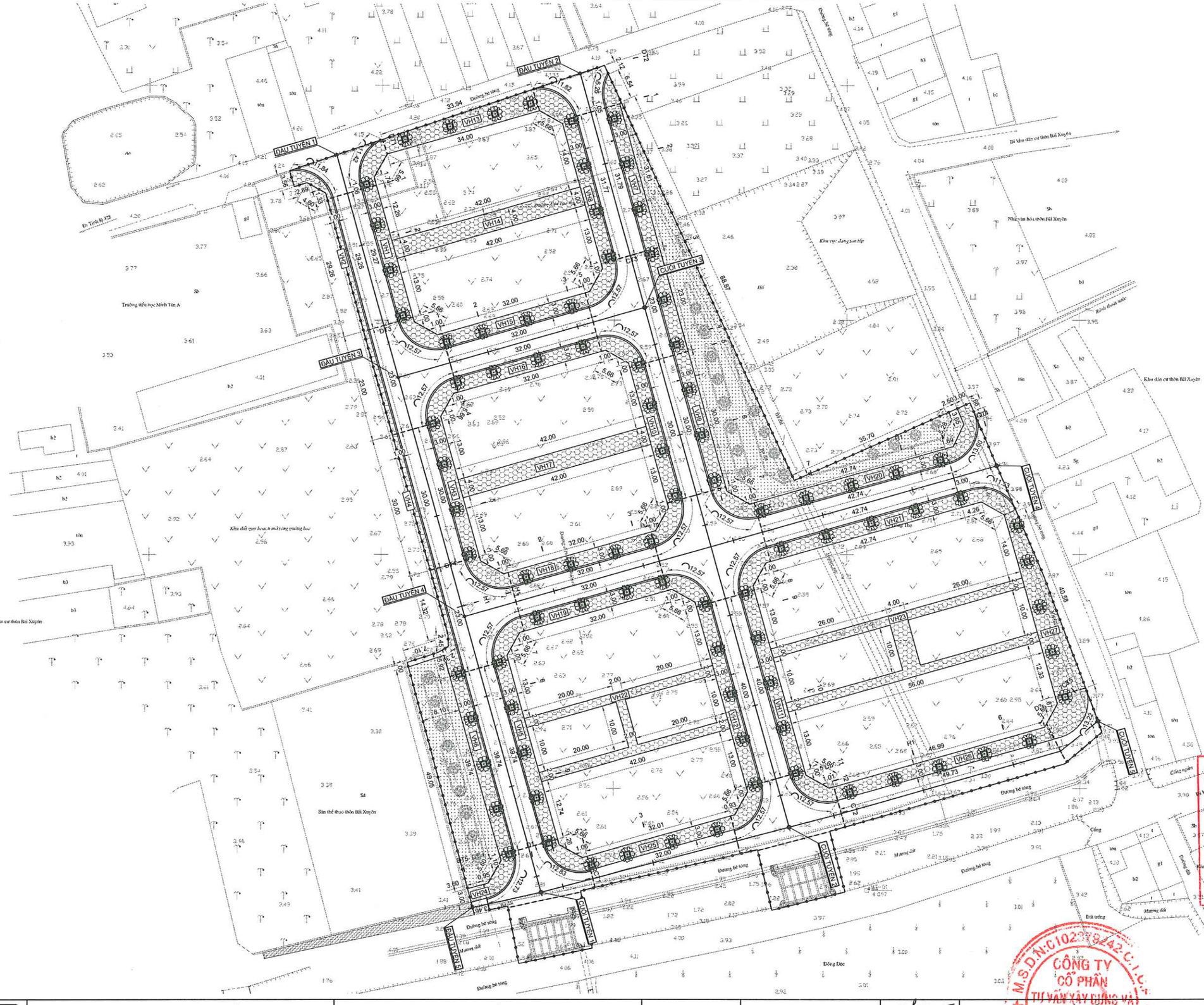

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. CHU VĂN VẠN NGƯỜI VẼ: KS. TRẦN THỊ CHÂM NGƯỜI KIỂM TRA: KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ VỈA HÈ TỶ LỆ BẢN VẼ: FIT; BẢN VẼ SỐ: BDVH-01 LẦN XUẤT BẢN: 01; MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG VỈA HÈ

TỈ LỆ: 1/500

ĐẦU TUYẾN 1

ĐẦU TUYẾN 2

ĐẦU TUYẾN 3

ĐẦU TUYẾN 4

CUỐI TUYẾN 3

CUỐI TUYẾN 4

VH1 VH2 VH3 VH4 VH5 VH6 VH7 VH8 VH9 VH10 VH11 VH12 VH13 VH14 VH15 VH16 VH17 VH18 VH19 VH20 VH21 VH22 VH23 VH24 VH25 VH26 VH27

DT1 DT2 DT3 DT4

Đường bê tông

Đường điện cao thế

Đi khu dân cư thôn Bái Xuyên

Nhà văn hóa thôn Bái Xuyên

Khu vực đang san lấp

Khu đất quy hoạch mở rộng trường học

Hồ

Mương thoát nước

Bờ đất

tôn

Sb Sd Sg g1 b1 b2 b3

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	
ĐƠN VỊ TVTK:	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HÙNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG VỈA HÈ

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BDVH-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG VỈA HÈ

TỈ LỆ: 1/500

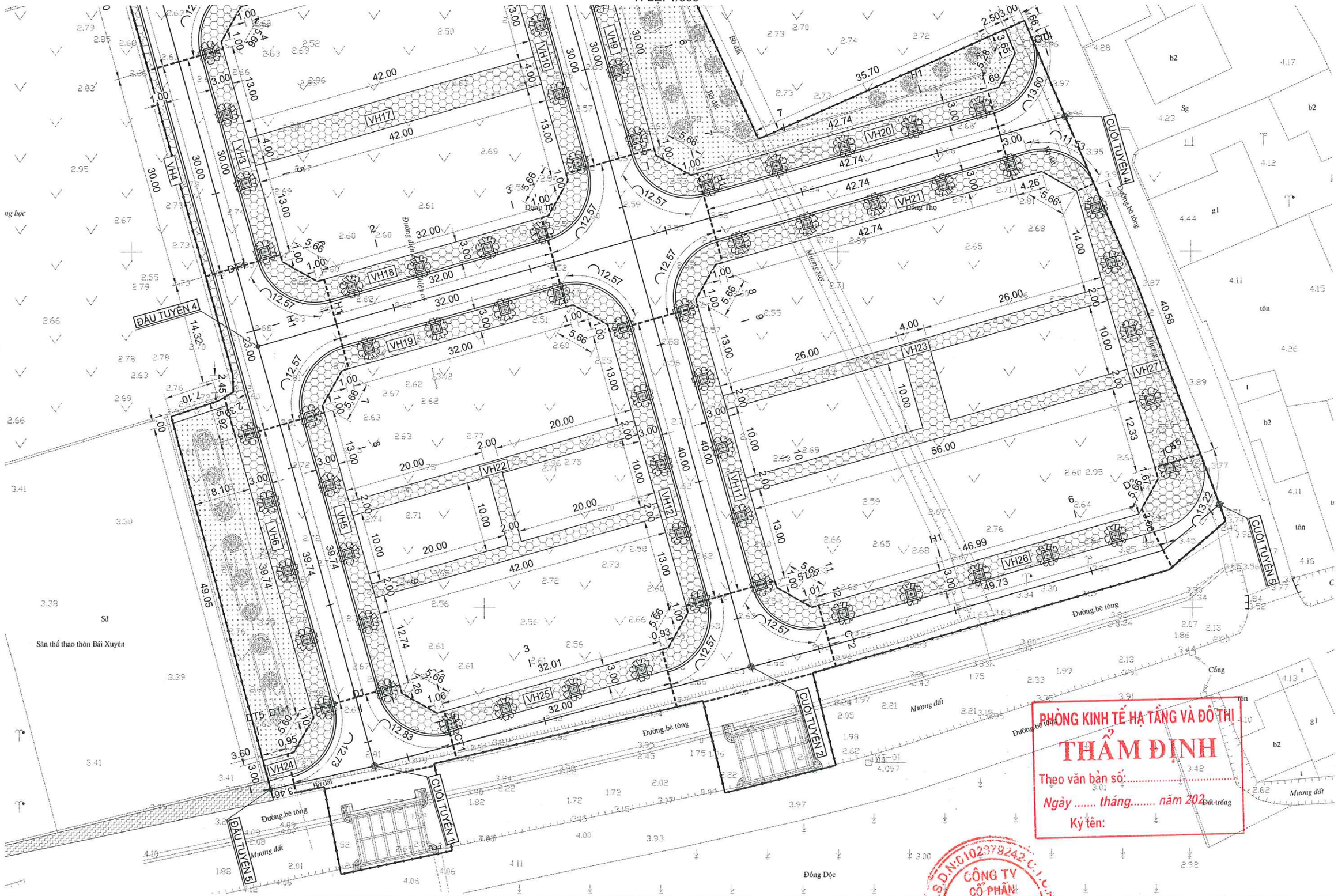

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202

Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG VỈA HÈ	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BDVH-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

BÌNH ĐỒ CÂY XANH

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C102379242 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÂY XANH

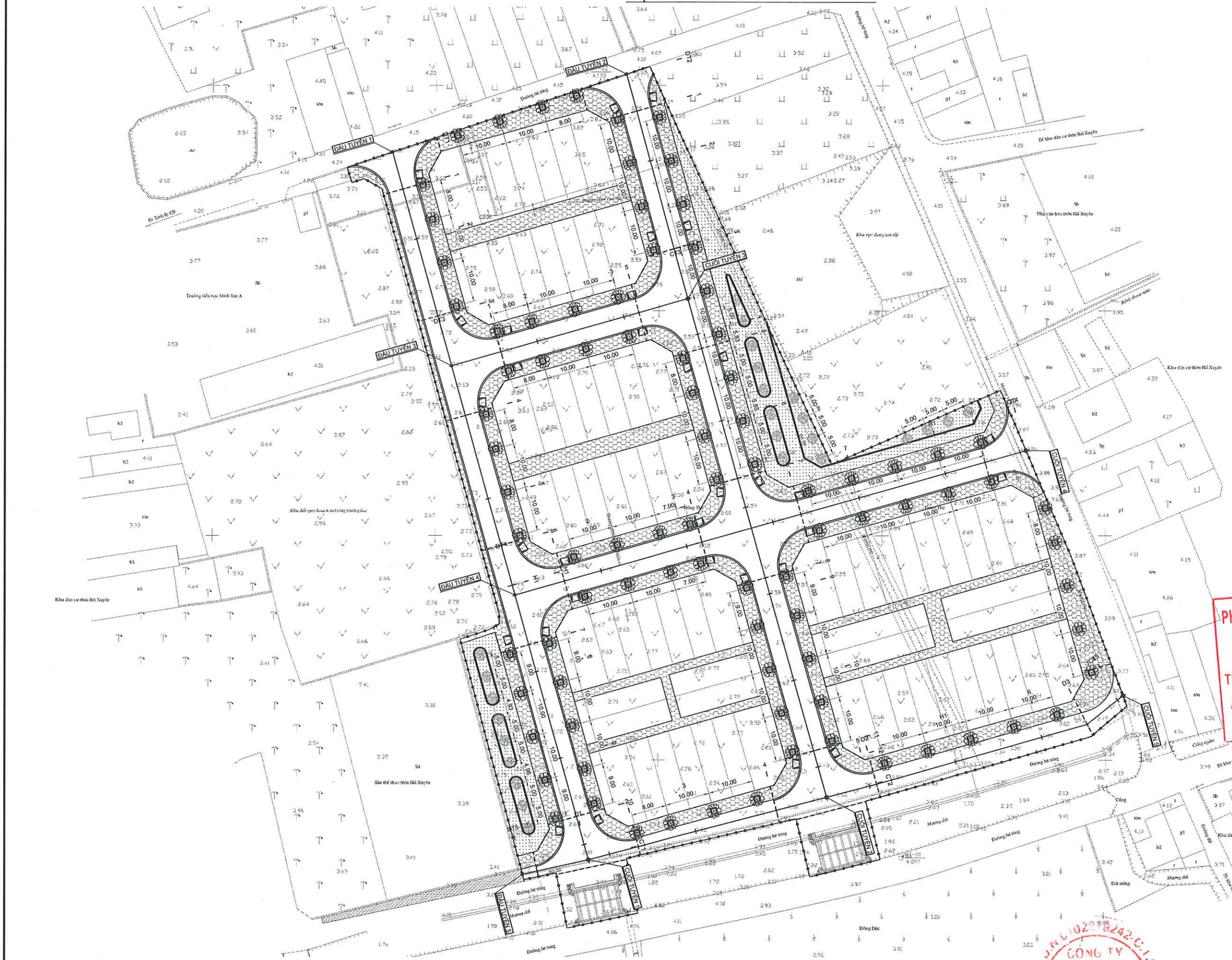

B

0 10M 20M 25M

0 2CM 4CM 5CM

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

XDTM

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC
ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN		NGUYỄN QUANG HÙNG
		NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM		TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÂY XANH
		NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: FIT / BẢN VẼ SỐ: BDCX-01
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CÂY XANH

TỈ LỆ: 1/500

ĐẦU TUYẾN 1

ĐẦU TUYẾN 2

ĐẦU TUYẾN 3

ĐẦU TUYẾN 4

CUỐI TUYẾN 3

CUỐI TUYẾN 4

Đường bê tông

Đường điện cao thế mạch kép

Khu vực đang san lấp

Khu đất quy hoạch mở rộng trường học

Đi khu dân cư thôn Bái Xuyên

Nhà văn hóa thôn Bái Xuyên

Đồng Thọ

Hồ

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T AI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NGƯỜI VẼ NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN KS. CHU VĂN VẬN KS. TRẦN THỊ CHÂM KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CÂY XANH TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 — BẢN VẼ SỐ: BDCX-02 LẦN XUẤT BẢN: 01 — MÃ SỐ:...../GT/20...

MẶT BẰNG CÂY XANH

TỈ LỆ: 1/500

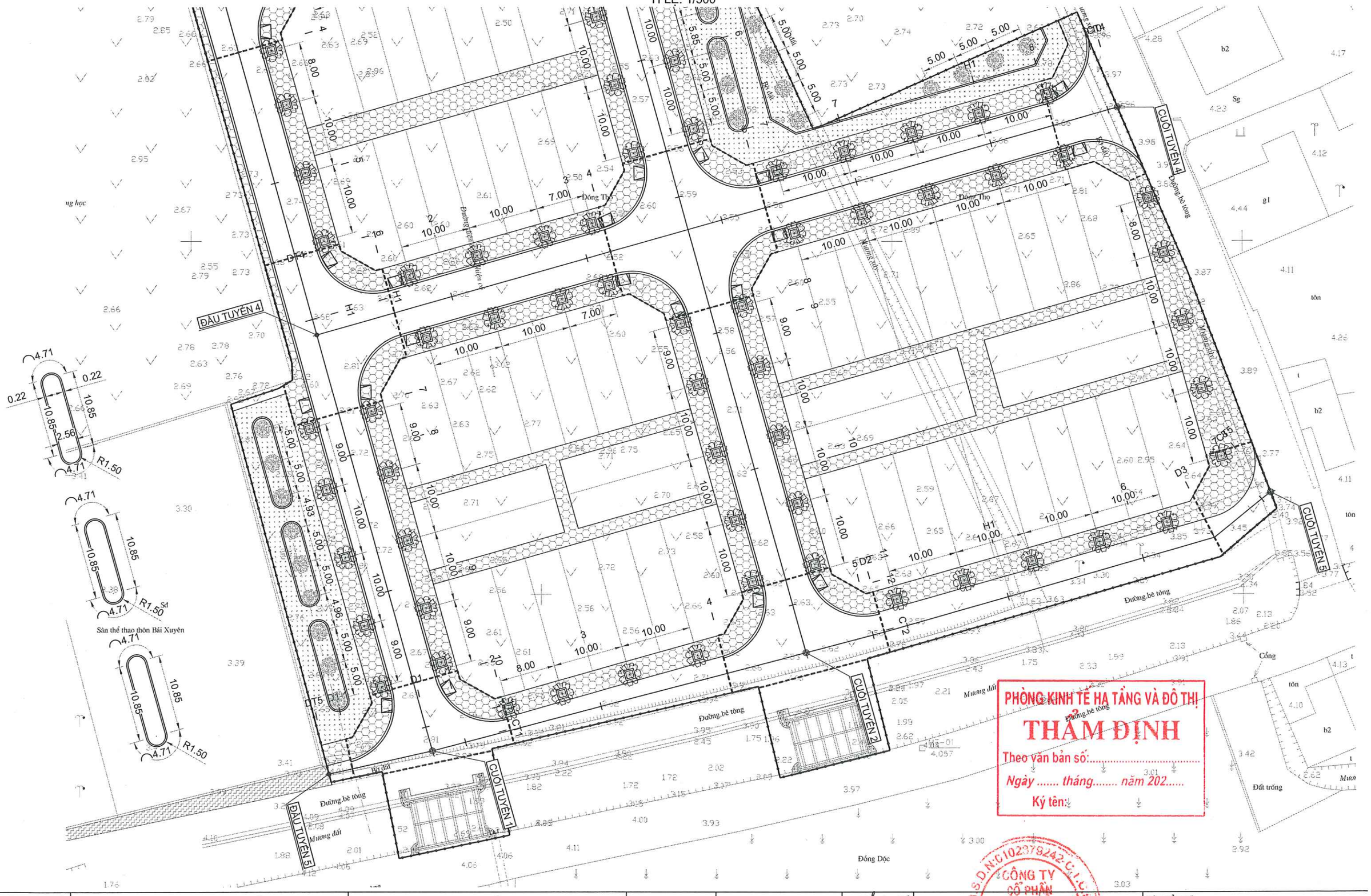

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở T ẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	NGUYỄN QUANG HÙNG
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CÂY XANH	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: BDCX-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

CÁC BẢN VẼ CHI TIẾT

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C1023758242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH KẾT CẤU VỈA HÈ, BÓ VỈA, TẤM ĐAN RÃNH

BỐ TRÍ BÓ VỈA HÈ ĐƯỜNG

(TẠI VỊ TRÍ CÓ RÃNH ĐAN)

TỶ LỆ 1/10

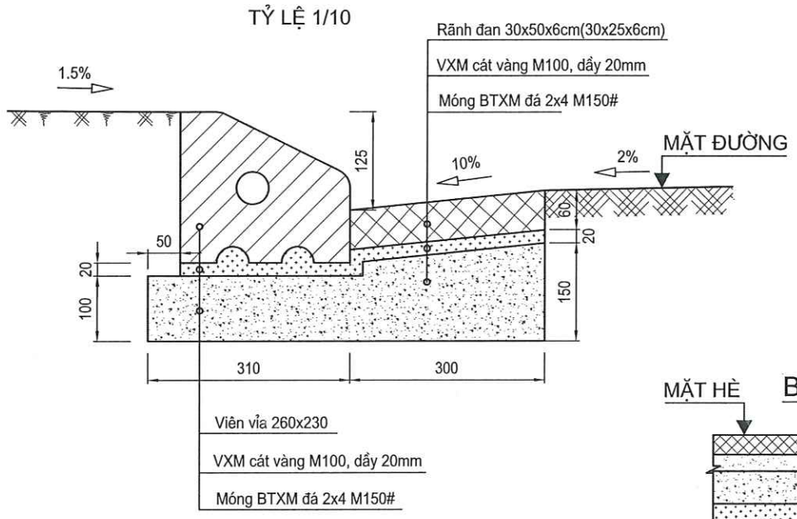

BÓ GÁY HÈ

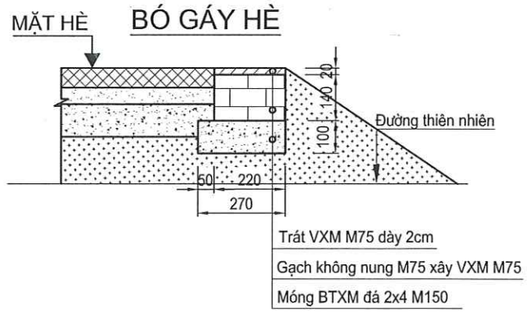

CẤU TẠO BÓ VỈA 26X23CM- BT M250

CẮT NGANG

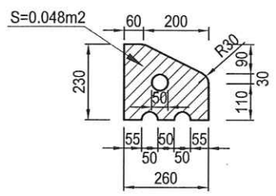

26X23X100CM (LOẠI A)

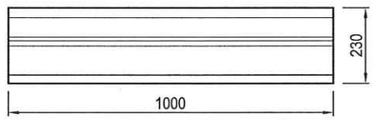

26X23X25CM (LOẠI B)

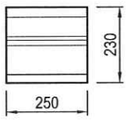

CẤU TẠO CHI TIẾT TẤM ĐAN BT M250

30X50X6CM (LOẠI A)

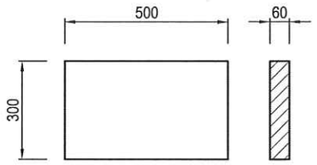

30X25X6CM (LOẠI B)

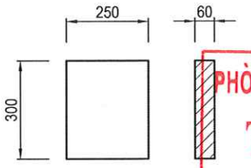

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

KẾT CẤU LÁT HÈ

(ÁP DỤNG CHO BỘ HÀNH, XE THÔ SƠ, XE MÁY)

TỶ LỆ :1/10

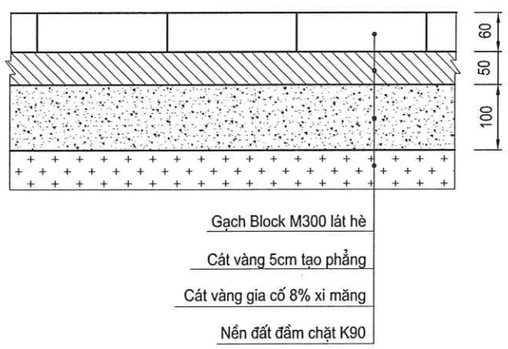

GẠCH BLOCK LÁT VỈA HÈ - BT M300

TỶ LỆ :1/20

LOẠI P7 MÀU ĐỎ

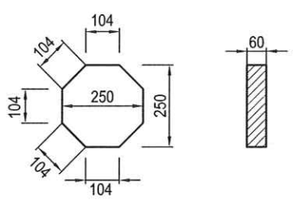

LOẠI P10 MÀU XANH

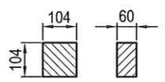

SƠ ĐỒ LÁT HÈ

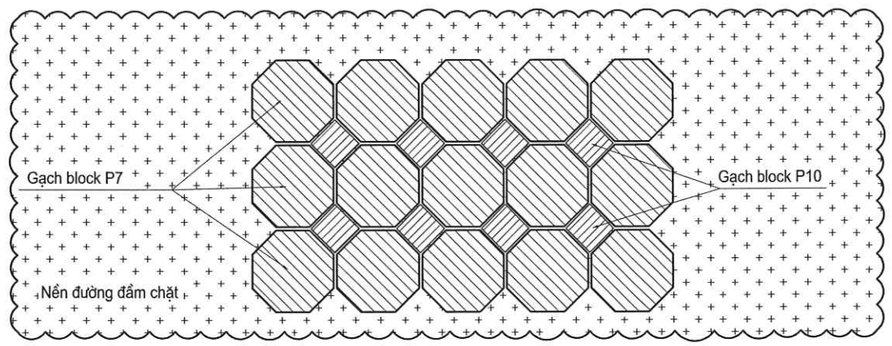

GHI CHÚ:

1 - Kích thước ghi trong bản vẽ là mm.

2 - Chi tiết xem thêm các bản vẽ khác.

3 - Bó vỉa loại A dùng trên đoạn thẳng, Bó vỉa loại B dùng trên đoạn cong;

4 - Tấm đan loại A dùng trên đoạn thẳng, tấm đan loại B dùng trên đoạn cong;

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG** CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	
	GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HÙNG		TÊN BẢN VẼ: THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH KẾT CẤU HÈ BÓ VỈA, TẤM ĐAN RÃNH		
			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1:20	BẢN VẼ SỐ:	
			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...	

ĐIỂN HÌNH VỈA HÈ - CÂY XANH

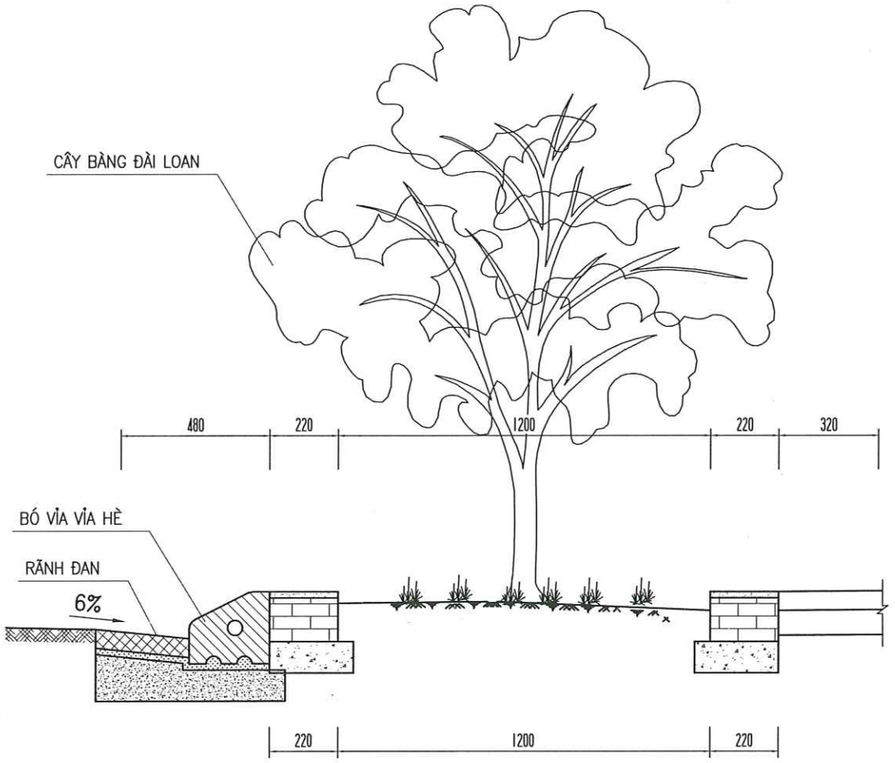

MẶT BẰNG BÓ GỐC CÂY

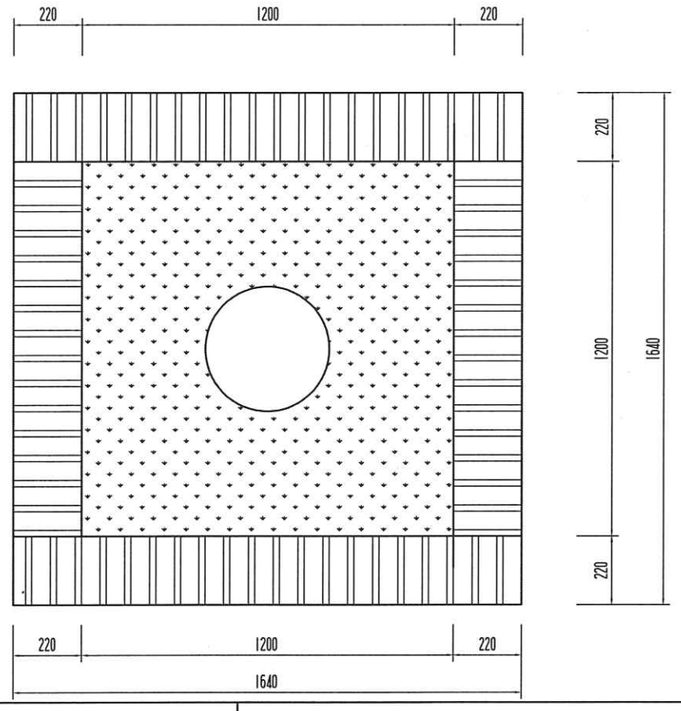

CHI TIẾT COC GIỮ CÂY

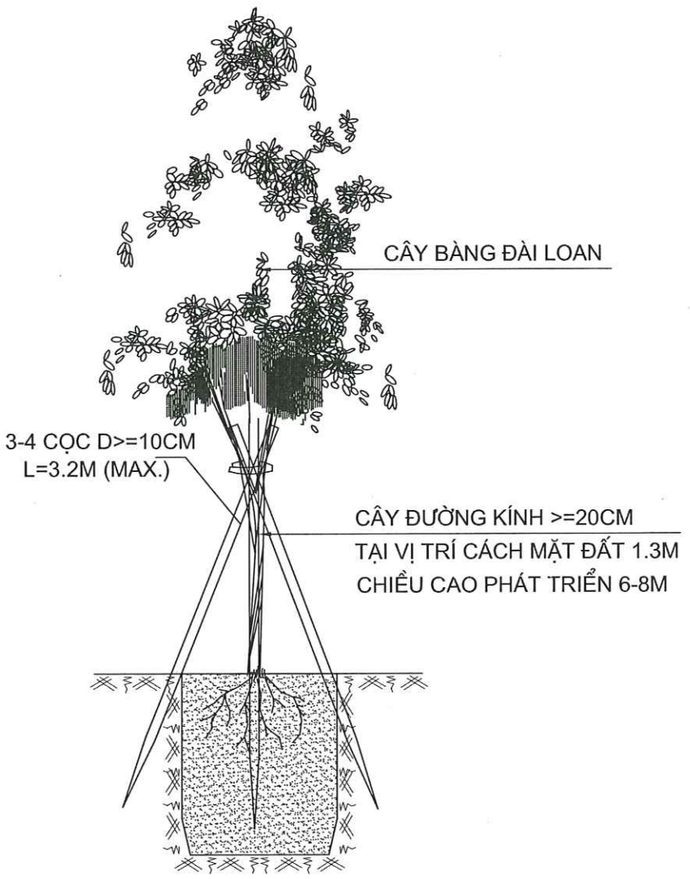

HỐ ĐÀO TRỒNG CÂY BÓNG MÁT

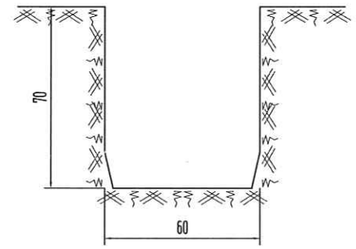

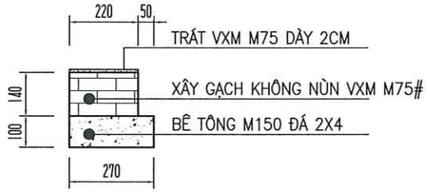

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

– TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ DÙNG ĐƠN VỊ LÀ (CM)

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	GIÁM ĐỐC
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN	
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM	
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN	NGUYỄN QUANG HƯNG

TÊN BẢN VẼ: THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH VỈA HÈ CÂY XANH	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1:20	BẢN VẼ SỐ:
LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...

ĐIỂN HÌNH HẠ HÈ VỊ TRÍ QUA ĐƯỜNG

MẶT BẰNG CHI TIẾT HẠ HÈ VỈA 26X23CM

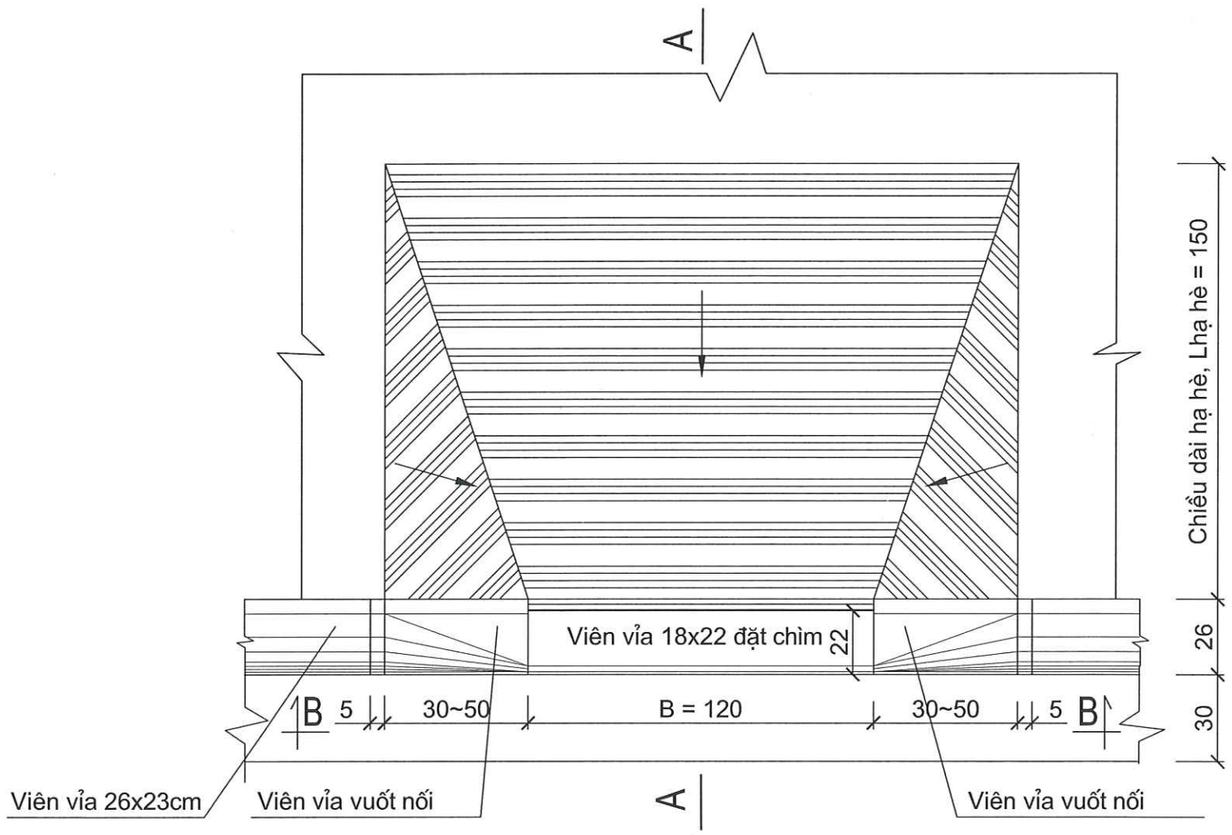

MẶT CẮT A-A

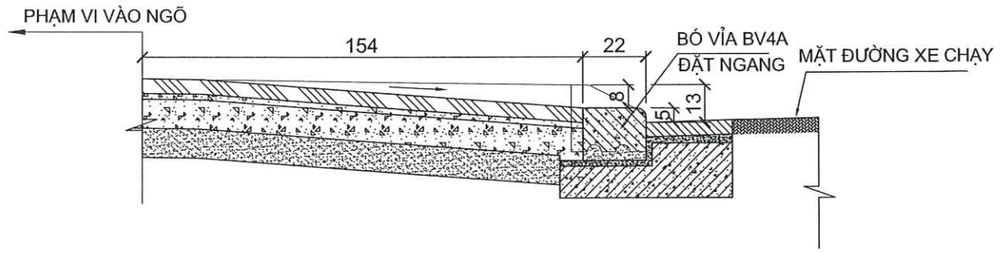

CẤU TẠO VỈA VUỐT NỐI VỚI VIÊN VỈA VÁT 26X23CM

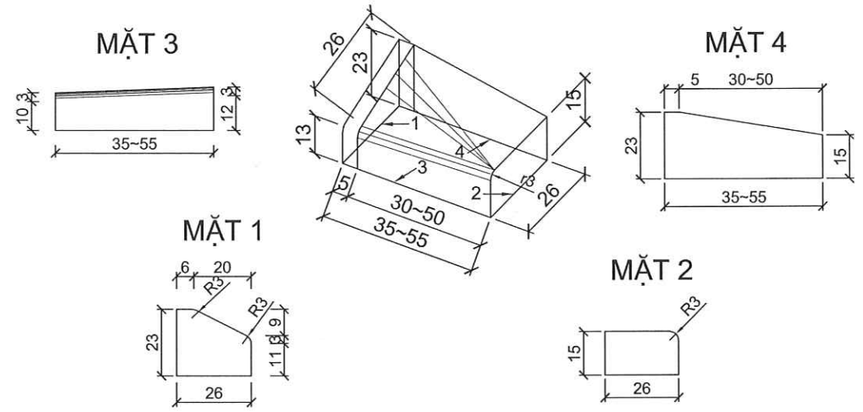

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

1/2 MẶT CẮT B-B

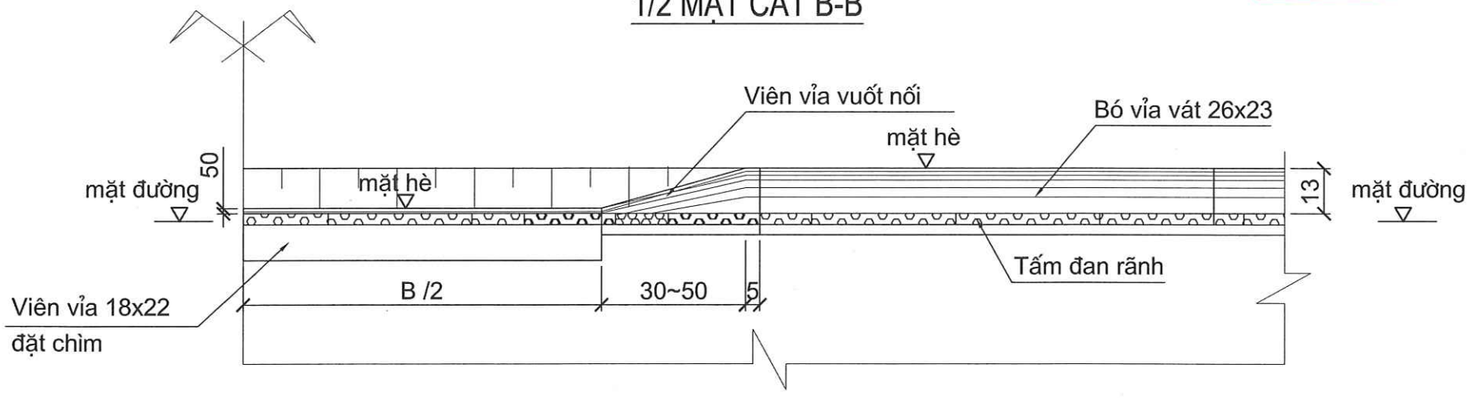

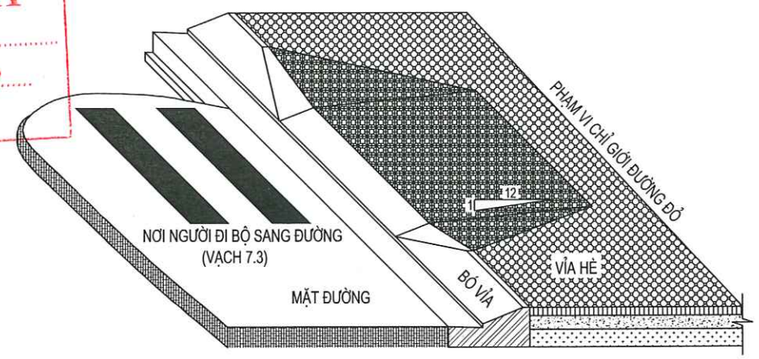

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ CM

XDTM	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT PHÚ XUYÊN	**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN		GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG HƯNG	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT HẠ HÈ CHO NGƯỜI ĐI LẠI	
	ĐƠN VỊ TVTK: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. CHU VĂN VẬN			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1:20	BẢN VẼ SỐ:
			NGƯỜI VẼ	KS. TRẦN THỊ CHÂM			LẦN XUẤT BẢN: 01	MÃ SỐ:...../GT/20...
			NGƯỜI KIỂM TRA	KS. NGUYỄN HỮU TUẤN				

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: 0102379242 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
A	**KHỐI LƯỢNG DỌN DẸP MẶT BẰNG**	**m2**	**17,318.32**	
B	**SAN NỀN**			
-	Khối lượng vét hữu cơ 50cm	m3	**4,701.71**	Theo BKL San nền
-	Khối lượng đào nền	m3	**0.00**	Theo BKL San nền
-	Khối lượng đắp K90	m3	**14,331.25**	Theo BKL San nền
	-Trừ khối lượng cống thoát nước thải chiếm chỗ	*m3*	*136.59*	
	-Trừ khối lượng ga thoát nước thải chiếm chỗ	*m3*	*35.84*	
	-Trừ khối lượng tường chắn chiếm chỗ	*m3*	*118.03*	
-	Đắp vị trí trồng cây xanh K90 bằng đất tận dụng	m3	**2,265.89**	Theo BKL San nền
C	**GIAO THÔNG**			
I	**NỀN MẶT ĐƯỜNG**			
1	**Khối lượng đào đắp**			
-	Khối lượng vét hữu cơ	m3	**2,435.17**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Khối lượng đánh cấp	m3	**74.53**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Khối lượng đắp nền đường bằng cát K95	m3	**1,981.63**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Khối lượng đắp vỉa hè bằng cát K90	m3	**2,140.55**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
	-Trừ khối lượng hố trồng cây chiếm chỗ	*m3*	*23.94*	
	-Trừ khối lượng cống thoát nước thải chiếm chỗ	*m3*	*27.71*	
	-Trừ khối lượng ga thoát nước thải chiếm chỗ	*m3*	*25.60*	
-	Khối lượng đắp bao bằng đất K90	m3	**1,141.51**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Khối lượng đào khuôn	m3	**40.17**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
2	**Khối lượng mặt đường**			
a	**Khối lượng mặt đường KC1**			
-	Bê tông nhựa chặt 12.5 dày 7cm	m2	**1,908.31**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Tưới nhựa thấm bám, nhựa pha dầu MC TC 1,0Kg/m2	m2	**1,908.31**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm Dmax= 25mm	m3	**286.25**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm Dmax= 37.5mm	m3	**513.39**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Vải địa kỹ thuật 25KN/m	m2	**2,925.44**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Đắp cát K98 dày 50cm	m3	**967.58**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
b	**Khối lượng mặt đường KC4**			
-	Bê tông xi măng M250 dày 20cm	m3	**91.10**	Theo BKL trắc ngang chi tiết

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
-	Ni lông chống thấm	m2	**455.52**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm (Dmax = 25mm)	m3	**91.27**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Vải địa kỹ thuật 25KN/m	m2	**662.13**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
-	Đắp cát K98 dày 50cm	m3	**227.77**	Theo BKL trắc ngang chi tiết
4	**Khối lượng nút giao các tuyến**			
-	Vét hữu cơ 50cm	m3	**1,293.84**	Theo BKL Nút giao
-	Khối lượng đắp nền đường bằng cát K95	m3	**1,299.34**	Theo BKL Nút giao
-	Khối lượng đắp vỉa hè bằng cát K90	m3	**1,400.49**	Theo BKL Nút giao
-	Khối lượng đắp bao bằng đất K90	m3	**340.95**	Theo BKL Nút giao
	Khối lượng mặt đường KC1			
-	Bê tông nhựa chặt 12.5 dày 7cm	m2	**1,389.32**	Theo BKL Nút giao
-	Tưới nhựa thấm bám, nhựa pha dầu MC TC 1,0Kg/m2	m2	**1,389.32**	Theo BKL Nút giao
-	Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm Dmax= 25mm	m3	**222.25**	Theo BKL Nút giao
-	Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm Dmax= 37.5mm	m3	**370.42**	Theo BKL Nút giao
-	Vải địa kỹ thuật 25KN/m	m2	**1,781.29**	
-	Đắp cát K98 dày 50cm	m3	**787.03**	Theo BKL Nút giao
	Khối lượng mặt đường KC4			
-	Bê tông xi măng M250 dày 20cm	m3	**52.91**	Theo BKL Nút giao
-	Ni lông chống thấm	m2	**264.57**	Theo BKL Nút giao
-	Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm (Dmax = 25mm)	m3	**52.91**	Theo BKL Nút giao
-	Vải địa kỹ thuật 25KN/m	m2	**52.91**	
-	Đắp cát K98 dày 50cm	m3	**132.29**	Theo BKL Nút giao
II	**TƯỜNG CHẮN**			
1	**Tường chắn đá hộc**			
-	Chiều dài tường chắn đá hộc H = 1.8m	m	**253.10**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Chiều dài tường chắn đá hộc H = 1.2m	m	**45.83**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	BTXM M200 đá 2x4	m3	**23.91**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Ván khuôn bê tông giằng đỉnh	m2	**119.57**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Tường đá hộc VXM M100	m3	**267.04**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Móng đá hộc VXM M100	m3	**271.62**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Đá dăm đệm dày 10cm	m3	**43.69**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Chiều dài cọc tre L=2.5m, 25 cọc/m2	m	**27,308.59**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Tầng lọc ngược	Vị trí	**30.00**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Vải địa bịt ống	m2	**5.40**	Theo BKL Tường chắn đá hộc

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
-	Ống PVC D90	m	**33.00**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Dây thép buộc	m	**13.56**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Khe phòng lún	Vị trí	**27.00**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Bao tải tẩm nhựa	m2	**51.92**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Đào đất tường chắn	m3	**318.62**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Đắp trả tường chắn	m3	**144.01**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
-	Chiếm chỗ san nền	m3	**118.03**	Theo BKL Tường chắn đá hộc
2	**Tường chắn gạch xây**			
-	Chiều dài tường chắn gạch xây H=0.9m	m	**15.96**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
-	Ván khuôn móng	m2	**3.19**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
-	Bê tông móng đá 2x4 M150#	m3	**0.61**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
-	Xây tường gạch không nung VXM M75#	m3	**3.20**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
-	Trát tường VXM M75# dày 1,5cm	m2	**11.17**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
-	Ván khuôn giằng tường	m2	**3.19**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
-	Bê tông giằng tường đá 1x2 M200#	m3	**0.35**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
-	Tầng lọc ngược	Vị trí	**2.00**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
-	Vải địa bịt ống	m2	**0.36**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
	Ống PVC D90	m	**0.80**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
	Dây thép buộc	m	**0.90**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
	Khe phòng lún	vị trí	**2.00**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
	Bao tải tẩm nhựa	m2	**0.44**	Theo BKL Tường chắn gạch xây
III	**THOÁT NƯỚC MƯA**			
1	**Cống dọc**			
-	Mua cống tròn D600mm (2.5m/đốt) tải trọng HL93	m	**430.89**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Lắp đặt cống tròn D600 mm	đốt	**172.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Đế cống D600 BTCT đúc sẵn	đế	**516.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Lắp đặt đế cống	đế	**516.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Mối nối cống tròn D600mm gioăng cao su	mối	**151.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cát đen đầm chặt K95	m3	**60.38**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Đá dăm đệm móng D<=6cm	m3	**43.09**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cọc tre D=8-10cm, L=2.5m, 25 cọc/m2	m	**19,659.36**	Theo BKL Thoát nước mưa
2	**Hố ga thu nước**			
2.2	**Ga thăm BTCT**	cái	**25.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Đá dăm đệm móng	m3	**6.56**	Theo BKL Thoát nước mưa

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN ... HÀ NỘI

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
-	Cọc tre D=(8-10)cm, L=2.5m, mật độ 25 cọc/m2	m	**4,098.75**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	BTCT bản đáy ga M250 (B20) đá 1x2	m3	**13.12**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn bản đáy	m2	**32.36**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép bản đáy D ≤ 10mm	kg	**5.68**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép bản đáy D > 10mm	kg	**1,810.31**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	BTCT tường ga M250 (B20) đá 1x2	m3	**27.35**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn tường ga	m2	**313.73**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép tường D ≤ 10mm	kg	**1,580.56**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép tường 18≥ D > 10mm	kg	**2,239.82**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép tường D > 18mm	kg	**238.18**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	BTCT trần M250 (B20) đá 1x2	m3	**7.63**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn trần	m2	**56.15**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép trần D ≤ 10mm	kg	**0.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép trần D > 10mm	kg	**1,291.45**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	BTCT cổ ga M250 (B20) đá 1x2	m3	**0.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn cổ ga	m2	**0.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép cổ ga D ≤ 10mm	kg	**0.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép cổ ga D > 10mm	kg	**0.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	BT chèn nắp ga M250 (B20) đá 1x2	m3	**1.09**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn BT nắp ga	m2	**10.80**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Vữa XM M100 (B7.5) chèn khe cống	m3	**1.87**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Nắp thăm bằng composite KT 900x900mm, tải trọng D (400KN)	bộ	**25.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Thể tích đào đất	m3	**11.07**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Thể tích đắp cát K95	m3	**4.56**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Chiếm chỗ KCAĐ			
	Chiếm chỗ BTNC	m2	**49.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
	Chiếm chỗ CPĐD I	m3	**7.35**	Theo BKL Thoát nước mưa
	Chiếm chỗ CPĐD II	m3	**12.25**	Theo BKL Thoát nước mưa
	Chiếm chỗ cát đen K98	m3	**24.50**	Theo BKL Thoát nước mưa
	Chiếm chỗ cát đen K95	m3	**55.62**	Theo BKL Thoát nước mưa
2.3	**Ga thu trực tiếp**	cái		Theo BKL Thoát nước mưa
-	Đá dăm đệm móng D<=6cm	m3	**4.50**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Bê tông đáy ga M150#, đá 2x4	m3	**6.75**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn Bê tông đáy ga	m2	**27.92**	Theo BKL Thoát nước mưa

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN THƯỢNG HẢI HÀ NỘI

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
-	Gạch không nung VXM M75#	m3	**20.53**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Trát vữa XM M75# dày 1.5cm	m2	**60.63**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Láng đáy vữa XM M75# dày 2cm	m2	**8.46**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép thành ga D<=10	kg	**385.98**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép thành ga 10<D<=18	kg	**486.54**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Bê tông chèn song chắc rác M250 đá 1x2	m3	**3.88**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn bê tông chèn song chắc rác	m2	**35.27**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Lắp đặt tấm đan	cái	**47.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Song chắn rác composite KT (300x600)mm	bộ	**47.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Lắp đặt song chắn rác	bộ	**47.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Chiếm chỗ KCAĐ			
	Chiếm chỗ BTNC	m2	**10.75**	Theo BKL Thoát nước mưa
	Chiếm chỗ CPĐD I	m3	**1.61**	Theo BKL Thoát nước mưa
	Chiếm chỗ CPĐD II	m3	**6.35**	Theo BKL Thoát nước mưa
	Chiếm chỗ cát đen K98	m3	**13.93**	Theo BKL Thoát nước mưa
2.4	**Ống dẫn D300**			
-	Mua cống tròn D300mm (2.5m/đốt) tải trọng HL93	m	**163.40**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Lắp đặt cống tròn D300mm	đốt	**65.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Đế cống D300 BTCT đúc sẵn	cái	**195.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Đá dăm đệm móng D<=6cm	m3	**16.34**	Theo BKL Thoát nước mưa
2.5	**Nắp tấm đan mương B1200**	cái	**72.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn bản nắp tấm đan đúc sẵn	m2	**65.58**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép tấm đan BT đúc sẵn d<=10mm	kg	**1,494.72**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép tấm đan BT đúc sẵn d>10mm	kg	**959.04**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Bê tông bản nắp tấm đan đá 1x2 M250#	m3	**19.83**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Lắp đặt tấm đan >250Kg	m3	**72.00**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Ván khuôn giằng	m2	**95.04**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Cốt thép giằng D<=10mm	kg	**783.36**	Theo BKL Thoát nước mưa
-	Bê tông giằng đá 1x2 M250#	m3	**11.53**	Theo BKL Thoát nước mưa
IV	**THOÁT NƯỚC THẢI**			
1	**Đường ống**			
-	Mua cống tròn D400mm (2.5m/đốt) tải trọng HL93	m	**53.00**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Lắp đặt cống tròn D400 mm	đốt	**21.00**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Đế cống D400 BTCT đúc sẵn	đế	**63.00**	Theo BKL Thoát nước thải

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
-	Lắp đặt đế cống	đế	**63.00**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Mối nối cống tròn D400mm gioăng cao su	mối	**20.00**	Theo BKL Thoát nước thải
2	**Rãnh B400 gạch xây**	m	**377.70**	Theo BKL Thoát nước thải
-	**Tấm đan B400**			
+	Khối lượng thép D≤10	kg	**2,292.64**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Khối lượng thép 12<D≤18	kg	**1,809.18**	Theo BKL Thoát nước thải
+	BTXM M250# đá 1x2	m3	**28.55**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Ván khuôn bê tông	m2	**147.76**	Theo BKL Thoát nước thải
-	**Giằng tường**			
+	Khối lượng thép D≤10	kg	**1,801.63**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Khối lượng thép 12<D≤18	kg	**0.00**	Theo BKL Thoát nước thải
+	BTXM M250# đá 1x2	m3	**26.59**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Ván khuôn bê tông	m2	**415.47**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Gạch xây không nung VXM M75#	m3	**71.76**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Trát vữa VXM M75# dày 1,5cm	m2	**326.16**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Láng đáy VXM M75# dày 2 cm	m2	**162.41**	Theo BKL Thoát nước thải
+	BTXM M150# đá 2X4	m3	**47.59**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Ván khuôn bê tông	m2	**113.31**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Cát đen đầm chặt K95 chèn dưới cống	m3	**3.35**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Đá dăm đệm móng D<=6cm	m3	**39.29**	Theo BKL Thoát nước thải
2	**Hố ga**			
2.1	**Ga thăm BTCT**			
-	Đá dăm đệm móng	m3	**1.24**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Cọc tre D=(8-10)cm, L=2.5m, mật độ 25 cọc/m2	m	**776.25**	Theo BKL Thoát nước thải
-	BTCT bản đáy ga M250 (B20) đá 1x2	m3	**2.48**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Ván khuôn bản đáy	m2	**4.92**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Cốt thép bản đáy D ≤ 10mm	kg	**0.63**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Cốt thép bản đáy D > 10mm	kg	**213.30**	Theo BKL Thoát nước thải
-	BTCT tường ga M250 (B20) đá 1x2	m3	**3.93**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Ván khuôn tường ga	m2	**46.21**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Cốt thép tường D ≤ 10mm	kg	**186.82**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Cốt thép tường 18≥ D > 10mm	kg	**262.55**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Cốt thép tường D > 18mm	kg	**27.75**	Theo BKL Thoát nước thải
-	BTCT trần M250 (B20) đá 1x2	m3	**1.72**	Theo BKL Thoát nước thải

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
-	Ván khuôn trần	m2	**10.77**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Cốt thép trần D > 10mm	kg	**151.59**	Theo BKL Thoát nước thải
-	BT chèn nắp ga M250 (B20) đá 1x2	m3	**0.13**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Ván khuôn BT nắp ga	m2	**1.30**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Vữa XM M100 (B7.5) chèn khe cống	m3	**0.33**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Nắp thăm bằng composite KT 900x900mm, tải trọng D (250KN)	bộ	**2.00**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Nắp thăm bằng composite KT 900x900mm, tải trọng D (400KN)	bộ	**1.00**	Theo BKL Thoát nước thải
2.1	**Ga thăm gạch xây**			
-	Tấm đan (Đúc sẵn)			
+	Cốt thép tấm đan D≤10	kg	**766.01**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Cốt thép tấm đan 10<D≤18	kg	**53.69**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Ván khuôn tấm đan	m2	**27.70**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Bê tông M250# đá 1x2	m3	**5.69**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Lắp đặt tấm đan	tấm	**24.00**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Nắp ga (đổ tại chỗ)			
+	Bê tông đổ chèn M200#	m3	**2.21**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Ván khuôn	m2	**22.08**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Nắp ga thăm composite KT 850x850mm, tải trọng 125Kn	bộ	**10.00**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Song chắn rác composite kết hợp ngăn mùi KT 430x860mm tải trọng 125Kn	bộ	**14.00**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Lắp đặt nắp ga	bộ	**24.00**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Thân ga			
+	Gạch xây không nung VXM M75#	m3	**16.85**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Trát VXM M75# dày 1,5cm	m2	**61.48**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Láng đáy VXM M75# dày 2cm	m2	**24.00**	Theo BKL Thoát nước thải
-	Đáy ga (đổ tại chỗ)			
+	Bê tông M150# đá 2x4	m3	**12.91**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Ván khuôn	m2	**31.49**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Đá dăm đệm móng	m3	**6.46**	Theo BKL Thoát nước thải
+	Đóng cọc tre	m	**4,034.40**	Theo BKL Thoát nước thải
V	**AN TOÀN GIAO THÔNG**			
1	**Khối lượng biển báo**			
-	Biển báo hình vuông 60x60cm	cái	**18.00**	Theo BKL ATGT
-	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	cái	**18.00**	Theo BKL ATGT
-	Cột biển báo D80 dày 3mm	cái	**36.00**	Theo BKL ATGT
-	Khối lượng móng 1 cột biển báo			

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
	BTXM M200 đá 1x2	*m3*	*0.20*	
	Ván khuôn	*m2*	*1.60*	
	Cát đệm dày 10cm	*m3*	*0.04*	
	Đào đất hố móng	*m3*	*1.80*	
2	**Vạch sơn**			
-	Vạch 1.1 -Vạch Tim đường	m2	**14.72**	Theo BKL ATGT
-	Vạch 3.1a- Vạch giới hạn mép đường xe chạy	m2	**139.99**	Theo BKL ATGT
-	Vạch kẻ đi bộ qua đường 7.3	m2	**129.60**	Theo BKL ATGT
-	Mũi tên chỉ hướng 9.3	m2	**41.08**	Theo BKL ATGT
-	Vạch sơn giảm tốc dày 6mm	m2	**57.60**	Theo BKL ATGT
VI	**KHỐI LƯỢNG VỈA HÈ**			
1	**Bó vỉa BTXM M250 kích thước 26x23x100cm**			
-	Chiều dài bó vỉa	m	**770.57**	Theo BKL Vỉa hè + nút giao
	-Trừ khối lượng hạ hè chiếm chỗ	*m*	*67.20*	
-	Số lượng bó vỉa	cái	**771.00**	Theo BKL Vỉa hè + nút giao
-	VXM M100 dày 2cm	m2	**238.88**	
-	Móng BTXM đá 2x4 M150	m3	**23.89**	
-	Ván khuôn móng bó vỉa	m2	**154.20**	
2	**Bó vỉa BTXM M250 kích thước 26x23x25cm**			
-	Chiều dài bó vỉa	m	**233.81**	Theo BKL Vỉa hè + nút giao
-	Số lượng bó vỉa	cái	**936.00**	
-	VXM M100 dày 2cm	m2	**72.48**	
-	Móng BTXM đá 2x4 M150	m3	**7.25**	
-	Ván khuôn móng bó vỉa	m2	**46.76**	
4	**Đan rãnh**			
a	**Chiều dài rãnh đan M250 (30x50x6cm) (loại A)**	**m**	**628.05**	Theo BKL Vỉa hè + nút giao
	-Trừ khối lượng ga thu trực tiếp chiếm chỗ	*m*	*61.10*	
-	Số lượng tấm đan rãnh M250 (30x50x6cm) (loại A)	tấm	**1,257.00**	
-	BTXM rãnh đan M250 đá 1x2	m3	**11.31**	
-	Ván khuôn rãnh đan	m2	**120.67**	
-	Vữa xi măng M100 dày 2cm	m2	**201.12**	
-	Móng BTXM M150 đá 1x2cm	m3	**23.57**	
-	Ván khuôn móng BTXM	m2	**157.13**	
b	**Chiều dài rãnh đan M250 (30x25x6) (loại B)**	**m**	**233.81**	Theo BKL Vỉa hè + nút giao
-	Số lượng tấm đan rãnh M250 (30x25x6) (Loại B)	tấm	**936.00**	
-	BTXM rãnh đan M250 đá 1x2	m3	**4.21**	
-	Ván khuôn rãnh đan	m2	**61.78**	
-	Vữa xi măng M75 dày 2cm	m2	**74.88**	
-	Móng BTXM M150 đá 1x2cm	m3	**8.78**	
-	Ván khuôn móng BTXM	m2	**81.90**	
5	**Vỉa hè**			

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG MÃ PHA [illegible] HÀ NỘI

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
-	Diện tích vỉa hè đo trên mặt bằng	m2	**3,933.08**	Theo BKL Vỉa hè + nút giao
	Diện tích hố trồng cây chiếm chỗ	*m2*	*306.61*	
	Diện tích hạ hè chiếm chỗ	*m2*	*100.80*	
	Diện tích hố ga thoát nước thải chiếm chỗ	*m2*	*62.19*	
	Diện tích bó vỉa chiếm chỗ	*m2*	*261.14*	
	Diện tích bó gáy chiếm chỗ	*m2*	*324.52*	
	Diện tích tường chắn chiếm chỗ	*m2*	*123.08*	
-	Diện tích vỉa hè sau khi trừ chiếm chỗ	m2	**2,754.73**	
-	Lát gạch block tự chèn P10+P7	m2	**2,754.73**	
-	Cát vàng dày 5cm	m3	**137.74**	
-	Cát vàng gia cố 8% xi măng dày 10cm	m3	**275.47**	
6	**Hạ hè sử dụng loại bó vỉa BV4A M250**			
-	Vị trí hạ hè	vị trí	**32.00**	Theo bản vẽ mặt bằng ATGT
-	Ván khuôn móng BT bó vỉa hạ hè	m2	**28.42**	
-	Móng BTXM vỉa hạ hè M150 đá 2x4	m3	**1.04**	
-	Vữa XM lát bó vỉa hạ hè M100 dày 2cm	m2	**10.37**	
-	Lắp đặt vỉa bó hạ hè 18x22x120cm	SL	**32.00**	
-	Khối lượng BT viên vỉa 18x22x120cm	m3	**1.52**	
-	Ván khuôn viên vỉa 18x22x120cm	m2	**22.27**	
-	Ván khuôn móng viên vỉa vuốt nối	m2	**21.31**	
-	Móng BTXM vỉa vuốt nối M150 đá 2x4	m3	**0.78**	
-	Vữa XM lát viên vỉa vuốt nối M100 dày 2cm	m2	**6.34**	
-	Lắp đặt viên vỉa vuốt nối	SL	**64.00**	
-	Ván khuôn viên vỉa 18x22x120cm	m2	**1.42**	
-	Ván khuôn móng viên vỉa vuốt nối	m2	**15.83**	
-	Diện tích hạ hè	m2	**100.80**	
-	Lát gạch block tự chèn P10+P7	m2	**100.80**	
-	Cát vàng dày 5cm	m3	**5.04**	
-	Cát vàng gia cố XM 8% dày 10cm	m3	**10.08**	
7	**Bó gáy hè**			
-	Chiều dài bó gáy loại 1	m	**1,475.11**	Theo BKL Vỉa hè + nút giao
-	Trát VXM M75 dày 2cm	m2	**324.52**	
-	Gạch xây không nung VXM M75	m3	**45.43**	
-	BTXM lót M150 đá 2x4 dày 10cm	m3	**39.83**	
-	Ván khuôn BT lót	m2	**295.02**	
8	**Cây xanh**			
-	Cây Bàng Đài Loan	cây	**114.00**	Theo mặt bằng Cây xanh
	Cây xanh trên vỉa hè	*cây*	*89.00*	
	Cây xanh trong lô đất san nền	*cây*	*25.00*	
a	**Hố trồng cây trên vỉa hè**			
-	Số lượng hố trồng cây	hố	**89.00**	Theo mặt bằng Cây xanh

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: C102 379242 C
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
-	Diện tích hố trồng cây	m2	**239.37**	
-	Đào móng hố trồng cây	m3	**114.74**	
-	Đắp tận dụng đất hữu cơ hố trồng cây	m3	**89.71**	
-	Cây chống bạch đàn D>10cm	m	**1,139.20**	
+	Bó hố trồng cây			
	Trát VXM M75 dày 2cm	m2	**128.44**	
	Xây gạch đỏ, VXM M75 không trát	m3	**15.57**	
	Móng BTXM đá 2x4 M150	m3	**13.65**	
	Ván khuôn móng BTXM	m2	**101.10**	
b	**Hố trồng cây trong lô đất san nền**			
-	Số lượng hố trồng cây	hố	**25.00**	Theo mặt bằng Cây xanh
-	Đào móng hố trồng cây	m3	**4.95**	
-	Cây chống bạch đàn D>10cm	m	**320.00**	
+	Bó hố trồng cây			
	Trát VXM M75 dày 2cm	m2	**55.33**	
	Xây gạch đỏ, VXM M75 không trát	m3	**7.75**	
	Móng BTXM đá 2x4 M150	m3	**6.79**	
	Ván khuôn móng BTXM	m2	**50.30**	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: 0102379242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG SAN NỀN - LÔ ĐẤT

STT	Tên lô	Diện tích lô (m2)	DT đắp (m2)	KL đắp (m3)	DT đào (m2)	KL đào (m3)	KL Vét hữu cơ (m3)
1	Lô 1	1648.00	1648.00	1930.64	0.00	0.00	824.00
2	Lô 2	1648.00	1648.00	2415.36	0.00	0.00	824.00
3	Lô 3	2068.00	2068.00	2849.52	0.00	0.00	1034.00
4	Lô 4	2767.99	2767.99	3360.20	0.00	0.00	1384.00
5	Lô CX1	407.37	407.37	574.01	0.00	0.00	203.69
6	Lô CX2	864.06	864.06	1056.16	0.00	0.00	432.03
	Tổng	**9403.42**	**9403.42**	**12185.89**	**0.00**	**0.00**	**4701.71**

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: C102379242 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG

Khối lượng trắc ngang chi tiết Tuyến 1

STT	Tên cọc	Lý trình	Khoảng cách lẻ	Diện tích														Khối lượng													
				S. Vét hữu cơ	S. Đánh cấp	S. Đắp nền đường	S. Đắp vỉa hè	S. Đắp bao	S. Đào móng tường chắn	S. Đắp trả tường chắn	S. Đào cống	S. Đắp trả cống	S. CPĐD loại 1	S. CPĐD loại 2	S. Đắp K98	B. Mặt đường	B. Vỉa hè	L. VĐKT 25KN/m	V. Vét hữu cơ	V. Đánh cấp	V. Đắp nền đường	V. Đắp vỉa hè	V. Đắp bao	V. Đào móng tường chắn	V. Đắp trả tường chắn	V. Đào cống	V. Đắp trả cống	V. CPĐD loại 1	V. CPĐD loại 2	V. Đắp K98	S. Mặt đường	S. Vỉa hè	S. VĐKT 25KN/m
				m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m2	m2
Tổng																			**624.97**	**0.00**	**646.31**	**523.88**	**255.64**	**120.89**	**56.07**	**3.85**	**2.01**	**95.04**	**171.27**	**339.15**	**633.60**	**475.48**	**941.49**
1	DT1	Km0+000.00		Phạm vi nút giao N1															Phạm vi nút giao N1														
			8.52																														
2	1	Km0+008.52		6.35	0.00	0.93	2.53	1.01	0.10	0.10	0.67	0.35	0.96	1.73	3.46	6.40	4.00	9.51															
			11.48																69.28	0.00	51.32	40.64	17.74	5.57	2.81	3.85	2.01	11.02	19.86	39.66	73.47	45.92	109.17
3	2	Km0+020.00		5.72	0.00	8.01	4.55	2.08	0.87	0.39	0.00	0.00	0.96	1.73	3.45	6.40	4.00	9.51															
			17.78																105.44	0.00	136.73	79.21	36.18	18.22	8.53	0.00	0.00	17.07	30.76	61.34	113.79	71.12	169.09
4	3	Km0+037.78		6.14	0.00	7.37	4.36	1.99	1.18	0.57	0.00	0.00	0.96	1.73	3.45	6.40	4.00	9.51															
			23	Phạm vi nút giao N2															Phạm vi nút giao N2														
5	4	Km0+060.78		5.82	0.00	7.28	4.33	1.98	1.12	0.50	0.00	0.00	0.96	1.73	3.45	6.40	4.00	9.51															
			19.22																111.76	0.00	133.29	81.20	37.00	23.83	10.67	0.00	0.00	18.45	33.25	66.31	123.01	76.88	182.78
6	5	Km0+080.00		5.81	0.00	6.59	4.12	1.87	1.36	0.61	0.00	0.00	0.96	1.73	3.45	6.40	4.00	9.51															
			10.78																63.44	0.00	73.52	45.11	20.54	14.07	6.41	0.00	0.00	10.35	18.65	37.14	68.99	43.12	102.52
7	6	Km0+090.78		5.96	0.00	7.05	4.25	1.94	1.25	0.58	0.00	0.00	0.96	1.73	3.44	6.40	4.00	9.51															
			9.22	Phạm vi nút giao N3															Phạm vi nút giao N3														
8	H1	Km0+100.00																															
			13.78																														
9	7	Km0+113.78		7.40	0.00	6.13	6.89	3.58	1.57	0.75	0.00	0.00	0.96	1.73	3.42	6.40	6.00	9.51															
			6.22																44.44	0.00	39.22	43.48	22.58	9.39	4.45	0.00	0.00	5.97	10.76	21.24	39.81	37.32	59.15
10	8	Km0+120.00		6.89	0.00	6.48	7.09	3.68	1.45	0.68	0.00	0.00	0.96	1.73	3.41	6.40	6.00	9.51															
			20																138.20	0.00	127.20	140.20	72.80	29.80	14.00	0.00	0.00	19.20	34.60	67.90	128.00	120.00	190.20
11	9	Km0+140.00		6.93	0.00	6.24	6.93	3.60	1.53	0.72	0.00	0.00	0.96	1.73	3.38	6.40	6.00	9.51															
			13.52																92.41	0.00	85.04	94.03	48.81	20.01	9.19	0.00	0.00	12.98	23.39	45.56	86.53	81.12	128.58
12	10	Km0+153.52		6.74	0.00	6.34	6.98	3.62	1.43	0.64	0.00	0.00	0.96	1.73	3.36	6.40	6.00	9.51															
			6.48	Phạm vi nút giao N4															Phạm vi nút giao N4														
13	11	Km0+160.00																															
			3.5																														
14	CT1	Km0+163.50																															

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: 0102378242 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI THANH TRÌ - TP HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG

Khối lượng trắc ngang chi tiết Tuyến 2

STT	Tên cọc	Lý trình	Khoảng cách lẻ	Diện tích														Khối lượng													
				S. Vét hữu cơ	S. Đánh cấp	S. Đắp nền đường	S. Đắp vỉa hè	S. Đắp bao	S. Đào móng tường chắn	S. Đắp trả tường chắn	S. Đào cống	S. Đắp trả cống	S. CPĐD loại 1	S. CPĐD loại 2	S. Đắp K98	B. Mặt đường	B. Vỉa hè	L. VĐKT 25KN/m	V. Vét hữu cơ	V. Đánh cấp	V. Đắp nền đường	V. Đắp vỉa hè	V. Đắp bao	V. Đào móng tường chắn	V. Đắp trả tường chắn	V. Đào cống	V. Đắp trả cống	V. CPĐD loại 1	V. CPĐD loại 2	V. Đắp K98	S. Mặt đường	S. Vỉa hè	S. VĐKT 25KN/m
				m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m2	m2
Tổng																			**721.48**	**3.49**	**563.27**	**670.65**	**350.87**	**0.00**	**0.00**	**15.38**	**8.02**	**97.70**	**176.06**	**352.56**	**651.33**	**615.04**	**968.85**
1	DT2	Km0+000.00		Phạm vi nút giao N8															Phạm vi nút giao N8													
			8.53																													
2	1	Km0+008.53		10.93	0.00	2.30	5.58	2.46	0.00	0.00	0.41	0.18	0.96	1.73	3.50	6.40	6.77	9.52														
			11.47																99.39	1.26	17.49	52.88	26.95	0.00	0.00	7.05	3.56	11.01	19.84	40.15	73.41	73.24	109.19
3	2	Km0+020.00		6.40	0.22	0.75	3.64	2.24	0.00	0.00	0.82	0.44	0.96	1.73	3.50	6.40	6.00	9.52														
			20.3																139.97	2.23	79.47	112.87	62.02	0.00	0.00	8.32	4.47	19.49	35.12	70.95	129.92	121.80	193.26
4	3	Km0+040.30		7.39	0.00	7.08	7.48	3.87	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.49	6.40	6.00	9.52														
			19.7																													
5	4	Km0+060.00		Phạm vi nút giao N7															Phạm vi nút giao N7													
			3.3																													
6	5	Km0+063.30		6.88	0.00	6.00	6.86	3.56	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.48	6.40	6.00	9.52														
			16.7																115.90	0.00	109.72	119.91	62.21	0.00	0.00	0.00	0.00	16.03	28.89	58.12	106.88	100.20	158.98
7	6	Km0+080.00		7.00	0.00	7.14	7.50	3.89	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.48	6.40	6.00	9.52														
			13.3																93.03	0.00	95.49	100.08	51.87	0.00	0.00	0.00	0.00	12.77	23.01	46.28	85.12	79.80	126.62
8	7	Km0+093.30		6.99	0.00	7.22	7.55	3.91	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.48	6.40	6.00	9.52														
			6.7																													
9	H1	Km0+100.00		Phạm vi nút giao N6															Phạm vi nút giao N6													
			16.3																													
10	8	Km0+116.30		6.95	0.00	6.78	7.29	3.78	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.46	6.40	6.00	9.52														
			3.7																25.23	0.00	25.10	26.97	13.99	0.00	0.00	0.00	0.00	3.55	6.40	12.78	23.68	22.20	35.22
11	9	Km0+120.00		6.69	0.00	6.79	7.29	3.78	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.45	6.40	6.00	9.52														
			20																136.30	0.00	132.40	143.60	74.50	0.00	0.00	0.00	0.00	19.20	34.60	68.70	128.00	120.00	190.40
12	10	Km0+140.00		6.94	0.00	6.45	7.07	3.67	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.42	6.40	6.00	9.52														
			16.3																111.66	0.00	103.59	114.34	59.33	0.00	0.00	0.00	0.00	15.65	28.20	55.58	104.32	97.80	155.18
13	11	Km0+156.30		6.76	0.00	6.26	6.96	3.61	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.40	6.40	6.00	9.52														
			3.7	Phạm vi nút giao N5															Phạm vi nút giao N5													
14	12	Km0+160.00																														
			7.03																													
15	CT2	Km0+167.03																														

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: C1023792422 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG

Khối lượng trắc ngang chi tiết Tuyến 3

STT	Tên cọc	Lý trình	Khoảng cách lẻ	Diện tích														Khối lượng													
				S. Vét hữu cơ	S. Đánh cấp	S. Đắp nền đường	S. Đắp vỉa hè	S. Đắp bao	S. Đào móng tường chắn	S. Đắp trả tường chắn	S. Đào cống	S. Đắp trả cống	S. CPĐD loại 1	S. CPĐD loại 2	S. Đắp K98	B. Mặt đường	B. Vỉa hè	L. VĐKT 25KN/m	V. Vét hữu cơ	V. Đánh cấp	V. Đắp nền đường	V. Đắp vỉa hè	V. Đắp bao	V. Đào móng tường chắn	V. Đắp trả tường chắn	V. Đào cống	V. Đắp trả cống	V. CPĐD loại 1	V. CPĐD loại 2	V. Đắp K98	S. Mặt đường	S. Vỉa hè	S. VĐKT 25KN/m
				m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m2	m2
Tổng																			**221.48**	**0.00**	**225.57**	**238.81**	**123.67**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**30.72**	**55.36**	**111.77**	**204.80**	**192.00**	**304.32**
1	DT3	Km0+000.00		Phạm vi nút giao N2															Phạm vi nút giao N2														
			11.5																													
2	1	Km0+011.50		7.02	0.00	7.22	7.55	3.91	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.48	6.40	6.00	9.51														
			8.5																58.23	0.00	58.78	62.73	32.51	0.00	0.00	0.00	0.00	8.16	14.71	29.62	54.40	51.00	80.84
3	2	Km0+020.00		6.68	0.00	6.61	7.21	3.74	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.49	6.40	6.00	9.51														
			20																138.70	0.00	141.00	149.30	77.30	0.00	0.00	0.00	0.00	19.20	34.60	69.90	128.00	120.00	190.20
4	3	Km0+040.00		7.19	0.00	7.49	7.72	3.99	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.50	6.40	6.00	9.51														
			3.5																24.55	0.00	25.80	26.78	13.86	0.00	0.00	0.00	0.00	3.36	6.06	12.25	22.40	21.00	33.29
5	5	Km0+043.50		6.84	0.00	7.25	7.58	3.93	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.50	6.40	6.00	9.51														
			11.5																													
6	CT3	Km0+055.00		Phạm vi nút giao N7															Phạm vi nút giao N7														

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: C1020178242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG

Khối lượng trắc ngang chi tiết Tuyến 4

STT	Tên cọc	Lý trình	Khoảng cách lẻ	Diện tích															Khối lượng														
				S. Vét hữu cơ	S. Đánh cấp	S. Đắp nền đường	S. Đắp vỉa hè	S. Đắp bao	S. Đào móng tường chắn	S. Đắp trả tường chắn	S. Đào cống	S. Đắp trả cống	S. CPĐD loại 1	S. CPĐD loại 2	S. Đắp K98	B. Mặt đường	B. Vỉa hè	S. Đào khuôn	L. VĐKT 25KN/m	V. Vét hữu cơ	V. Đánh cấp	V. Đắp nền đường	V. Đắp vỉa hè	V. Đắp bao	V. Đào móng tường chắn	V. Đắp trả tường chắn	V. Đào cống	V. Đắp trả cống	V. CPĐD loại 1	V. CPĐD loại 2	V. Đắp K98	S. Mặt đường	S. Vỉa hè	V. Đào khuôn	S. VĐKT 25KN/m
				m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m	m2	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m2
Tổng																				**515.11**	**0.00**	**489.58**	**536.74**	**278.49**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**71.75**	**129.30**	**262.17**	**478.34**	**448.44**	**0.00**	**710.78**
1	DT4	Km0+000.00		Phạm vi nút giao N3																Phạm vi nút giao N3															
			11.5																																
2	1	Km0+011.50		7.00	0.00	6.84	7.34	3.81	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.51	6.40	6.00	0.00	9.51															
			8.5																	58.18	0.00	58.01	62.35	32.34	0.00	0.00	0.00	0.00	8.16	14.71	29.84	54.40	51.00	0.00	80.84
3	2	Km0+020.00		6.69	0.00	6.81	7.33	3.80	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.51	6.40	6.00	0.00	9.51															
			20																	138.60	0.00	141.50	149.60	77.50	0.00	0.00	0.00	0.00	19.20	34.60	70.20	128.00	120.00	0.00	190.20
4	3	Km0+040.00		7.17	0.00	7.34	7.63	3.95	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.51	6.40	6.00	0.00	9.51															
			3.5																	24.76	0.00	25.66	26.69	13.83	0.00	0.00	0.00	0.00	3.36	6.06	12.29	22.40	21.00	0.00	33.29
5	4	Km0+043.50		6.98	0.00	7.32	7.62	3.95	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.51	6.40	6.00	0.00	9.51															
			16.5																																
6	5	Km0+060.00		Phạm vi nút giao N6																Phạm vi nút giao N6															
			6.5																																
7	6	Km0+066.50		7.10	0.00	6.96	7.41	3.84	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.51	6.40	6.00	0.00	9.51															
			13.5																	93.56	0.00	88.22	96.80	50.22	0.00	0.00	0.00	0.00	12.96	23.36	47.32	86.40	81.00	0.00	128.39
8	7	Km0+080.00		6.76	0.00	6.11	6.93	3.60	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.50	6.40	6.00	0.00	9.51															
			20																	136.90	0.00	121.40	138.20	71.80	0.00	0.00	0.00	0.00	19.20	34.60	70.10	128.00	120.00	0.00	190.20
9	H1	Km0+100.00		6.93	0.00	6.03	6.89	3.58	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.51	6.40	6.00	0.00	9.51															
			9.24																	63.11	0.00	54.79	63.11	32.80	0.00	0.00	0.00	0.00	8.87	15.99	32.43	59.14	55.44	0.00	87.87
10	8	Km0+109.24		6.73	0.00	5.83	6.77	3.52	0.00	0.00	0.00	0.00	0.96	1.73	3.51	6.40	6.00	0.00	9.51															
			8.14																																
11	9	Km0+117.38		Phạm vi nút giao N9																Phạm vi nút giao N9															
			0.75																																
12	10	Km0+118.13																																	
			0.68																																
13	CT4	Km0+118.81																																	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: C102379242 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG

Khối lượng trắc ngang chi tiết Tuyến 5

STT	Tên cọc	Lý trình	Khoảng cách lẻ	Diện tích															Khối lượng														
				S. Vét hữu cơ	S. Đánh cấp	S. Đắp nền đường	S. Đắp vỉa hè	S. Đắp bao	S. Đào móng tường chắn	S. Đắp trả tường chắn	S. Đào cống	S. Đắp trả cống	S. CPĐD loại 1	S. CPĐD loại 2	S. Đắp K98	B. Mặt đường	B. Vỉa hè	S. Đào khuôn	L. VĐKT 25KN/m	V. Vét hữu cơ	V. Đánh cấp	V. Đắp nền đường	V. Đắp vỉa hè	V. Đắp bao	V. Đào móng tường chắn	V. Đắp trả tường chắn	V. Đào cống	V. Đắp trả cống	V. CPĐD loại 1	V. CPĐD loại 2	V. Đắp K98	S. Mặt đường	S. Vỉa hè	V. Đào khuôn	S. VĐKT 25KN/m
				m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m	m2	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m2
				Tổng																**352.14**	**71.04**	**215.54**	**247.72**	**132.84**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**92.11**	**0.00**	**229.88**	**459.74**	**252.96**	**40.17**	**662.13**
1	DT5	Km0+000.00		2.89	1.1	0.63	3.46	1.47	0	0	0	0	0.56	0	1.39	2.78	3	0.69	5.19															
			3.42																	10.02	2.43	2.58	10.88	5.34	0.00	0.00	0.00	0.00	1.97	0.00	4.89	9.78	10.26	1.45	18.01
2	D1-1	Km0+003.42		2.97	0.32	0.88	2.9	1.65	0	0	0	0	0.59	0	1.47	2.94	3	0.16	5.34															
			11.7																														
3	D1	Km0+015.12																															
			4.88																														
4	1	Km0+020.00																															
			6.59																														
5	2	Km0+026.59		3.61	0.68	2.52	3.12	1.59	0	0	0	0	0.84	0	2.11	4.21	3	0.38	6.61															
			13.41																	50.69	11.26	39.09	43.31	21.99	0.00	0.00	0.00	0.00	12.20	0.00	30.57	61.08	40.23	5.03	93.27
6	3	Km0+040.00		3.95	1	3.31	3.34	1.69	0	0	0	0	0.98	0	2.45	4.9	3	0.37	7.3															
			18.58																	72.37	21.55	63.92	60.39	31.03	0.00	0.00	0.00	0.00	19.51	0.00	48.77	97.55	55.74	11.06	142.14
7	4	Km0+058.58		3.84	1.32	3.57	3.16	1.65	0	0	0	0	1.12	0	2.8	5.6	3	0.82	8															
			21.42																														
8	5	Km0+080.00																															
			1.64																														
9	D2	Km0+081.64		4.51	1.33	4.26	3.11	1.56	0	0	0	0	1.21	0	3.01	6.03	3	0.13	8.43															
			18.36																	83.35	22.77	72.43	56.55	28.55	0.00	0.00	0.00	0.00	22.40	0.00	55.81	111.63	55.08	5.78	155.69
10	H1	Km0+100.00		4.57	1.15	3.63	3.05	1.55	0	0	0	0	1.23	0	3.07	6.13	3	0.5	8.53															
			20																	89.60	12.50	37.10	54.60	30.90	0.00	0.00	0.00	0.00	23.90	0.00	59.60	119.20	60.00	10.10	167.20
11	6	Km0+120.00		4.39	0.1	0.08	2.41	1.54	0	0	0	0	1.16	0	2.89	5.79	3	0.51	8.19															
			10.55																	46.10	0.53	0.42	22.00	15.03	0.00	0.00	0.00	0.00	12.13	0.00	30.23	60.50	31.65	6.75	85.82
12	D3	Km0+130.55		4.35	0	0	1.76	1.31	0	0	0	0	1.14	0	2.84	5.68	3	0.77	8.08															
			8.63																														
13	7	Km0+139.18																															
			0.82																														
14	8	Km0+140.00																															
			0.79																														
15	CT5	Km0+140.79																															

Phạm vi nút giao N4

Phạm vi nút giao N5

Phạm vi nút giao N10

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: 0102378242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO THÔNG

STT	Tên nút	Diện tích (m2)				Cao độ (m)				Khối lượng đào đắp				Khối lượng KC1					Khối lượng KC4			
		Tổng diện tích nút	Diện tích mặt đường (KC1)	Diện tích mặt đường (KC4)	Diện tích vỉa hè	Cao độ thiết kế nút	Cao độ tự nhiên nút	Chênh cao TB mặt đường	Chênh cao TB vỉa hè hoặc lề đất	Vét hữu cơ 0.5m	Đắp K95 (đường)	Đắp K90 (hè)	Đắp bao đất	Bê tông nhựa chặt C12.5 dày 7cm	Lớp nhựa thấm bám 1.0kg/m2	Cấp phối đá dăm loại I	Cấp phối đá dăm loại II	Cát đầm chặt K98	BTXM M250 dày 20cm	Ni lông chống thấm	Cấp phối đá dăm loại I	Cát đầm chặt K98
										m3	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m2	m3	m3
1	N1	142.81	87.31	-	55.50	4.21	4.21	0.27	0.56	71.41	-	47.20	7.85	80.02	80.02	13.10	21.83	47.30	-	-	-	-
2	N2	334.01	244.47	-	89.54	4.24	2.65	1.54	1.46	167.01	262.32	156.87	30.06	230.03	230.03	36.67	61.12	129.46	-	-	-	-
3	N3	347.01	244.47	-	102.54	4.17	2.70	1.43	1.56	173.51	234.69	189.54	43.70	230.03	230.03	36.67	61.12	129.46	-	-	-	-
4	N4	225.08	77.39	80.46	67.23	3.95	2.81	0.89	1.46	112.54	66.45	117.32	30.50	70.96	70.96	11.61	19.35	41.91	80.46	80.46	16.09	40.23
5	N5	276.55	76.66	133.46	66.43	3.85	2.62	1.01	1.43	138.28	112.83	114.43	29.49	70.30	70.30	11.50	19.17	41.51	133.46	133.46	26.69	66.73
6	N6	460.99	327.93	-	133.06	4.11	2.59	1.50	1.63	230.50	339.28	255.39	65.24	312.85	312.85	49.19	81.98	171.51	-	-	-	-
7	N7	380.00	244.47	-	135.53	4.18	2.67	1.46	1.61	190.00	243.00	256.83	80.66	230.03	230.03	36.67	61.12	129.45	-	-	-	-
8	N8	136.15	83.47	-	52.68	4.10	4.10	0.33	0.57	68.08	-	45.19	4.88	77.74	77.74	12.52	20.87	44.60	-	-	-	-
9	N9	173.08	95.52	-	77.56	3.96	3.96	0.90	1.32	86.54	40.76	124.98	37.41	87.37	87.37	14.33	23.88	51.84	-	-	-	-
10	N10	111.99	0.00	50.65	61.34	3.75	3.75	0.12	1.22	56.00	-	92.74	11.16	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	50.65	50.65	10.13	25.33
Tổng		**2587.67**	**1481.69**	**264.57**	**841.41**					**1293.84**	**1299.34**	**1400.49**	**340.95**	**1389.32**	**1389.32**	**222.25**	**370.42**	**787.03**	**264.57**	**264.57**	**52.91**	**132.29**

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C102378242 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
HÀ NỘI
THANH TRÌ - TP HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO THÔNG

STT	Tên nút	Diện tích (m2)				Chiều dài						
		Tổng diện tích nút	Diện tích mặt đường (KC1)	Diện tích mặt đường (KC4)	Diện tích vỉa hè	Bó vỉa trên đường thẳng	Bó vỉa trong đoạn cong	Rãnh đan 30x50x6 cm	Rãnh đan 30x25x6 cm	Chiều dài bó gáy hè	Tường chắn đá hộc	Tường chắn gạch xây
						m	m	m	m	m	m	m
1	N1	142.81	87.31	-	55.50	1.05	23.26	1.05	23.26	7.40	0.00	12.38
2	N2	334.01	244.47	-	89.54	23.00	25.14	23.00	25.14	15.32	23.00	0.00
3	N3	347.01	244.47	-	102.54	23.00	25.14	23.00	25.14	21.23	18.26	0.00
4	N4	225.08	77.39	80.46	67.23	-	21.43	-	21.43	15.60	0.00	0.00
5	N5	276.55	76.66	133.46	66.43	-	21.21	-	21.21	15.26	0.00	0.00
6	N6	460.99	327.93	-	133.06	-	50.27	-	50.27	30.64	0.00	0.00
7	N7	380.00	244.47	-	135.53	23.00	25.13	23.00	25.13	38.32	0.00	0.00
8	N8	136.15	83.47	-	52.68	1.05	18.05	1.05	18.05	4.57	8.90	0.00
9	N9	173.08	95.52	-	77.56	3.00	24.18	3.00	24.18	20.54	3.00	0.00
10	N10	111.99	0.00	50.65	61.34	-	-	-	-	6.48	0.00	0.00
Tổng		**2587.67**	**1481.69**	**264.57**	**841.41**	**74.10**	**233.81**	**74.10**	**233.81**	**175.36**	**53.16**	**12.38**

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: 0102378242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG AN TOÀN GIAO THÔNG

Vạch sơn toàn tuyến					
Ý nghĩa vạch sơn	**Số hiệu**	**Màu sắc**	**Chiều dài (m) Số lượng (cái)**	**Diện tích (m2)**	**Vị trí**
Vạch tim đường	1.1	Vàng	294.45	14.72	Tim đường
Vạch phân chia làn đường	3.1b	Trắng		0.00	
Vạch phân chia làn đường	3.1a	Trắng	933.28	139.99	Mép đường
Vạch người đi bộ qua đường	7.3	Trắng	108	129.60	
Vạch chỉ hướng	9.3	Trắng		41.08	
Vạch sơn giảm tốc dày 6mm		Vàng		57.60	
Tổng				**382.99**	

Biển báo toàn tuyến				
STT	**Tên biển**	**Hình dạng**	**Số lượng (cái)**	**Ý nghĩa biển báo**
1	Biển I.423b	Biển báo hình vuông 60x60cm	18	Đường người đi bộ cắt ngang
2	Biển W208	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	5	Giao đường ưu tiên
3	Biển W205A	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	4	Đường giao nhau ngã ba
4	Biển W205B	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	3	Đường giao nhau ngã ba
5	Biển W205C	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	3	Đường giao nhau ngã ba
6	Biển W205D	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	3	Đường giao nhau ngã ba
7	Cột biển báo hình vuông		18	
8	Cột biển báo hình tam giác		18	

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG AN TOÀN GIAO THÔNG CHI TIẾT TỪNG TUYẾN

Vạch Sơn An Toàn Tuyến 1					
Ý nghĩa vạch sơn	**Số hiệu**	**Màu sắc**	**Chiều dài (m) Số lượng (cái)**	**Diện tích (m2)**	**Vị trí**
Vạch tim đường	1.1	Vàng	104.35	5.22	Tim đường
Vạch phân chia làn đường	3.1b	Trắng			
Vạch phân chia làn đường	3.1a	Trắng	293.47	44.02	Mép đường
Vạch người đi bộ qua đường	7.3	Trắng	36	43.20	
Vạch chỉ hướng	9.3	Trắng		14.76	
Vạch sơn giảm tốc dày 6mm		Vàng		19.20	
Tổng				**126.40**	

Biển báo Tuyến 1				
STT	**Tên biển**	**Hình dạng**	**Số lượng (cái)**	**Ý nghĩa biển báo**
1	Biển I.423b	Biển báo hình vuông 60x60cm	6	Đường người đi bộ cắt ngang
2	Biển W208	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	2	Giao đường ưu tiên
3	Biển W205A	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
4	Biển W205B	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	2	Đường giao nhau ngã ba
5	Biển W205C	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	2	Đường giao nhau ngã ba
6	Biển W205D	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
7	Cột biển báo hình vuông		6	
8	Cột biển báo hình tam giác		6	

Vạch Sơn An Toàn Tuyến 2					
Ý nghĩa vạch sơn	**Số hiệu**	**Màu sắc**	**Chiều dài (m) Số lượng (cái)**	**Diện tích (m2)**	**Vị trí**
Vạch tim đường	1.1	Vàng	93.56	4.68	Tim đường
Vạch phân chia làn đường	3.1b	Trắng			
Vạch phân chia làn đường	3.1a	Trắng	271.34	40.70	Mép đường
Vạch người đi bộ qua đường	7.3	Trắng	36	43.20	
Vạch chỉ hướng	9.3	Trắng		14.76	
Vạch sơn giảm tốc dày 6mm		Vàng		19.20	
Tổng				**122.54**	

Biển báo Tuyến 2				
STT	**Tên biển**	**Hình dạng**	**Số lượng (cái)**	**Ý nghĩa biển báo**
1	Biển I.423b	Biển báo hình vuông 60x60cm	6	Đường người đi bộ cắt ngang
2	Biển W208	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	2	Giao đường ưu tiên
3	Biển W205A	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	2	Đường giao nhau ngã ba
4	Biển W205B	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	1	Đường giao nhau ngã ba
5	Biển W205C	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	1	Đường giao nhau ngã ba
6	Biển W205D	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
7	Cột biển báo hình vuông		6	
8	Cột biển báo hình tam giác		6	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

Vạch Sơn An Toàn Tuyến 3					
Ý nghĩa vạch sơn	**Số hiệu**	**Màu sắc**	**Chiều dài (m) Số lượng (cái)**	**Diện tích (m2)**	**Vị trí**
Vạch tim đường	1.1	Vàng	26.72	1.34	Tim đường
Vạch phân chia làn đường	3.1b	Trắng			
Vạch phân chia làn đường	3.1a	Trắng	116.16	17.42	Mép đường
Vạch người đi bộ qua đường	7.3	Trắng	12	14.40	
Vạch chỉ hướng	9.3	Trắng		3.32	
Vạch sơn giảm tốc dày 6mm		Vàng		6.40	
Tổng				**42.88**	

Biển báo Tuyến 3				
STT	**Tên biển**	**Hình dạng**	**Số lượng (cái)**	**Ý nghĩa biển báo**
1	Biển I.423b	Biển báo hình vuông 60x60cm	2	Đường người đi bộ cắt ngang
2	Biển W208	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Giao đường ưu tiên
3	Biển W205A	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
4	Biển W205B	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
5	Biển W205C	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
6	Biển W205D	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	2	Đường giao nhau ngã ba
7	Cột biển báo hình vuông		2	
8	Cột biển báo hình tam giác		2	

Vạch Sơn An Toàn Tuyến 4					
Ý nghĩa vạch sơn	**Số hiệu**	**Màu sắc**	**Chiều dài (m) Số lượng (cái)**	**Diện tích (m2)**	**Vị trí**
Vạch tim đường	1.1	Vàng	69.82	3.49	Tim đường
Vạch phân chia làn đường	3.1b	Trắng			
Vạch phân chia làn đường	3.1a	Trắng	252.31	37.85	Mép đường
Vạch người đi bộ qua đường	7.3	Trắng	24	28.80	
Vạch chỉ hướng	9.3	Trắng		8.24	
Vạch sơn giảm tốc dày 6mm		Vàng		12.80	
Tổng				**91.18**	

Biển báo Tuyến 4				
STT	**Tên biển**	**Hình dạng**	**Số lượng (cái)**	**Ý nghĩa biển báo**
1	Biển I.423b	Biển báo hình vuông 60x60cm	4	Đường người đi bộ cắt ngang
2	Biển W208	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	1	Giao đường ưu tiên
3	Biển W205A	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	2	Đường giao nhau ngã ba
4	Biển W205B	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
5	Biển W205C	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
6	Biển W205D	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm	1	Đường giao nhau ngã ba
7	Cột biển báo hình vuông		4	
8	Cột biển báo hình tam giác		4	

Vạch Sơn An Toàn Tuyến 5					
Ý nghĩa vạch sơn	**Số hiệu**	**Màu sắc**	**Chiều dài (m) Số lượng (cái)**	**Diện tích (m2)**	**Vị trí**
Vạch tim đường	1.1	Vàng	0	0.00	Tim đường
Vạch phân chia làn đường	3.1b	Trắng			
Vạch phân chia làn đường	3.1a	Trắng	0	0.00	Mép đường
Vạch người đi bộ qua đường	7.3	Trắng	0	0.00	
Vạch chỉ hướng	9.3	Trắng		0.00	
Vạch sơn giảm tốc dày 6mm		Vàng			
Tổng				**0.00**	

Biển báo Tuyến 5				
STT	**Tên biển**	**Hình dạng**	**Số lượng (cái)**	**Ý nghĩa biển báo**
1	Biển I.423b	Biển báo hình vuông 60x60cm		Đường người đi bộ cắt ngang
2	Biển W208	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Giao đường ưu tiên
3	Biển W205A	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
4	Biển W205B	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
5	Biển W205C	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
6	Biển W205D	Biển báo hình tam giác 70x70x70cm		Đường giao nhau ngã ba
7	Cột biển báo hình vuông			
8	Cột biển báo hình tam giác			

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: C1022379242 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG THỌ, THÔN BÁI XUYÊN, XÃ MINH TÂN, HUYỆN PHÚ XUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VỈA HÈ

STT	DT Vỉa hè (m2)	L Bó vỉa 26x23x100cm (m)	L rãnh đan 30x50x6cm (m)	L Gáy hè (m)	Kè đá hộc (m)	Kè gạch xây (m)	Ghi chú
VH1	87.78	29.27	29.27	29.26		3.58	- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH2	29.26	29.26	29.26	0.00	29.26		- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH3	90.00	30.00	30.00	30.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH4	30.00	30.00	30.00		30.00		- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH5	119.21	39.74	39.74	39.74			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH6	119.21	39.74	39.74	39.74			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH7	95.30	31.79	31.79	31.61			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH8	95.59	31.77	31.77	31.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH9	90.00	30.00	30.00	30.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH10	90.00	30.00	30.00	30.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH11	120.00	40.00	40.00	40.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH12	120.00	40.00	40.00	40.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH13	136.57	33.94		34.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH14	168.00			84.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH15	96.00	32.00	32.00	32.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH16	96.00	32.00	32.00	32.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH17	168.00			84.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH18	96.00	32.00	32.00	32.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH19	96.00	32.00	32.00	32.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH20	128.22	42.74	42.74	42.74			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH21	128.22	42.74	42.74	42.74			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH22	188.00			184.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH23	264.00			236.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH24	10.61			3.60	3.00		- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH25	96.01			32.00			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH26	144.26			46.99			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
VH27	189.43	40.58		40.33			- Đo trên mặt bằng vỉa hè
Tổng	**3091.67**	**689.57**	**615.05**	**1299.75**	**62.26**	**3.58**	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TƯỜNG CHẮN				
STT	**Hạng mục**	**Đơn vị**	**Khối lượng**	**Ghi chú**
1	Chiều dài tường chắn đá hộc H = 1.8m	m	**253.10**	
2	Chiều dài tường chắn đá hộc H = 1.2m	m	**45.83**	
3	BTXM M200 đá 2x4	m3	**23.91**	
4	Ván khuôn bê tông giằng đỉnh	m2	**119.57**	
5	Tường đá hộc VXM M100	m3	**267.04**	
6	Móng đá hộc VXM M100	m3	**271.62**	
7	Đá dăm đệm dày 10cm	m3	**43.69**	
8	Chiều dài cọc tre L=2.5m, 25 cọc/m2	m	**27308.59**	
9	Tầng lọc ngược	Vị trí	**30.00**	
10	Vải địa bịt ống	m2	**5.40**	
11	Ống PVC D90	m	**33.00**	
12	Dây thép buộc	m	**13.56**	
13	Khe phòng lún	Vị trí	**27.00**	
14	Bao tải tẩm nhựa	m2	**51.92**	
15	Đào đất tường chắn	m3	**318.62**	
16	Đắp trả tường chắn	m3	**144.01**	
17	Chiếm chỗ san nền	m3	**118.03**	

Tường chắn tuyến 1 - Tường chắn tuyến 1				
Tường chắn đá hộc H=1.8M				
STT	**Hạng mục**	**Đơn vị**	**Khối lượng 1m**	**Tổng khối lượng**
1	Chiều dài tường chắn	m	1.00	159.27
2	BTXM M200 đá 2x4	m3	0.08	12.74
3	Ván khuôn bê tông giằng đỉnh	m2	0.40	63.71
4	Tường đá hộc VXM M100	m3	0.96	152.90
5	Móng đá hộc VXM M100	m3	0.96	152.90
6	Đá dăm đệm dày 10cm	m3	0.15	23.89
7	Chiều dài cọc tre L=2.5m, 25 cọc/m2	m	93.75	14931.56
8	Tầng lọc ngược	Vị trí	1.00	16.00
9	Vải địa bịt ống	m2	0.18	2.88
10	Ống PVC D90	m	1.10	17.60
11	Dây thép buộc	m	0.45	7.23
12	Khe phòng lún	Vị trí	1.00	15.00
13	Bao tải tẩm nhựa	m2	2.07	31.05
14	Đào đất tường chắn	m3		120.89
15	Đắp trả tường chắn	m3		56.07

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TƯỜNG CHẮN				
Tường chắn 2 - Tường chắn tuyến 2				
Tường chắn đá hộc H=1.2M				
STT	**Hạng mục**	**Đơn vị**	**Khối lượng 1m**	**Tổng khối lượng**
1	Chiều dài tường chắn	m	1.00	45.83
2	BTXM M200 đá 2x4	m3	0.08	3.67
3	Ván khuôn bê tông giằng đỉnh	m2	0.40	18.33
4	Tường đá hộc VXM M100	m3	0.53	24.06
5	Móng đá hộc VXM M100	m3	0.63	28.64
6	Đá dăm đệm dày 10cm	m3	0.13	5.73
7	Chiều dài cọc tre L=2.5m, 25 cọc/m2	m	78.13	3580.47
8	Tầng lọc ngược	Vị trí	1.00	5.00
9	Vải địa bịt ống	m2	0.18	0.90
10	Ống PVC D90	m	1.10	5.50
11	Dây thép buộc	m	0.45	2.26
12	Khe phòng lún	Vị trí	1.00	5.00
13	Bao tải tẩm nhựa	m2	1.28	6.38
12	Đào đất tường chắn	m3		70.12
13	Đắp trả tường chắn	m3		30.71
14	Chiếm chỗ san nền	m3	0.61	27.96

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

Tường chắn 2 - Tường chắn tuyến 2				
Tường chắn đá hộc H=1.8M				
STT	**Hạng mục**	**Đơn vị**	**Khối lượng 1m**	**Tổng khối lượng**
1	Chiều dài tường chắn	m	1.00	51.69
2	BTXM M200 đá 2x4	m3	0.08	4.14
3	Ván khuôn bê tông giằng đỉnh	m2	0.40	20.68
4	Tường đá hộc VXM M100	m3	0.96	49.62
5	Móng đá hộc VXM M100	m3	0.96	49.62
6	Đá dăm đệm dày 10cm	m3	0.15	7.75
7	Chiều dài cọc tre L=2.5m, 25 cọc/m2	m	93.75	4845.94
8	Tầng lọc ngược	Vị trí	1.00	5.00
9	Vải địa bịt ống	m2	0.18	0.90
10	Ống PVC D90	m	1.10	5.50
11	Dây thép buộc	m	0.45	2.26
12	Khe phòng lún	Vị trí	1.00	4.00
13	Bao tải tẩm nhựa	m2	2.07	8.28
12	Đào đất tường chắn	m3		70.30
13	Đắp trả tường chắn	m3		31.53
14	Chiếm chỗ san nền	m3	0.96	49.62

MSDN:C102378242 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TƯỜNG CHẮN

Tường chắn 3 - Tường chắn tuyến 4				
Tường chắn đá hộc H=1.8M				
STT	**Hạng mục**	**Đơn vị**	**Khối lượng 1m**	**Tổng khối lượng**
1	Chiều dài tường chắn	m	1.00	42.14
2	BTXM M200 đá 2x4	m3	0.08	3.37
3	Ván khuôn bê tông giằng đỉnh	m2	0.40	16.86
4	Tường đá hộc VXM M100	m3	0.96	40.45
5	Móng đá hộc VXM M100	m3	0.96	40.45
6	Đá dăm đệm dày 10cm	m3	0.15	6.32
7	Chiều dài cọc tre L=2.5m, 25 cọc/m2	m	93.75	3950.63
8	Tầng lọc ngược	Vị trí	1.00	4.00
9	Vải địa bịt ống	m2	0.18	0.72
10	Ống PVC D90	m	1.10	4.40
11	Dây thép buộc	m	0.45	1.81
12	Khe phòng lún	Vị trí	1.00	3.00
13	Bao tải tẩm nhựa	m2	2.07	6.21
12	Đào đất tường chắn	m3		57.31
13	Đắp trả tường chắn	m3		25.71
14	Chiếm chỗ san nền	m3	0.96	40.45

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C102378242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TƯỜNG CHẮN GẠCH XÂY					
STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng 1m	Tổng khối lượng	Ghi chú
1	Chiều dài tường chắn gạch xây H=0.9m	m	1	15.96	
2	Ván khuôn móng	m	0.2	3.192	
3	Bê tông móng đá 2x4 M150#	m2	0.038	0.60648	
4	Xây tường gạch không nung VXM M75#	m3	0.2002	3.195192	
5	Trát tường VXM M75# dày 1,5cm	m3	0.7	11.172	
6	Ván khuôn giằng tường	m2	0.2	3.192	
7	Bê tông giằng tường đá 1x2 M200#	m2	0.022	0.35112	
8	Tầng lọc ngược	Vị trí	1	2	
9	Vải địa bịt ống	m2	0.18	0.36	
10	Ống PVC D90	m	0.4	0.8	
11	Dây thép buộc	m	0.45	0.9	
12	Khe phòng lún	vị trí	1	2	
13	Bao tải tẩm nhựa	m2	0.22	0.44	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C1023798242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

Bảng kê thiết bị chính công trình

Công trình: Xây dựng HTKT Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Thọ, Thôn Bái Xuyên, xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên

Bảng kê khối lượng tổng hợp

STT	VẬT LIỆU-THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	TỔNG KHỐI LƯỢNG	TBA KĐG Đông Tảo	GHI CHÚ
A	**PHẦN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC XÂY MỚI**				
1	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm2	mét	**155**	155	
2	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x120mm2	mét	**107**	107	
3	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x95mm2	mét	**195**	195	
4	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm2	mét	**90**	90	
5	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x50mm2	mét	**102**	102	
6	Biển sơ đồ 1 sợi	cái	**8**	8	
7	Biển báo an toàn	cái	**16**	16	
8	Biển tên tủ	cái	**8**	8	
9	Biển tên lộ	cái	**16**	16	
10	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x150mm2	bộ	**2**	2	
11	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x120mm2	bộ	**2**	2	
12	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x95mmm2	bộ	**6**	6	
13	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x70mmm2	bộ	**2**	2	
14	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x50mm2	bộ	**4**	4	
15	Tủ Pillar công tơ 600V-125A	tủ	**8**	8	
16	Móng tủ	móng	**8**	8	
17	Tiếp địa tủ	bộ	**8**	8	
18	Dây đồng bọc 0.6/1kV-XLPE/PVC M1*50mm2	mét	**32**	32	
19	Đầu cốt đồng M50	cái	**48**	48	
20	Ống nhựa HDPE D32/25	mét	**4**	4	
21	Dây thép bọc nhựa D1	mét	**14**	14.4	
22	Ống HDPE D130/100	mét	**512**	512	
23	Ống thép mạ kẽm DN100, dày 4,78mm	mét	**76**	76	
24	Mốc báo cáp - gang	cái	**11**	11	
25	Mốc báo cáp - sứ	cái	**59**	59	
26	Hào cáp dưới hè MH0-6	mét			
27	Hào cáp dưới hè MH0-10	mét			
28	Hào cáp dưới hè MH1(2)	mét	**179**	179	
29	Hào cáp dưới hè MH3(4)	mét			
30	Hào cáp dưới hè MH2-10	mét	**70**	70	
31	Hào cáp dưới hè MH1(5)	mét	**102**	102	
32	Hào cáp dưới đường MA1(2)	mét	**63**	63	
B	**PHẦN HẠ THẾ CÔNG TƠ XÂY MỚI**				
1	Đai ôm ống	cái	**280**	280	
2	Vít nở nhựa 50x5	cái	**560**	560	
3	Hào cáp dưới hè MH0-6	mét	**252**	252	
4	Hào cáp dưới hè MH0-10	mét			
8	**Ống HDPE D50/40tổng**	**mét**	**1479**	**1479**	
9	Mốc báo cáp - sứ	cái	**28**	28	
C	**PHẦN CHIẾU SÁNG**				
1	Cáp ngầm 0.6/1kV-Cu/XLPE/ PVC/DSTA/PVC4x10mm2	mét			
2	Cáp ngầm 0.6/1kV-Cu/XLPE/ PVC/DSTA/PVC4x6mm2	mét	**759**	759	
3	Cáp 0.6/1kV- Cu/PVC/PVC 3x1.5mm2	mét	**250**	250	
4	Dây đồng trần M10	mét	**759**	759	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày ..... tháng..... năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: 0102379242 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

STT	VẬT LIỆU-THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	TỔNG KHỐI LƯỢNG	TBA KĐG Đông Tảo	GHI CHÚ
5	Đầu cốt đồng M10mm2	cái	**52**	52	
6	Đầu cốt đồng M6mm2	cái	**208**	208	
7	Ống nhựa xoắn D50/40	mét	**645**	645	
8	Hào cáp trong đất	mét	**511**	511	
9	Hào cáp qua đường	mét	**114**	114	
10	Ống théo D88.3	mét	**114**	114	
11	Cột đèn A1-8m	cột	**25**	25	
12	Đèn LED L1-100W	cái	**25**	25	
13	Móng cột đèn F1	móng	**25**	25	
14	Tủ điều khiển chiếu sáng	tủ	**1**	1	
15	Giá đỡ tủ điều khiển chiếu sáng	bộ	**1**	1	
16	Tiếp địa cột	bộ	**22**	22	
17	Tiếp địa tủ chiếu sáng	bộ	**1**	1	
18	Tiếp địa lặp lại	bộ	**3**	3	
19	Mốc báo cáp	cái	**43**	43	

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN ... HÀ NỘI

Công trình: Xây dựng HTKT Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Thọ, Thôn Bái Xuyên, xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên

Hạng mục: cấp điện hạ thế

STT	Đoạn cáp			Chiều dài tuyến	Cáp vào tủ HT	Cáp vào tủ PP	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm2	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x120mm2	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x95mm2	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm2	Cáp ngầm 0.6/1(1.2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x50mm2	Biển sơ đồ 1 sợi	Biển báo an toàn	Biển tên tủ	Biển tên lộ	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x150 mm2	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x120 mm2	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x95 mmm2	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x70 mmm2	Đầu cáp hạ thế Đồng M4x50 mm2	Tủ Pillar công tơ 600V-125A	Móng tủ	Tiếp địa tủ	Dây đồng bọc 0.6/1kV-XLPE/PVC M1*50 mm2	Đầu cốt đồng M50	Ống nhựa HDPE D32/25	Dây thép bọc nhựa D1	Ống HDPE D130/100	Ống thép mạ kẽm DN100, dày 4,78mm	Mốc báo cáp - gang	Mốc báo cáp - sứ	Hào cáp dưới hè MH0-6	Hào cáp dưới hè MH0-10	Hào cáp dưới hè MH1(2)	Hào cáp dưới hè MH3(4)	Hào cáp dưới hè MH2-10	Hào cáp dưới hè MH1(5)	Hào cáp dưới đường MA1(2)
				mét			*mét*	*mét*	*mét*	*mét*	*mét*	*cái*	*cái*	*cái*	*cái*	*bộ*	*bộ*	*bộ*	*bộ*	*bộ*	*tủ*	*móng*	*bộ*	*mét*	*cái*	*mét*	*mét*	*mét*	*mét*	*cái*	*cái*	*mét*	*mét*	*mét*	*mét*	*mét*	*mét*	*mét*
1	*TBA hiện có*			*588*	*12*	*42*	*153*	*106*	*193*	*89*	*101*	*8*	*16*	*8*	*16*	*2*	*2*	*6*	*2*	*4*	*8*	*8*	*8*	*32*	*48*	*4*	*14.4*	*512*	*76*	*11*	*59*			*179*		*70*	*102*	*63*
	Lộ 1																																						
1	THT	đến	TĐ-1.1	37	6	3			46.0			1	2	1	2			2			1	1	1	4	6	0.5	1.8	11	26	4	4			12		12		13
2	TĐ-1.1	đến	TĐ-1.2	83		6				89.0		1	2	1	2				2		1	1	1	4	6	0.5	1.8	83			8			50		2	10	
3	TĐ-1.2	đến	TĐ-1.3	7		6					13.0	1	2	1	2					2	1	1	1	4	6	0.5	1.8		7	1	1							7
4	TĐ-1.3	đến	TĐ-1.4	82		6					88.0	1	2	1	2					2	1	1	1	4	6	0.5	1.8	82			8			58		4	20	
	Lộ 2																																						
1	THT	đến	TĐ-2.1	144	6	3	153.0					1	2	1	2	2					1	1	1	4	6	0.5	1.8	130	14	2	14			10		2	10	14
2	TĐ-2.1	đến	TĐ-2.2	100		6		106.0				1	2	1	2		2				1	1	1	4	6	0.5	1.8	100			10			33		36	29	
3	TĐ-2.2	đến	TĐ-2.3	68		6			74.0			1	2	1	2			2			1	1	1	4	6	0.5	1.8	53	15	2	7			6		12	13	15
4	TĐ-2.1	đến	TĐ-2.4	67		6			73.0			1	2	1	2			2			1	1	1	4	6	0.5	1.8	53	14	2	7			10		2	20	14
	Dự phòng + hao hụt cáp 1%						**1.5**	**1.1**	**1.9**	**0.9**	**1.0**																												
	Tổng cộng			588	12	42	155	107	195	90	102	8	16	8	16	2	2	6	2	4	8	8	8	32	48	4	14	512	76	11	59			179		70	102	63

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C102378242 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

Công trình: Xây dựng HTKT Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Thọ, Thôn Bái Xuyên, xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên

Hạng mục: Cấp điện công tơ

3.0%

TT	Điểm đầu (Tủ PP)	Điểm cuối (Số nhà)	Số hộ phụ tải	*Chiều dài tuyến*	Đai ôm ống	Vít nở nhựa 50x5	Hào cáp dưới hè MH0-6	Hào cáp dưới hè MH0-10	*Ống HDPE D50/40 Rãnh*	*Ống HDPE D50/40 Lên tủ*	*Ống HDPE D50/40 tường*	**Ống HDPE D50/40 tổng**	Mốc báo cáp - sứ	Ghi chú
Hệ số (Vd: 2m/1 đầu cáp lên tủ)					*4 cái*	*8 cái*	*2 mét*	*2 mét*	*- mét*	*1 mét*	*4 mét*	*- mét*	*1 cái*	
TBA hiện có			**70**	**1199**	**280**	**560**	**252**		**1199**	**70**	**210**	**1479**	**28**	
1	TĐ-1.1		7	83	28	56	23		83	7	21	111	3	
			1	14	4	8	23		14	1	3	18	3	
			1	14	4	8			14	1	3	18		
			1	4	4	8			4	1	3	8		
			1	4	4	8			4	1	3	8		
			1	14	4	8			14	1	3	18		
			1	14	4	8			14	1	3	18		
			1	19	4	8			19	1	3	23		
2	TĐ-1.2		7	76	28	56	19		76	7	21	104	2	
			1	13	4	8	19		13	1	3	17	2	
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	3	4	8			3	1	3	7		
			1	3	4	8			3	1	3	7		
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	18	4	8			18	1	3	22		
3	TĐ-1.3		7	76	28	56	19		76	7	21	104	2	
			1	13	4	8	19		13	1	3	17	2	
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	3	4	8			3	1	3	7		
			1	3	4	8			3	1	3	7		
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	18	4	8			18	1	3	22		
4	TĐ-1.4		7	76	28	56	19		76	7	21	104	2	
			1	13	4	8	19		13	1	3	17	2	
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	3	4	8			3	1	3	7		
			1	3	4	8			3	1	3	7		
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	18	4	8			18	1	3	22		
4	TĐ-2.1		9	182	36	72	6		182	9	27	218	1	
			1	13	4	8	6		13	1	3	17	1	
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	3	4	8			3	1	3	7		
			1	3	4	8			3	1	3	7		
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	13	4	8			13	1	3	17		
			1	18	4	8			18	1	3	22		

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng..... năm 202.....

Ký tên:

M.S.D.N: C102378242 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI